N° 128 Avril 1928

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LỜI CÁCH-NGÔN CỦA VUA MARC-AURÈLE

MARC-AURÈLE là vua La-mã, sinh năm 121, mất năm 181 sau Gia-tô giáng-sinh. Trị vì từ năm 161 đến 180. Người khoan-nhân đại-độ, ham triết-lý văn-chương. Về triết-học thì theo về phái « kiên-nhẫn » (stoïciens). Có soạn một tập cách-ngôn bằng tiếng Hi-lạp, đề là « Đề răn mình » (À soi-même), chép những điều tư-tưởng suy-nghĩ về phép sửa mình, đạo làm người, theo thể tùy-bút, gặp đâu chép đấy, không có thứ-tự, mà lời-lẽ rất cao-thượng: — Nay dịch ra quốc-văn để cống-hiến các độc-giả.

1. — Cái gì hợp với lẽ trời đất là hợp cho ta. Cái gì thuận với trật-tự thiên-nhiên thời đối với ta không có thể sớm quá hay muộn quá được. — Thời-tiết thay đổi, vật gì cũng là thời-trân cho ta cả. Ôi! Thiên-nhiên! hết thảy đều tự thiên-nhiên mà ra; hết thảy đều ở thiên-nhiên mà có; hết thảy đều qui-nạp về thiên-nhiên cả.

2. — Sáng dậy phải tự nghĩ trong bụng rằng: « Hôm nay có lẽ ta gặp kẻ hư, kẻ xằng, kẻ tò-mò thóc-mách, kẻ bội-bạc hung-tàn, kẻ đố-kỵ biền-trá, kẻ bất-nghĩa bất-nhân. Những kẻ ấy sở-dĩ đến thế là vì không biết điều thiện điều ác. Ta đây đã biết thiện ác là thế nào rồi, thiện là hay, ác là dở; lại biết kẻ phạm điều ác là thế nào, cũng là bà con ta cả, không phải là đồng-tông đồng-huyết với ta, nhưng là cùng có trí khôn, cùng có linh-tính như ta; — đã biết thế thời những kẻ ấy không thể làm thiệt-hại cho ta được nữa, vì không thể đem cái xấu của họ mà vầy sang ta được; — lại đã là bà con ta, thời ta không thể giận-dữ họ, cũng không thể ruồng-rẫy họ được, vì người ta sinh ra ở đời là để cùng nhau hiệp-lực cộng-tác, như chân, tay, răng, mắt vậy; phản-đối nhau là trái với lẽ thiên-nhiên, mà ghen-ghét tức-giận tức là phản-đối nhau vậy. »

3. — Cái gì ở trong tay thần-minh mà ra thì vốn đã hợp với thiên-lý. Đến những sự ngẫu-nhiên cũng không phải là ở ngoài vòng thiên-nhiên, nghĩa là cũng quan-hệ, cũng thống-thuộc về thiên-lý cả: nhất-thiết sự-vật đều tự lẽ trời mà ra hết. Lại thêm những sự yếu-cần, sự lợi-ích cho cả thế-gian nữa, mà ta đây cũng là một phần trong thế-gian. Nay phàm đối với các bộ-phận trong thế-gian, cái gì hay là cái hợp với bản-thể của vũ-trụ, có thể bảo-tồn được bản-thể của vũ-trụ; mà bảo-tồn được cho vũ-trụ, tức là những sự biến-hóa trong các nguyên-chất cùng các hợp-chất của vũ-trụ. Biết thế là đủ, vì đó là những điều chân-lý cả.

4. — Đừng nên ham-mê những chuyện mơ-màng trong sách-vở, để cho đến lúc nhắm mắt chết khỏi phải ngậm-ngùi oán-thán mà được bình-tĩnh trong lòng, biết thành-thực cảm ơn thần-minh đã phù-hộ cho mình.

5. — Lúc nào cũng vậy, nên quả-quyết trong lòng cho xứng-đáng làm dân La-mã, làm người ở đời, mà làm việc bổn-phận mình cho nghiêm-trang, kính-cẩn, vui-vẻ, tự-do, công-bằng, ngay thẳng, không nghĩ-ngợi gì đến chuyện ngoài cả. Nếu làm việc gì cũng cẩn-trọng như việc ấy là việc cuối cùng một đời mình, thì tự-khắc là không nghĩ-ngợi đến chuyện gì ngoài nữa, không vội-vàng khinh-suất, không hăm-hở làm sai lẽ phải, không kiểu-sức đối-trá, không tự-kỷ tự-phụ, không oán-trách số-phận.

Xem đó thì biết muốn sống ở đời cho thành-thực, yên-ổn, chỉ phải theo có mấy điều giản-dị đó mà thôi; vì thần-minh cũng chỉ trách-bị người ta có thế mà thôi.

6. — Bao giờ cũng phải nhớ một điều này: bản-thể của vũ-trụ thế nào; — bản-thể của ta đây thế nào; — ta đối với vũ-trụ quan-hệ thế nào; — ta là bộ-phận thế nào, thuộc về toàn-thể thế nào; — bộ-phận bao giờ cũng phải đối-chiếu với toàn-thể, vậy thời việc ta làm, lời ta nói, nhất-thiết phải cho thích-hợp với lẽ thiên-nhiên của vũ-trụ, điều đó không ai có thể ngăn-cấm ta được.

7. — Ở đời nên nhất-thiết làm việc gì, nói lời gì, nghĩ điều gì, cũng như tức-khắc có thể dời cõi đời mà đi ngay được. Nay nếu thần-minh quả có thật, thời dời cõi đời mà đi cũng chẳng đáng hãi-hùng gì: vì thần-minh không khi nào bắt ta phải khổ-sở. Nếu thần-minh không có, hay là có mà không thiết gì đến việc đời, thời cái cõi đời không có thần-minh, không có thiên-lý, ta còn nên sống làm gì? Nhưng mà thần-minh có; thần-minh vẫn thiết đến việc đời; thần-minh muốn cho người đời khỏi mắc vào những cái tội-nghiệp hiển-nhiên, nên đã phú cho người ta đủ các phương-tiện để cho thoát được. Nếu ngoại-giả còn cái ác-nghiệp nào nữa, thần-minh tất cũng lo-liệu cho người ta có cách tránh khỏi. Nhưng cái gì đã không làm cho người ta xấu đi được, lẽ nào lại làm cho đời người xấu đi được? Cái xấu đó, cái ác đó, không có lẽ vũ-trụ không biết, không có lẽ biết mà không có thể ngăn-ngừa chữa-sửa lại, để cho lọt qua đi được; vũ-trụ không có lẽ vụng-về hay vô-lực mà lầm-lẫn quá đến nỗi đem cái tốt cái xấu chia đều cả cho kẻ thiện kẻ ác, không có phân-biệt. Nay tử-sinh, vinh-nhục, khổ-lạc, bần-phú, bấy nhiêu mối chia đều cả cho kẻ thiện kẻ ác, là bởi nó không tốt mà cũng không xấu. Vậy thời không phải là những mối họa-phúc cho người đời vậy.

8. — Cái gì ở đời cũng tiêu-diệt đi mau lắm, các giống vật trong không-gian, cái ảnh-hưởng nó trong thời-gian; những vật hữu-hình làm cho ta vui mà sướng, hay làm cho ta ghê mà sợ, hay làm cho ta cảm-phục mà tân-thán, cũng thế cả. Thế thì những vật ấy là bỉ-tiện, tồi-tàn, xấu-sa, nhơ-bẩn, có đáng thiết-tha làm gì! — Cho đến những người mà lời phán-đoán, tiếng khen-chê làm được cho người ta vẻ-vang danh-giá, những người ấy nữa có là gì? — Mà cái chết là cái gì? Nếu cứ lấy riêng một cái chết ra mà xét, đem tri-nghĩ mà trừu-tượng ra, bỏ hết những cái ảo-tưởng mà người đời thường đem phụ-trước vào, thời cái chết chỉ là một sự tác-dụng thiên-nhiên mà thôi; người ta mà sợ một việc thiên-nhiên thì là trẻ con quá. Cái chết không những là một sự tác-dụng thiên-nhiên, lại là một sự tác-dụng có lợi-ích cho thiên-nhiên. — Người ta làm thế nào mà tới được đấng Tuyệt-đích? nhờ phần nào trong người mà tới được? phần ấy phải sắp-đặt thế nào cho tới được?

9. — Thời-gian người ta sống ở đời bất-quá như một cái chấm; khí huyết người ta như lớp trào dâng; cảm-giác người ta như đám mù tối; thân-thể là đống thịt sẵn cho trùng ăn; linh-hồn là một luồng gió cuốn; vận-mệnh là một câu bí-quyết không thể giải được; danh-dự là một cái ý-kiến vô-bằng-cứ; nói tóm lại, trong thân-thể người ta hết thảy như nước chảy mây trôi cả, trong tâm-hồn người ta hết thảy như đám khói mơ-màng cả; cuộc đời là một trường chiến-đấu, là chốn nghịch-lữ của người khách qua đường; còn cái thanh-danh lưu về đời sau, là vào nơi tịch-mịch vậy. Vậy thời ở đời lấy gì làm hướng-đạo? Duy chỉ có triết-lý mà thôi.

Mà triết-lý là làm thế nào cho linh-tính mình giữ được sáng-sủa trong-sạch, khỏi phải những nỗi trần-lụy ở đời, thoát được những sự khổ-lạc ở đời; — hành-động không có thẳng-thốt, không có hư-ngụy, không có biến-trá; — đối với kẻ khác làm hay không làm, không có quản gì; — đối với sự ngẫu-nhiên hay cái số-mệnh, đều thuận-nhận cả, cho là cũng cùng một nguồn với mình mà ra; — thứ nhất là biết sẵn lòng thản-nhiên đợi cái chết, cho cái chết chẳng qua là sự giải-tán các nguyên-chất họp lại thành ra người ta mà thôi: nay các chất thường biến-đổi chất nọ ra chất kia luôn, có gì là lạ-lùng ghê-gớm, vậy thời sự sinh-sinh hóa-hóa trong vũ-trụ, cũng có chi mà đáng sợ? Thế là hợp lẽ thiên-nhiên, mà phàm cái gì hợp lẽ thiên-nhiên, không phải là cái dở.

10. — Ăn ở không nên miễn-cưỡng, không nên thẳng-thốt, không nên khinh-thường, không nên quên sự lợi-ích chung; không nên lấy sự kiêu-sức mà trang-tác cho tư-tưởng; không nên nói nhiều lời, không nên kham nhiều việc. — Nên cầu thần-linh ở trong mình ủng-hộ cho thành con người trượng-phu đáng tôn-trọng, đáng làm kẻ công-dân nước La-mã; đáng làm người dân anh đứng cai-quản, nói tóm lại là con người biết khắc-kỷ tự-chế, sẵn-sàng lúc nào muốn đời bỏ cõi đời cũng được ngay, không phải thề-nguyền, không phải bảo-chứng, như người lính ở nơi trận-tiền kia chỉ đợi có hiệu kèn là xông vào nơi tử-chiến vậy. Cứ như thế thời trong lòng được yên-ổn bình-tĩnh, không phải nhờ cậy ở kẻ khác, không phải ngưỡng-vọng vào kẻ khác mới được yên thân. — Làm người phải tự mình chính-trực, không đợi kẻ khác phải kiểu-chính cho.

11. — Nếu đời người còn cái gì hay hơn là sự công-nghĩa, sự thành-thực, sự tiết-độ, sự can-đảm, còn cái gì hay hơn là cái tư-tưởng biết tự-túc, vì biết chỉ cho người ta cách ăn-ở theo đường chính, theo lẽ phải, biết an-phận, vì biết thuận-nhận cái số-phận mà tự mình không được kén chọn; — nếu còn cái gì hay hơn thế nữa thì nên giốc lòng mà theo về đấy, coi là một cái hạnh phúc tuyệt-trần.

Nhưng nếu không còn cái gì hơn là cái mối lương-tâm ở trong mình, biết tự-chủ được mọi sự khuynh-hướng của mình, biết giám-sát được mọi sự tư-tưởng của mình, đã thoát-li được mọi sự cảm-giác về nhục-thể mà biết phục-tòng thần-minh, yêu mến người đời; — nếu đối với mối thiêng-liêng đó, thấy nhất-thiết nhỏ-nhen bần-tiện cả, thời không nên để lòng vào việc gì khác nữa: vì đã tự-hạ mình mà thiên lòng về việc gì, thời không thể giốc lòng tôn-trọng cái của báu đặc-biệt đệ-nhất của mình vậy. Đối với cái của báu đó, vừa thuộc về lý-tính, vừa thuộc về thực-hành, không còn có gì sánh tầy nữa, dù là sự ca-tụng của công-chúng, dù là

quyền-thế, của-cải, hay là sự khoái-lạc gì mặc lòng. Những cái đó, dẫu nhất-thời xem ra thích-hợp với của báu đó, nhưng rồi vụt chốc lấn-láp ngay mà làm cho sai - lạc đi. Về phần ta, ta cứ nên điềm-nhiên mà kén chọn cái phần hay nhất đó, rồi giốc lòng mà theo. — Hoặc-giả nói : — Nhưng cái hay nhất, chính là cái gì có lợi-ích đó mà thôi. — Lợi-ích cho phần lý-tính người ta có phải không ? Như thế thì được, cứ nên giữ lấy. Hay là lợi-ích cho phần vật-dục người ta ? Nếu vậy thì hẳng xét kỹ đã. Mà trong khi xét đoán, đừng nên tự-cao, phải cẩn-thận cho xét-đoán khỏi sai-lầm.

12. — Ta phải nhớ rằng mỗi người ta chỉ sống trong một lúc hiện-tại mà thôi, nghĩa là trong một thời-khắc rất ngắn-ngủi : còn ngoại-giả thời hoặc là cái thời-kỳ đã sống rồi, hoặc là cái thời-kỳ còn bấp-bông chưa chắc. Vậy thời cái khoảng sống của mỗi người, thật không có là bao ; mà cái khu đất nhỏ của mình sống, thật cũng không đáng là bao ; lại cái thanh - danh để lại đời sau, cho lâu bền đến đâu nữa, kể cũng chẳng là bao ; vả thanh-danh ấy lưu-truyền chẳng qua là lớp người ấy truyền cho lớp người khác, mà cái phận làm người mong - manh như thế, sớm còn tối mất, người nọ cũng chẳng biết gì đến người kia, còn biết đâu đến kẻ chết đã bao nhiêu đời trước mình nữa !

13. — Sự tử cũng như sự sinh, là một cái bí-quyết của tạo-vật : hóa-hợp các chất lại, rồi lại phân-tán các chất ra ; nghĩa là một sự tự-nhiên, không có gì là đáng cho người ta phải tức-giận, vì không có gì là trái với cái bản-chất thông-minh của loài người, trái với cái cơ-thể tác-dụng của giống người.

14. — Đối-đãi sự-vật không nên theo lời phán-đoán của kẻ xúc-phạm mình, cũng không nên phán-đoán theo ý-kiến của họ ; nhưng phải cứ cái chân-tướng sự-vật mà xét.

15. — Bao giờ cũng phải sẵn lòng làm hai việc như sau này : một là hễ có lẽ phải truyền cho làm mới nên làm, mà chỉ chủ lấy ích-lợi cho người đời ; hai là hễ gặp được người chữa-sửa cho mình, thay đổi ý-kiến cho mình, thời tự mình phải đổi cách ăn-ở ngay. Duy sự thay đổi ấy phải có lẽ chính-đáng, như lẽ công-nghĩa, công-ích, hay là các lẽ tương-tự như thế, chứ không phải là bởi lòng mong-mỏi được vẻ-vang hay được vui-thú gì.

16. — Sống ở đời đừng nên tưởng như mình sống được trăm năm nghìn năm gì. Phải nên biết cái chết không thể tránh được nó vẫn chờ đợi mình ở đầu đường nọ. Vậy trong khi sống, trong khi đương có thể được, nên cố mà làm người lương-thiện.

17. — Người ta thường nói : « Muốn sống cho được yên-ổn, thì nên giảm bớt công-việc đi ». Nhưng nói thế này có lẽ đúng hơn : « Việc gì cần phải làm, việc gì mà cái lẽ làm người trong xã-hội bắt buộc phải làm, bắt-buộc phải làm theo cách nào, thời hẳng nên làm, mà làm theo cách ấy. » Vì như thế không những được hả lòng là làm điều lành, mà lại được vui lòng là giảm được việc. Vì phần nhiều những lời nói việc làm của ta là không cần cả, giảm bớt đi được tức là được an-nhàn bình-tĩnh hơn. Vậy thời gặp việc gì cũng nên tự hỏi rằng : « Việc này có phải là việc không cần không ? » Lại không những nên trừ bỏ những việc không cần đi, mà nên trừ bỏ cả những tư-tưởng không cần nữa ; vì như thế là trừ được cả nguyên-nhân những việc không cần vậy.

18. — Mình đã học được một nghề hèn mọn gì, thì cứ chăm một nghề ấy.

Còn ngoại-giả nên cư-xử như một người dã giốc lòng đem cả công việc mình ký-thác ở nơi thần-minh và đối với người đời chẳng làm thầy ai mà cũng chẳng chịu tớ ai.

19. — Cái gì cũng thoảng qua hết, lời khen của người với người được lời khen.

20. — Có lẽ chỉ một lát nữa thời chết đấy; thế mà hiện nay trong lòng hãy còn chưa bình-dị, yên-ổn, chưa thoát được cái lầm tưởng rằng sự-vật ở ngoài có thể hại đến mình được, chưa biết khoan-nhân với mọi người, chưa hiểu rằng đạo làm người chỉ ở cách ăn ở cho hợp với công-nghĩa vậy.

21. — Bậc tiền-triết Epictète (1) nói rằng: «Người ta là một cái linh-hồn ở trong một cái xác chết».

22. — Thời-giờ ví như một con sông, mọi vật ví như một cái thác cuồn-cuộn chảy. Vừa mới nhác trông thấy một vật, thời nó đã bị cuốn đi rồi; vật khác kế đến, lại sắp bị trôi đi nốt.

23. — Việc gì xảy ra cũng là việc thường, việc quen cả, như hoa hồng nở mùa xuân, lúa chín gặt mùa hạ; bệnh tật, chết-tróc, lời sàm-bàng, mưu hãm-hại, hết thảy cái gì làm cho vui hay buồn những kẻ ngu-phu, là thế cả.

24. — Nay ví có bậc thần-minh báo trước cho ta rằng: «Ngày mai chết, không nữa thì ngày kia»; trừ là con người hèn-mạt quá đỗi thì không kể, chắc cũng không cầu lấy chết ngày kia hơn là chết ngày mai. (vì ngày kia với ngày mai có cách nhau là bao nhiêu?) — Vậy thời cũng phải suy đó mà hiểu rằng chết ngày mai hay là chết mấy mươi năm sau nữa cũng chẳng có quan-hệ gì.

25. — Phải nghĩ luôn trong bụng rằng từ xưa đến nay biết bao nhiêu thầy thuốc dã đòi phen trông thấy người ốm mà cau mày, rồi tự mình cũng chết; biết bao nhiêu nhà số-học đã đòi phen đoán cho bao nhiêu người chết, rồi tự mình cũng chết; biết bao nhiêu nhà triết-học đã đòi phen nghị-luận về lẽ tử-sinh, lẽ bất-diệt, rồi tự mình cũng chết; biết bao nhiêu tay tướng giỏi đã đòi phen giết hại biết bao nhiêu người, rồi tự mình cũng chết; biết bao nhiêu kẻ bạo-chúa dã đòi phen lạm-dụng cái quyền sinh-sát một cách rất khốc-liệt, tưởng như mình không bao giờ chết được, rồi tự mình cũng chết; biết bao nhiêu các đô-thành lớn, như *Hélikè*, *Pompéi*, *Herculanum*, (2) nhất-đán tiêu-diệt hết. Lại chính mắt ta trông thấy biết bao nhiêu người kế-tiếp nhau mà chết: như người này vừa mới đi viếng người kia, rồi liền đấy chết ngay, lại đến người nữa kế theo, cách nhau không mấy chốc. Nói tóm lại, nên bao giờ cũng coi sự đời là chuyện thoảng qua, không có giá-trị gì cả: hôm qua là cái hạt giống mới nảy mầm, hôm nay đã là cái xác chết cứng đờ hay là đống tro tàn nguội lạnh. Vậy thời trong cái khoảng ngắn-ngủi ở đời, nên cứ thuận theo lấy lẽ thiên-nhiên, rồi đến giờ cùng-tận nhắm mắt mà đi, vẫn cứ bình-tĩnh như thường; như quả chín trên cây rụng xuống, còn cám ơn cái đất đã nuôi cho sống, cái cây đã mang đến giờ.

26. — Đi cứ theo đường thẳng mà đi; đường thẳng chính là đường hợp với lẽ thiên-nhiên: là nói hay làm bao giờ

---

(1) Nhà triết-học Hi-lạp về phái « kiên-nhẫn », sinh-trưởng về thế-kỷ thứ 1. Cũng có một tập cách-ngôn để lại, đề là *Manuel d'Epictète*.

(2) Thành *Hélikè* bị nước triều dâng lên, hai thành *Pompéi* và *Herculanum* bị núi lửa phun ra, một buổi vùi lấp dưới nước lửa, không còn gì nữa. Việc thuộc về trước Gia-tô giáng-sinh.

cũng thuận với lẽ phải chân-chính. Nếu quyết được như thế thì thoát khỏi mọi sự đua-tranh, lo-lắng, cầu-cạnh mưu-mô.

27. — Phàm cái tư-tưởng gì phiền-bận hay không thích-hợp với mình, xóa bỏ nó đi, thời liền được yên-ổn bình-tĩnh trong lòng, có khó chi đâu!

28 — Phàm lời nói hay việc làm hợp với lẽ thiên-nhiên, phải tự cho mình là xứng-đáng; đừng có vì lời bình-phẩm, sự khen-chê của thiên-hạ, mà để cho sai-lạc đi; nhưng nếu lời nói hay việc làm đã quả là hay là tốt rồi, thời đừng cho mình là không xứng-đáng. Thiên-hạ, họ có lẽ của họ, họ theo cái khuynh-hướng của họ; ta đây, ta chẳng cần phải quan-tâm đến họ làm gì; ta cứ theo đường thẳng ta đi, cứ thuận cái thiên-tính của ta và thuận lẽ thiên-nhiên chung, hai đường cũng là một vậy.

29. — Ta cứ bước trên đường thẳng, theo lẽ thiên-nhiên, cho đến ngày ngã ra mà tắt nghỉ; — đem cái hơi thở sau cùng trả lại cái không-khí kia là nơi đã giúp cho ta hô-hấp hằng ngày; — đem cái thân tàn gửi vào cái đất kia là nơi cha ta đã gây hình cho ta, mẹ ta đã nung máu cho ta, vú ta đã lấy sữa nuôi ta; là nơi từ bao năm đến giờ cứ ngày ngày ta nhờ đấy mà có cơm ăn, có nước uống; là nơi mang ta bây giờ, mà ta thường giày sẻo, thường lạm-dụng biết bao nhiêu.

30. — Có người hễ giúp ai được việc gì thì vội kể công ngay. Có người thì không vội-vàng như thế, nhưng tự riêng mình cũng biết là mình có công với người lắm, và sẵn coi người như kẻ hàm ơn vậy. Có người thời hình như làm ơn cho người mà không biết nữa: tức như cây nho kia, đã sản ra được quả nho rồi thì thôi chứ không tưởng đến gì nữa, hay như con ngựa đã chạy, con chó đã săn, con ong đã gây mật vậy. Người ta làm được điều lành không có đi phô cùng đường ngõ; nhưng làm hết việc ấy lại làm việc khác, như cây nho sản hết chùm ấy lại sản ra chùm khác vậy. — Hoặc-giả nói: « Vậy thời phải giống những người làm mà tự mình không biết làm gì sao? — Phải đấy. — Tuy-nhiên, cũng phải biết mới được chứ, vì người ta là giống thông-minh, sinh-trưởng trong xã-hội, phải biết rằng mình làm là vì sự ích-lợi chung cho xã-hội, và cũng muốn cho kẻ khác biết như thế nữa, tưởng cũng là lẽ tự-nhiên vậy. » — Nói thế vẫn là phải lắm, nhưng không hiểu ý lời khuyên của ta đây: cho nên cũng là liệt vào hạng những người ta kể ngày trên đầu đó, vì những người ấy cũng tưởng lẽ phải là như thế. Nhưng nếu hiểu rõ cái ý ta kkuyên đây, thì không sợ theo lời khuyên ta mà làm sai sự lợi-ích chung được.

31. — Người ta thường nói: « Thầy thuốc *truyền* cho phải cỡi ngựa, phải tắm nước lạnh, phải đi chân không. » Nay cũng có thể nói: « Tạo-vật *truyền* cho phải ốm-đau, phải què chân cụt tay, phải táng-thất cha mẹ anh em, phải nhiều sự khổ-sở khác nữa. » Vì trong câu thứ nhất thì *truyền* nghĩa là: bắt phải theo như thế cho hợp với đạo vệ-sinh; mà trong câu thứ nhì thì nghĩa là: phàm việc xảy ra trong đời người ta là trong vận-mệnh đã định như thế cả. Ta lại thường nói phàm sự xảy ra là *thích-hợp* với đời ta, cũng như người nhà nghề nói những viên gạch viên đá để xây tháp xây tường viên nọ viên kia *thích-hợp* với nhau, nghĩa là để vào in nhau như một. Vì trong vũ-trụ có một cái lẽ điều-hòa nhất-định; cái vật-thể rất lớn là vũ-trụ, là gồm hết thảy các vật-thể khác; cái nguyên-nhân rất lớn

là vận - mệnh, là gồm hết thảy các nguyên - nhân khác. Điều ta nói đây, các ngu-phu ngu-phụ cũng thường nghĩ thế, vì họ nói rằng: « Ấy là số-hệ khiến nên như thế. » Phải lắm, số-hệ đã khiến nên như thế, là thích-hợp như thế rồi. Vậy sự gì xẩy ra, ta cũng cứ nên thuận-nhận cả, như theo lời truyền của thầy thuốc vậy. Trong lời truyền của thầy thuốc, cũng có điều khó chịu cho ta, nhưng ta vẫn bằng lòng theo là mong lấy được sức khỏe. Nay những điều hợp với lẽ thiên-nhiên, ta cũng nên vui lòng mà làm, như mong được sức khỏe vậy. Sự gì xẩy đến, dù khốn-nạn cho ta, ta cũng cứ vui nhận lấy, tự nghĩ trong bụng rằng làm như thế là giữ được sức khỏe cho vũ-trụ, thành được mưu hay của Thượng - đế vậy. Vì nếu cái việc xẩy đến đó không có quan-hệ cho vũ-trụ thì Thượng - đế không có xui đến cho ai làm gì. Phàm thiên-nhiên khiến nên việc gì là không bao giờ không thích-hợp với cái bản-thể của giống sinh - trưởng trong phép thiên-nhiên.

Vậy thời việc xẩy đến cho ta, ta phải hoan-nghênh, vì hai lẽ : — một là việc ấy nghiệp - dĩ đã định cho ta, đã thích - hợp với ta, đã như in vào trong thân-thể ta từ khi mới gây hình tạo-hóa, do những nguyên-nhân thiên-cổ vậy ; — hai là việc dẫu xẩy đến riêng cho mỗi người cũng là giúp cho cái công lớn của Tạo - vật được hoàn-thành và được trường-cửu vậy. Vì vạn-vật là liên-tiếp với nhau, nếu trừ bỏ một tơ-hào trong các bộ-phận hay trong các nguyên-nhân, tức là phá-hủy toàn-thể vũ-trụ ; nay mỗi lần ta đối với sự-vật mà đem lòng oan-thán, tức là ta phá-hủy vũ-trụ ở trong phạm-vi của ta, tức là ta phá-hủy ta vậy.

32.— Dù không thể cư-xử luôn theo chính-lý được, cũng đừng nên chán-nản, đừng nên thất-vọng ; nhưng mỗi lần hỏng lại làm lại ; hễ biết ăn-ở thường không sai đạo làm người, cứ nên lấy làm hả dạ, và cứ yêu-mến các phép-tắc thường. Không nên theo triết-lý như đứa con trẻ theo thầy dạy, nhưng khác nào như người bệnh theo thuốc-thang vậy. Vì như thế thì rõ ra rằng vâng theo lẽ phải không có khó gì, không những không khó gì mà lại được yên thân vững dạ. Lại phải nhớ rằng lẽ triết-lý tức là lẽ thiên-nhiên đó mà thôi ; mình sở-dĩ sai với triết-lý là mình làm khác lẽ thiên-nhiên vậy. — Hoặc - giả nói : «Đàng nào thú hơn?» — Sự khoái-lạc nó làm cho ta sai-lạc, há chẳng phải bởi cái thú-vị đó dư ? Nhưng thử xét xem lòng quảng-đại, sự tự-do, sự giản-dị, sự kiến-thức, sự đạo-đức, lại không có thú - vị hơn sao ? Nếu xét lấy sự yên-ổn, sự thành-công cho mình, thì còn gì thú-vị bằng cái đức sáng-suốt thông - hiểu kia, mà ta gọi là trí thức (*la sagesse*)?

33.— Sự vật thường tối-tăm mờ-mịt, khiến cho nhiều nhà triết-lý vào tay lỗi-lạc đến phải cho tuyệt - nhiên không thể giải được. Vả chính các nhà trong phái « kiên-nhẫn » (*les stoïciens*) cũng thường cho là khó hiểu. — Ngay trí phán-đoán của ta thường thay đổi luôn : thử hỏi người ta ai là người không từng thay đổi bao giờ ? — Nay xét đến chính các vật : sao mà nó mong - manh, nó bần-tiện như thế, có thể nhất-dán vào trong tay đứa làng chơi, con đĩ bợm, hay thằng ăn trộm ngay được ! — Rồi lại xét đến thói ăn cách ở những kẻ cùng ở đời với mình : kẻ rất dễ-dàng cũng khó lòng chịu nổi, và nói cho cùng người nào người ấy ít ai chịu lấy mình được.

Trong đám tối-tăm, nhơ-bẩn, trong cái giòng nước sự-vật với thời-gian trôi-chảy vô-cùng-tận đó, vậy thời có cái gì đáng thiết-tha, đáng trân-trọng không? Ta thực không thấy gì cả. Không những không có gì đáng thiết-tha trân-trọng, mà trái lại chỉ nên an-

ủi mình mà đợi cho đến ngày tiêu-diệt tự-nhiên, đừng có thấy chậm mà nóng lòng, nhưng chỉ nên yên lòng nghĩ hai điều như sau này: một là việc gì xảy ra cho ta cũng không thể trái lẽ thiên-nhiên được; hai là phàm điều gì trái với thần-minh Thượng-đế, ta có quyền không làm được, vì không ai bắt ta trái lệnh Thượng-đế được.

34. — Tư-tưởng thường thế nào thì tâm-hồn như thế: vì tâm-hồn là nhuộm theo mùi tư-tưởng. Vậy phải đem những tư-tưởng như sau này mà nhuộm cho tâm-hồn ta: ở đâu sinh-hoạt được, thì ở đấy có thể làm người cho phải đạo được; nay ở nơi triều-miếu sinh-hoạt được, vậy ở nơi triều-miếu có thể làm người cho phải đạo được. — Lại như: Trời sinh ra giống nào có mục-đích của giống ấy, tự-nhiên khuynh-hướng về mục-đích ấy; khuynh-hướng về mục-đích nào, ấy là cứu-cánh ở đó; nay cứu-cánh của giống nào ở đâu, là sự thiện-lợi của giống ấy ở đấy; vậy thì sự thiện-lợi của giống có lý-tính là ở xã-hội. Vì rằng người ta sinh ra là vì xã-hội, điều đó ai cũng hiểu rõ đã lâu rồi. Vả, ai là người không biết rằng các giống hạ-đẳng là vì các giống thượng-đẳng mà sinh ra, và các giống thượng-đẳng là giống nọ vì giống kia mà sinh ra vậy? Nay giống có sinh-hoạt là cao hơn giống không sinh-hoạt, mà trong giống có sinh-hoạt thời giống có trí khôn (là giống người) lại là cao hơn nữa.

35. — Cố làm sự không thể làm được, là người cuồng. Nay kẻ ác không thể không làm điều ác được.

36. — Không việc gì xảy đến cho người ta mà tạo-vật lại không cho người đủ sức để chịu được. Có kẻ cũng gặp những sự bất-kỳ ấy, mà hoặc là không biết việc xảy đến mình là thế nào, hoặc là làm ra mặt khoan-hồng quảng-đại, cứ điềm-nhiên mà chịu lấy ra cách chững-chạc lắm. Lạ thay, thế ra sự vô-tri và sự khoa-đại lại có hiệu-lực hơn là sự trí-thức vậy!

37. — Tiếp-cận với thần-minh. Người nào bao giờ cũng vui lòng yên phận, thần lương-tâm của Thượng-đế cho để làm hướng-đạo cho mình, tức là đại-biểu của Thượng-đế, chỉ cho làm gì sẵn lòng làm nấy, ấy là người được tiếp-cận với thần-minh. Thần lương-tâm ấy, tức là trí khôn, lẽ phải của mỗi người vậy.

38. — Người căn-tính dần-độn sao lại có làm phiền-nhiễu được người căn-tính thông-minh? — Thế nào là người căn-tính thông-minh? Là người hiểu biết lẽ nguyên-thủy cứu-cánh, cùng cái chính-lý thiên-cổ bàng-bạc trong vũ-trụ mà thường tuần-hoàn biến-hóa để chi-phối cho vũ-trụ.

39. — Chẳng bao lâu rồi chỉ còn bộ xương đống tro, với một cái tên để lại, có khi cũng không còn cái tên để lại nữa; mà cái tên chẳng qua là một tiếng vang mà thôi. — Những cái người ta rất quí chuộng ở đời toàn là chuyện hão-huyền, nhỏn-hen, đổi-bại cả, như chuyện chó mèo cắn nhau, trẻ con cãi lộn, cười đấy mà rồi khóc ngay đấy vậy. — Sự thành-tín, sự liêm-sỉ, sự công-nghĩa, sự chân-chính, theo như lời cổ-văn nói, đều là « bay lên mây, xa cõi đời cả ». — Nếu quả mọi vật hữu-hình là biến-đổi luôn mà không được bền, giác-quan người ta là thô-độn mà dễ mờ-hoặc, linh-hồn người ta nữa chẳng qua chỉ là một cái hơi bốc lên, mà cho đến cái danh-tiếng vẻ-vang với đời cũng là chuyện hão-huyền nhỉ-hỉ cả, như thế thì còn có cái gì mà quyến-luyến với đời nữa? Sao lại không điềm-nhiên mà đợi cho hoặc là tiêu-diệt đi, hoặc là đổi chỗ đi? Đợi cho đến lúc bấy giờ, thời phải nên làm thế nào? Ngoài việc tôn-trọng thần-minh, làm ơn cho người, nhẫn-nhục mà chịu

người đời, trí-thủ đừng can-thiệp đến, đối với mọi vật trông thấy, trừ thân-thể và linh-tính mình, nhất-thiết cho là phù-vân cả, ngoài việc đó còn có việc gì nữa?

40. — Ở đời vẫn có thể sung-sướng được, vì vẫn có thể theo đường chính được, vẫn có thể tư-tưởng hành-vi cho có phương-pháp được. Thượng-đế, người ta, cùng phàm giống có lý tính, trong linh-tính đều có hai điều giống nhau như sau này : một là không có thể bị ai ngăn-trở được ; hai là lấy sự hoạt-động cho bình-chính làm mục-đích, và ngoại-giả không có cái dục-vọng gì khác nữa.

41. — Xét sự-vật nên xét tự nội-dung ; vật nào có giá-trị chân-chính của vật ấy, đừng có xét lầm.

42. — Không có cách gì báo-thù những kẻ làm ác với mình diệu bằng cách này : là đừng giống họ.

43. — Làm việc ích-lợi cho xã-hội, hết việc ấy đến việc khác, mà bao giờ cũng tâm-niệm đến Thượng-đế, chỉ nên lấy thế làm sự vui - thú, cách tiêu - khiển mà thôi.

44 — Cái gì chủ-động trong người ta là cái tự nó phát-khởi, tự nó hoạt-động tự nó tác-thành theo cái bản-tính, bản-năng của nó, khiến cho mọi sự xảy đến là có thể cho là y như sở - nguyện cả.

45. — Một là vũ-trụ là cõi hỗn - độn, hợp đấy rồi tan đấy ; hai là vũ - trụ có trật-tự, có thể-thống, có Thiên - lý chi-phối cả. — Cứ trường - hợp thứ nhất, thì ta ham muốn sống lâu ở trong cõi hỗn-tạp này làm gì? Ngoại-giả cái tư-tưởng «có ngày rồi ta cũng thành đất», còn nên quan-tâm đến việc gì nữa? Rầu lòng rối trí làm chi? Dù làm thế nào, rồi cũng đến tiêu-diệt mà thôi. — Cứ trường-hợp thứ nhì, thời chỉ nên tôn-trọng đấng chúa-tể chi - phối hết thảy, nên yên lòng vững dạ mà ký - thác ở Người.

46. — Khi nào bị ngoại-vật xô-đẩy thì nên thu phóng-tâm về ngay ; không phải việc cần bắt buộc, thì đừng nên mình, làm sai cái dịp điều thiên-nhiên của vì hễ giữ được luôn cho khỏi sai điều thời khắc là tự-chủ được cung đàn của mình.

47. — Việc gì ta lấy làm khó, đừng tưởng rằng người đời không thể làm được.— Nhưng việc gì người đời làm được mà là ở trong phận-sự người ta, thời nên biết rằng tự mình cũng làm được.

48. — Trong trường đấu - võ có kẻ chạm móng tay vào ta làm cho ta sầy da, hay là ngã đụng đầu vào ta mà làm cho ta bị thương. Ta vẫn điềm-nhiên như không, ta không lấy thế làm giận-dữ, mà ta cũng không ngờ cho người kia chủ-ý làm hại ta. Cố-nhiên là ta phải phòng-bị, song không phải là phòng - bị như phòng-bị kẻ cừu-thù đâu, nhưng chỉ cốt tránh cho họ khỏi đụng đến mình, mà không oán gì họ Đối với các trường-hợp khác ở đời, ta cũng cứ nên làm như thế: nhiều việc ta cũng nên bỏ quá đi, tức như những việc mà kẻ chủ-động không có chủ-tâm như người lực-sĩ ở trường đấu-võ vậy. Vì như tôi vừa nói, những việc ấy ta có thể tránh được, mà không phải ngờ-vực, không phải oán-giận ai

49. — Nếu có ai chỉ rõ cho tôi biết rằng tôi làm sai hay tôi nghĩ lầm, thời tôi sẽ vui lòng sửa mình ngay; vì tôi cốt cầu lấy lẽ phải, mà lẽ phải không có làm thiệt hại ai bao giờ ; người nào sai-lầm không biết mà cứ cố-chấp không đổi, người ấy mới phải chịu thiệt-hại.

50. — Về phần tôi, tôi cứ làm việc bổn-phận ; muôn vật ở ngoài không làm cho tôi sai đường được ; vì trong vạn vật giống thời vô-sinh-hoạt, giống

thời vô-ý-thức, giống thời mờ-tối không biết đường nào mà đi.

51. — Những sự-vật mà số-phận đã dành cho ta, ta nên ủy-khúc mà theo cho hợp ; những người mà ta phải ăn ở cùng, ta nên thành-tâm mà yêu-mến họ.

52. — Phàm sự-vật không thuộc quyền ta, dù là sự gì vật gì mặc lòng, mà ta cho là có lợi hay là có hại cho ta, thời khi ta phải chịu cái hại ấy hay không được cái lợi ấy, tất là oán Trời giận người, trách hay là ngờ Trời với người đã làm cho ta không may hay là phải khổ như thế ; cũng vì quan-tâm đến những sự như thế, nên thường phạm phải nhiều điều phi-lý. Nhưng nếu sự-vật gì thuộc ta, ta mới cho là có lợi có hại cho ta, thời không còn cớ gì oán Trời giận người nữa.

53. — Mỗi lần muốn được vui-vẻ cho mình, thời nên xét những tính hay nết tốt của các người cùng ăn-ở với mình : người này chăm-chỉ hoạt-bát, người kia nhũn-nhặn khiêm-nhường, người nọ khoan-dung quảng-đại, cùng nhiều người khác có nhiều nết hay nữa. Vì không cảnh gì vui bằng trông thấy những đức-tính tốt lộ ra trong thói ăn cách ở những người cùng sinh-hoạt với mình và chung-đúc lại nhiều như thế. Vậy bao giờ ta cũng nên tưởng-tượng đến các đức-tính ấy luôn.

54. — Nên tập quen đem tâm-tư mà chú-ý vào lời nói của kẻ khác ; nghe người nào nói với mình, nên cố cho hiểu được đến tâm-tình người ta.

55. — Cái gì không lợi cho cả đoàn thời cũng không thể có lợi cho một kẻ được.

56. — Biết bao nhiêu kẻ cùng ta vào cõi đời mà đã dời cõi đời trước ta vậy ;

57. — Kẻ nào là kẻ ta muốn được đẹp lòng, đẹp lòng bằng cách thế nào và để cầu lợi gì ? — Những chuyện đó rồi ngày qua tháng lại quên đi ngay, có còn gì, mà kẻ quên đi cũng đã biết bao nhiêu rồi!

58. — Cái xấu ở đời là cái gì ? — Là một sự ta thường trông thấy luôn vậy. Gặp sự gì xảy ra, cũng phải tự nghĩ trong bụng rằng sự ấy ta đã từng trông thấy luôn vậy. Khắp mọi nơi, trên cao dưới thấp, sự gì ta kinh-nghiệm cũng toàn là những sự đã đầy-rẫy trong lịch-sử đời thượng-cổ, đời trung-cổ, đời hiện-kim, đầy-rẫy các chốn kẻ chợ nhà quê bây giờ. Có gì là mới lạ đâu : hết-thảy là chuyện thường ngày mà là chuyện thoảng qua cả.

59. — Nghĩ chuyện tương-lai, đừng nên sốt ruột ; đối với tương-lai, cũng cứ nên dùng một cái lẽ phải như đối với hiện-tại vậy.

60. — Không mấy lâu nữa mà ta sẽ quên hết thảy ; — không mấy lâu nữa mà người đời sẽ quên ta hết thảy.

61. — Duy có người ta mới biết yêu đến cả kẻ xúc-phạm mình. Muốn được như thế thì phải nghĩ rằng : — những kẻ ấy cũng là thân-thuộc với mình ; — những kẻ ấy phạm lỗi là vì không biết, chứ không phải cố-ý ; — những kẻ ấy rồi chẳng bao lâu cũng cùng với ta mà chết cả ; — mà cốt nhất là những kẻ ấy không có làm thiệt-hại gì cho ta, vì không từng làm cho tâm-tính ta hư đi được.

62 — Đừng có tưởng-tượng cái mình không có tốt đẹp hơn cái mình có. Nhưng trong cái mình có, nên xét lại cái gì là tốt hơn cả, và tưởng-tượng giá không có nó thời ắt phải khó-nhọc thế nào mới có được. Song trong khi vui lòng xét lại như thế, cũng đừng có trân-trọng quá-đáng, khiến cho hoặc có ngày mất đi mà đến phải rầu lòng.

63. — Nên trầm-tư mặc-tưởng một mình. Giống có linh-hồn, có đạo-lý, là giống có thể tự-túc được, vừa thi-hành sự đạo-đức, vừa giữ được bình-tĩnh trong lòng.

64 — Trong sách « Cộng-hòa-luận » (*République*) của ông Bá-lạp-đồ (PLATON) có đoạn rằng : « Người có tư-tưởng rộng-rãi lớn-lao, bao gồm được cả thời-gian, cả vật-thể, thời người ấy anh tưởng có thiết-tha đến sự sống lắm không ? — Ông trả lời : chắc là không. — Vậy thời sự chết, người ấy chắc cũng không lấy làm sợ chăng ? — Quyết hẳn thế. »

65. — Cổ-triết ANTISTHÈNE có câu nói rằng : « Làm lành mà bị oán, ấy mới là cách kẻ vương-giả. »

66. — Xem các tinh-tú vận-hành, như tự mình cũng luân-chuyển trên không-trung ; — ngẫm-nghĩ lẽ sinh-hóa trong vật-chất, chất nọ biến-đổi ra chất kia vô-cùng. Những tư-tưởng như thế rửa sạch được mọi sự nhơ-bẩn trong trần-thế, mà làm cho người ta thanh-cao ra.

67. — Nên quan sát trong nội-tâm mình. Cái nguồn chí-thiện là ở đó, nguồn vô-tận, nhưng phải khơi luôn ra mới được.

68. — Cái thuật ở đời giống như phép đấu-võ hơn là phép khiêu-vũ ; phải vững chân mà đứng sẵn-sàng đợi sự bất-kỳ nó vụt đến.

69. — Nên xét kỹ những kẻ mà ta muốn được tiếng khen của họ, xét kỹ cái tâm-lý họ thế nào. Như thế thời họ có vô-ý mà lầm-lỗi, ta cũng không trách họ chi ; mà ta cũng không cần đến tiếng khen của họ làm chi nữa, vì ta đã biết tự nguồn-gốc tư-tưởng của họ rồi.

70. Tạo-vật không có dem ta mà hỗn-hợp với sự-vật cho đến nỗi tự ta cũng không thể phân-biệt được cái phạm-vi của ta và chủ-trương được những sự thuộc về ta. Có lẽ là ông thánh-nhân mà thế gian không ai biết cũng có. Tạp hải nhớ luôn như thế, lại phải nhớ cả điều này nữa, là ở đời muốn cho được sung-sướng không phải mấy tí đâu. Dù nghề biện-luận có vụng, hay các khoa-học có kém, cũng không nên vì đó mà nản chí tự-tu cho trở nên con người tự-do, khiêm-tốn, hòa nhã với mọi người, và kính-cẩn với Thượng-đế.

(*Còn nữa*)

HỒNG-NHÂN *dịch*

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

II

Chương-trình xan dịch

1 — Trên kia đã nói *Xuân-thu* là sách tân-khuyết sai-suyễn hơn cả các sách nho tin ra sau khi nhà Tần cấm và đốt ; nên trong sách *Xuân-thu* có nhiều chỗ không thành văn-lý. Các nhà giải kinh ngày xưa thường cố phụ-hội mà cưỡng giải ra cho có nghĩa, làm như thế không những không bổ-ích gì cho nghĩa lớn, lại chỉ thành ra cái bọc xuyên-tạc mà thôi vậy. Này phàm những chỗ nghĩa ngờ, đều đành chịu là khuyết-văn, không lục và dịch ra nữa. Ai muốn khảo-cổ, đã có nguyên-thư.

2 — Nguyên-thư là thể sử biên-niên, kể từng đời vua nước Lỗ và từng số năm một. Nay mỗi việc đã hợp *kinh* với *truyện* lại làm một bài thành ra lối sử từng chương từng tiết, như

thế thì mười hai đời vua nước Lỗ tức là mười hai *chương*. Mỗi đời vua có bao nhiêu việc tức là bấy nhiêu *tiết*. *Chương* thì ghi số La-mã, *tiết* thì ghi số Ả-rập. Còn số năm cũ không xếp vào đâu được đều lược đi. Mỗi đời vua chỉ chua một năm đầu theo số *giáp - tí* và thêm số năm vua nhà Châu, số năm Tây-lịch kỷ-nguyên-tiền, để đủ cho nhà sử-học tra xét. Còn trong bài *truyện* chỗ nào đã có chép mùa sẵn thì vạch hai cái vạch mà ghi thêm số năm của đời vua bấy giờ thế là giảm mà cổ-ý vẫn còn.

3 — Nguyên-thư của *Tả-truyện* thì phần *kinh* với phần *truyện* dời ra làm hai nơi. Cứ mỗi năm, *kinh-văn* có bao nhiêu cái đề-mục, đều liệt ra cho hết rồi mới đến *truyện-văn*. Về *truyện-văn* lại cứ lần-lượt theo thứ-tự các đề-mục trên *kinh-văn* mà giải ra. Sách dịch-thư này theo thứ-tự của *kinh-văn*, cứ mỗi cái đề-mục lại đem một bài *truyện-văn* ở dưới lên hợp vào làm thành ra thể sử cương-mục mà viết theo lối mới.

Vậy mỗi việc, đầu-đề là *kinh*, chính bài là *truyện*. Thế là lợp *kinh* với *truyện* lại làm một thể, mới thành ra sách *Xuân-thu* hoàn-toàn.

4 — Phàm chỗ nào, trên *kinh-văn* có đầu đề mà dưới *truyện-văn* không có bài, không lấy gì làm căn-cứ cho nghĩa cái đầu đề ấy, thì để cái đầu đề ấy lại, không dịch ra nữa.

Còn chỗ nào *truyện - văn* có bài, xét ra là việc có đủ chứng-thực rõ - ràng mà *kinh - văn* lại không có đầu đề, hoặc là *kinh-văn* bị thất-thoát mất đầu đề đi, hoặc là *Tả-thị* có sở-đắc mà chép thêm. Nay lựa lấy những bài nào hay thì lục dịch ra để giúp thêm cho nghĩa sách.

5 — Xem trong sách *Tả-truyện cú giải* 左傳句解 của ông Hàn Mộ-Lu 韓慕廬 và những bài văn *Tả-truyện* mà người ta lục vào sách *Cổ-văn* 古文 Trung-quốc cũng vậy, bài nào cũng có một cái đầu đề. Song xét ra những đầu đề ấy, chỗ nào có câu *kinh-văn* sẵn thì lấy câu *kinh-văn* ấy làm đầu-đề. Chỗ nào không có *kinh-văn* hay là có mà nghĩa không quát hết được bài truyện thì cũng bỏ đi mà lấy năm ba chữ ở trong bài *truyện*, hoặc liền một câu, hoặc chắp nối lại, để yết lên làm đầu đề, chứ chính nguyên-văn trong *Tả-truyện* không chỗ nào có đầu đề bao giờ. Làm như thế, người sơ-học nghĩ là nguyên-văn vẫn có đầu-đề và không biết cái đầu đề nào là chính *kinh-văn*, cái đầu đề nào là mới đặt ra, thành ra hỗn-độn mơ-màng cả. Sách dịch-thư này cốt làm cho *kinh* với *truyện* hợp làm một mà phát-siển cái chân tinh-thần hoàn - toàn của sách *Xuân-thu* lên. Một bài cũng như một bộ sách, *kinh* với *truyện* đủ cả ở đó, học một mà được hai, không phải phân-biệt học kinh *Xuân-thu* khác với học truyện *Tả-thị* khác như ngày trước nữa.

Vì cớ đó nên sách dịch-thư này dám bắt chước cái cách đặt ra đầu đề mới như trên kia, trong sách dịch-thư mỗi cái đầu đề là dịch y nguyên-văn của một câu *kinh - văn* có sẵn, dù cái đầu đề *kinh-văn* nào mà nghĩa không quát hết được bài *truyện - văn*, nhưng việc phát-xuất là bởi một duyên-cớ thì cũng cứ dịch y nguyên-văn của đầu-đề chứ không có thêm bớt ý nào.

Còn bài *truyện* nào không có đầu đề bằng *kinh-văn*, đành chịu là khuyết đề mà cứ thứ-tự lục dịch ra.

6 — Sách nguyên-thư của *Tả-truyện*, cứ mỗi năm, trên đầu phần *kinh-văn* lại tiêu lên một chữ «*kinh*», đến phần *truyện-văn* cũng lại tiêu lên một chữ

« *truyện* » ở trên đầu nữa. Cách làm dấu hiệu cho rõ ràng như thế để học-giả dễ nhận từ đâu đến đâu là *kinh*, còn từ đâu đến đâu là *truyện*. Sách dịch - thư này cũng bắt-chước lối ấy, mỗi cái đầu đề, ở đầu có in một chữ « K » là âm-hiệu của chữ *kinh*; mỗi bài *truyện* ở đầu có in một chữ « T » là âm - hiệu của chữ « *truyện* », phân-biệt như thế để cho học-giả biết cái bản-thể. Hai mà thành ra một, một mà vẫn là hai.

Còn chỗ nào có bài *truyện* mà không có đề bằng *kinh-văn* thì có đặt ba cái hoa thị để cách mạch-lạc với bài truyện trên, chứ không có đầu đề ghi số, nghĩa là bài *truyện* không có đầu đề ấy chỉ là phụ-lục, chứ không độc-lập thành một tiết được, đó cũng là một nghĩa khuyết-văn vậy.

7 — Chỗ nào tuy *kinh* có đầu đề, *truyện* có bài, song việc ấy không quan-hệ gì cho đời nay là vì cái nghĩa nó đã quá cũ rồi. Vậy đều lược đi mà không dịch ra nữa.

Về phần *kinh-văn* đã lựa cho hợp với *truyện-văn* mà chọn lấy những nghĩa lớn như thế, tưởng cũng đủ hiểu được cái tinh - thần của sách *Xuân-thu* một cách có căn-cứ rồi. Còn hơn là tham nhiều mà không đủ chứng-thực thì có ích gì.

8 — Ngày nay khoa-học phát-đạt, chân - lý rõ-rệt, những sách quái - gở hoang-đường, bất-tất phải cấm phải đốt mà số người mê-tín cũng cứ mỗi ngày giảm bớt mãi đi. Vậy trong sách *Tả - truyện*, có nhiều những chỗ ma - quỉ, chỗ thì nói như ý ngụ-ngôn mà cũng nhiều chỗ thì tin như có sự thực. Sách dịch-thư này đều dịch đủ để cho học - giả biết cái tư - tưởng của người đời Xuân-thu.

9 — Văn của Tả-thị là lối văn rất cổ, lời vắn tắt mà ý tứ sâu - xa, nên các bản nguyên - thư bằng Hán - văn đều phải chú-giải từng chữ từng câu một, nay dịch ra quốc-văn, nếu dịch chọi từng chữ một thì trúc-trắc không rõ nghĩa, đem cước-chú cho từng chữ từng câu thì cũng phiền-loạn khó đọc, thế mà dịch thêm lời vào nhiều quá lại sợ sai mất thể văn cổ đi. Vậy dịch-giả phải lựa mà châm-chước cả ba điều ấy cẩn-thận lắm, chỗ thì dịch chọi từng chữ, chỗ thì thêm ra một hai lời rõ nghĩa hơn. Còn chỗ nào cần phải chú-thích thì đánh số mà viết xuống dưới bài.

10 — Những lời chú-giải trong sách dịch-thư này, phần nhiều theo ở bản *Tả-truyện cú-giải* của ông Hàn Mộ-Lư Trung - quốc, còn thì khảo thêm các sách cùng sở-đắc của dịch-giả.

11 — Phàm những lời phê-bình của Tả-thị ở cuối bài *truyện*, thường đặt ra lời người quân-tử nói mà Chu - tử đã chê là « vô ý - tứ » như đã nói ở bài *khảo-nguyên* trên kia, lại chính ông Hàn Mộ-Lư chú-giải sách *Tả-truyện* cũng cho là « lời thiển-lậu không có nghĩa gì chính-đại. » Đến như Tả-thị dẫn lời sách *Thư* sách *Thi* để phán-đoán, Hàn Mộ-Lư tiên-sinh cũng nói đều không đúng nghĩa cả. Song ở Hán-văn người ta biết dở mà không tiện xan đi, là có ý lưu để tồn-cổ. Nay sách dịch-thư này cầu lấy thuần-tuy hoàn-toàn, vậy những chỗ đã biết là thừa không quan-hệ gì như thế đều không dịch ra nữa.

12 — Đầu sách có một bài nói về phép phong-kiến là cái chế-độ quan-hệ của xã-hội, của quốc-thể đời nhà Châu, sau liệt ra một cái biểu *liệt-quốc hưng-vong* đời Xuân-thu để học - giả tiện tra xét.

13 — Một cái tinh-thần đặc-biệt của khoa sử-học *Xuân-thu* là ở những chữ nghĩa-lệ như đã nói ở bài *khảo-nguyên*

trên, sách dịch-thư này thu nhặt lấy những chữ nghĩa-lệ quan-hệ trọng-yếu mà tản-mát ở khắp hai phần *kinh-văn* với *truyện-văn*, hợp lại làm một bài, rồi tham-đính những nghĩa của các nhà giải kinh cũ, lược chỗ phù-phiếm, dùng chỗ thiết-thực mà chú-thích kỹ-càng, đặt lên đầu chỗ gần vào bản-thể của sách, để cho thêm hiển cái tinh-thần của những chữ nghĩa-lệ ấy lên, và cho học-giả được tiện lý-hội trước.

Những nghĩa-lệ nguyên bằng Hán-ngữ ấy, nay tiếng nào đã nhập-tịch vào làm Việt-ngữ rồi thì để y nguyên-âm Hán-ngữ ; còn tiếng nào chưa nhập-tịch được thì dịch ra Nam-âm. Vậy những nghĩa-lệ ở trong sách dịch-thư này tức là tiếng Việt-ngữ cả, đó là muốn làm trọn cái phận-sự nhà dịch sách, khiến học-giả không phải đối-chiếu đến nguyên-văn nữa.

Chế-độ phong-kiến và nguyên-nhân thời-cục đời Xuân-thu

Cùng một cái biểu liệt-quốc hưng-vong đời bấy giờ.

Trung-quốc người nhiều đất rộng, về đời thượng-cổ, cứ mỗi dân-tộc trong một khu đất, lại lập thành ra một nước tự-trị nhỏ. Người quân-trưởng ở nước nào mạnh hơn, chinh-phục được cả các nước nhỏ ấy mà thống-trị hết thảy thì gọi là Thiên-tử 天子 (con trời) hay là Thiên-vương 天王 (vua trời). Gọi các nước nhỏ ấy là Chư-hầu 諸侯 (các nước bầy tôi), ở đời nhà Hạ kể có một vạn nước — vạn-quốc. — Sau sinh-tụ ngày càng phát-đạt, nước mạnh bao-chiếm sang những nước nhỏ xung quanh, mà cái số vạn-quốc ngày càng giảm xuống, đến đời nhà Thương còn được có ba nghìn nước, khi nhà Châu nổi lên, lại còn có một nghìn tám trăm nước vua Vũ-vương đánh được nhà Thương mới chia đất lại để phong cho con cháu các nhà công-thần trong họ ngoài họ, ấy là phép phong-kiến, trên hết là Thiên-tử, dưới là các vua Chư-hầu. Các vua Chư-hầu có năm bậc, mỗi bậc là một tước có một tên khác nhau gọi là ngũ-tước, tức là: Công 公, Hầu 侯, Bá 伯, Tử 子, và Nam 男.

Từ Thiên-tử trở xuống các vua Chư-hầu, chịu phần đất đều có số phân-biệt nhất-định cả.

Đất của Thiên-tử ở, đặt vương-triều và kinh-đô, rộng một nghìn dặm, gọi là Vương-kỳ. Lộc-dụng của Thiên-tử do ở các khoản cống-phú của các vua Chư-hầu dâng nạp, còn lộc của các quan vương-triều thì được chia thái-ấp ở trong hạt vương-kỳ ấy.

Phần đất của các vua Chư-hầu thì nước của tước Công và tước Hầu mỗi phần một trăm dặm. Nước của tước Bá bảy-mươi dặm. Nước của tước Tử và tước Nam mỗi phần năm-mươi dặm ; còn xứ nào phần đất không đầy năm mươi dặm gọi là nước phụ-dung 附庸 phụ thuộc vào nước của tước Công tước Hầu nào gần đấy.

Phong tước chia đất xong rồi lại đặt ra phép vương-chế và phép quân-chế.

Vương-chế tức là pháp-luật tổ-chức chính-trị của tiên-vương, từ Thiên-tử trở xuống đến vua Chư-hầu đều phải tuân theo.

Quân-chế là phép tổ-chức việc binh, chia ra từng « quân » một. Mỗi quân số lính là một vạn hai nghìn năm trăm người. Thiên-tử được giữ sáu quân, — lục-quân ; — nước tước Công và nước tước Hầu, mỗi nước được giữ ba quân, — tam quân ; — nước tước Bá được giữ hai quân, — nhị quân ; — nước tước Tử và nước tước Nam được giữ một quân, — nhất quân. — Việc chính pháp các vua Chư-hầu đều phải tuân lệnh của Thiên-tử. Khi ở đâu có giặc

ngoại-xâm hay nội-loạn, hay là nước Chư-hầu nào trái phép, Thiên-tử hạ lệnh chiêu binh Chư-hầu mà thân-chinh đi đánh, có khi sai một vua Chư-hầu nào thống-lĩnh đi đánh, để duy-trì lấy cuộc trị-an cho toàn-cục Trung-quốc.

Ấy đại-lược cái chế-độ phong-kiến ở đời nhà Châu thì như thế, kể ở về lúc dân-trí còn thuần-phác thì phép phong-kiến này thực cũng là chế-độ rất hay, đủ giàng-buộc được trật-tự cho xã-hội, cho nên từ vua Thành-vương là con nối ngôi của vua Vũ-vương trở xuống bảy tám đời, thiên-hạ thái-bình hơn cả xưa sau. Sử gọi «cuộc thịnh-trị của nhà Thành-Châu» tức là thời-kỳ đó. Kế đến vua Di-vương và vua Lệ-vương hai triều đều suy-đốn, gia-chi lúc đó, xã-hội càng tiến-hóa, dân-trí càng mở-mang thì cạnh-tranh cũng càng xô-xát. Vương-triều nhà Châu mới thành ra không đủ thế-lực giá-ngự các nước Chư-hầu được nữa. Các vua Chư-hầu chỉ biết tự-kỷ nước mình và chiếm-cướp phá-diệt các nước nhỏ để bao-lấn lấy cõi đất. Đến đầu đời vua Bình-vương chỉ còn được một trăm bảy-mươi nước. Phép phong-kiến đến đấy suy-đồi đã quá lắm rồi.

Nhà Châu trước đóng kinh-đô ở tây-bộ Trung-quốc là đất Phong, Kỷ, — bây giờ là phủ Tây-an tỉnh Thiểm-tây. Sứ-thần Việt-thường ta vào thông-hiếu với nhà Châu tức là đến chỗ kinh-đô ấy, — nên cũng gọi là nhà Tây-Châu. Đến đời vua U-vương, rợ Khuyển-nhung ở mé tây vào ăn cướp, giết vua U-vương. Các vua Chư-hầu lập con là Bình-vương lên thay. Bình-vương lo cái nạn Khuyển-nhung bèn thiên kinh-đô sang đông-bộ, từ đó gọi là nhà Đông-Châu.

Bắt đầu đời Bình-vương trở đi, Thiên-tử mất hết thế-lực, chỉ ngồi giữ cái hư-vị và đeo cái hư-danh mà thôi. Các vua Chư-hầu lại càng thêm hoành-ngược, chiếm cướp lẫn nhau, nước nào đã lớn lại càng lớn thêm, đã mạnh lại càng mạnh nhiều, rồi chuyển sang đời Xuân-thu, thành ra cái thế liệt-quốc tranh-hùng, tính ra chỉ còn độ hơn hai mươi nước, mà vẫn còn lấn-cướp phá-diệt nhau mãi mãi chứ đã thôi đâu.

Thậm-chí ba nước Sở, Ngô và Ô-Việt mà xưa kia Trung-quốc vẫn khinh-bỉ là giống nam-man, nay cũng cường-thịnh vào lấn cướp trung-nguyên. Mối cạnh-tranh ở đời Xuân-thu lại thêm một cái vấn-đề dân-tộc nữa.

Thiên-tử nhà Châu đã vô-quyền, các vua Chư-hầu người nào mạnh bèn thay nhau nổi lên đứng ra làm minh-chủ, mượn cái tiếng « tôn-vương » — tôn Thiên-vương nhà Châu — mà hiệu-lệnh các nước Chư-hầu khác. Nhất là vua Hoàn-công nước Tề, vua Văn-công nước Tấn, vua Tương-công nước Tống, vua Mục-công nước Tần và vua Trang-vương nước Sở, đời gọi là « Ngũ Bá » (năm ông chúa). Thứ đến vua Phù-Sai nước Ngô, vua Câu-Tiễn nước Việt, đều là những nhân-vật trọng-yếu có quan-hệ đến thời-cục đời Xuân-thu 242 năm trong sách này cả.

Xét cuộc thế-biến đời Xuân-thu, từ chính-trị học-vấn đến xã-hội chủng-tộc, phương-diện nào cũng đều thấy biến-cải một cách lạ thường; có cái biến mà dở, song cũng có cái biến mà hay. đời Xuân-thu thực là một cái trung-tâm-điểm về đường tiến-hóa của các xã-hội Á-Đông, kẻ đọc sử không biết đến không được. Nay liệt ra một cái biểu hưng-vong của các nước đời Xuân-thu như sau này để biết đại-thế thời-cục lúc bấy giờ mà tiện xét về sự biến trong sách.

BIỂU LIỆT-QUỐC HƯNG-VONG ĐỜI XUÂN-THU

Tên nước	Tên họ	Vua đầu hay là mới phong	Tước	Đô-thành	Truyền đời	Diệt-vong
Đông-Châu 東周	Cơ 姬	Vua Bình-vương	thiên-tử 天子	Lạc-ấp, nay là Lạc-dương	25 đời vua hợp với Tây-châu công 867 năm	Nước Tần diệt đi mất
Lỗ 魯	»	Bá-Cầm con ông Châu-công	Hầu 侯	Nay huyện Khúc-phụ, Sơn-đông	34 vua, 875 năm.	Nước Sở diệt đi mất
Vệ 衛	»	Khang-thúc Phong em vua Vũ-vương.	Hầu 侯	Nay phủ Vệ-lung, Giang-nam	41 vua, 905 năm.	Nhà Tần diệt đi mất
Tấn 晉	»	Khang-thúc Ngu con vua Vũ-vương	Hầu 侯	Nay phủ Bình-dương, Sơn-tây	38 vua, 735 năm.	ba nước Hàn, Triệu, Nguỵ, cùng diệt đi
Trịnh 鄭	»	Hoàn-công Hữu con vua Lệ-vương.	Bá 伯	Nay huyện Trịnh, Hà-nam	23 vua, 433 năm.	Nước Hàn diệt đi mất
Yên 燕	»	Thiệu-công Bật con vua Vũ-vương.	Bá 伯	Nay phủ Thuận-thiên, Trực-lệ	42 vua, 901 năm.	Nước Tần diệt đi mất
Tào 曹	»	Tào-thúc-Chấn Đạc con vua Văn-vương.	Bá 伯	Nay Tào-châu, Sơn-đông	25 vua, 536 năm.	Nước Tống diệt đi mất
Sái 蔡	»	Thúc-Dĩ em vua Vũ-vương.	Bá 伯	Nay huyện Thương-sái, Hà-nam	25 vua, 675 năm.	Nước Sở diệt đi mất
Ngô 吳	»	Châu-chương con cháu ông Thái-bá.	Tử 子	Nay phủ Tô-châu, Giang-nam	21 vua, 650 năm.	Nước Sở diệt đi mất
Đằng 滕	»	Thúc-Tú con vua Văn-vương	Bá 伯	Nay huyện Đằng, Sơn-đông	25 vua, ... năm.	Nước Tống diệt đi mất
Ngu 虞	»	Ngu-Trọng con cháu ông Trọng-Ung	Công 公	Nay huyện Ngu, Hà-nam	12 vua, ... năm.	Nước Tấn diệt đi mất
Quắc 虢	»	Quắc-Trọng con ông Vương-qui	Công 公	Nay Thiểm-châu, Hà-nam	...vua, ... năm.	Nước Tấn diệt đi mất
Tống 宋	Tử 子	Vi-tử Khải, em vua Trụ nhà Thương	Công 公	Nay phủ Qui-đức, Hà-nam	34 vua, 828 năm.	Ba nước Tề, Sở, Nguỵ, diệt đi

Tên nước	Tên họ	Vua đầu hay mới phong	Tước	Đô-thành	Truyền đời	Diệt-vong
Tề 齊	Khương 姜	Thái-công Vọng con cháu quan Tứ-Nhạc	Hầu 侯	Nay huyện Lâm-chi, Sơn-đông	30 vua, 744 năm.	Họ Điền cướp mất
Trần 陳	Vĩ 嬀	Hồ-công-Mãn con cháu vua Thuấn	Hầu 侯	Nay huyện Trần, Hà-nam	24 vua, 644 năm.	Nước Sở diệt đi mất
Sở 楚	Thiên 芈	Hùng-Dịch con cháu Dục-Hùng	Tử 子	Nay phủ Kinh-châu, Hồ-bắc	41 vua, 893 năm.	Nước Tần diệt đi mất
Khỉ 杞	Tự 姒	Đông-lâu-Công con cháu vua Vũ	Công 公	Nay huyện Khỉ, Hà-nam	24 vua, 450 năm.	Nước Sở diệt đi mất
Tiết 薛	Nhâm 任	Hề-Trọng con cháu vua Hoàng-đế	Hầu 侯	Nay châu Duyên, Sơn-đông	.... vua .... năm	Nước Tề diệt đi mất
Kỉ 紀	Khương 姜	.....	Hầu 侯	Nay huyện Thọ-quang, Sơn-đông	.... vua .... năm	Nước Tề diệt đi mất
Cử 莒	Kỉ 己	Tư-Dữ con cháu vua Thiếu-Hiệu	Tử 子	Nay Cử-châu, Sơn-đông	.... vua .... năm	.....
Trâu (1) 邾	Tào 曹	Tào-Hiệp con cháu ông Lục-chung	Tử 子	Nay huyện Trâu, Sơn-đông	Sau vua Mục-công đổi tên là nước Châu	.....
Tiểu Trâu 小邾	»	Tào-Hữu con cháu Tào-Hiệp	Tử 子	Nay huyện Đằng, Sơn-đông	.... vua .... năm	.....
Việt 越	Tự 姒	Võ-Dư con cháu vua Thiếu-khang	Tử 子	Nay phủ Thiệu-hưng, Tích-giang	.... vua .... năm	Nước Sở diệt đi mất
Hứa 許	Khương 姜	Văn-thúc con cháu quan Tứ-Nhạc	Nam 男	Nay Hứa-châu, Hà-nam	18 vua, ... năm	Nước Trịnh diệt đi mất
Tần 秦	Doanh 嬴	Phi-tử con cháu ông Bá-	Bá 伯	Nay phủ Hàm-dương, Thiểm-tây	35 vua, 642 năm.	đến Vua Thủy-hoàng thống-nhất Trung-quốc

(1) Chữ 周 đã dịch là Châu, thì chữ 邾 phải dịch là Trâu cho phân-biệt. *(Dịch-giả)*

Những chữ nghĩa-lệ

Người = Phàm việc nước mà chép *người* là chỉ việc làm ấy bởi tự công-chúng cả nước. — (人 *nhân* = người)

Hội = Có ước hẹn cùng đến chỗ nào hợp nhau bàn định việc quốc-tế. Khi bị người khác làm chủ mời thì gọi là đến hội. — (會 *hội* = họp).

Minh hay là Ăn thề = Các vua Chư-hầu hội nhau một chỗ, bày dân tế Trời và đặt một con « sinh » (một con trâu) với một tờ « minh-thư » viết những lời cùng thuận xin giữ với nhau để thề với quỉ-thần ở trước tế-đàn, vua nước đàn anh đứng ra làm minh-chủ, cắt tai bên tả con « sinh » lấy máu cùng uống với nhau và tuyên-độc minh-thư. — (盟 *minh* = thề).

Đồng-minh = Hai người ăn thề với nhau là *đặc-minh*, ba người với nhau là *tham-minh*. Khi nào nhiều người cùng ăn thề với nhau thì là *đồng-minh*. — (同 盟 *đồng-minh* = cùng thề).

Gặp = Không có ước hẹn trước mà tình-cờ gặp nhau ở chỗ nào. — (遇 *Ngộ* = gặp)

Hòa = Hai nước đang hiềm-khích với nhau, bỗng bỏ cả giận cũ đi mà họp bàn việc hòa-mục với nhau. — (和 *bình* = hòa).

Chầu = Có đem đồ lễ ngọc lụa đến đứng hàng quần-thần để lạy Thiên-tử hay vua nước lớn nào. — (朝 *triều* = *chầu*).

Sinh = Cho sứ-thần đem lễ-vật đến biếu và hỏi-han ý-kiến gì. — (聘 *Sinh* = sinh).

Xuất-bôn = Bị bỏ hay bị đuổi mà chạy trốn ra nước khác. — (出 奔 *Xuất-bôn* = chạy).

Nạp = Lấy binh-lực đưa một vị vua quan nào đã bị chạy trốn ra nước ngoài để về nước cũ mà bắt ép phải nhận. — (納 *nạp* = nạp).

Cứu = Đem binh đến giải vây hay đuổi giặc đang vây đánh nước nào. — (救 *cứu* = cứu).

Chết tiệt = Bị địch-quân giết chết tiệt hết (殲 *tiêm* = chết tiệt).

Phạt hay là *đánh* = Đem binh kể tội nước nào ra mà trừng-trị. — (伐 *phạt* = đánh).

Chiến = Hai bên cùng ưng đem binh đánh nhau — (戰 *chiến* = đánh nhau)

Tập-công = Lừa khi bất-ý kéo ập đến đánh — (襲 攻 *tập-công*)

Đi tuần-thú = Đem đại-binh đi săn và diễn-tập để xem xét bờ-cõi — (狩 *thú* = đi tuần-thú)

Hiến-tiệp = Đánh được trận rồi đem tù và đồ-vật lấy được về dâng vua. — (獻 捷 *hiến-tiệp*)

Đánh được = Hai bên ngang hàng nhau mà đánh được — (克 *khắc* = đánh được)

Lấn = Lẳng-lặng đem quân vào cướp lấy bờ cõi của nước người ta. — (侵 Xâm = lấn)

Vây = Kéo binh đến bọc lấy thành của địch-quân — (圍 *Vi* = vây).

Kéo vào = Đem binh kéo thẳng vào quốc-đô nước nào mà chưa định chiếm cướp gì. — (入 *nhập* = kéo vào)

Diệt = Nghĩa cũ chỉ nói phá-hủy cả nhà Tôn-miếu, nơi thờ tổ-tiên nhà vua, và nền Xã nền Tắc, nơi tế Thần. Nhưng chính nghĩa thì là chiếm lấy thổ-địa nhân-dân chính-quyền rồi khử quốc-hiệu nước ấy đi, bắt thuộc về nước mình quản-hạt, tức như cách lấy thuộc-địa ngày nay. — (滅 *Diệt*)

Lưu-thủ = Cho binh đến đóng giữ lấy đất thuộc-địa. — (戍 *thủ* = lưu-thủ).

Thiên = Dời phủ-khố quân-dân đi nơi khác — 遷 (*thiên* = dời)

Chiếm lấy = Đánh mà chiếm lấy một xứ nào — (取 *thủ* = Chiếm lấy)

Lấy quân = Một nước nhỏ mà điều-khiển được quân Chư-hầu để giúp mình đi đánh dâu — (以 *dĩ* = lấy quân)

Đuổi theo = Giặc đã thua chạy xa mà còn đuổi — (追 *truy* = đuổi).

Khất sư hay là *xin* quân = Bị ngoại-xâm hay nội-loạn, phải sang nước lớn xin cho quân về cứu (乞師 *khất sư*).

Đi thứ hay là đóng quân-thứ = Còn đóng quân lại một nơi trọng-địa để xét tình-hình chứ chưa đánh — (次 *thứ*).

Bắt lấy = Đang bất-ý trói lại đem đi.—(執 *chấp* = bắt lấy).

Bắt được = Đánh trận mà bắt sống hay đánh chết mà lấy được xác của tướng bên địch-quân — (獲 *hoạch* = bắt được).

Còn mấy tiếng nữa, ở Hán-văn thì là « nghĩa-lệ » mà dịch ra Nam-âm thì là nghĩa thường đã rõ-ràng rồi, không đủ làm lệ riêng, như : 築 *trúc* = Đáp thành mới ; 城 *thành* = Đắp thành cũ cho rộng thêm ra, v. v. nên, không phải lục vào đây nữa.

I — ĐỜI VUA ẨN-CÔNG (1)

(Trị vì 11 năm, năm đầu là Kỉ-vị tức là Châu Bình-vương năm 49. Tây-lịch = 722

1. — K. — Vua Trịnh-Bá (2) đánh được người Đoạn ở ấp Yền

T. — Nguyên xưa vua Vũ-công nước Trịnh lấy vợ ở nước Thân là bà Vũ-Khương (3) sinh ra được vua Trang-công và người Cung Thúc-Đoạn (4).

Khi bà sinh Trang-công, đang ngủ say thì sổ, thức dậy mới biết, làm cho bà sợ hãi. Bà bèn đặt tên cho là Ngộ-sinh 寤生 nghĩa là thức dậy mới biết là sổ rồi —. Vì thế bà ghét Trang-công mà yêu Cung Thúc-Đoạn, muốn lập cho Thúc-Đoạn làm vua, nhiều lần bà đã xin với Vũ-công, nhưng ông không nghe, đến khi Trang-công lên nối ngôi, bà xin ấp Chế để phong cho Thúc-Đoạn.

Trang-công nói rằng : « *Chế là một ấp nguy-hiểm, Quắc-thúc* (5) *đã bị chết ở đó. Mẹ định chỗ nào khác thì xin vâng.* » Bà bèn xin ấp Kinh rồi cho Thúc-Đoạn ra đấy ở mà gọi là « *Kinh-thành Thái-thúc* » (*Chú* cả ở thành Kinh)

Sái-trọng là quan Đại-phu (6) nước Trịnh nói với Trang-công rằng : « *Thành ở phong-ấp mà đến quá một trăm « trĩ »* (7) *là cái hại cho nhà nước*

---

(1) Ẩn 隱 là một *tên thụy (tên hèm)* nghĩa là tên để thờ cúng, nên cũng gọi là *miếu-hiệu*. Cổ-giả vua chết rồi, quần-thần tìm trong sách *Thụy-pháp* lấy một chữ mà nghĩa nó hợp được với tính của vua lúc sinh-thời; để đặt làm tên hèm cho vua như : Ẩn-công, Vũ-công, Trang-công, Bình-vương, v. v.

(2) Vua các nước từ tước Hầu trở xuống, sống thì xưng chính tước như : *Lỗ-Hầu, Trịnh-Bá Sở-Tử* ; chết thì miếu-hiệu truy-tôn là « *Công* » cả, như *Ẩn-công* Lỗ, *Vũ-công* Trịnh, v. v.

(3) *Vũ* là tên thụy của chồng (vua Vũ-công) *Khương* là tên họ của bà ấy. Tên thụy của vợ vua các nước thường dùng lối ấy

(4) Cổ-giả em vua thì xưng là « *thúc* (chú) », như : *Quản-thúc, Sái-thúc*, em vua Vũ-vương. Anh vua thì xưng là « *bá* (bác) », như : *Thái-bá* anh vua Văn-vương.—v.v. *Thúc-Đoạn* là em Trang-công vua Trịnh ở đây cũng vậy.

(5) Ấp Chế vốn của nước Quắc trước, vua là Quắc-thúc, mới bị nước Trịnh diệt.

(6) Một tước quan đại-thần của Chư-hầu, như chức thượng-thư đời sau.

(7) Ba trượng là một « *trĩ* »

đó. Pháp-chế của Tiên-vương, phàm những thành ở chỗ phong-ấp, bậc lớn nhất không được quá một phần ba của thành nhà nước; bậc trung thì bằng một phần năm; bậc tiểu thì bằng một phần chín. Nay ấp Kinh đắp thành không hợp thức như thế là trái phép, chắc rồi sẽ làm khó chịu đến ngài.» Trang-Công nói rằng: *« Ý bà Khương muốn thế, tránh sao cho khỏi hại được ».* Sái-Trọng thưa rằng: *« Bà Khương thì còn biết thế nào là chán, bất-nhược tính sớm trước đi, đừng để lấn dần ra, đã lấn dần ra rồi thì khó trị. Xem như loài cỏ kia nó lấn dần ra còn khó trừ được, nữa là một người sủng-đệ của nhà vua dư. »* Trang-Công nói: *« Nó làm lầm điều bất-nghĩa, tất rồi nó tự giết nó, nhà ngươi hãy đợi đấy mà xem. »*

Truyện ấy vừa nói xong thì Thái-thúc quả-nhiên bắt ấp Tây-bỉ và ấp Bắc-bỉ đã thuộc về nhà nước lại phải thuộc về với mình. Công-tử Lã (1) là quan Đại-phu nói với Trang-công rằng: *« Quốc-gia không có thể cho dân thuộc về hai nơi được, ngài định thế nào? Vì ngài muốn nhường nước cho Thái-thúc thì chúng tôi xin đến mà thờ ông ta, bằng không thì xin phải trừ đi, đừng để cho dân người ta sinh ra bụng khác.»*

Trang-công nói: *« Không cần gì, nó sẽ gặp sự tai vạ đó ».* Thái-thúc lại chiếm lấy từ hai ấp Tây-bỉ, Bắc-bỉ cho đến mãi ấp Lẫm-duyên để làm hẳn ra tư-ấp của mình. Tử-phong là tên hiệu của Công-tử Lã nói với Trang-công rằng: *« Việc nên làm rồi, ông ấy cường-thịnh như thế tất thu được dân-tâm. »* Trang-công nói: *« Những đứa bất-nghĩa bất-mục càng cường-thịnh càng dễ đổ. »*

Thái-thúc sửa thành chiêu dân xong, bèn sắm-sửa áo giáp, đồ binh, xe cộ, quân-sĩ, sắp kéo vào tập-công nước Trịnh. Bà Phu-nhân Khương-thị cũng toan chỉ bảo cho.

Trang-Công nghe được tin ấy, nói rằng: « Được rồi! », liền sai Tử-phong đem hai trăm cỗ binh-xa đến đánh ấp Kinh. Dân ấp Kinh làm phản Thái-thúc Đoạn. Đoạn lẩn vào ấp Yển. Trang-công đánh ấp Yển. Đoạn phải xuất-bôn sang nước Cung (vì thế cũng gọi là *Cung Thúc-Đoạn.*)

Trang-công bèn an-trí Bà Khương ra ở đất Thành-dĩnh mà thề rằng: *« Hễ không xuống đến suối vàng thì mẹ con không khi nào gặp nhau nữa. »* Nhưng rồi Trang-công lấy làm hối, có Dĩnh Khảo-Thúc là quan Phong-nhân (chức giữ bờ cõi ở Dĩnh-cốc) nghe thấy chuyện ấy, mượn việc đem lễ-vật vào dâng Trang-công. Trang-công cho Dĩnh Khảo-Thúc ăn cơm. Khi ăn có thịt nấu, Dĩnh nhặt thịt để lại. Trang-công hỏi cớ gì. Dĩnh thưa rằng: *« Tiểu-nhân còn có mẹ già chỉ được ăn những thức ăn của tiểu-nhân, chứ chưa được ăn đồ thịt nấu của nhà vua bao giờ. Vậy xin để lại đem về biếu mẹ già. »* Trang-công nói: *« Ôi! nhà ngươi còn có mẹ mà biếu; chứ ta thì không. »* Dĩnh Khảo-Thúc nói: *« Thưa ngài, sao ngài lại dạy thế? »* Trang-công bèn kể đầu đuôi việc ấy và bảo cho biết ông đã hối lại rồi. Dĩnh Khảo-Thúc thưa: *« Ngài lo chi việc ấy, nếu đào đất xuống đến chỗ có nước mạch thành một cái toại-đạo rồi vào đấy làm lễ tương-kiến thì sao không được. »*

Trang-công theo làm như lời ấy. Trang-công ở cửa toại-đạo đi vào yết-kiến mẹ và đọc một bài thơ có câu rằng:

---

(1) Con vua Chư-hầu, con cả gọi: *Thế-tử, Thái-tử*, con thứ gọi *Công-tử*.

Cụ Nguyễn Trãi

Cụ Nguyễn Trãi, hiệu Ức-trai, là một bậc danh-nhân nước Nam ta, có công giúp vua Lê Thái-tổ đánh giặc Tàu, khôi-phục nước (1428). Đây là chụp ảnh bức chân-dung của cụ thờ ở làng Nhi-khê, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông. Bức tranh này tương-truyền là cổ lắm.

« *Theo đường đại-toại đi vào, nỗi vui này kể xiết bao vui vầy !* ». Rồi Bà Vũ-Khương cùng con ở trong toại-đạo đi ra cũng đọc một bài thơ có câu rằng : « *Theo đường đại-toại đi ra, nỗi vui này mới thực là hòa vui !* » Mẹ con từ đó lại như xưa.

. . .

Nước Trịnh từ Vũ-công đến Trang-công đều làm chức Khanh-sĩ, — giữ triều-chính cho vua Bình-vương nhà Châu, sau Bình-vương chia một nửa chính-quyền cho vua nước Quắc. Trịnh Bá (là Trang-công) oán Bình-vương về việc ấy. Vương chối rằng : «*Không*», vì vậy nhà Châu với nước Trịnh phải trao đổi «con tin» cho nhau, Vương-tử Hồ thì ra làm con tin ở nước Trịnh, Trịnh Công-tử Hốt thì vào làm con tin ở nhà Châu.

Nay Bình-vương mất, người nhà Châu định sẽ giao cả triều-chính cho Quắc-công.

Tháng tư năm thứ ba Ẩn-công. — Sái-Túc (tức Sái-Trọng) nước Trịnh đem quân chiếm lấy ruộng lúa ở ấp Ôn (về hạt nhà Châu); mùa thu lại chiếm lấy ruộng lúa chín ở xứ Thành-Châu. Từ đó Châu Trịnh thành ra giao-ác ghét lẫn nhau.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

QUỐC-VĂN ĐỐI VỚI CÔNG-DỤNG VÀ THỜI-GIAN

Gần đây việc giáo-dục quốc-ngữ đã có cơ tiến-hành, lan rộng khắp trong Nam ngoài Bắc ; từ chốn thôn-quê đến nơi thành-thị, đâu đâu cũng nghe nói học quốc-ngữ, hai tiếng quốc-ngữ đã dầm-thấm dồi-dào trong đầu óc người mình tựa-hồ như những buổi trời chiều, sau một cơn nóng sốt mà được có ngọn gió nam dìu-dặt, nhẹ-nhàng, mát-mẻ, đem những giọt sương hôm đượm nhuần vào hoa cỏ vậy. Mỗi đêm sáng trăng thong-thả dạo chơi trong làng, nghe có tiếng trẻ đọc sách tiếng nước nhà. Dưới bóng đèn dầu sáng-sủa, một cậu trẻ đang ngồi học bài, lặng nghe cái giọng thanh-tao đêm hôm yên-tĩnh, thì tưởng như có cái hồn thiêng-liêng gì đương quanh-quẩn đâu đây, khiến cho trông mặt cậu trẻ, nghe tiếng cậu trẻ phải cảm-động nồng-nàn, cái hồn thiêng-liêng ấy tức là cái hồn Đại-Việt vậy.

Nhưng trong lúc cậu đang chăm-chỉ đọc sách thì bên này cha mẹ cậu đương nhỏ to bàn-bạc, lo-lắng nghĩ thương cho thân-phận trẻ con sau này mà than-thở rằng : «Thì buổi này, chữ Pháp đã thông-dụng khắp cả xứ Đông-Pháp, chẳng đâu chẳng dùng đến : thơ-từ giấy-má, yết-thị cáo-bạch, sổ-sách về việc công, việc tư, việc dân việc nước ; cái ích-lợi của chữ Pháp là thế. Nay trẻ con trong lúc bắt đầu vào học thì chỉ dạy quốc-ngữ, học quốc-ngữ có ích gì ? để làm gì ? »

Học quốc-ngữ để làm gì ? Chữ Pháp ngày nay thật đã thông-dụng rồi ? Nghe câu hỏi phải giật mình, thật hư thế nào chưa dám nhất-khái nói được,

nhưng thế nào rồi cũng phải giải-quyết. Hôm nay, luôn đây tôi soạn lại những phong thư cũ, mực đã lợt, giấy đã vàng. Thường thường tôi hay soạn đọc lại và thường nhất là những buổi trời về thu, giọt mưa rỉ-rả, ngồi yên trong phòng xem lại những bức thư xưa lấy làm hứng-thú vô-cùng, vì những mảnh giấy đờ tức là những cuộc đời ngắn-ngủi của tôi cùng các bạn đồng-học, cuộc đời ngắn-ngủi và hạnh-phúc vô-cùng. Hôm nay soạn những mảnh giấy ấy lại vì một cớ khác nữa, là muốn biết chữ Pháp ngày nay đã thông-dụng rồi chưa trong xứ này. Coi qua một lượt thì thấy trong mười bức thư còn được vài ba bức viết bằng quốc-ngữ, còn bao nhiêu thì viết bằng chữ Tây, hoặc chữ ta xen lẫn chữ Tây, biệt-thành một thứ chữ «ba rọi», như :

Mon cher ami ; *moi* kính lời ; *votre vieil ami* ; *vous* nhớ viết thư cho *moi* ; v.v. —(Một thứ chữ trẻ con lạ đời !)

Đọc xong, gập tờ giấy lại, ngồi tưởng mà buồn tênh ! Tưởng đến mấy triệu người mình phải dùng một thứ chữ nửa tây nửa ta ấy mà diễn-giải cái ý-nghĩa mình... Tưởng đến quốc-văn nước Văn-lang phải mai-một vì Hán-tự, quốc-văn Chiêm-thành phải tiêu-diệt vì chữ ta, tưởng đến cả quốc-văn của các dân tộc hèn yếu phải tiêu-diệt mà để cho văn-tự ngoài thế vào, tưởng đến thân-phận người Việt-Nam chưa viết nên được một câu văn quốc-ngữ. . . Đau-đớn thay !

Nghĩ miên-man như thế rồi cũng không quên được câu hỏi : học quốc-ngữ cũng phải có cái công-dụng gì ? Học thì để làm gì mới được chớ, có phải học cho có chừng, có học rồi thôi đâu. Bao giờ chưa giải xong câu hỏi ấy thì việc giáo-dục quốc-ngữ còn phải trở-ngại nhiều lắm. Xét ngay cái gia-đình cậu thư-sinh kia thì có thể biết được ít nhiều, cha cậu đôi khi cũng phải thổ-lộ ra ngoài những nỗi ưu-tư uất-ức trong bấy nhiêu lâu mà để cho cậu nghe được:

— Học quốc-ngữ có ích gì, học mà để làm gì ?

Hoặc cậu có nghe đi nói lại mà thưa rằng :

— Thầy con thường dạy : người nước nào cũng phải thông chữ nước mình, ít nữa cũng phải biết cho đủ dùng rồi sẽ học văn-tự nước ngoài, như người Tầu sau khi thông Hán-tự rồi mới học chữ Anh, hoặc chữ Pháp, hoặc chữ Đức, người Nhật cũng vậy mà cả các nước phú-cường ngày nay cũng vậy, vì vậy mà nay con . . .

— Ừ, con học chữ quốc-ngữ, có danh-vọng gì không ? Có lợi-lộc gì không ? Ai có cần đến con không ? Trong các tỉ các sở có ai cần đến mấy ông đồ nho-nhe kia đâu !

Ấy, cậu bé nín lặng mà nghe theo lời nghiêm-huấn ; nhưng nếu cậu không nghe thì sau này ra thế nào ? Tất-nhiên cậu phải khép vào tội bất-hiếu, nghịch-luân, hoang-đãng, thành ra một con người có tội với gia-đình, với xã-hội. Cái tội như thế cũng khá thương-hại vô-cùng. Ai người thương-tâm tất cũng phải kiếm phương-thế mà tháo-gỡ cho cậu bé kia vậy, mà gỡ cách nào, bảo cậu bỏ-phế quốc-ngữ đi chăng ? Không lẽ thế, chính tất phải giải cho biết học quốc-ngữ để làm gì, ích-lợi về đâu ?

Tôi hôm nay xin thử làm ông trạng-sư để biện-hộ cho cậu về cái tội oan-nghiệt kia. Học quốc-ngữ để làm gì ? Tại sao phải học ? Theo ý-kiến tác-giả quyển *Contes du Lundi* thì mỗi dân-tộc nào cũng phải học thông quốc-văn mình cả. Cái dân-tộc ấy, sau này dầu

có thể nào chăng nữa mà vẫn còn giữ được quốc-văn cho hoàn-toàn thì cũng tự mình giải-thoát cho mình một cách rất dễ-dàng hình như mình cầm cái chìa khóa mà mở cửa ngục mình vậy. Lẽ ấy là một lẽ hẳn-hoi đúng-đắn, thiên-nhiên bất-dịch. Người ta thường nói văn nước nào chính là hồn nước ấy, người dân trong nước mà còn giữ được quốc-hồn không trụy-lạc thì còn có lo gì. Vẫn biết cái hồn là một mối siêu-hình, nhưng là một vật có thế-lực rất mạnh-mẽ, có cái tính-chất sai-khiến mà không hề biết cho sai khiến. Cái lý ấy thì nghiệm theo từng người một sẽ biết. Một người nào hay sinh-hoạt ở cõi đời tinh-thần hơn đời vật-chất, và khi đã theo một phương-châm nhất-định thì dầu có cưỡng ép thế nào cũng không thay đổi được. Cái hồn ấy vẫn cao lắm, như đã sản-xuất cái lòng bác-ái của Phật-tổ, của Gia-tô, của Mặc-tử, cái lý cao-siêu huyền-diệu của ông Khổng-tử, ông Mạnh-tử, cái khí anh-hùng hào-kiệt của ông Nã-phá-luân... Hồn ấy mới là cái hồn của một người mà đã lên cao đến như thế thì cái hồn của một nước, ai biết tiến lên đến bậc nào. Cho nên những nước đã tiêu-tán quốc-hồn, tức là tiêu-diệt quốc-văn, thì thật yếu-hèn bạc-nhược chẳng còn kể vào đâu nữa. Chính cũng như nước Chàm, đến nay còn những gì? Chẳng những tiêu-diệt quốc-văn quốc-hồn, lại tiêu-diệt luôn cả quốc-dân vậy. Ngày nay ai còn biết người Chàm là sao? Chao ôi!

Châu-giang một giải sông dài!...

Cái di-tích Chàm nay có lẽ chỉ còn mơ-màng lại trên làn nước sông Châu kia vậy.

Hoặc-giả cũng có người nói liều-lĩnh như thế này: « Có tiêu-diệt đi cũng không hại gì. Sống ở đời là khổ, chết đi ngày nào là sướng được ngày ấy, can chi phải lo. Nước Chiêm-thành ngày nay còn có sợ chết đói đâu, giặc-giã chiến-tranh đâu!... »

Thật thế, cuộc đời là một trường khổ-não, tránh đi được là sướng vô-cùng. Nhưng chết nỗi! Cái tiêu-diệt của một nước có giống cái chết của một người đâu. Người ta khi lâm-chung thì nhắm đôi mắt lại là xong, nhưng một nước trước khi bị đào-thải trong dòng thiên-diễn thì phải kinh-qua một cơn suy-tồi hèn-hạ chưa biết dây-dưa mãi đến chừng nào! Giống người là một giống có linh-hồn, có trí-não, dầu cho dã-man như những mọi Bắc-Mĩ khi xưa cũng vậy, một giống đã có tâm-tư cảm-xúc thì bao giờ chịu nổi cái thân-phận kém-hèn mãi, mà dầu có cưỡng ép phải chịu thì những đêm hôm tịch-mịch, ngồi âm-thầm thổn-thức, tư-tưởng chuyện gần, nghĩ-ngợi xa-xôi, tất phải đau lòng xót ruột mà than trách vô-ngần. Mà oán trách ai bây giờ? Chẳng phải trách-móc ông bà cha mẹ mình khi xưa chẳng biết thương tưởng đến con cháu, chẳng biết lo-lắng đến con cháu, để cho phải đến nông-nỗi thế ư? Chao ôi! Ai là ông bà, ai là cha mẹ ở dưới suối vàng hãy lặng nghe những lời con trẻ nó than-thở như thế, trông cái thân con trẻ nó đau-đớn như thế, thì làm sao mà ngậm cười cho được, mà thơm lây với ai! Tuy-nhiên người là một giống có lương-tâm, đã có lương-tâm tất không lòng nào mặt ngơ tai điếc với những chuyện đau lòng như thế. Vì vậy cho nên về buổi cựu-thời trong lúc Hán-học đã truyền sang xứ ta, thông-dụng và thịnh-hành, trong lúc những người Việt-Nam già trẻ bé lớn, đều đăm-đăm quay về Hán-học, trong lúc các cụ đồ nho ngồi ngâm-nga lầm-nhầm thơ ca ông Lý, ông Đỗ, ông Tô, ông Hàn, lại có một vài nhà đột-khởi sáng-kiến ra chữ Nôm để diễn-giải quốc-âm nhà, thật đã dụng-công rất hay và dự-đoán rất sâu-xa

vậy. Cũng nhờ đó mà ngày nay ta mới có những quyển văn quốc-âm kiệt-tác, văn-chương thâm-trầm áo-não như vẽ mặt khách hồng-nhan mệnh bạc, nỉ-non réo-rắt như lời than kẻ thiếu-phụ chinh-phu. Chao ôi! Những quyển văn kiệt-tác như thế, ta hưởng-thụ được kể cũng hạnh-phúc vô-cùng, nếu chẳng duyên chẳng phước, chẳng nợ chẳng tình, thì chưa hẳn dễ vào tay ta vậy.

Nghĩ lại: những người chúng ta, từ nhỏ đến lớn, từ trẻ đến già, ai chẳng ngộ một cơn ưu-tư sầu-não, hoặc vì tâm-sự ở trong nó kích-thích nặng-nề, hoặc vì gia-đình đảo-điên biến-động vào tâm-tư, hoặc vì xã-hội suy-tồi ảnh-hưởng trong thần-trí? Cũng có khi nhân sự phiền-não mà muốn giải khuây, thần-thơ thơ-thẩn bên cầu, trông ra biển thẳm xanh-xanh, ruộng dâu mơn-mởn, mấy đám phù-vân lơ-lửng, tất phải khắc-khoải bồi-hồi, vì:

Trải qua một cuộc biển dâu,
Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng.

Nhưng khốn nỗi, « nỗi lòng biết tỏ cùng ai?... »

Trông dòng nước: « nước có chảy mà phiền chẳng tả »;

Ngắm đợt cỏ: « cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây ».

Vào lúc « khi bi-thu sực-nức hè lạc-hoa », thì lạnh-lùng áo-não biết đường nào! Tùng-nhiên thân-thế ta lúc này chưa đến như cái cầu nọ mà ngồi trơ cô-độ, cái quán kia mà đứng rũ tà-huy, mà coi cho nhân-sự tiêu-điều, hoặc-giả có phải sầu, phải cảm, nhớ đến chuyện cũ mà bồi-hồi, trông thấy việc nay mà lo-lắng, thì hãy còn lời an-ủi được. Lời an-ủi ấy tức là mấy tập cảo thơm của ông bà để lại, « của tin còn một chút này », thôi thì hãy đem ra « lần giở trước đèn », khá nên nhân cái dịp-phách buổi trước mà đem phả vào cung đàn ngày nay, họa khi cũng nên tiếng nên tăm, biết đâu nghe ra chẳng trong-trẻo, êm-đềm, dìu-dặt, rang-rảng như tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.

Cũng nhờ mang cái hi-vọng thanh-cao ấy nên gần đây, trong giữa đám đông người ồn-ào rộn-rịp như ong vỡ ổ, như kiến lạc bầy, lại có vài người khéo định tâm vững chí, đứng lên cao mà hòa mà khảy một khúc đàn mới-mẻ này, khiến cho bao nhiêu người tán-loạn ly-cuồng, bỗng dưng trong lòng thấy nhẹ-nhàng, mát-mẻ, tươi-tỉnh, hòa-hoãn, rồi tự-nhiên biết đứng yên lại có thứ lớp, có trật-tự, một cách vững-vàng chắc-chắn. Khúc đàn mới ấy là gì? Chẳng phải quốc-văn Việt-Nam ngày nay ư? Rồi từ đây, quốc-văn Việt-Nam ngày một phong-phú phong-thú, quốc-hồn Việt-Nam ngày một tươi-tỉnh thanh-tao, quốc-dân Việt-Nam ngày một cương-cường hùng-tráng, mừng thay! Nhưng trong lúc cái hi-vọng của quốc-văn Việt-Nam đang tốt-tươi đẹp-đẽ như thế, lại có kẻ chê là cái hi-vọng viển-vông, chỉ là một mớ ảo-tưởng, cho là vụng-về, là dại-dột, toan đánh đổ cho tiêu-diệt mất, mà thiệt vậy, họ thi-hành thật; cái thế-lực phản-đối ấy đến nay vẫn còn bành-trướng lắm. Những người ấy quyết đem văn-chương Pháp làm quốc-văn Việt-Nam, vì văn-chương Pháp là một thứ văn hay, đẹp, cao xa, thâm-thúy, đủ để diễn-giải mọi cái lý-tưởng huyền-diệu siêu-việt. Cho nên trong khi cái giọng thanh-tao thép lột của cụ Hàn đương bàng-bạc vẫn-vơ trên non sông đất nước này, trong khi người ta đương vui chơi ở truyện *Kiều*, ở *Cung-oán*, ở *Chinh-phụ*, ở *Hoa-tiên*... thì những người ấy cũng tán-tụng, ca-ngâm, khen-ngợi ông VERLAINE, ông RÉGNIER, ông LA FONTAINE, ông VICTOR HUGO, ông LAMARTINE, ông

MUSSET, ông ANATOLE FRANCE... Phải, Pháp-văn cao-thượng thật, đẹp-đẽ thật, mà lại là một con đường trực-tiếp với mọi xứ văn-minh tấn-hóa ngày nay, không phải nói gì nữa. Nhưng hãy khoan, đừng vội nhận mà lầm, mắc lầm to hơn ông Thủy-Hoàng khi xưa.

Tôi thường thấy các nhà thích chơi hoa, thích trồng hoa, có người gửi tận Pháp mua hạt giống về trồng. Mỗi khi hoa mọc lên thì vun phân tưới nước đầy đủ, lắm khi nước tưới nhiều quá chảy lênh-láng ra cả ngoài vòng. Sắc cũng tươi tốt, hương cũng thơm - tho, nhưng chỉ tiếc cái điệu hoa gầy, cái dáng hoa yếu, chẳng được nhởn-nhơ mạnh-mẽ, hoa có vui chăng cũng là vui gượng gọi là! Chẳng bao lâu thì màu phai hương lợt, cành hoa đã tàn-tạ! Giống hoa ấy thực thì một thứ danh-hoa, nhưng cái quốc-sắc thiên-hương kia có tốt-tươi dầm-thấm là khi nào trồng ở vườn xưa đất cũ mà thôi. Đem sang một nơi khác, một nơi khác phong-thổ, khác khí-hậu, càng kém hay kém tươi nhiều lắm. « Muôn phần còn có phần nào phần tươi!» Lấy Pháp-văn làm quốc-ngữ, âu cũng một lẽ như thế.

Một ông quan cai-trị ở nước ta có lưu-truyền một câu Pháp-văn thế này, một câu văn của cậu học-sinh Việt-Nam học Pháp-văn trong mấy năm trời mới viết ra được : « Tôi nhà trường » (*Je l'école*:, chỉ cho rằng : « Tôi đi học »).

Nếu đem cậu bé ấy cho học quốc-ngữ trong vài năm tất đã thông-thạo khá lắm, những bài thơ vắn-tắt mà đẹp-đẽ như bài « Hoa sen », bài « Con cò », có khi đã thuộc lòng và hiểu tự bao giờ, chớ có đâu phải lẩn-lộn, mập-mờ, ngơ-ngác mà nhìn tôi ra cái nhà trường kia được!

Vài tháng rồi ở đất Phương-thành mới sản-xuất tập « Bông hoa đầu mùa » của một cô thiếu-nữ học-sinh, có thể lấy làm cái chứng-cớ hiển-nhiên, chứng cho rằng sự học quốc-ngữ rất chóng, rất dễ và nếu dạy cho đúng cách-thức thì văn-chương cũng có giá-trị lắm lắm. Trong tập ấy, tác-giả còn e-ngại vì hoa đầu mùa, lo sợ vì hoa đầu mùa, không kiêm được cả « kỳ-hương dị-vị ». Nhưng các ngài thưởng hoa, dầu không lấy biệt-tình đãi hoa đầu mùa mà cũng phê ngay rằng : « Hoa ấy có hương có sắc vậy. »

Học quốc-ngữ có công-dụng gì? Trên đã nói người mình học quốc-ngữ chính là vì một lẽ cao-thượng ấy, cái lẽ ấy tuy có cao-thượng thật, nhưng xét ra thì là một lẽ thường-thường êm-đềm, hòa-hợp nhã-nhặn, chẳng ai chẳng muốn hoan-nghênh một cách ái-ân vui-vẻ, chẳng ai có nỡ lòng nào mà bài-bác chẳng muốn cho ta học-hành. Vả lại vào buổi này người mình học quốc-ngữ là vì nghĩa-vụ, vì trách-nhiệm hơn vì danh - giá, vì quyền-lợi, nhưng suy đến cái lợi thì không phải không có. Nói cho phải, cái cận-lợi thật hiếm-hoi ít-ỏi quá mà nếu tính lâu-dài thì vẫn « còn nhiều hưởng-thụ về sau », vô-cùng vô-tận.

Đối cái trách-nhiệm này, cái nghĩa-vụ này, có nhiều anh thường bĩu môi cau mày mà bài-bác rằng : « Chẳng phải việc mình làm! chẳng phải lúc mình làm!» Lại có người hãm cho mấy câu rằng :

Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy,
Cõi phù-du trông thấy cũng buồn [cười.
Thôi! công đâu chác lấy sự đời!

Thật vậy, chác lấy mà làm gì, anh? —

Nhân-sinh thích-chí,
Tiền cho nhiều, vợ cho đẹp, đàn cho ngọt, hát cho hay,

chẳng là sướng hơn ru?

— Phải, sung-sướng thì sung-sướng thật, mà :

Cuộc đời kia lắm lúc bi-hoan,
E đến khi hoa nở trăng tàn,
Xuân một khắc dễ ngàn vàng đổi-chác, anh ạ!

Lại ai đã chắc mình sống ba vạn sáu ngàn ngày mà chơi cho thích-chí?

Đêm đông lặng ngắt, phòng văn hơi giá như đồng, tôi ngồi một mình bên án sách, đương cắm-cúi trên quyển văn, thì ngoài cửa có con giơi đập cánh bay vào, bay liệng trên không một lúc rồi cũng theo hé cửa khi nãy mà bay tuốt trong đêm trường mù-mịt... Tôi tưởng cho đời người ta cũng như con giơi này, cõi đời cũng như cái phòng này, cuộc đời chỉ nhoáng qua không mấy chốc, mà khi ra đời hay khi vào đời cũng một thế mà thôi.

Lại những buổi chiều, thường đứng ở cửa biển trông trời, trông về xa xa mấy chiếc thuyền phất-phơ buồm. Trời lần tối, gió thổi mạnh, mấy con buồm từ từ mất hút trong đám sương mù... Tôi tưởng đời người cũng như con buồm ấy mà cõi đời cũng như cái biển ấy, trên biển trần con buồm kia vẫn đi đi mãi, dầu cho gặp cơn sóng gió hay gặp buổi êm trời cũng phải vượt qua thôi. Đời người chỉ ngắn-ngủi có ngần ấy thì người đời phải làm thế nào? Lắm khóm hoa lan chốn u-cốc mà phong kín cái hương nhã-tháo mãi chăng? Làm cánh hoa đào theo dòng biếc phó cho con nước triều nó quay, nó cuốn, nó trôi, nó chảy đi chăng? Hay làm cái rêu xanh lần-lút trong hang đá mà giữ lấy màu thanh-u? Chao ôi! chẳng ở đời thì chớ, đã ở đời thì cũng nghĩ lại nào; dầu có chán-chê cái đám phú-vân đềnh-đoảng, mê-mỏi cái mồi phú-quí hão-huyền, chẳng còn biết một « chút danh gì với núi sông », thì cũng phải có một chút vận-sự mới được! Chiếc nhàn-vân lơ-lửng trên tầng không cũng che-chở cho khách lữ-hành cơn nắng hạ, ngọn thanh-phong hiu-hắt bên sườn núi cũng quạt mát kẻ hái rau buổi trời hè, thì ai, ai ơi! cũng nên nhận lấy một chút phần việc mình, chớ nỡ đâu lại nói: «Chẳng phải việc mình làm, chẳng phải lúc mình làm » cho đành! Bao giờ mới phải lúc mình làm? Ngẫm cho kỹ, một đời người, khi thơ ấu thì chỉ có chơi là hết, vui chơi sung-sướng như con chim trên trời, như con cá dưới nước, như đoá hoa trên cành, như cái trăng mười sáu, thong-dong êm-ái. Kíp đến khi vãn-cảnh thì chỉ có trông, trông con trẻ nó chơi, trông người ta làm việc, trông dòng nước chảy xuôi, trông con chim kêu bạn, hoặc đôi khi có cảm-hứng muốn thi-thố một chuyện cỏn-con thì sức ấy cũng là sức tàn, lực ấy cũng là lực tận, chẳng mong được nữa, cái đời êm-đềm lặng-lẽ như mộc-thạch trong thâm-lâm. Bút cục lại, đời người chỉ có một khoảng thì-giờ thật ngắn-ngủi để làm việc, nếu trong khoảng ngắn-ngủi ấy còn đợi, còn trông, còn nói « chưa phải lúc mình làm » thì thật khá thương mà khá tiếc vậy.

Ngày giờ thấm-thoắt thoi đưa,
Nó đi đi mãi, có chờ chờ ai!

Thôi, thì-giờ đã đến rồi, nào những ai học-sinh văn-sĩ, nào những ai tao-khách thi-nhân, nào những ai thuyền-quyên tài-tử, nào những ai hào-kiệt anh-hùng, nên vì cái tiền-đồ Việt-Nam, cái vận-mệnh Việt-Nam mà nghĩ cho: « Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở như chữ quốc-ngữ ».

TRÚC-HA (*Hà-tiên*)

VIẾNG CON GÁI TỪ-TRẦN

Lục-an-châu, ngày 5 tháng 5 năm 1928

Con ơi! bức điện-tín báo con ra đời dễ thường chưa khô mực, mà bức điện-tín báo con lánh đời đã đến tay. Than ôi! con đi đâu mà vội-vàng chi thế? Không kể khoảng thời-gian con còn ở trong bụng mẹ con là nơi ấm-áp êm-đềm, đời của con trong non ba trăm ngày đó là khoảng đời sung-sướng biết bao: bấy giờ mắt con còn nhắm, tai con còn bưng, miệng con còn ngậm, tứ-chi con còn chưa cử-động, con còn được cách-biệt hết thảy với đời; thế-giới của con còn là thế-giới tối-tăm tịch-mịch...

Kịp đến khi con lọt lòng mẹ con ra: đem tiếng khóc vô-tình chào đời, mở con mắt vô-tình trông đời, đem cái tai vô-tình nghe đời, đem quả tim vô-tình ra cùng đập với đời... Từ đó, con bỏ cái thế-giới yên-tĩnh sung-sướng kia mà vào cái thế-giới mông-mênh bát-ngát, cái thế-giới sầu-khổ ồn-ào này. Tính ra từ lúc con trông thấy ánh sáng mặt trời, cho đến lúc con nhắm mắt từ-giã cõi đời, thì mới được bảy-mươi-tám ngày vừa chẵn.

Con ơi! bảy-mươi-tám ngày của con ngắn-ngủi biết bao! Sao con vội-vàng lắm thế? Quan-sơn nghìn dặm, cha con chưa được biết nhau, chỉ mới phảng-phất vài lần trong mộng, cha được thấy con: nào bế con, hôn con, nào yêu con, thương con, những chắc nay mai đến ngày xum-họp thì mộng sẽ hóa ra chân: nào ngờ trong giây phút, gió táp mưa sa, cái chết vô-tình đến đem hương-hồn con đi đâu không biết!

Con ơi! Thân con, đời con thực không khác chi một đóa hồng non mơn-mởn, trên cành xuân chưa nở đã tàn. Cánh hoa tươi thắm, hương hoa ngạt-ngào, đem cái vẻ thiên-nhiên làm cho đẹp mắt vui lòng người vun trồng bón tưới. Ngờ đâu trẻ Tạo nhỏ-nhen, đem tâm đố-kỵ, một trận mưa cuồng gió dại, cánh nhị lả-tơi! Nghìn xưa «bạc-mệnh» có lời, của chi hiếm báu ở đời được bao!

Con ơi! thế là từ nay con từ-giã cái thế-giới hữu-hình này mà vào cái thế-giới vô-hình kia, muôn năm vắng-vẻ! Cái hương-hồn con là phần tinh-hoa của cha mẹ thì nay phảng-phất tiêu-dao đâu hử? Trên ngọn non cao chăng? Ngoài làn biển cả chăng? Hay là đã qui-hợp vào đại-hồn của vũ-trụ là nơi căn-bản của muôn loài? Còn chiếc thân hồng thắm nọ tưới nhuần giọt lệ bi-ai của mẹ con, thì nay phó cho một nắm đất vàng, nắng mưa sá quản. Nay mai hóa-công sẽ đem một làn cỏ biếc phủ đậy lên trên, đem mấy đóa dã-hoa trang-điểm thêm vào, để làm cái màn che mắt kẻ qua người lại, rồi đây còn ai để ý đến nữa đâu! Hình-ảnh con rồi cũng theo ngày tháng mà xóa nhòa dần ở trong tâm-trí từ kẻ thân cho chí người sơ, con ơi!

Con ơi! con lánh cõi đời, con để mối thương-tâm cho cha mẹ; nhưng nghĩ cho kỹ cũng có phần nên mừng cho thân con. Thương là thương thân con yểu, mệnh con bạc, con chưa được biết thế nào là đất nước tổ tiên, thế nào là anh em cha mẹ; con chưa được hưởng cái đẹp của tâm-hồn, cái vẻ mĩ-lệ của thiên-nhiên. Mừng là mừng rằng con được xa cõi đời trước khi mắt con phải trông những sự tang-thương biến-

cải của đời, trước khi tai con phải nghe những điều tàn-ác xấu - xa, những sự đê-hèn ô-nhục của đời, trước khi tâm con phải đau-đớn vì những nỗi đau-đớn ở đời, trước khi hương-hồn con phải cảm-nhiễm cái xú-thái của đời. . . Thân con còn sáng như băng, trong như tuyết, chỉ mới thấm nhuần cái mùi sữa thơm ngọt của mẹ con thôi; vị đời chua cay mặn đắng, con chưa phải nếm vị nào. Con lành cõi đời hết thảy trong mình con trong-sạch, tưởng cái thương cũng lẫn với cái mừng. Hóa-công vô-tình ư? hóa-công hữu-ý ư?

Thôi thôi! nghìn dặm xa-xôi, mấy lời khóc viếng, con thấu tình chăng? Trong giấc mộng-trường, suối tuôn hàng lệ, hương-hồn con có thiêng chăng, con nhận lấy nhé!

Cuộc đời là cuộc phong-ba,
Tử-sinh gác bỏ mới là đạt-nhân.
Vui đâu trong cõi hồng-trần,
Trăm năm thôi cũng một lần mà thôi!...

NG. K.-C. (*Lục-an-châu*)

BÀI PHÚ CÂY KHOAI SAN-HÀ

(*Bạn vần « San-hà chung-cổ điện kim-âu* 山河終古奠金甌 (1)»

Trước sân ta có một loài thực-vật, lá to như lá ráy, dọc trắng như ngó sen. Vật nó tuy-tiểu, hình nó khả-quan. Nguyên là loài khoai mà không củ, dọc nó có thể ăn được, mà tính nó vi-hàn. Nó có công giải-nhiệt, có vị khả-khẩu, ăn nó không lăn-tăn ngứa mà giòn-ngon. Nó đối với thế-gian, chẳng qua thái-bình nhất thảo-mộc; nó sinh ra Nam-quốc, âu cũng vạn-cổ thử giang-san.

Khách có kẻ, áo sen xúng-xính, gậy trúc la-đà, lưng đeo bầu rượu, tìm đến chơi ta. Rượu chửa rót chén, miệng trước ngâm - nga. Ngâm rằng: «Lan trên chậu hề thơm tự nhà, quế trên rừng hề chớ ngại xa! Tabăn-khoăn hề bụng ta nghĩ, non với nước hề cỏ cùng hoa!» Khách, rượu ngà-ngà, nhác trông ra. Thấy một vật, cành xanh-tốt, lá rườm-rà. Chẳng sen chẳng ráy, chẳng đắng chẳng la. Hỏi cây gì đó a? Chủ-nhân đáp rằng: Cây khoai san-hà.

Khách nói rằng: «Thực thế dư? Than ôi! lạ-lùng thay! Non kia cao, ai đắp nên non; sông kia sâu, ai đào nên sông? Ấy lời ca-dao trong quốc-phong đó mà. Bắc trông Thao Đà, nam trông Mê-công; giữa trông Bình Vân, ngoài trông Tản Hồng. Nước biếc non xanh, mạnh đẹp khôn cùng. Ấy nước ta tú-khí sở-chung đó mà. Đương thủa kẻ vun người xới, lắm kẻ anh-hùng; thì chồi Lê thịnh-vương, cành Lý uất-

(1) *Sơn-hà chung-cổ điện kim-âu. Điện* nghĩa là chỉnh-định; *kim-âu* là chiếc âu vàng. Vì về cảnh-tượng thái-bình. *Xã-tắc kỷ-hồi lao thạch-mã, sơn-hà chung-cổ điện kim-âu.* (Thơ Nam-sử đời nhà Trần).

thông. Kịp khi thế-giới giao-thông, thiên-hạ đại-đồng, thì sắc đen sắc trắng, sắc vàng sắc hồng; hạt gieo quả nẩy, loài góp tây-đông San-hà, san-hà, chỉn cùng đại-kiếp cùng thủy-chung đó vậy; mà nay lấy nghĩa gì về loài khoai loài rày loài mùng đó thay?

« Huống tôi với bác, ở chốn thảo-mao (1), cầm tinh đễ-đỗ (2). Bâng-khuâng thánh-hiền, thắc-mắc kim-cổ. Cái đức tật-phong kính-thảo, đâu dám tự-khoa; câu văn hồng-hạnh bích-đào, há rằng vô bổ. Kìa trông nước mà trông non, nọ ngắm cây mà ngắm cỏ. Khéo tươi tốt con nhà khoai, sao như vạch mà như trỏ? »

Chủ-nhân nói rằng: « Khách cũng biết chăng san với hà đấy dư! Núi bao nhiêu tuổi núi là núi non, đời đời kiếp kiếp, hình không biến vậy. Con sông kia nước chẩy đôi ba dòng, ngày ngày đêm-đêm, thế thường chuyển vậy. Trời đất có cái khí chính-đại, vậy hà-nhạc thì thày Văn ca (3). Người ta có cái công bình-thành, vậy san-xuyên thì vua Vũ điện (4). San-hà lúc thanh-bình, thì biếc biếc xanh xanh, cảnh ngô-đồng sinh (5). San-hà buổi truân-kiển, thì ai ai oán oán, hồn đỗ-quyên hiện (6). Đến như vạn-vật ở lưỡng-gian, có đại có tiểu, có quí có tiện. Nếu biết cố-danh mà tư-nghĩa, thì cũng bất-trúng mà bất-viễn.

« Khách cũng biết chăng cây khoai san-hà nữa đó dư! Ba đời bảy họ nhà khoai mà không ngứa, cả san lẫn hà một vật mà lưỡng-kiêm. Tuy chất thảo mà chất thái, thực giá ngọc mà giá kim. Khoai san-hà, khoai san-hà, mày là San-tinh hiện-thế đấy dư! đức mày cũng khá xem vậy. Mày là Hà-bá hậu-thân đấy dư! danh mày cũng khá thèm vậy. Lá mày tốt, cành mày dài, kẻ xương-sinh gần mày, để tránh cái uy ông khốc-lại (7). Tính mày thanh, vị mày đạm, người quân - tử thưởng mày, để dưỡng cái đức liêm. Ví so vào tập thiên-thư (8), phận kia vốn định; nhân tưởng đến hồn thạch-mã (9), kiếp nọ khôn chìm. Ấy cái vật tự-nhiên

---

(1) Thảo-mao = ở chốn thảo-mao, trỏ về người xử-sĩ.

(2) Đễ-đỗ = Kinh *Thi* có thơ cảm-hứng cây đễ-đỗ, cảm về sự nhà Chu suy.

(3) Thày Văn ca = Bài *Chính-khí-ca* của ông Văn Thiên-Tường nhà Tống, nói chính-khí của trời đất ở dưới là sông núi.

(4) Vua Vũ điện = Vua Vũ nhà Hạ đi trị-thủy, chỉnh-định cao-sơn đại-xuyên.

(5) Ngô-đồng sinh = Chim phượng-hoàng kêu ở buổi chiều-dương, cây ngô-đồng sinh ở chốn cao-cương, nói về cảnh-tượng thái-bình.

(6) Đỗ-quyên hiện = Thục-đế mất nước, sau hóa làm con đỗ-quyên, đêm đêm kêu quốc-quốc, là hồn nhớ nước.

(7) Khốc-lại: Người quan-lại dữ ác, ví về phen nắng dữ. Cổ-thi: *Đại thử khử khốc-lại.*

(8) Thiên-thư = Thơ sử Nam nhà Lý: *Nam-quốc san-hà Nam-đế cư, tiệt-nhiên định phận tại Thiên-thư.*

(9) Thạch mã = Sử Nam đời Trần, khi đánh được giặc Nguyên, vào cáo yết Thái-miếu, thấy con ngựa đá ở Thái-miếu cũng đổ mồ-hôi, cho rằng tổ-tiên cũng có công giúp nước, cho nên có thơ rằng: *Xã-tắc kỳ-hồi lao thạch-mã,* vân vân.

của tạo-hóa, cái tên cố-nhiên của xã-hội, mà tôi với bác sở-đồng-cảm, bác với tôi sở-cộng-chiêm. »

Khách nghe nói trước sau, vừa ý gật đầu. Sai muôn đội rượu, phá tấm thành sầu. Đối cảnh viên-lâm mà đắc-hứng, gửi tình thảo-mộc để tiêu-ưu. Trỏ cây khoai mà bảo rằng : « Nay bút-mặc duyên nồng, hẳng tưới mây bằng ao thạch-nghiễn. Mai thái-bình cảnh hiện, sẽ trồng mây lên chiếc kim-âu. »

TÙNG - VÂN

Et le vieux chêne sous lequel je suis assis parle à son tour, et me dit :

— Lis, lis à mon ombre les chansons gothiques dont j'entendis jadis les refrains se mêler au bruissement de mon feuillage. L'âme de tes aïeux est dans ces chansons plus vieilles que moi-même. Connais ces aïeux obscurs, partage leurs joies et leurs douleurs passées. C'est ainsi, créature éphémère, que tu vivras de longs siècles en peu d'années. Sois pieux, vénère la terre de la patrie. N'en prends jamais une poignée dans ta main sans penser qu'elle est sacrée. Aime tous ces vieux parents dont la poussière mêlée à cette terre m'a nourri depuis des siècles, et dont l'esprit est passé en toi, leur Benjamin, l'enfant des meilleurs jours. Ne reproche aux ancêtres ni leur ignorance, ni la débilité de leur pensée, ni même les illusions de la peur qui les rendaient parfois cruels. Autant voudrait reprocher à soi-même d'avoir été un enfant. Sache qu'ils ont travaillé, souffert, espéré pour toi et que tu leur dois tout.

ANATOLE FRANCE

Tôi ngồi dưới bóng cây cổ-thụ, cây bảo tôi rằng :

— Ngồi, ngồi đây mà đọc những câu ca cổ, xưa kia ta đã từng nghe giọng thấp cao lẫn với tiếng lá rì-rào của ta. Những câu ca ấy còn cổ hơn ta, hồn ông cha ngươi phảng-phất ở đấy. Ngươi phải biết đến những tổ-tiên xa-xôi đó, phải biết chia cái sướng cái khổ quá-khứ của người. Như thế thời cái thân phù-du kia, sống có mấy năm mà thực sống được muôn đời vậy. Phải có lòng hiếu-thảo mà biết tôn-trọng đất tổ-quốc mình. Bao giờ cầm nắm đất trên tay cũng phải nhớ rằng đất ấy là đất thiêng-liêng đó. Nên biết quí-trọng tổ-tiên, người chết đi, thân-thể người biến ra tro ra đất đã nuôi ta trong bao nhiêu đời, mà tinh-thần người thời truyền lại cho ngươi là đứa con yêu-quí rốt lòng. Đừng nên chê tổ-tiên là ngu-dốt, đừng nên chê tư-tưởng kém hèn, cũng đừng nên trách là có khi độc-ác, vì sợ-hãi mà tin-tưởng những sự đâu đâu. Trách thế có khác gì trách mình sao không lớn ngay mà còn có tuổi thơ dại. Phải biết rằng ông cha ngươi đã vì ngươi mà khó-nhọc khổ-sở vì người mà mong-mỏi cho nên người. Được như giờ là nhờ ông cha vậy.

LINH-PHƯỢNG

靈鳳

Tập lệ-ký của Lâm Trác-Chi

琢之淚記集

Tự-ngôn

Các bạn độc-giả thường đọc văn của ông Đông-hồ Lâm Trác-Chi, chắc đã biết ông là một người tri-kỷ với quốc-văn và một người bạn quí của bản-chí. Hoặc là khảo về lịch-sử Hà-tiên, hoặc là thuật cuộc du-lịch Phú-quốc, hoặc là bàn-luận về văn-chương, hoặc là cảm-khái về thời-thế, lời văn ông bao giờ cũng có giọng thành-thực thiết-tha, mà chan-chứa một tấm lòng ưu-ái.

Gần đây tiếp được tập văn ông gửi ra, tưởng là truyện tiểu-thuyết giữa đời, ai ngờ chính là tập lệ-ký chép cái sầu niệu-vong của ông vậy. Than ôi! Những nỗi sinh-tử biệt-ly ở đời, người nào có qua cầu mới biết được cái khổ. Nhưng dầu khách bàng-quan đối với tình-cảnh ấy cũng khôn cầm lòng cho được; huống là bạn văn-chương, tuy kẻ chân trời người góc biển, mà tinh-thần vẫn thường gặp nhau trong mộng-tưởng. Tôi đọc luôn một hồi không ngừng, càng đọc càng thấy dao-động quả tim, đọc xong như ngậm-ngùi thương-xót.

Đặt quyển vở xuống, nghĩ trong bụng rằng:

Tình mà đã đến chí-tình như thế, thì lòng nào mà không cảm. Đã cảm được lòng người, thì tình riêng mà tự-nhiên hóa ra tình chung; cái sầu của một người mà hóa ra cái sầu của trăm nghìn người vậy. Nay cái chí-tình ấy, lại diễn ra những giọng lâm-li ai-oán như trong tập văn này, thì cái sức cảm-động lại tăng lên biết dường nào! Thực vàng thử lửa mới hay. Quốc-văn ta đã chịu đựng, đã mang nổi được cái chí-tình như thế, thực đã xứng-đáng làm một nền văn-chương chân-chính vậy. Biết đâu đấy? Nước Tàu kia có bài văn khóc cháu của Hàn Thoái-Chi, nước Nam ta há lại không có tập văn khóc vợ của Lâm Trác-Chi đó dư?...

Bởi thế đăng lên bản-chí, họa an-ủi được nỗi buồn của Lâm-quân trong muôn một vậy.

THƯỢNG-CHI

* * *

Mồng năm, tháng ba, năm mậu-thìn.

... Hôm nay trời thổi gió đông may, dậy sớm ra trông trời đất thê-lương ảm-đạm quá, mặt hồ sườn núi, sương mù khói tỏa, đều một vẻ mông-lung phiếu-diểu như cảnh chiêm bao; gió thoảng trừng trận một, lạnh ghê mình chịu không được, trở vào thay thêm áo lót, lấy quyển nhật-ký ra ghi trước bàn thờ mẹ Tuyên, dưới nhà Độc-thê lệ-xá 獨棲淚舍. Viết đến chữ bàn thờ mẹ Tuyên thì đã hoa mắt, cái dau-đớn thổn-thức từ dưới đáy lòng đưa lên đôi giọt lệ mà trong tâm-trí bày ra một cái ký-vãng vui-vẻ nồng-nàn, và một cái tương-lai âu-sầu lạnh-lẽo. Than ôi! bút mực nào ghi! than ôi! bút mực nào ghi!

Bệnh mẹ Tuyên nhà tôi sơ-khởi từ hôm thượng-tuần tháng hai nhuận rồi.

Hôm 21, 22 thấy có khởi-sắc nhiều, hai hôm ấy ăn được mỗi ngày vài ba lần cơm, thấy thế trong bụng không xiết mừng,tưởng đó rồi thì dần dần cho đến ngày bình-phục. Không biết vì sao mà qua hôm 24 thì bệnh đột-khởi như trước, không ăn được cơm mà cả đến cháo cũng không ăn được, thuốc uống vào thì thổ cả. Thổ luôn ngày đêm, đến ngày 25 thì lại thổ đờm nhiều lắm. Cháo trần-thương-mễ thì cũng ăn cầm chừng thôi. Ngày 26, 27 thì bệnh cũng không thấy biến chứng gì lạ, cơm cháo thuốc men thì cũng cầm chừng mà chịu. Thầy thuốc cũng không còn biết phương nào nữa, vì uống thuốc nào cũng mặc dầu, người bệnh hình như không có quan-hệ gì với thuốc cả. Thuốc nhiệt uống không nóng, thuốc hàn uống không mát,không khác nào bưng chén thuốc mà đổ vào ống tre. Thuốc thì thuốc mà bệnh thì cứ bệnh, mạch thì sớm hàn trưa nhiệt không chừng, thầy thuốc còn biết bằng-cứ vào đâu mà dầu-thang được. Chiều 27, mẹ Tuyên gọi cái Tuyên lại bên giường cầm tay khóc nói: «Chuyến này thì mẹ chắc không sống được nữa, mẹ chết thì dã đành, nhưng thương con còn bé dại quá! ... » Cái Tuyên lên sáu tuổi, phải mẹ cầm không cho đi chơi được, thấy mẹ khóc cũng khóc. Tôi đem thuốc lại, mẹ Tuyên không chịu uống và nói: «Anh ơi! Em bận này thì chết mất rồi, em dã biết mình em lắm rồi, anh cũng đừng lo thuốc-thang làm gì cho nhọc. Em mất rồi, còn cái Tuyên đó là một chút di-thể em để lại cho anh, thì anh nên trân-trọng mà nuôi dưỡng lấy ..» Nàng nói đến đấy thì thấy người mệt, thổn-thức một lúc rồi lại nói: « Quần áo của em thì anh soạn để lại cho con Tuyên một cái áo và một cái khăn, để lại sau này một chút dấu vết cho con. Anh ơi! em đã biết mình em lắm rồi!»

Mỗi lần trong mình bứt-rứt khó chịu thì nàng thường nói với tôi luôn như thế, Ngồi bên mình người bệnh, nghe những lời như thế, nghe như xé ruột, nhưng cũng gượng mà khuyên giải: « Em rán thuốc thang cho mau mạnh-giỏi là anh mừng,thầy thuốc đều nói mạch em còn tốt,chưa đã đến nỗi nào. Em phải giải cho an lòng để uống thuốc, chứ cứ nặng đeo cái buồn-rầu lo-sợ mãi, như thế là chỉ tổ làm cho thêm bệnh-hoạn mà thôi.» Có khi tức giận quá thì nàng lại sinh ra vô-cùng oán-thán: «Trời ơi! Có chết thì cho chết phắt cho rồi, làm chi cho lâu ngày càng thương, mà để hành-hạ tấm thân quá như thế này!» Tôi hết sức an-ủi mà hình như cái oán-thán kia không hết được. Thỉnh-thoảng trong lúc khoe-khỏe tôi khuyên: « Em đau thì anh với bác thực đã hết sức chữa chạy, em cũng biết, bệnh em thì thầy thuốc nói còn chưa đến nỗi nào,nhưng chẳng may mà có gì nữa thì đó cũng là mệnh, em cũng hãy nên an lòng như thế mà thôi, chứ cứ oán-thán mãi thì đã ích gì,oán-thán mà ông Trời đã có nghe cho bao giờ.» Tôi nói thế thì nàng lại gắt lên rằng: « Ôi! Trời ơi! Em chết mất rồi! Anh lôi-thôi với em lắm. Khi em chết rồi, anh mới sẽ tin lời em là thực!» Trong bụng tôi thực đau như cắt, khóc mà không dám cho nàng thấy. Bây giờ tôi mới biết đạo Khổng hay nói tri-mệnh, hay dạy người ta phải biết an-mệnh thuận-mệnh, đó là phương thuốc để đau-đớn cho người đời,

Người ta sắp chết nhiều lời nói thương,mà thương thiệt. Tôi đối với mẹ Tuyên,tôi chưa kịp cho trọn chữ chung-tình, chỉ có khóc mà chửa có cười, cùng nhau chửa kịp vui cười mà nàng đã chẳng còn thì cái di-hận này dẫu bao giờ cũng không nguôi được. Chuyện gia-tình,chuyện tâm-sự,trong mấy ngày sau này, đem ra nói, nói đoan-chính đạo-mạo như một nhà sư giảng kinh, nghe từng tiếng mà ngẫm nghĩ từng lời, thực cảm-động vô-cùng.Cũng có lúc

trong mình bớt mệt chạnh đến niềm xa-xôi thì lại ước rằng : « Để em mạnh (khỏi bệnh), em mạnh rồi anh giắt em đi chơi Cần-thơ một chuyến để thăm các bà con chị em bên ấy. Nhưng mà phải có dịp gì thì mới đi được, chứ bỗng dưng mà đi chơi thì sao được. Đi như thế thì chắc phải tốn bao nhiêu mà nhà không có tiền!» Nàng nói rồi thì tủm-tỉm cười, cái cười từ trong tim phổi đưa lên đôi khóe mắt lờ-đờ, đôi con mắt đó bày ra một cái hi-vọng mơ-màng như mây tan như khói tỏa! Nằm thấy bác lo sắc thuốc nấu cháo, tôi đương ngồi bóp chân tay cho thì nàng lật-đật bảo thôi, nói : « Anh không đi lấy cháo lấy thuốc lại cho em, để bác già rồi, khổ-nhọc lắm. » Hôm nọ gọi cái Tuyên lại khóc là lúc bác đi vắng nhà, tôi đem thuốc lại không uống. Khi bác tôi về vừa đến sân nhà, cái Tuyên chạy ra thưa : « Ông nội ! Thầy đem thuốc má không chịu uống, mà khóc » — Bác tôi lại sợ tôi nặng-nề với nàng mà khiến cho nàng phiền giận chăng, nên vội-vã hỏi thì nàng nằm khóc nói : « Tôi nào dám giận thầy Tuyên tôi, tôi khóc là vì tôi giận mình tôi, tôi sao cứ bệnh-hoạn mãi mà để cho bác phải mệt nhọc vì tôi, tôi thực một đứa không ra gì quá! » Bác tôi khuyên ngay rằng : « Con nghĩ thế là dại khờ lắm, bác là người có độ-lượng rộng-rãi, suy-nghĩ nhiều, con cũng biết, bác há lại không biết con đau ấy là bởi cái tì-vị tâm-can trong mình con yếu, khí-bẩm con bạc-nhược, chứ có phải là con muốn đau hay sao, đời nhà ai lại có người muốn đau bao giờ. Đó chẳng qua là cái mệnh của con phải chịu như thế, thì hãy an-tâm mà tĩnh-dưỡng thân-thể, thuốc-thang đã có bác lo, con mạnh giỏi được là bác mừng, còn ngoại-giả bác không hề nghĩ đến bao giờ, con đừng lấy bác phải khó-nhọc tốn-hao mà ngại ».

Mẹ Tuyên tôi thường hay đau yếu, tôi nuôi-dưỡng có tốn-hao khó-nhọc thực, nhưng tôi không bao giờ dám lấy đó mà kể công cả, vì tôi thường nghĩ rằng : « Đó là bởi mình bất-hạnh. Ừ ! mình bất-hạnh thì đã đành, nhưng người ta đau khổ ấy, đau khổ cái thân người ta ấy, mình có chịu thay cho người ta được không, Mới ngày nào người ta đang ở nhà yên-ổn, đang tươi-cười mơn-mởn như đóa hoa đào chưa dạn gió, bỗng mình lại cưới xin đem về làm người nhà mình, bắt người ta phải bỏ cả hi-vọng, bỏ cả nhà cửa tổ-tiên người ta đi về mà săn-sóc nhà cửa, phụng-sự tổ-tiên nhà mình, lại còn phải mang nặng đẻ đau để cầu sinh con đẻ cái cho mình, bình-an thì còn khá, không may mà phải đau yếu khổ nhọc thân-thể, đó là vì ai? có phải là vì mình hết cả không?» Than ôi ! chưa được có chút mảy-may đền-đáp mà nàng đã chẳng còn rồi !.

Sớm mai ngày 28, mình nàng nóng vủi, tôi nghi cho là cảm mà nàng thì đã biết mình lầm, cứ bứt-rứt trằn-trọc mãi, không nằm yên lúc nào. Trưa ăn được chút cháo, mồ-hôi ra nhiều, nàng nói trong mình khỏe, tôi bảo thay quần áo, đem giặt-địa xong vô, nàng hỏi : «Anh giặt quần áo có hôi-hám không?» Tôi bảo không. Tôi cho nàng hỏi như thế là biết tôi đã phải chịu khó với nàng lắm, vì từ khi nàng về với tôi, tôi chưa từng làm những việc ấy bao giờ; tôi càng nghĩ lại càng thương lời nàng vừa hỏi chẳng cùng. Nàng thấy tôi phải mỏi-mệt ngồi bóp cho nàng thì nàng bảo thôi, lại bảo tôi đi nằm nghỉ. Nhân tôi đang vén áo xoa dầu cho cánh tay nàng, cánh tay bữa nay đã hết xưng, mềm-mại xinh-sắn, trông thương quá, tôi cầm tay lên hôn luôn mấy cái. Cái hôn chảy nước mắt ! Tôi không biết vì cớ sao mà tôi chảy nước mắt. Vì tôi thương cánh tay mềm-mại xinh-sắn kia đã vì tôi mà đau khổ, hay là vì trong lòng tôi đã có cái cảm-giác biết trước được là cái cánh tay kia mà tôi được

hôn lần này là lần cuối cùng! Mà lần cuối cùng thực, bây giờ rồi tôi còn biết tìm đâu cho được cánh tay nàng để tôi được hôn một cách âu-yếm như hôm ấy nữa? Nói đến đấy tôi lại còn nhớ nhiều việc tôi từ thủa nay chưa từng làm cho nàng lần nào, tôi mới làm trong lúc này là một, là một lần tôi thấy vui-thú mà lại là một lần kỷ-niệm thương, cảm nhất đời tôi. Có lúc nằm lâu buồn, ngủ không yên thì nàng bảo tôi lấy sách đọc cho nàng nghe. Nàng nằm gác tay lên ngực tôi, nghe tôi đọc. Tôi vô-tình lại đọc lầm một đoạn tiểu - thuyết tả-chân cái nỗi đau-khổ vất-vả của một người thiếu-phụ ở xã - hội bình-dân mình trong lúc thai-sinh, thì nghe tiếng nàng thở dài, tôi giay lại thì thấy sắc mặt nàng rầu-rầu, đôi nét mày cau lại, tỏ ý ái-ngại cảm-thương cho cái số-kiếp người đàn bà, ái-ngại cảm-thương cho cái thân-phận các chị em và cái thân-phận của mình.

Đau-đớn thay phận đàn bà,
Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung!

Mấy ngày sau này người nàng yếu lắm, không còn đủ sức để vấn tóc được nữa; nàng ngồi lâu thì mệt, nhưng nàng cũng rán ngồi để bảo tôi gỡ đầu vấn tóc cho nàng luôn. Gỡ thì muốn gỡ mà ngồi lâu thì mệt, nên nàng bảo tôi gỡ mau để đỡ nàng nằm xuống, nhưng tôi lại cố ý làm thủng - thẳng để tôi được ngắm mãi cái mái tóc đen buông xuống hai bên cạnh vai, và được ngắm cái làn chân tóc sau gáy khi vén chiếc lược lên thì có một cái vẻ đẹp vô-cùng. Tôi không biết vấn tóc, tôi cố vấn cho thật khéo mà cứ phải xổ xuống mãi, tôi lại nói đó là vấn theo kiểu này kiểu kia. Nàng thấy tôi vụng-về quá thì nàng cười, cái cười nhách mép mà chan-chứa biết bao tình ái-ân âu-yếm, nhưng ngắm cho kỹ thì thấy có thoáng qua một vẻ buồn ở đôi làn nhăn bên khóe mắt.

Chiều tối 28, nàng nói mệt, rước hai ông lang là ông Huỳnh và ông Lý đến cho uống thuốc, bệnh khỏe dần. Đến 10 giờ hai ông mới đi về. Từ hôm đau, hai ông tận-tâm chữa trị, công-đức đã nhiều. Nàng bảo tôi lấy nước cháo cho uống, rồi quạt muỗi đi nghỉ. Tôi chưa dám nghỉ, nằm mà vẫn thức. Nàng nói tay chân lạnh lắm, tôi lấy mền đắp thêm và lấy dầu ấm xoa cùng chân tay, nhưng cũng không ấm, một giờ khuya nàng nói trong mình lạnh nhiều lắm và thấy bứt-rứt khó chịu trong buồng ngực, thỉnh-thoảng lại nhìn tôi, nhìn chăm-chỉ, trong nhãn-quang như có điều gì muốn nói rồi lại thôi. Tôi đi lấy than lửa để dưới giường cho ấm. Người đang lạnh mà để than lửa lại thấy khó chịu hơn, tôi biết bệnh đã nguy lắm rồi, tôi ngồi quạt lửa mà vẫn phải cố cầm nước mắt. Bác tôi vô ra lên xuống, đốt lửa hâm thuốc, đêm hôm tăm-tối vất-vả lắm. Tôi thấy thế thì nước mắt cố cầm cũng không được nữa. Bác tôi thương đau quá mà không biết làm gì được, bèn khăn áo lên gác tụng kinh để an-ủi chút tâm-hồn. Bấy giờ đã 3 giờ, bệnh xem thế kịch lắm, thở mạnh và kêu chết luôn. Bác tôi sai cho các bà con hay. Tôi đỡ nàng ngồi dựa vào mình tôi cho dễ thở, đổ cho uống ba bốn thứ thuốc hồi-dương cứu-cấp mà không thấy ăn thua gì cả. Nàng vừa thở vừa gọi bác tôi luôn mấy tiếng nói: « Bận này thì con chết mất rồi! » Tiếng nói theo hơi thở mà nói ngập-ngừng từng tiếng một. Than ôi! Người ta sắp chết mà biết mình sẽ phải chết, cái chết đã chực ở trước mắt kia, cố trần - trọc để chống lại mà mình sắp thua, thì còn gì đau-đớn cho bằng. Nhà linh-hồn-học nói rằng: « Lúc người ta sắp chết thì linh-hồn được thảnh-thơi vui-sướng, » lấy gì làm bằng-cứ. Tôi bấy giờ lựng-vựng hoảng-hốt người lên, như người đứng

coi thuyền đắm. Mênh-mông biển cả, sóng vỗ thuyền nghiêng, nước tràn từ-từ ngập đến mạn thuyền, khách trong thuyền biết mình sắp chết kêu van than-khóc đã đành; lại còn người trên bờ mục-kích cái thảm-trạng ấy thì dễ có đứng yên sao được. Cái thảm-trạng ấy lại diễn ở một người thân yêu của mình thì càng thấy thảm-thương đau-xót bội-phần, biết rằng thuyền sắp đắm mà đứng coi cho thuyền đắm thì sao cho nỡ, trong lòng bỗng hăng-hái lên đưa tay ra cố lôi chiếc thuyền lại, song khi đưa tay ra rồi, luống-cuống ngẩn-ngơ, không biết nắm víu vào đâu cho chắc mà lôi lại cho được, chỉ tắc lưỡi dậm chân đứng coi cho chiếc thuyền dần-dần chìm hủi mất xuống đáy sâu vô-đề nào! Lúc bấy giờ tôi như muốn vạch long nàng ra tìm xem bệnh nó làm thế nào trong ấy mà đến chết người ta được thế. Cái Tuyên ngủ ở trước, nghe tiếng động chạy vào đứng trước mặt mẹ Tuyên rớm nước mắt nhìn. Giây lại nhìn tôi ba bốn lần, cái nhỡn-quang lờ-đờ mà thẳng, như tự-biệt nhau buổi cuối cùng. Bấy giờ thì nói đã hết được, trông người lạnh toát mồ-hôi ra như tắm, tôi cầm khăn tay lau, nàng gục đầu vào trán tôi, tôi ứa nước mắt khóc; lấy khăn lau mồ-hôi cho nàng, rồi lau nước mắt tôi. Vuông khăn ấy bây giờ tôi không giặt để giữ lại cái hơi của nàng và giữ lại giọt nước mắt tôi và giọt mồ-hôi nàng hòa nhau đêm hôm ấy. Hơi thở nghe còn như sợi chỉ, tôi đỡ nàng ngả vào lòng tôi, tôi vuốt mặt nói: « Thôi, dầu sao, dầu sao đó là mệnh-số, thì em cũng hãy an như thế, chứ anh và bác và cả bà con anh em cũng đã hết sức chạy chữa rồi, em ơi! » Nàng thở mạnh, rồi tắt nghỉ. Tôi gọi cái Tuyên khóc lớn. Bác tôi ở ngoài nghe, dậm chân bể một tấm gạch vuông lát nhà. Bấy giờ vào giờ thìn rạng ngày 29 tháng hai nhuận, năm mậu-thìn (19-4-1928) thang thuốc « tứ-nghịch » còn đang sôi trên lò!

Tôi thay quần áo cho nàng. Than ôi! Từ ngày về với tôi — năm 18 tuổi, năm nay 25 tuổi, — bảy năm nay tôi chưa hề biết thay áo chải đầu cho lần nào. Bây giờ tôi biết thay áo chải đầu cho thì nàng đã chẳng còn rồi. Thay áo xong thì trời hăng-hẳng sáng, các bà con, anh em hàng xóm, nghe tin chạy lại, tôi lạy khóc nhờ giúp việc tang-ma. Nhà hết tiền lại phải đi nhờ-vả trong anh em bà con.

Tôi không muốn đi ra ngoài, ở luôn bên cạnh nàng, tôi lại không muốn đậy mặt lại để tôi được ngồi lặng ngắm cái gương thương yêu kia luôn. Mặc quần áo đen, đầu chít khăn trắng, nằm ngay-ngắn, mắt nhắm thin-thít, khổ mặt xương-xương mà trắng nhợt, trông đạo-mạo thản-nhiên như tượng các nữ-thần, hình như không còn bận-bịu vương-víu gì đến một chút trần-lụy này nữa. Tôi hôn thì trông như cười với tôi, tôi yêu lắm, giá để mãi như thế cho tôi được thì tôi bằng lòng hơn. Từ thuở nay tôi trông nàng không có lần nào đẹp bằng lần này, đẹp quá, đẹp đến nỗi mê-mẩn, tôi không để mà nàng đẹp được như thế, tôi lại có cái yêu thương nồng-nàn, ngồi một bên mình nàng tôi tưởng chừng như bảy năm về trước, tôi mới bắt đầu họp mặt với nàng hôm động-phòng hoa chúc, tôi bỗng vui sướng quá mà quên khóc! Tôi trông nàng đẹp như thế là bởi tôi sẵn bụng thương yêu nàng quá hay là những ngày thường không mấy khi nàng mặc đồ hàng lụa, nay khăn áo đoan-trang, cái vẻ đẹp mới nhân đó mà tôn lên chăng? Tưởng hai lẽ cũng có cả, tôi nghĩ đến đấy bỗng sa nước mắt mà trong lòng đau tủi bội-phần.

Anh em bà con giúm-giúp đã chu-tất lắm. 5 giờ chiều hôm ấy thì nhập-quan xong. Làm thổn-thức tôi nhất là lúc này. Tôi đưa nàng đến quan rồi ôm

đầu trở ra ngoài mà không đành coi lúc khâm-liệm nàng. Bác tôi cho thờ nàng riêng ở một gian nhà phía tây bên hữu nhà từ-đường, tôi gọi đó là «Độc-thê lệ-xá». Các công việc nhất nhất, bàn thờ, màn trướng, liễn đối, nội nhật là xong cả. Giữa bàn thờ treo bức vải trắng bốn chữ đen lớn: *Ta ngã hoài nhân* 嗟我懷人. Tôi có ba câu đối khóc nàng. Một câu tập *Kiều* ở bàn trong:

Một cuộc bể dâu, sự thế càng ngao-ngán nỗi;

Ba sinh hương lửa, đàn cầm khéo ngần-ngơ dây.

Một câu nữa treo trước màn:

Trời đất tấn trò chơi, sinh tử chỉ đôi lần thức ngủ;

Vợ chồng tình nghĩa thiệt, biệt ly còn lắm chuyện thương đau.

Là câu nghi-vấn của tôi đối với trời đất, với thiên-hạ sau xưa. Ừ, thì đã đành. Đông Tây cổ kim đều nói: ở đời là giấc mộng lớn, sống chết mà đối với trời đất là một lẽ thường, nói cho đúng là một tấn trò chơi, đối với trời đất thì việc sinh-tử thực không đủ khinh-trọng gì cả, như gợn bụi, như mẩy lông; nhưng người mà phải chịu trong cái cảnh sinh-tử biệt-ly ấy còn biết bao nhiêu là nỗi thảm-thương đau-đớn, thì trời đất định cho người ta thế nào? Tự trời đất đã phú-dữ cho người ta có tình-cảm, có tri-giác, biết yêu thương nhau, rồi trời đất lại bắt người ta phải vong-tình đi mà như mộc-thạch vô-tri, như vũ-trụ ù-lì, như thế thì có được không? Chỉ những người vô-tri-giác, hay là những người vong-tình siêu-tình thế nào thì tôi không biết, chứ tôi tưởng bao nhiêu người đã từng bị quả tim cảm-xúc dập qua một vài lần và đã từng rỏ nước mắt khóc về một cảnh biệt-ly sinh-tử rồi, đều không thể coi việc ấy là một việc chơi được cả, vì thân-thể người ta là thân-thể thiệt, tình-nghĩa người ta là tình-nghĩa thiệt kia mà! Trời đất là mộng-sự mà bắt người ta đem cái chân-thân ra đọ nhau thì có thiệt-thòi không?

Một câu nữa ở ngoài.

Khóc chi năm rồi, thảm gợi mạch sầu chưa ráo giọt;

Nghĩ mình thuở nọ, cười đưa mẹ mất khác gì con.

Liễn dán lên rồi, bác tôi chữa thêm mỗi câu một chữ ở vế trên: «*mới* khóc chị... Nghĩ *thương* mình...». Là tôi kể cái thảm-sử, cái thương-tâm của tôi. Tôi thuở lên năm một lúc đã mồ-côi cha mẹ cả, ở với bác tôi bây giờ đây. Tiếng là bác chứ cái công dức nuôi dạy tôi có lẽ còn hơn thầy mẹ đẻ tôi nhiều. Tôi không có anh em trai chỉ có hai chị gái đã xuất-giá cả rồi, thì chị Quế-thanh 桂清 mới mất hồi tháng tư năm ngoái. Năm tân-dậu (1921) tôi lấy vợ giữa lúc bác gái tôi mất. Con gái đầu lòng là Mỹ-Tuyên 美遠 sinh năm qui-hợi. Hai lần sau sinh hai đứa con trai đều nuôi không được cả. Đứa sau này mới mất vừa được hai mươi ngày thì kế mẹ Tuyên tôi mất đây.

Tháng hai nhuận thiếu, không có ngày ba-mươi. Ngày mồng một tôi lễ gia-tiên, lễ bác tôi, rồi thành-phục. Cái Tuyên bác tôi bảo cho mặc theo y-phục con trai càng thảm, trông con mà không cầm được giọt lệ. Xế đến anh Thiện-Trường 善長 đưa lễ đến điếu, có câu đối viếng:

Gãy gánh chung-tình, năm ngoái anh còn ngơ-ngẩn nỗi;

Bể cành liên-lý, ngày nay em lại xốn-xang lòng.

Kế câu đối viếng của anh Thuần-nhân 純仁:

Nhìn cháu ngây thơ, có nó càng chua xót dạ;
Thấy em chiếc lẻ, anh đây luống thảm-thương tình.

Chiều giáo-giới đồng-nhân ngót hai mươi ông dụng đại-lễ phúng, có câu đối viếng:

Cải rụng kim rơi, còn mất thảm người đôi lứa rẽ;
Cha già con dại, thờ nuôi thương bạn một mình lo.

Đôi câu đối treo lên, tôi ngập-ngừng đọc, đọc đến chữ «thờ nuôi» tôi khóc đến tắt tiếng. Tôi cảm-động quá, vì tôi bây giờ còn hai cái phận-sự nặng-nề ấy mà ngó trước ngó sau « một mình lo » thì nghĩ có thảm không! Tôi lại cảm-động hơn nữa là vì thờ nuôi mà không hết phận-sự thờ nuôi; rồi đây, quanh năm ngày tháng cũng chỉ để cho « cha già » nuôi dưỡng mà thôi. Thầy mẹ tôi thuở nọ bác tôi đã nuôi, tôi nay bác tôi nuôi, con tôi nay bác tôi còn nuôi! Cho nên nói tôi « thờ nuôi », tôi cảm tôi khóc, là vì tôi đã từng thờ bác tôi được ngày nào và đã từng nuôi con tôi được ngày nào đâu!

Tối có câu đối của các lân-bằng đến viếng:

Cầm sắt bén giây, tưởng bạn những trăm năm giai-lão;
Uyên-ương chếch cánh, cảm tình chung một cuộc phân-ưu,

Các nam nữ học sinh, học-sinh Trí-đức học-xá, đều có mặt, ngót bốn năm chục người đến viếng. Lễ điếu: hương đăng trà quả, một tấm lụy bốn chữ: *Hao tàn nguyệt khuyết* 花殘月缺, và đôi câu đối:

Sân cũ lá rụng, chưa hết ngày xuân, sẵng nhớ thím khuyên chăm-chút học;
Màn tuyết bông thêu, còn in nét khéo, chợt nghe thầy khóc xót-sa lòng.

Sau rốt còn một câu đối nữa bằng Hán-tự của ông Liên-đình 連亭 gửi viếng. Ông người Bắc-ninh, trải qua cái cảnh thiên-địa phong-trần mà vô đây.

我逢亂世得相知面見豈無心見,
Ngã phùng loạn-thế đắc tương-tri, diện-kiến khởi vô tâm-kiến;

君泣賢妻應有淚,闕憂竟又家憂.
Quân khấp hiền-thê ưng hữu lệ, quốc-ưu cảnh hựu gia ưu.

Thấy các lân-bằng thân-hữu đều có bụng quá yêu mà thương nghĩ đến như thế, thực không xiết mừng cảm, ra tạ ơn ba bốn lượt, nói ngập-ngừng mấy tiếng, thực cảm quá mà quên buồn, mừng quá mà quên khóc; nghĩ mình mà tủi-thẹn nào đã xứng-đáng gì đâu, đối với làng xóm chưa từng có một chút công gì. Đó là những lễ điếu có đối-vãn, còn thì hương đăng tiền bạc hơn vài ba mươi chỗ nữa, không kể xiết.

Sáng ngày mồng hai đưa linh-cữu về táng ở núi Tô-châu, bên tả mộ-địa tiên-nhân, thuộc về sơn-phận làng Thuận-yên. Sáng sớm lễ cáo-tạ tử-tổ xong, tôi cùng tiễn linh-cữu nàng, mượn hai mươi người nam nữ học-sinh đứng dàn ra hai bên cữu, tôi quì trước bàn, khóc như mưa ướt đầm cả vạt áo, thống-đọc một bài văn, có mấy câu mới thêm vào ba câu tôi khóc nàng vừa kể trên kia. Bài văn ứng-khẩu, dầu không văn-vẻ, chỉ-chuốt, nhưng lời trong tâm-não, một tiếng than là một giọt lệ, một câu văn là một khối tình, chỉ xiết lâm-li, chỉ xiết sầu-thảm. Quá bảy giờ, chở quan-cữu xuống đò sang sông, các bà con, anh em, chị em theo đưa đông. Thường tôi đi những đám ma thấy khi động-quan thì tình thống-khốc rầm-rĩ, nhưng tôi hôm nay lại

thấy khác. Từ khi động-quan cho đến lúc hạ-huyệt, tôi không khóc được một tiếng, tôi tưởng tôi đã hết nước mắt, nhưng không phải, đó là trong bụng tôi đang băn-khoăn suy-nghĩ về một lẽ lạ-lùng quá. Ai cũng bảo người ta là một giống có tri-giác, có cảm-tình, linh hơn vạn-vật, biết có đau khổ, biết có an-vui, biết khóc biết cười, mà sao những cái tri-giác ấy bỗng biến đi đâu mất cả mà hóa ra một vật vô-tri vô giác, để mặc cho người ta muốn làm gì thì làm, đỡ lên dần xuống, cho đến đem đi vùi lấp hỗn-hợp với chất đất chất bùn mà cũng vẫn không hề có biết là gì cả? Lại nói rằng: người ta sở-dĩ sinh-hoạt được, có tri-giác, có cảm-tình, đó là chủ-trương ở cái linh-hồn, khi cái linh-hồn ấy đã lìa khỏi xác thịt rồi thì người ta thành ra một vật vô-tri. Vậy thử hỏi linh-hồn là cái gì? Khi người ta còn sống thì linh-hồn ấy ở đâu? rồi sao lại thoát ra đi, như ở luôn mãi trong người ta có được không? Lại khi linh-hồn thoát ra rồi, ở đâu, có hình - tượng gì không, và nhất là có tri-giác, có cảm-tình nữa không? Còn có biết mình là cái linh-hồn của cái xác thịt kia không? Còn có cảm-tình với người sống đây nữa không? Cùng với linh-hồn khác của mình yêu thương có được gặp nhau mà biết nhau không? Những linh-hồn ấy có một cái trật-tự để đối-đãi với nhau không? Lại trời đất sinh ra giống người làm gì, cho có cảm-tình rồi lại cho có sống chết? Giá không có giống người thì có phương - hại gì đến cái vòng thiên-địa-gian, đến cái khối ù-lì vũ-trụ này không? Mặt trời cứ sáng, mặt trăng cứ soi, gió cứ thổi, nước cứ chảy, thảo-mộc cứ sinh-hóa có được không, người ta có giúp - giập được gì cho trời đất đâu mà phải sinh ra giống người làm gì cho lôi-thôi lắm chuyện cười khóc mà cho con đường này đây, con đường đi thường ngày đây hôm nay sao lại bỗng làm con đường tối-tăm, lạnh-lẽo, mà đưa người ta về một cõi thiên-cổ, hư-vô mộng-ảo nào?

Ấy bao nhiêu câu hỏi ấy vẫn cứ chiền-miên phân-vân trong óc mãi; những mải nhìn cái áo quan vô-tri, đang đựng một cái hình-thể mình vẫn cho là hữu - tình, hữu-cảm, tâm hồn cảm-giác mình đang gửi cả vào trong đó, thành - thử các giây tri-giác ngo-ngẩn điên-cuồng mà mình không biết là mình nữa, chỉ là một con người máy, người ta khiến sao là làm vậy mà thôi.

Sang sông rồi lên huyệt cũng không xa mấy, ở bên sườn núi. Đến nơi khi tôi thấy trước mộ-địa tiên nhân có đôi câu-đối của bác tôi khắc vào cột trụ năm nọ:

Một cuộc lâu-đài nhờ khí đất,
Sáu đời êm-ấm chịu ân làng;

tôi chợt nhớ, sẵn mảnh than trầm tàn đốt trong bình hương trên bàn thờ nàng tôi lấy chữa chữ «*sáu*» ở dưới câu dưới làm chữ «*bảy*» mà đọc là «*bảy đời ...*» Chữa xong đứng nhìn vào nét chữ bỗng chảy nước mắt. Từ nay đến giờ, tôi không khóc được, nay chỉ có một chữ đó đã có gì đâu mà khiến cho tôi tự-nhiên chảy nước mắt được. Nào có phải chữ ấy có mãnh - lực gì đâu, chẳng qua là tôi bị gợi đến cảm-tình. Như trước kia là tôi phải cõi thuyết-lý chiếm mất cõi tình - cảm, trong trí tôi chỉ phân-vân ở các câu hỏi bất-giải đó, tôi chỉ thấy tôi đứng chung quanh một mờ rối như bóng-bong mà vô-tri như vũ-trụ, quên cả sự thực nữa, thì còn cảm-tình gì mà khóc được?

11 giờ an-táng xong cả, bỗng trời dâm mát, làm một trận mưa phùn như vầy mấy giọt lệ không đâu lên nắm đất lạnh-lùng kia! Than ôi! Ông Hóa-công cũng quái-quỉnh đa - sự lắm sao!

Hôm kia mồng ba, dọn-dẹp quét-tước trong nhà, giở đến xiêm áo cũ mà nhớ người xưa, không xiết đau lòng. Trong nhà sau trước vắng-vẻ, như mang nặng cái vết thương đau-đớn. Cái Tuyên thì thỉnh-thoảng nhắc đến mà : « Má, người ta lấp đất lại rồi ! » nghe như xé ruột. Anh em ai nấy đều khuyên, giải ; khuyên-giải chẳng những không bớt được mà lại càng làm khêu gợi thêm mà thôi. Anh em vì mình, vì mình còn cái phận-sự lớn phải giữ, không lẽ bỏ đi đâu được, lấy cái lý mệnh-số mà khuyên giải, thương đau thì đã đành nhưng có lẽ buồn-rầu đến rũ người ra mà để hư-hỏng cả các việc hay sao. Anh em có bụng thương thì cảm ơn, chứ cái đau-đớn này tưởng không sao cho nguôi được, có quên chăng ; ừa thì cũng chỉ trong một lúc mà thôi, vì cái hình-ảnh mẹ Tuyên khi sắp chết kêu than và cái hình-ảnh khi đã tắt nghỉ rồi khăn áo đoan-trang đạo-mạo như bà tiên kia, bao giờ cũng như đã in sâu vào trong tâm-não rồi, có làm sao mà mờ đi được.

Buồn vì nàng mất đã đành, lại còn buồn vì cái tình-cảnh cô-độc, người ta năm anh bảy em, khi thiệt mất đi một đôi người cũng còn khả-thủ. Người ta mất bên chồng còn được bên vợ, chứ đến mình đây thực chẳng được bên nào cả. Bên mình thế này thì đã cô-độc lắm rồi, bên nàng lại càng cô-độc lắm nữa. Cũng mồ-côi cha mẹ thuở bé, ở với bà nội, cũng không có anh em trai. Duyên trời xui nên, nước bèo gặp gỡ, thường ngày đã phải ngồi nhìn nhau mà khóc. Chẳng may như thế thì đã quá rồi ; tưởng đem hai con người cô-đốc chung lưng đấu cật nhau mà cùng lo việc trăm năm thờ giả nuôi trẻ, lại cũng chẳng may nốt ; ông trời kia cay-nghiệt thực chẳng vừa thôi ; đã cô-độc rồi lại bắt cô-độc nữa thì nghĩ có buồn giận mà đau tủi không ! Trong lúc sống cùng nhau an-lạc, đến khi mất đi rồi còn lấy cái lẽ nhân-sinh hữu-mệnh, thiên-địa doanh-hư mà an-ủi được thì dẫu có nhớ tiếc cũng đã có chừng rồi, chứ trong lúc sống chẳng được cùng nhau an-lạc mà chỉ thấy cùng nhau sầu-khổ, thì cái thương đau thực là vô-hạn, cái lẽ nhân-sinh hữu-mệnh, thiên-địa doanh-hư kia dẫu có viện ra bao nhiêu nữa cũng chỉ là thuyết-lý hão mà thôi. Có kẻ lại bảo tôi bình-nhật không thấy tỏ ý gì yêu thương vợ mà bây giờ sao lại khóc được nhiều như thế là làm sao ? Người kia tất đã lầm vậy. Tôi là người sinh-trưởng trong cái gia-đình nền-nếp cũ, cái không-khí tôn-nghiêm đằm - thắm, cho nên trong việc vợ chồng khi ăn ở lúc ra vào bao giờ cũng giữ cho đoan-chính, mối ái-tình bao giờ cũng vẫn giữ cho thâm-trầm kín-đáo trong lòng mà những cái vẻ ái-ân âu-yếm thì không hề dám để cho biểu-lộ rõ-rệt ra ngoài, bao giờ cùng nhau cũng thấy có cái vẻ thẹn-thùng e-lệ như những ngày còn thơ. Đó là bởi tôi đã tập quen theo cái khuôn-khổ gia-đình cũ mà tính tôi cũng không thích những cái vẻ quá lả-lơi sỗ-sàng. Than ôi ! Vợ chồng yêu nhau là bởi tâm-tình, bởi tính nết, chứ há có phải là bởi những câu cười cợt, những trận nô đùa cùng nhau đó ru ?

Hôm qua mồng bốn, xế đi cúng an-mộ nàng, tục thường gọi là lễ « mở cửa mả » ; chiều về, gió lạnh, mình cảm, buồn lắm đến bữa cơm tối, sẵn nậm rượu bên, tôi cố uống luôn mấy chén mà không thấy say. Cầm chén rượu uống mà chợt nhớ đến nàng, vì thường mỗi khi tôi có chuyện buồn hay đem rượu ra độc - ẩm, nàng thấy thì thường khuyên ngăn đi. tôi nói chỉ vì muốn làm vui mà uống cho đỡ buồn, chứ đã say-sưa gì, thì nàng lại nói : « Anh có việc buồn thì cảnh vợ con

chẳng đủ làm cho anh vui được hay sao, lọ là phải nhờ đến rượu ! » Tôi cho lời nàng nói là phải. Bây giờ thì tự nàng làm cho tôi buồn, thì còn ai làm vui cho tôi được nữa mà tôi lại chẳng nhờ rượu, mà mỗi lần cầm chén rượu uống là nghe lời khuyên ngăn kia như còn văng-vẳng bên tai...

Mồng 6, tháng 3

Hôm nay làm tuần thất-nhật cho nàng. Tục gọi là làm « bảy ».

Mẹ Tuyên tôi còn một bà nội hiện đang đau, hôm nàng mất thì bệnh bà cũng đang kịch, giữ kín không dám cho bà hay. Hôm nay nghe bà mất. Dẫu cái chết ấy đã định được rồi, nhưng chợt nghe thực không sao không chứng dạ. Bà năm nay thọ 79 tuổi, mất đi cũng chẳng lạ gì, dẫu có nhớ thương thì cũng đã có hạn rồi, song thấy bà mất nhớ đến mẹ Tuyên, mà trong trí lại sinh ra một thứ cảm-giác lạ, là nghĩ ông trời kia xếp đặt cái chết cũng kỳ-quặc. Trong cái lạ ấy, lại còn có một cái lạ hơn nữa, là không biết thế nào giải được. Cái máy trời đất thực là vô-cùng quái-quăm, vô cùng ngoắt-ngoéo, người chịu cho cái máy ấy quay cuốn thì chỉ biết tắc lưỡi cúi đầu mà nghe theo, chứ còn biết nói gì, giải gì nữa !

Mồng 10, tháng 3.

Sớm mai ngày mồng 8 thì cất đám bà nội mẹ Tuyên tế táng ở núi Giếng-Tượng. Khi cất đám xong, tôi ở lại tang-gia giúp các việc quét dọn xếp đặt cho đâu vào đấy, đến chiều tối mới về nhà. Có làm việc như thế thì hình như trong lòng thương nhớ nàng bớt đi được vài phần. Vô ra lặng ngắm trước sân sau vườn, còn như phảng-phất trông thấy được cái dáng - dấp mộc-mạc của nàng thuở còn mơn-mởn ngây-thơ. Trước sân nhà có cây đào, lúc này đang độ nở hoa kết quả ; bồi-hồi vơ-vẩn dưới gốc đào mà chệnh nhớ đến nàng, bất - giác ngâm bài thơ Đường :

去年今日此門中,
Khứ niên kim nhật thử môn trung,
人面桃花相映紅.
Nhân-diện đào hoa tương ưởng hồng.
人面不知何處去.
Nhân diện bất tri hà xứ khứ,
桃花依舊笑東風.
Đào hoa y cựu tiếu đông-phong.

Tức là: *Trước sau nào thấy bóng người,*
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

Còn nhớ ngày nào khi tôi mới hỏi giạm nàng. Tên nàng là Linh-Phượng. Linh-phượng tên nàng thuở bé ấy từ khi về với tôi thì ít nghe gọi đến nữa, mà chỉ gọi thứ mà thôi. bây giờ tôi nhắc đến thì tôi bỗng sinh ra có cái mĩ-tình, như trông thấy được nàng, cho nên tôi yêu qui hai tiếng ấy như yêu qui nàng mà tôi cứ muốn gọi như thế mãi. Lúc bấy giờ lại có người hí-ngôn rằng: «Chim khôn đậu nóc nhà quan, con Linh-phượng này mà tìm đậu trên hòn phác-ngọc kia cũng sẽ xứng đó thay!» Bữa chiều hôm lên nhà ra mắt ông bà nội, bước vô cửa ngõ thì thấy nàng đang mải vít cái cành đào la thả n-thấp mà hái, đẹp về cảnh « nhân - diện đào-hoa », nghe tiếng động nàng đoái lại chợt trông thấy tôi bèn vội-vàng chạy tránh vào nhà sau, cất cái thân manh-mảnh mà gọn-gàng, lúc bấy giờ tôi dẫu có thèn-thẹn vì trong buổi mới lạ-lùng nhưng thực lòng yêu thương biết bao nhiêu. Cái ái-tình ngây thơ mà ngơ-ngẩn ấy hãy còn in trong tâm não mà chốc là bảy tám năm trời, nay ôn lại cái cảm tưởng cũ mà người gợi cho mình cái mĩ-quan mĩ-cảm ấy thì đã vắng mất rồi khiến lòng chi xiết thẩn-thờ !

Ngày, 13 tháng 3.

Đêm tối hôm nọ khi ở nhà cũ nàng về buồn quá, đêm hôm ấy không ngủ

được, thơ-thần mãi trước bờ hồ : tiếng hát dịp chèo, gió hiu trăng nhạt.

誰家今夜扁舟子
Thùy gia kim dạ biển châu tử;
何處相思明月樓
Hà xứ tương tư minh nguyệt lầu.

Những lúc tôi vơ-vẩn như vậy thì tôi hay ngâm-ngợi luôn miệng, hoặc thơ cổ hoặc thơ kim. Những câu thơ tả vừa đúng với tình-cảnh tôi như câu vừa kể trên ấy, tôi ngâm lên thấy có cái buồn lạ, hồn thơ lai-láng bồi-hồi thì trong lòng thấy dễ chịu. Đại-khái như câu :

東風不爲吹愁去
Đông-phong bất vị suy sầu khứ,
春日偏能惹恨長
Xuân nhật thiên năng nhạ hận trường;

hay câu :

Lâm-tri từ thuở uyển bay,
Buồng không thương kẻ tháng ngày chiếc thân.

Tôi có bài thơ nhớ nàng :

Chăn gối cùng nhau những ấm-êm,
Bỗng làm ngọc nát, bỗng châu chìm;
Nằm-đia giọt thảm khăn hồng thấm,
Lạnh-lẽo đêm xuân giấc mộng tìm;
Hình dạng mơ-màng khi thức ngủ,
Tiếng hơi quanh-quẩn nếp y xiêm;
Bảy năm vui khổ, nghìn năm biệt,
Sớm gió, chiều mưa lắm nỗi-niềm.

Hôm nay tôi đem viết ra, một mình ngâm-ngợi, rồi đem lại bàn thờ nàng lẩm-nhẩm đọc, đọc rồi đốt đi, tôi tưởng chừng như nàng đã nghe cho lời tôi than-thở ấy mà nỗi lòng cũng đường như đã hả được đôi phần. Cho nên tôi có cái cảm-giác rằng : Bây giờ và từ đây tôi còn biết gì là vui mà cũng không còn gì làm cho tôi vui được nữa, duy chỉ còn một chút văn-chương này là có thể an-ủi được lòng tôi, mà đó mới làm cho tôi khuây-khỏa nỗi tình đau-đớn thương nhớ nàng mà thôi. Chiều xế hôm nay được anh Lê Quang - Phấn 黎光粉 đưa bài thơ đến viếng, thực là một bài thuốc đối-chứng. Anh lại nói anh cũng tự biết văn-chương vụng-về, dám đâu đánh trống qua cửa nhà sấm, nhưng chỉ vì quá ái-ngại hộ cho cái tình-cảnh mình mà than-thở. Của ít lòng nhiều, đó là anh quá khiêm mà thôi. Bài thơ tám câu để trong một bức vẽ tiêm-tất, vẽ ra kiểu « đàn cầm ngơ-ngẩn », kiêm kiểu « bình vỡ gương tan », lại vẽ ra kiểu « qui linh hạc toán », là bày ra hai cái cảnh chân-mộng tương-phản mà mệnh trời thì không thể theo lòng người muốn vậy.

Thấy bạn thương đau tôi thiết-tha,
Chung-tình gánh gãy giữa đàng xa!
Nước non những chúc bền tơ tóc,
Mưa gió làm chi héo cỏ hoa;
Đã cám bạn sầu đau khóc vợ,
Càng thương con dại bận theo cha!
Trông vào ai kẻ không rơi lệ,
Ông Tạo tuồng chi khéo hững-hờ!

Tôi trả lời cho anh có mấy câu rằng ;

« Hôm nay tôi được anh đưa mấy câu thơ viếng, xem ra lời thơ ý vẻ đều có tình thâm, lẽ cả, tôi đọc đi đọc lại thực không xiết cảm-động, không xiết bàng-hoàng. Anh xét đến cái tình-cảnh tôi mà ái-ngại hộ cho tôi như thế, tôi càng nghĩ càng cám ơn anh chẳng cùng, tôi chỉ có một cách là rỏ nước mắt mà đáp lại cái hậu-tình nhã-ý kia thì mới xứng được mà thôi. Tôi đau-khổ tôi không hề nói ra bao giờ mà anh biết như thế thì chưa gọi được là tri-kỷ thì thế nào mới gọi là tri-kỷ. Tôi không nói ra, không phải là tôi vị cớ gì đâu. Tôi thường nghĩ rằng : mình phải buồn rầu thì cứ hãy ngâm-ngấm cho cái đau-đớn nó tỉ-tê thánh-thót trong lòng, chứ khóc than vỡ-lở là hèn, lại mình đau-đớn thì phải cố mà chịu, chứ nói ra bắt người ta nghe những sự đau-đớn của mình tất không khỏi làm một-thú cho người ta. Hoặc-giả có người sẵn món thương-tâm mà rỏ cho mình một giọt nước mắt nữa,

mà lòng tôi bây giờ đã lạnh ngắt như tro tàn rồi thì giọt nước mắt kia cũng vi-tất vầy vào cho ấm lại được. Lòng mình không ấm lại được mà làm tồn nước mắt người ta thì đã có ích gì. Giá mà được thế, dẫu không ấm được chứ cũng còn may-mắn cho mình biết bao nhiêu, nhưng phần nhiều ở đời người ta thường hay đem một lẽ không đâu mà đại-ngôn xét một việc ở trong tầng đáy bí-mật của lòng mình, thì chi bằng « một mình mình biết, một mình mình hay » có hơn không? Tôi nghĩ thế mà tôi được anh đưa thơ viếng thì tôi lại càng cảm-tạ bội-phần. Bài thơ bức vẽ ấy, tôi xin trân-trọng giữ-gìn làm chút kỷ-niệm của người tri-kỷ trong cuộc đời sầu-thảm của tôi...»

Đêm hôm nay nhân trời có trăng, qua núi Tô-châu thăm mộ nàng. Chợt mới trông thấy cái nấm đất mờ-mờ lưới bóng trăng lạnh-nhạt mà đầu óc choáng-váng, quả tim nhảy mạnh, tay chân nóng rần lên, không đứng vững. Trời đất bình-tĩnh, chỉ có tiếng giun tiếng dế cũng không đủ náo-động, bóng trăng mờ tỏ thấp-thoáng sau đầu núi, ánh sáng dọi xiên-khoai vào trong cành cây lá cỏ, đều hàm có vẻ đìu-hiu lạnh-lẽo. Tôi đi vòng qua hậu-đầu ngôi mộ, bóng trăng sau núi dọi bóng tôi thoáng ngang, tôi hoa mắt lên tưởng đó là hồn nàng về với tôi. Trên đầu mộ, phải mấy đám mưa hôm nọ nứt ra mấy kẽ, trông vào tối đen. Tôi bèn định nhỡn-quang nhìn thẳng vào, cố-ý tìm trong bóng tối ấy một cái bóng tối hơn nữa. Cái bóng tối mà tôi định tìm ấy là cái bóng một người thiếu-phụ, giương mặt đẹp như hoa mà lạnh như sương, hai mái tóc buông rủ xuống hai má trắng nhợt, đôi con mắt lờ-đờ nhìn vào tôi như chan-chứa tình xuân, lại như ngẩn-ngơ thất-vọng. Tức là cái hình-ảnh nàng khi hôm sắp tắt nghỉ.

Tôi không muốn dứt về, trèo lên cao đứng nhìn xuống, bốn bề yên lặng, ánh trăng tỏa xuống rừng cây bát-ngát, chung-quanh nấm la-liệt những mồ-mả cũ thấp-thoáng trong bóng tối, thỉnh-thoảng có mấy con đom-đóm lập-loè như soi cho cái thiên-cổ quạnh-hiu này. Tôi nhìn vào mộ nàng; cái nấm đất kia từ đây rồi nấm trơ-trọi ở giữa thiên-địa-gian này mà mặc dầu cho ngày nắng đêm mưa dầu-dãi. Thời-gian cứ giong-ruổi, cảnh-vật cứ đổi thay, rồi đây Tạo-hóa sẽ phủ lên một lớp cỏ xanh mơn-mởn, lại có các loài bướm rủ nhau đến bay liệng, có các loài chim rủ nhau đến làm tổ, chung quanh ngày đêm kêu hót, nếu không có người xây đắp lên cho còn giữ một chút dấu vết thì sau này còn ai biết đó là chỗ chôn biết bao nhiêu giọt nước mắt của người ta nữa. Than ôi! Ông Hóa-công vốn vẫn vô-tình, và cái mãnh-lực của thời-gian đã làm chìm đắm biết bao nhiêu dấu vết về vật-chất đến cả tinh-thần. Cái gì rồi, chỉ thời-gian thoáng qua là chìm đắm tiêu-tán hết cả.— Bây giờ mỗi khi trời gió mưa tầm-tã thì tôi thường nghĩ đến nàng đang nằm dưới nấm đất lạnh-lùng kia mà tôi những đau lòng chừng dạ. Một giọt mưa tích-tách trên mái nhà, tầu lá là một giọt lệ của nàng tích-tách trong tim tôi mà nàng khóc cùng tôi hôm nọ.

Nhân ngày mai 14 làm lễ tiểu-tường cho chị Quế-Thanh, ở mộ nàng ra ghé lại chùa Kim-châu-tự 金洲寺 lễ Phật và nghe kinh. Qui trước Phật-đài, tâm-hồn du-dương trong tiếng chuông giữa đêm khuya thanh-tĩnh, thấy thân mình lao-đao khổ-sở quá rồi lại thấy như trong lòng an-ủi nhẹ-nhàng, được một lúc là có cái cảm-giác rằng: Kiếp này mà phải chịu nhiều những đau khổ thì kiếp sau hoặc sẽ được yên-ổn bớt mà linh-hồn mẹ Tuyên còn như đợi mình ở cõi hậu-duyên ấy. Ôi! Đấng đại-từ, đại-bi, cứu-khổ cứu-nạn kia ơi! Ông phải có mới được, phải có ở đó mà nghe những

lời kêu van than khóc của người đời trong khi tử-biệt sinh-ly này, ông phải có ở đó mà chứng cho cái khổ-hải vô-tận vô-đề ở đời này là nước mắt của chúng-sinh chứa vào đó, có thể mới được, chứ không thì Tạo-hóa này chẳng phải là Tạo-hóa nữa mà là một giống độc-ác oan-nghiệt vô ngần ! . . .

Rằm tháng ba.

Từ hôm tôi thăm mộ nàng về, người hơi yếu, buồn buồn mãi, không muốn làm gì. Đọc sách bình-sinh là một cái thú nhất mà cũng không muốn. Có mấy đứa cháu bé và mấy đứa học-trò lại chơi nô đùa với chúng nó thì thấy vui nồng vui nản, cuộc đời mình hình như muốn sinh-hoạt lại thời-kỳ trẻ con. Không muốn đọc sách, không muốn đọc báo, nhật-báo thời-sự lại càng chán lắm. Sách tiểu-thuyết buồn thì đọc được, càng buồn càng thấy hay, càng thảm càng thấy thú, càng tiêu-dao réo-rắt càng thấy êm-ái dịu-dàng. Như muốn nghe tiếng đàn đêm vắng, tiếng sáo chiều hôm, muốn trông cánh hoa tàn, muốn trông cái lá rụng. Gió chiều hiu-hắt, tiếng quạ kêu buồn đều là những khúc hát não-nùng, cung đàn sầu-thảm nỉ-non thánh-thót trong lòng mà thân như muốn gần với những cảnh ấy để hưởng lấy cái thú lặng-lẽ tiêu-diêu, lâm-ly cảm-khái. Người ta ai cũng bảo những cảnh ấy là những cảnh êm-đềm man-mác, não-nuột bi-thu, làm cho người ta tiêu-hồn nhu-cảm, nhưng tôi thì đó là một thứ dưỡng-khí tốt cho tinh-thần, nếu tôi mà không biết yêu-thích say đắm những cảnh khổ-thú ấy thì tôi không biết còn hèn xấu đến ngần nào nữa. Trái lại, những cảnh nào vui-vẻ tươi-cười, gợi cho tôi được cái mĩ-cảm mĩ-tình thì tôi không hề dám ngắm đến, như cái bông hoa nở hớn-hở trên đầu cành, hay cái bóng trăng lên tha-thướt bên sườn núi, vì mỗi lần tôi thấy những cảnh vui đẹp như thế thì tôi nhớ đến nàng sẽ chênh lòng mà tôi không đành vui được.

Đêm hôm rồi tôi nằm mộng thấy nàng, xiêm-y dáng-dấp chưa có một nét nào thay đổi, tôi không tưởng là nàng mất, chừng như nàng đi chơi đâu về, đưa cho tôi tờ giấy có một bài thơ, nàng vừa đưa cho tôi thì nghe nàng đọc :

Chung-thủy lòng anh chẳng bỏ nhau,
Làm chi cho lắm bận lòng sầu !
Cha già con dại nên trân-trọng,
Hương lửa em còn đợi kiếp sau.

Tôi chợt tỉnh thì bên tai nghe còn văng-vẳng tiếng nàng đọc, tôi mơ-màng trong chăn chiếu hình như hồn ai còn vấn-vít mà khiến người những « lạnh-lùng thay giấc cô-miên ! » Tôi nhớ bài thơ không sót một chữ. Tôi định-tâm cho thật tỉnh, ngồi lên nghĩ không lẽ nào có hồn nàng về làm thơ ấy bao giờ, đó chẳng qua là tôi quá tưởng nhớ nàng mà sinh mộng, thì thơ ấy là tự trong trí tôi tưởng nghĩ ra, nhưng có một điều lạ là trong lúc ngủ thì các giây thần-kinh tri-giác đều ngừng lại cả mà sao lại nghĩ ra thơ được là gì ?

Nàng còn một bức di-ảnh chụp hồi ba năm về trước. Tôi trân-trọng yêu-quí lắm. Dưới bức ảnh tôi có đề câu thơ lục-bát rằng :

Trăm năm chẳng ở cõi trần,
Nghìn năm hãy giữ tinh-thần cùng nhau.

Mà thực, tôi đối với nàng bây giờ cái vật-thể không còn nữa, chứ cái tinh-thần không bao giờ cho tan được, vì mỗi lần tôi nhớ đến nàng, lại thắp nén hương lấy bức ảnh ra ngắm, đầu mày cuối mắt còn như nồng tấm yêu, hay vẩn-vơ dưới bụi cây tay nàng trồng, thơ thẩn bên đám cỏ chỗ nàng nhổ mọi khi, thì mắt uyển-nhiên còn như trông thấy hình-dạng nàng, nhất là chỗ

nàng mặc xiêm-áo, để rương-trập thì tiếng hơi như còn quanh-quẩn. Bởi thế mà tôi có cái cảm-giác lạ-lùng này để an-ủi lòng tôi được, là tôi nghĩ rằng : nàng mà mất đó là gây cho tôi một cõi đời xuân vô-tận, vì trong trí tôi bao giờ cũng còn giữ được cái hình-ảnh của người yêu đang độ thanh-tân trẻ-trung mãi, cái hình-ảnh ấy sẽ không bao giờ thay-đổi mà làm cho già, cho xấu đi được nữa. Thế thì một là văn-chương ngâm-ngợi, cảnh-thú êm-đềm, hai là cái hình-ảnh tinh-thần của nàng, bao nhiêu cảnh cũng đủ làm cho tôi an-vui thỏa-thích được cuộc đời dìu-hiu phiền-não này, thì tôi còn mong cầu cái vui sướng nào đâu nữa mà làm gì cho lắm nỗi bận lòng, vì mắt tôi coi vạn-vật trong vũ-trụ đều là mộng-ảo hư-vô, đều là vờ là hão cả. Nhưng về sau này, hoặc vì thời-gian giong-ruổi, hoặc vì hiếu-tình xung-đột, thế nào nữa tôi không biết, thì tôi cũng nhắm mắt đưa chân mà để mặc cho máy Tạo xoay vần, chứ tôi thực chả còn thiết gì đâu.

Có khi tôi nhớ nàng quá, trong lúc bồi-hồi chưa ngủ hay mơ-màng mới thức, chớp mắt thấy nàng, thì trong trí tôi lại có một cái hi-vọng bát-ngát viển-vông, cái hi-vọng mới ngơ-ngẩn mà trẻ-con sao ! Là tôi tưởng nàng còn có một ngày nào gần đây nàng sẽ sống lại, trong trí tôi bày ra biết bao nhiêu là mộng-cảnh tuyệt-vời mà cùng nàng hưởng biết bao nhiêu là mộng-xuân êm-ái, tưởng chừng như đã cùng nhau nắm tay mà bay lên cõi bồng-lai cực-lạc nào ; lúc bấy giờ thì trong lòng tôi thấy vui-sướng lạ thường, như chan-chứa những tình xuân đầm-ấm. Đương mơ-màng như thế thì tôi lại chợt hồi nhớ đến nàng đã mất thì trong lòng bỗng lạnh ngắt như đồng mà thấy đang đặt mình ở giữa một cảnh chiều hôm mưa gió, cảnh thê-lương mà thảm-đạm như muôn nghìn buổi chiều hôm khác, sương bay khói tỏa, đầu núi bóng chim, chân mây chiếc nhạn, vời trông làn sóng bạc, tít-tắp bên lưng trời mà buồn, lặng ngắm ngọn nước sa, man-mác trên mặt hồ mà cảm, thương thay đời đơn-cô !

Thôi từ đây cải rụng kim rơi, mây chìm bèo nổi, từ đây rồi lúc nào tôi cũng thấy chung-quanh mình tôi đầy những cảnh tiêu-điều buồn-bã, âu-sầu hiu-quạnh lạ thường ; gặp những khi đêm khuya canh vắng, gió xế mưa chiều, hồi-tưởng đến cảnh cũ niềm xưa, mới ngày nào đây cùng ai chung cơn may rủi, chung cuộc khóc cười, khi chăn êm khi nệm ấm, khi gió gác khi trăng sân, cùng ai vui-thú mà chênh lòng. Mỗi lần hồi-tưởng đến như thế thì thấy mình bâng-khuâng như người làm nát ngọc chìm châu. Hòn ngọc đang cầm trên tay mà bỗng rơi xuống vỡ tan-tành, hay hạt châu bỗng chìm hút dưới đáy nước sâu, cái nhớ tiếc ngẩn-ngơ vơ-vẩn, ngậm-ngùi than-thở mà không biết đâu tìm. . .

ĐÔNG-HỒ.

LƯỢC-KÝ VỀ LỊCH-SỬ NƯỚC TÀU (1)

IV

Nước Tàu ở về phía đông châu Á, bờ cõi rộng lớn, chiếm một phần trong ba phần châu Á. Chia làm ba bộ : 1º Bản-bộ, 2º bộ Thát-đát, 3º bộ Tây-tàng. Bản-bộ thì thực là một nước cũ, từ khi có lịch-sử đến nay đã trải hơn bốn nghìn năm, cách-mệnh đến hơn hai mươi triều, thay đổi dòng nọ đến dòng kia thống-ngự muôn dân, sách-vở rất nhiều không thể nào kể hết được. Về khoảng trước kỷ-nguyên độ 500 năm có ông Khổng-Khâu 孔丘 sinh ra, tên tự là Trong-Ni. Ông than-tiếc cho nhân-tâm phong-tục đồi-hoại mất cả, mới giảng đạo-nghĩa, dậy học-trò, đi chu-du bốn phương, muốn dạy cho người đời bỏ hết ác-tập đều theo về chính-đạo. Nhưng các vua đời ấy không hay dùng cái học-thuyết của ông. ông mới trở về sửa-sang lại kinh *Thi* kinh *Thư* để làm tiêu-chuẩn cho đời sau, truyền-thụ được học-trò rất nhiều, cả nước tôn làm bậc thánh-nhân. Cách khoảng độ ba trăm năm lại có Tần Thủy-hoàng 秦始皇 khởi lên thôn-tính cả các nước rồi chia ra làm quận-huyện. Đắp trường-thành để phòng họ Thát-đát, bờ thành cao 45 thước, dày 18 thước, ngang suốt cả hang núi, dài liền đến một nghìn năm trăm thì-trình, đến nay đã hai nghìn năm, vẫn hãy còn di-tích. Từ khi đã đắp xong trường-thành rồi, Thủy-hoàng tự bảo rằng các đế-vương đời trước không ai kịp mình, rồi đem đốt bỏ hết cả sách-vở đời trước, chôn sống học-trò đến bốn trăm người. Cách khoảng độ một trăm năm lại có Hán Vũ-đế 漢武帝 là người hùng-tài đại-lược, dấy binh lên đánh Hung-nô, Tây-vực, uy lừng cả thiên-hạ. Sau lại mê-hoặc về lời nói kẻ phương-sĩ đi cầu thuốc trường-sinh bất-tử, giảng-cứu mãi mà không ăn thua gì cả. Khoảng năm 1209 có ông Thành-cát-tư-hãn 成吉思汗 khởi lên ở đất Mông-cổ, đem đại-binh vào đánh Trung-quốc, chinh-phục được hết cả toàn-quốc, lập quốc-hiệu là nhà Nguyên 元. Trải độ hơn một trăm năm lại phải người nhà Minh diệt mất. Khoảng năm 1644 có họ Ái-thân-giác-la 愛親覺羅 khởi lên ở đất Thát-đát, đánh diệt nhà Minh, nhất-thống Trung-quốc, quốc-hiệu là nhà Thanh 清. Thủy-tổ nhà Thanh là vua Thuận-trị 順治 là một ông vua khoan-nhân đại-độ. Đến vua Khang-hi 康熙 cũng là một vì anh-chủ ít có, ở ngôi vua được sáu-mươi năm, nhà sử-thần khen là một đời vua thái-bình.

Người nhà Thanh chỉ giữ cái thói cũ mà lại hay trì-trọng tự-an, không có thích nghe những cái thuyết tân-kỳ của người ngoài, lại khinh người ngoài là di-địch, không muốn giao-thông hòa-hiếu với các nước, thường giết các người đi truyền-giáo, chỉ có một nơi Quảng-đông là cho khai-thông đi buôn bán thông-thương, nhưng lại nghiêm-khắc tra xét, không cho vợ con được đi lại, người Âu-châu lấy làm bực mình. Năm 1793 nước Anh có sai sứ đến thăm hỏi và đi xem xét phong-tục. Năm 1816 người Anh lại đến thăm xét mà cũng

(1) Xem Nam-Phong từ số 125.

không được việc gì cả. Khi ấy người Bồ-đào-nha chiếm lĩnh lấy những cù-lao ngoài bể làm đất thuộc-địa của mình. Người Nga cũng dùng kế sai các người đi tuyên-giáo sang ở Kinh-thành nước Tầu để một mình thân-thiện với nhà Thanh mà chiếm lấy lợi, chứ không muốn cho người nhà Thanh ngoại-giao với các nước. Người nước Anh thường đem đồ hàng Ấn-độ sang bán cho nước Tầu, nhưng thường bị phải lăng-nhục, vẫn lấy làm tức muốn sinh sự đánh nhau. Khi ấy người Anh có đem bán thuốc nha-phiến được lợi hàng cự-vạn. Sau người nhà Thanh biết rằng thuốc nha-phiến là hại, mới ra lệnh nghiêm-cấm, nhưng người trong nước mắc nghiện đã nhiều, các quan địa-phương vẫn ngầm cho buôn bán thuốc phiện, người Anh muốn xin được bán công-nhiên khắp cả, nhưng triều-đình nhà Thanh không cho. Song vẫn chở vào bán nhiều lắm. Năm 1829 nước Tầu ra lệnh nghiêm-cấm không cho người ngoài đem thuốc phiện vào, bắt những kẻ lái buôn ở Quảng-đông người nào bán lậu thuốc phiện thì giết chết. Lại sai Lâm Tắc-Từ 林則徐 thu lấy những thuốc phiện của người Anh buôn vào và bắt cả quan lĩnh-sự nước Anh, những người nào bán lậu thuốc phiện thì đều tống-giam cả, bắt được hai vạn hai nghìn hòm thuốc phiện đem vứt cả xuống sông, đãi người Anh rất tàn-ngược. Năm 1840 quan Thủy-sư đề-đốc nước Anh là Gia-nhi-lị-kha-đức đem một vạn năm nghìn quân tự Tân-gia-pha đến Quảng-đông chiếm giữ lấy Hà-khẩu rồi phía bắc tiến đến Định-hải đánh phá các đồn, lại tiến vào cửa Bắc-hải. Triều-đình nhà Thanh mới sai sứ ra xin hòa, nhưng toàn là giả-dối cả. Quan Tổng-đốc Trực-lệ là Kỳ Thiện lại đánh lừa người nước Anh. Người Anh mới đem binh vào Quảng-đông chiếm lấy cả Quảng-đông và Hạ-môn. Người nhà Thanh binh-khí thì thô xấu, lại không quen chiến-trận, mỗi khi bại-trận chết không biết bao nhiêu mà kể, kẻ tướng-hiệu tự-tử cũng nhiều. Người Anh thừa thắng đánh lấy Ninh-ba xâm cả đến Phố-khẩu và Ngô-tùng, rồi giữ lấy đất Thượng-hải đòi đền binh-phí. Năm 1842 người Anh lại kéo lên sông Dương-tử đánh nhau ở bên sông Vận-hà cướp lấy Trấn-giang rồi đánh vào Nam-kinh. Ngày mười sáu tháng tám triều-đình nhà Thanh mới sai quan khâm-sai là Kỳ Anh ra thay Kỳ Thiện, rồi giảng-hòa với nước Anh, nước Anh sai Bột-đinh-trị-nhĩ sang hội ở Nam-kinh để lập điều-ước, nước Tầu phải cắt đất Hương-cảng cho nước Anh và phải đền binh-phí hai nghìn một trăm vạn đồng. Lại phải mở ra năm cửa cảng để cho nước Anh và các nước vào thông-thương buôn bán và đặt quan lĩnh-sự để giám-hộ, lại định các thuế-lệ phân-minh, không hỏi gì đến việc nha-phiến nữa. Điều-ước ấy định xong thì người nước Anh được lợi nhiều lắm. Trận ấy khai-hấn ra bởi một việc nhỏ mà sinh-sự đến đem binh để hiếp nạt người, không phải là cái đạo giao-lân thành-thực. Nhưng từ đấy nước Tầu mới bỏ được cái tệ bế-quan tỏa-cảng. Năm 1844 nước Pháp có sai Lạp-cách-lặc-kha sang Tầu để định điều-ước cũng như người Anh, cho được truyền-giáo Gia-tô ở trong nước Tầu.

Người nhà Thanh từ khi giảng hòa với nước Anh, tuy vẫn là hòa-thuận, nhưng kỳ-thực vẫn ghét nhau. Năm 1856 về hồi tháng mười, quan Tổng-đốc Quảng-đông đem quân đi bắt giặc vào cả tầu Anh giật đồ cả cờ hiệu nước Anh, bắt trói mười hai tên thủy-thủ. Quan Tổng-đốc Hương-cảng người nước Anh là Pháp-lâm-cách có đưa thư sang trách quan Tầu bắt phải bồi-thường, nhưng quan Tổng-đốc Quảng-đông không xét đến. Khi ấy người Pháp

cũng thường bị người Thanh làm rầy rà, lấy làm tức, mới cùng với người Anh họp binh vào vây hãm tỉnh Quảng-đông, bắt quan Tổng-đốc đem sang Ấn-độ, người Thanh mới xin hòa. Khi ấy có tướng Anh là Việt-nhi-đinh và tướng Pháp là Cách-la đem tàu chiến vào Bắc-hà, muốn kéo lên Bắc-kinh, nhưng lại sợ người Tàu sinh biến, mới đưa thư đòi lại những đồn lũy ở hai bên bờ sông, người nhà Thanh không nghe mới nổ súng đánh nhau. Người Anh với người Pháp mới đánh lại mà cướp lấy pháo-đài. Tháng sáu năm 1858, hai tướng nước Anh nước Pháp mới kéo quân đến đánh lấy thành Thiên-tân, người nhà Thanh sợ hãi, sai sứ xin hòa, mới lập điều-ước cho người các nước được giao-thông trong đất nước Tàu, các giáo-sĩ được đi truyền-giáo khắp mọi nơi, được đặt chức công-sứ đóng ở Bắc-kinh. Tháng ba năm 1859 nước Anh lại sai em người Việt-nhi-đinh là Bà-lê-du-sĩ sang làm công-sứ, giảng-hòa thông-hiếu, dời đồn Hương-cảng sang đóng ở Thượng-hải rồi lại vào Bắc-kinh yết-kiến vua nhà Thanh xin đưa hai quan công-sứ lên đóng ở Bắc-kinh. Tháng năm Anh công-sứ và Pháp công-sứ đi đến Thượng-hải, người Thanh bảo rằng hãy phải đợi ở Thượng-hải khi nào được vua Tàu phê-chuẩn cho mới được vào kinh, chứ không được đi ngược lên Bắc-hà. Hai quan công-sứ không nghe, quan Thủy-sư đô-đốc nước Anh là Ba-bá đem một chiếc tàu binh và mười hai chiếc pháo-thuyền cùng với quan Thủy-sư đô-đốc nước Pháp là Đức-lê-hiệu đem hai chiếc tàu binh đi sẵn lên Bắc-hà. Người nhà Thanh đem dựng rào sắt để chắn đường tàu đi và lập pháo-đài để phòng-bị. Ba-bá mới đem phác-thuyền cứ tiến vào chân pháo-đài mà không ai dám chống-cự cả, tàu Anh đã xâm vào đến rào sắt lần thứ nhất, lại sẵn lên rào sắt lần thứ hai thì hai mươi cái đồn quân Tàu ở hai bên bờ sông đều nổ súng ra chống-cự, đạn bay xuống như mưa, tàu của Ba-bá bị đạn tan vỡ, quân lính chết và bị-thương đến bốn trăm tám mươi người, Ba-bá cũng bị thương nhẹ, nhưng khí-phách vẫn hăng, đánh nhau mãi đến chiều tối không thể tiến lên được, phải lui lại. Hai quan công-sứ mới trở về Thượng-hải, rồi báo tin về nước Anh, vua nước Anh cả giận, sai quan đại-tướng là Cách-lau-đức đem hai vạn năm nghìn quân kéo sang, nước Pháp cũng sai Môn-dâu-bạn đem một vạn quân sang Tàu, nước Anh lại sai Việt-nhi-đinh sang làm khâm-sai sứ thần cùng với quan sứ-thần nước Pháp là Cách-la đều đi sang Tàu. Tháng tám năm 1860, binh-thuyền hai nước Anh Pháp kéo đến Bắc-hà. Quan công-sứ Anh Pháp mới đưa thư trách việc ngày trước làm càn, phải sai chức quan to ra đón tàu Anh và bảo-hộ đưa vào Bắc-kinh. Người nhà Thành dám tự-đắc rằng các nước ngoài là di-địch dám vào chống nhau với Trung-quốc phạm đến uy-nghiêm là vô-lý, từ nay phải giữ lễ cung-kính mới được. Hai quan công-sứ thấy trả lời như vậy đều cả giận quyết nghị tiến-quân rồi kéo đến Đại-cô đánh vỡ tan và vạn quân Mãn-Thanh bắt được bốn mươi nhăm khẩu đại-pháo, rồi tiến lên phá các đồn binh, cướp được hết cả các binh trại đôi bên bờ sông, bắt được bốn trăm khẩu đại-pháo, quân nhà Thanh chết hại không biết chừng nào, Ba-bá kéo quân đến Thiên-tân, người nhà Thanh cả sợ, sai quan trọng-thần ra xin hòa. Quan công-sứ nói rằng tiến vào kinh đã rồi mới cho nghị-hòa. Nước Anh mới sai Ba-cách-sĩ và Uy-đức hai người đến Thông-châu xem địa-thế để định nơi đồn-binh ở Trương-gia-loan. Tháng chín quân hai nước Anh Pháp kéo đến Trương-gia-loan, người nhà Thanh lại đắp pháo-đài để phòng-bị, Ba-cách sĩ

mới hỏi thì bị người nhà Thanh bắt giữ, lại kéo đến hai vạn quân Mãn-châu và hơn bảy mươi khẩu đại-pháo ra đánh. Nước Anh nước Pháp cả giận mới đánh lại quân Mãn-châu thì quân nhà Thanh cả thua chết đến nghìn rưởi người. Anh Pháp hai nước mới kéo quân đánh vỡ trại Sung-nha, người Thanh lại xin hòa và từ tạ tội trước. Tướng Anh là Việt-nhi-đinh thuận cho, hẹn trong ba ngày phải giả hết những quân bắt được. Khi ấy Cung-thân-vương ra tạ lỗi, nhưng lại cứ khiên-kỳ mãi không giao trả. Sau hai tướng Pháp Anh lại đem tám nghìn quân đến Bát-lý-kiều đánh nhau với ba vạn quân Mãn-Thanh của Tăng-cách-lâm-tấm phá vỡ tan cả, bắt được một trăm khẩu đại-pháo. Lại tiến vào vườn Viên-minh đánh phá quân Mãn-Thanh, làm tàn-phá cả cung-điện, cướp lấy đồ bảo-hóa; được hai ngày thì Ba-cách-sĩ thấy quân tù-binh của hai nước Anh Pháp bị phải người Mãn-Thanh đãi một cách tàn hại, lấy làm tức giận mới đem quân tiến vào kinh-thành dàn súng đại-pháo chĩa vào, hẹn ngày phải ra đầu hàng thì trả lại kinh-thành. Vua Hàm-phong phải đem Phi-tần chạy ra Liêu-đông. Cung-thân-vương lưu lại ở kinh để quyền-nhiếp mọi việc, mới quyết nghị mở cửa thành ra đón quân nước Anh nước Pháp vào. Dân ở Bắc-kinh thấy cờ ngoại-quốc phấp-phới ở trên thành đều sợ chạy cả. Trận ấy người Anh bị bắt mất hai mươi sáu người, chỉ còn sống sót được mười ba người, còn thì đều bị người Mãn-Thanh giết chết ở trong vườn Viên-minh. Tướng Anh là Việt-nhi-đinh giận lắm, mới phóng-hỏa đốt vườn Viên-minh và đòi tiền bồi-thường ba mươi vạn bạc để cấp cho những họ người chết, và theo như hòa-ước Thiên-tân lại đòi tiền bồi-thường nữa. Triều-đình nhà Thanh đều phải nghe cả. Quan công-sứ nước Anh nước Pháp đóng ở Bắc-kinh lại đòi tiền binh-phí tám trăm vạn lạng, quân của nước Anh nước Pháp được phép đóng ở Thiên-tân, phải khai Thiên-tân làm nơi thị-trường, lại nhường Cửu-long thuộc về Hương-cảng. Hòa-ước định xong rồi nước Anh nước Pháp mới lui quân khỏi Bắc-kinh trở về đóng ở Thiên-tân. Đến năm sau thì vua Hàm-phong mất ở Liêu-đông, Thái-tử là Tái-thuần lên nối ngôi, cải niên-hiệu là Đồng-trị.

Người nhà Thanh xưa nay vẫn quen thói cô-tức, quan-lại thì tàn-ác ngược-đãi nhân-dân, vì thế mới khởi lên cái loạn Hồng Tú-Toàn. Nguyên Hồng Tú-Toàn là người Hoa-huyện tỉnh Quảng-đông, mới bắt chước giáo Gia-tô mà tự lập ra một giáo gọi là hội Thiêm-đệ, tụ-họp những kẻ hung-đồ để phiến-dụ kẻ ngu-dân, ý muốn diệt nhà Thanh mà khôi-phục lại nhà Minh, mới cử binh lên để làm loạn. Năm 1850 Tú-Toàn tự-xưng là Thiên-hoàng, niên-hiệu là Thái-bình, những kẻ đầu đảng đều xưng vương cả, liền kéo quân đến quấy-nhiễu Quảng-đông, cướp Hà-nam, lại xuống phía sông Dương-tử cướp lấy Hán-khẩu, tiến lên xâm đất Giang-tô, đánh phá Nam-kinh, giết hại nhân-dân đến hai vạn người, mới lấy thành Nam-kinh làm nơi kinh-thành. Năm 1860, Tú-Toàn lại đánh đến Tích-giang, vây hãm Ninh-ba, lại sắp đánh đến Thượng-hải xâm nhiễu cả đến người ngoại-quốc. Nước Anh nước Pháp mới họp sức lại đón đánh quân của Thái-bình-vương thu-phục được Ninh-ba, lại bảo triều-đình nhà Mãn-Thanh đem binh-thuyền đến cứu-viện, đánh được huyện Tiêu-sơn thu-phục được Tô-châu. Năm 1864 quân Mãn-Thanh cùng với quân nước Anh đánh phá Lật-dương đuổi được Dực-vương phải chạy, thu phục được Hàng-châu. Thái-bình-vương lại lấy thêm quân Quảng-đông Quảng-tây đem đi cướp bóc tàn phá thực là tàn-hại. Khi ấy có quan tuần-

phủ Tích-giang là Tăng Quốc - Thuyên 曾國荃 mới đánh thu-phục được Nam-kinh, Thái-bình-vương mới phóng-hỏa cùng với và tên thị-nữ nhảy vào lửa mà chết. Quân Mãn-Thanh lại bắt được tướng là Trung-vương đem giết đi, còn dư-đảng Thái-bình-vương lại đi cướp phá hai tỉnh An-huy, Giang-tây, quân nhà Mãn-Thanh lại thua, lại phải cầu viện đến binh ngoại-quốc, rồi mới đánh được Hán-giang, Giang-tây, lại phá được Anh-vương là Trần Ngọc-Thành cũng là đồ-đảng của Thái-bình-vương, thế giặc mới suy dần đi. Sau quân giặc lại vào cướp phá Hạ - môn, bị quân Mãn-Thanh đánh đuổi. Năm 1865 thế giặc đã suy lắm, còn em Trung-vương là Đãi-vương giữ ở Phúc-kiến, Chương-châu, quân nhà Mãn-Thanh đến đánh phải bỏ thành chạy về phía nam, dư-đảng của giặc từ đấy dẹp yên hết.

Năm 1862 phía tây Thát-đạt có bọn Hồi-giáo khởi lên làm loạn, thế giặc càng ngày càng lan mãi ra. Khi ấy lại có giặc Bắc-địch, Nắm-phỉ cướp đất Bắc-hà, đánh phá phủ Chân-định, Tăng-cách-lâm-tấm phải bị chết. Tăng Quốc-Phiên mới ra thống-lĩnh lấy quân ấy để chống nhau với giặc. Kẻ đầu đảng giặc là lũ Miêu Bái-Lâm từ tỉnh Sơn-đông qua sông Hoàng-hà định xâm vào Bắc-kinh, Quốc-Phiên đem quân đón đánh tan vỡ, thế giặc mới suy, trong nước mới được vô-sự. Khi ấy người Mãn-Thanh muốn hòa-hiếu với các nước, mượn Ba-lâm-khiên là người Mĩ làm sứ-thần để giao-thiệp với các nước. Nhưng người Mãn-Thanh vẫn còn cái tính kiêu-ngạo coi khinh người ngoài không khác gì ngày xưa. Năm 1870, quan-lại ở Thiên-tân lại cổ-động cho dân phá nhà quan lĩnh-sự nước Pháp, giết chết mất và người Pháp, rồi lại xông vào bệnh-viện giết chết mất và mươi người thầy tu. Công-sứ Pháp lại bách triều-đình nhà Thanh phải trị tội những kẻ bị can về việc ấy. Nhà Thanh phải bắt chém mười sáu tên bạo-đồ, đem đầy hai tên quan-lại, và bỏ tiền ra bồi-thường.

Đến năm sau, nhà Thanh mới phái những kẻ học-trò tuấn-tú sang lưu-học nước Mĩ, vua mới chịu ra tiếp-kiến công-sứ các nước. Sau vua Đồng-trị mất, em là Tái-Điềm lên nối ngôi, cải nguyên là Quang-tự.

Đời nhà Thanh từ khoảng giữa trở về sau, chính-trị không được chấn-chỉnh, bán quan bán tước, kỷ-cương trái-loạn, nhân-tâm hoán-tán, triều-đình nhà Thanh chỉ nệ cổ không chịu biến-pháp duy-tân, người Nga thì bách-hiếp ở phía bắc, người Anh người Pháp thì hiếp-chế ở dọc bể đông-nam. Các nước ở Tây-vực Thát-đát đều muốn mưu để thoát ra ngoài vòng cơ-mi, kẻ thức-giả đều lấy làm lo.

Các triều vua nước Tầu đều theo cái chế-độ lập-trưởng, mà kén chọn đều tự-ý vua. Vua thiên-tử thì cầm chính-quyền trong một nước, thi-tuyển học-trò thì chỉ chuyên dùng từ-phú thi-ca, học-trò chỉ giảng học văn-nghệ. Còn đến như chính-trị kinh-tế và lịch-số toán-pháp đều cứ giữ theo phép cổ cả, nghề nông thì chịu khó cày bừa chăm-chỉ, số hộ-khẩu nhiều nhất các nước, ước chừng đến ba ức sáu nghìn vạn nhân-đinh. Theo cả ba giáo là : Nho, Đạo, Thích, chỗ nào cũng có lập ra chùa bày tượng thờ Phật. Còn đến như giáo, Hồi-hồi, giáo Gia- tô, lúc thì người Tàu cho truyền-giáo, lúc lại cấm-chỉ bất-thường. Nam-kinh là một nơi kinh-đô từ đời trước, Bắc-kinh là nơi kinh-đô đời bây giờ nhân-dân ở Bắc- kinh ước đến hai trăm vạn người, thành Bắc-kinh chung quanh xây bằng gạch, cao ước một trăm thước, quân vệ- binh chạy ngựa đi trên mặt vòng thành được ; mở ra chín cửa đều dùng đá đại-lý xây vòng quanh trông rất rộng-rãi to-lớn dị-thường. Còn các phủ-thành khác đều là lấy

nhân-công làm ra cả. Nhân-dân ở trong thành đông lắm, da vàng tóc đen, con người đen mà nhỏ, mặc lối áo rộng và khoác giải lụa vòng quanh lưng. Người nào đi đâu cũng thường giắt dao găm gài đũa để đến lúc ăn thì dùng. Phong-tục thì phần nhiều dối-dá, lại có tính tàn-nhẫn, kẻ có tội thì thường bắt đeo gông vào cổ, thực là một cái hình-cụ xấu-xa.

Nói tóm lại từ đời Tam-đại trở lên thì qui-mô phong-thói rất là thịnh-mĩ. Đến đời Hán, Đường, Tống, Minh cũng nhiều vua hiền khởi lên làm được chính-trị tốt. Đến đời nhà Thanh thì đời vua Khang-hi vua Kiền-long thực là tốt hơn cả đời trước. Người tây có bảo rằng: « Người Tàu rất qui trọng văn-nghệ, lấy một khoa văn-chương làm con đường xuất-thân, lễ-văn thì phần nhiều hư-sức, như là lúc cư-tang thì lăn khóc, chống gậy đi đất khóc-lóc như trẻ con. Kẻ lại-dân quen thói phụng-thừa, hình-pháp rất là tàn-khốc. bắt tội người thì giết cả họ, bắt được quân địch-binh thì đem giết cả đi. Mỗi khi gặp năm mất mùa thì dân thường bị kém đói. Người Tàu vẫn tự-xưng nước mình là đông-đối thánh-nhân, coi người nước ngoài như là rợ mọi. Quân-chủ thì giữ theo cái thói chuyên-chế, để nên kẻ hạ-dân, nhân-tâm thế-đạo càng ngày càng suy-đồi, không bằng được đời cổ. đường xá thì bỏ bẩn-thỉu ô-uế không sửa-sang, lại nhiều người nghiện thuốc phiện thân-thể gầy yếu; đàn bà con gái thì không có trường học, lại còn vẫn giữ cái thói bó chân. Con gái nhà quan sang quí-tộc thì ăn mặc xa-xỉ, nhưng phòng-nhân về việc trai gái rất nghiêm. Kẻ qui người hèn lại phân-cách ra làm hai bậc. Những lợi về muối sắt thì về phần quan chiếm giữ cả, lại kiêng không dám khai mỏ, sợ rằng đoạn-thương mất địa-mạch, lại mê-hoặc về thuyết phong-thủy, có kẻ bố mẹ chết đến và năm không chôn. Kẻ học-giả tuy rằng theo học đạo Khổng-tử mà vẫn giữ thói hủ-lậu, không biết bắt-chước theo người, thực là kẻ tội-nhân của Khổng-tử vậy. » Than ôi! Người Tây mà nói như thế cũng có sở-kiến, nhưng người Tàu nếu hay cố gắng làm cho nội-lực sung-túc, khỏi mang nợ với nước ngoài, khi ấy lại có kẻ hào-kiệt nổi lên mà chấn-chỉnh, thì vận nước hồi-phục cũng chẳng khó gì vậy.

(Hết)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

TỤC-NGỮ PHÚ

II

51. *Vần rèn.* — Nay lành mai dữ; trước lạ sau quen. Phong-lưu có lúc, lao-lực từng phen. Đừng nên mỗi người mỗi giọng; mà chớ cây tài cậy duyên. Lửa cháy cả hai đầu, được chỗ này hỏng chỗ nọ; thò-lò ngã bốn mặt, vừa thua vật lại thua chen. Ở phải chọn nơi, gần mực thì đen gần đèn thì sáng; người nên biết lẽ, ít ăn thì nhọc ít học thì hèn. Khẩn vái rác rơm, tiếc tài cho mồm ông thầy bói; lần hồi đắp đổi, rối lên như bễ anh thợ rèn.

52. *Vần tiếng.* — Líu-lô líu-lưỡng; lúng la lúng-liếng. Đậu cao rửa lông; thấp cổ bé miệng. Đã hỏng đầu lại hỏng đuôi; đang tầm bơi vừa tầm liệng. Khôn kỳ khôn quặc, khoai khôn giắt mẹ lên bờ; dại gớm dại ghê, trẻ dại lôi nhau xuống giếng. Mười câu nói hay chẳng bằng một câu nói dở, mất của mất lòng; một sự chẳng tin thành ra muôn sự chẳng tin, bán danh bán tiếng. Đất vua chúa làng phong cảnh bụt, cờ công-đức của thập-phương; của dời người thế nước non tiên, gái giang-hồ trai tứ chiếng.

53. *Vần đừng.* — Chân ngay sừng-sững; bụng giằng giằng - giằng. To đuôi thì che kín bẹn; vạch áo cho người xem lưng. Phải tôi thì lôi xuống sông, trăm tội đồ rội nhà oản; trồng cây có ngày ăn quả, một cây làm chẳng nên rừng. Việc làm việc ăn, làm ruộng thì ra làm nhà thì tốn; chẳng đi chẳng đến, ngày sáu ta trầy ngày bảy ta đừng. Đàn anh có mả kẻ cả có dòng, bố khôn con chẳng dại; máu chảy đến đâu ruồi bâu đến đấy, cậu chết mợ người dưng.

54. *Vần biếng.* — Đi không về rồi; ăn hơ làm biếng. Kẻ có của người có công; chửa đi thăm đã đi viếng. Phong-lưu kẻ có, ăn cơm hom nằm giường hòm; lịch-sự người sang, nước chè tàu trầu cơi thiếc. Mắt toét loe-loe như là lọ mẻ, lưng cao khố đen; đầu trọc lông-lốc như củ bình-vôi, mặt đui tai điếc. Gặp đâu nói đấy, nào có ra đầu ra đuôi; người không biết gì, làm chẳng nên công nên việc.

55. *Vần bút.* — Thân sướng hơn tiên; mặt hiền như bụt. Nặng-nề như thể cối đâm; lụt-cụt như là bể thụt. Việc làm có mẹo, hay ở min dở ở min; còn thì mặc mày, giàu con út khó con út. Chẳng ăn cũng hoài chẳng chơi cũng thiệt, vật lạ của ngon; đi làm thì nhọc đi học thì phiền, tờ giấy ngọn bút. Khi đắc-thời râu chơi với tóc, nhảy hơn loi-choi; trai công-điền đầu liền với vai, béo như cun-cút.

56. *Vần nghiên.* — Lễ thánh đánh rượu, tốt ông không tiền. Chẳng qua lẽ phải; bất nạt người hèn. Có chẳng từ không chẳng trách; giàu làm phúc khó làm duyên. Bên lở bên bồi, sông có khúc người có lúc; nảy tiền nảy của, cây làm bút ruộng làm nghiên. Có tình rình nhau, gần nhà nhưng mà xa ngõ; ngày dàng gang nước, cách sông nên phải lụy thuyền. Chị giòn thì đi hát, em chẳng giòn thì đi tát đi chao, hay cũng mặc khách; mẹ đẻ đỗ thì mát con đẻ đỗ thì vừa tát vừa đánh, đẹp có mà tiên.

57. *Vần trên.* — Có danh có mỗ; biết mặt biết tên. Ngồi cầm quí-đầu xuống; no dằng hồng-mao lên. Dạy bảo nhẹ-nhàng, biết tính con chẳng ai bằng

bố ; bụng dạ rộng-rãi, dung kẻ dưới mới là người trên. Gọi là con tông, không giống lông cũng giống cánh ; nói ra giọng rượu, chẳng hơi riêng cũng hơi men. Đừng cậy ngồi đụn thóc móc đống tiền, mà ra tuồng nói khuếch nói khoác ; hãy còn sáng con mắt chặt đầu gối, chửa đến nỗi nhập-nhà nhập-nhèm,

58. *Vần bậc.* — Áo đỏ lòe-lòe ; lửa sáng rằng-rặc. Rức-lác lè-bè ; ăn nói lắc-cắc. Áo mã- la nước da đồng điếu, giở dáng ta đây ; mồm xa-cán lỗ đít tán tài, nói còn bắc-bậc. Rằng có đẹp như cái tẹp, đem kho tương, nó trương phềnh-phềnh ; nhẹ bằng bấc nhấc chẳng đi, nặng bằng chì, quăng xa lắc-lắc. Thợ may thì ăn bớt giẻ, thợ vẽ thì ăn bớt hồ, thầy đồ thì ăn bớt chữ, làm gì chẳng có ăn ; thầy lý chắc nấp ở giường, thầy hương chắc nấp ở cửa, ông sư chắc nấp ngõ ngoài, biết thế nào là chắc.

59. *Vần quan.* — Mùa mảng rối - rít ; tiền thóc chứa - chan. Có con nó dỡ mọi việc ; không chồng mà đẻ mới ngoan. Đánh cửa trước vào cửa sau, trông ngay thấy có mắt thánh ; đang thế này xoay ngay thế khác, muốn nói gian thì làm quan. Ba bà đi chợ là vợ đàn ông, nhiều tiền mua nhiều, ít tiền mua ít ; đôi có chưa chồng, đêm lồng đi hát, trống mau mùa mau trống khoan mùa khoan. Lấy vợ kiêng tuổi đàn bà, làm nhà kiêng tuổi đàn ông, chả nói gì nữa ; vào học chọn ngày trực khai, đánh chài chọn ngày trực bế, còn ai phải bàn.

60. — *Vần viên.* — Xem đất xem cát ; chỉ địa chỉ thiên. Đánh trống qua cửa sấm ; như mõ réo quan viên. Người sống vì mồ vì mả, chẳng sống vì cả bát cơm, thế nên phải tận nhân-lực ; đất này có long có hổ, có ổ lúa chiêm đàng trước, nói ra phết ông địa-tiên. Ví dù đất biết nói năng thì răng thầy rụng ; còn khoe của chung non nước bán được đất tiền. Thôi chớ rước voi dầy mồ, thấy đỏ ngỡ chín ; cũng đừng trông cò ra quạ, đồi trắng thay đen.

61. *Vần dưới.* — Gió liệu chiều che ; nước theo mùa tưới. Vượn hót chim kêu ; trâu cày ngựa cưỡi. Nhớn-nhơ nhớn nhác, ngẩm-ngặp như trò gặp nhau ; gật-gưỡng gật-gà, dớ-dẩn như là dọn cưới. Có tiền mua tiên cũng được, đồng tiền làm phấn con người ; nói dốt đến bụt phải cười, lời nói như trói đầu lưỡi. Tiền tài thân ngoại-vật, có thì rằng có không thì rằng không ; hương-đảng tiểu-triều-đình, trên phải ra trên dưới phải ra dưới.

62 *Vần miền.* — Tính nóng hơn lửa ; bụng thẳng như tên. Ông đi qua bà đi lại ; kẻ thì cười người thì rên. Đừng nên thị phú khinh bần, chị sang khăn lượt áo là, em khó cũng áo hoa quần lĩnh ; nhớ chữ lạc thiên tri mệnh, nhà có cơm tám thịt đông, nhà nghèo thì cơm sung cháo giền. Cũng là đời người, kẻ sang tràng-kỷ bát-tiên, kẻ hèn ổ rơm nằm bếp ; sao cho phải lẽ, mùa hè áo the áo cát, mùa đông áo bông áo mền.

63 *Vần tổng.* — Hay khen hèn chê ; vụng chèo khéo chống. Nắn như nắn đó đầy ; nín như nín cơm sống. Dĩ thủ vi lễ, đi lạy quan về van dân ; vô vật bất linh, tiền kẻ khó gió nhà trống. Cha cũng kính mẹ cũng vái, thờ như thờ vong ; đầu chẳng biết cuối chả hay, hát gì hát hỏng. Chín người coi như một chục, vác mặt đi việc làng ; một tiếng trống cất ngàn quân, đuổi cướp nhờ hàng tổng.

64 *Vần lý.* — Cơm đánh phình bầu ; rượu say túy lý. Mỏ nhọn chuột chù ; mặt nhăn như khỉ. Bụt Nam - xang chẳng từ oản chiêm ; sang nước Lào phải ăn mắm ngóe. Suy đồng tính lạng,

nhà giàu bán chó nhà khó bán con ; mâm cao cỗ đầy, làng lớn thầy hương làng nhỏ thầy lý. Có tầm có mát, chẳng thiêng ai gọi là thần ; nhọ mặt nhọ mồm, coi gớm lên như thể quỉ. Mua trâu bán rả, kể còn lờ lãi ra chi ; đo bò làm chuồng, thôi chẳng nhóc nhách một tí.

65 *Vần cùng.* —Khẩm như cóc chết ; ăn trứng gà ung. Kẻ vô-tâm chẳng nhẩm ai cả ; người lông bụng chở chơi bạn cùng. Gái thương chồng hay giong đi chợ; trai ơn vua lúc đua thuyền rồng. Chẳng bảo chẳng hay, con dốt bởi cha nhà giột bởi nóc ; đẹp duyên đẹp phận, trai giầu vì vợ gái sang vì chồng. Muốn béo thì ghẹo ong, muốn cong đuôi thì ghẹo hùm, ấy mới lục lăng bát giác; chẳng mốc cũng thể trăn, chẳng ăn cân cũng thể chó, chạy rồi ngũ hành tứ tung. Ai chẳng biết tính, thâm đông thì mưa, thâm dưa thì khú, thâm vú thì trửa; việc gì xấu hổ, lấy rổ mà che, lấy nong mà đè, lấy đầu mà đong.

66. *Vần thầy.* — Cửa nhà rộng rãi ; công nợ bầy-nhầy. Ăn thóc tìm giống; chọn đất trồng cây. Con mất cha như nhà mất cột ; gái không chồng như rồng không vây. Xềnh nạ thì quạ nó tha, xềnh nhà thì ra ngay đồ thất-nghiệp; muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy. Mùa đông giá rét căm-căm, mưa sa nhà hướng bắc; bằng trời trước ra lỗ-lộ, mống đông cầu vồng tây. Người không biết đầu biết đuôi, dưới chẳng trông lên trên chẳng trông xuống; đất chẳng phải chiều phải độ, đi thì cũng dở, ở thì cũng rầy. Nói ngàn tầm làm chẳng được gang, dạ khôn mình yếu ; của có vạn ăn dưng cũng hết, mặt nạc dòm dầy.

67. *Vần nho.* — Trẻ răm ba đứa ; sách một vái pho. Mũi đen xì dầu tán tong; ăn xó bếp ngồi đống gio. Thầy đồ thò-lò bụng ra, đánh ba bát vật ; học trò thò-lò lỗ mũi, ăn vụng cá khô. Chòn mép cong môi, chả chê mất lề con gái ; dài lưng tốn vải, hoài thân mà lấy học trò. Học trò học choẹt, kêu rông kêu rài, nhếu-nháo thằng bố láo ; dạy học dạy hành, thầy đồ thầy đạc, nghề nghiệp con nhà nho.

68. *Vần sĩ* — Giỏi tận ruột non ; kiết đến lỗ tĩ. Con mắt trắng phau-phau ; lỗ miệng cười hi-hỉ. Rắn đến chẳng đánh thì quái, gái đến nhà chẳng chơi thì thiệt, gặp đây ta cứ mần ; bò cày còn hơn đi cuốc, vợ gầy - guộc còn hơn nằm không, can chi phải chịu lụy. Bắt đầu năm mới, mèo đến nhà thì khó ; chó đến nhà chắc có điềm giàu ; bỉ mặt thằng sẻn, hùm tha lợn chẳng sao, mèo tha thịt theo cùng cũ-tĩ. Liệu ăn liệu ở, bần vô siểm phú vô kiêu ; nói quàng nói xiên, thiên bất đáo địa bất chí. Rầy hay chẳng tầy mai dở, thất điền bất đảo, sờ nồi không gạo, thất đảo bất điền ; bụng đói đầu gối phải bò, nhất sĩ nhi nông, hết gạo chạy giông, nhất nông nhi sĩ.

69. *Vần với.* — Đi đó đi đây ; biết lui biết tới. Miệng nói toang-toang, áo bay phới-phới. Học thầy chẳng tầy học bạn, chơi cùng các bác may chác được nhiều ; lệnh vua phải thua lệnh làng, chi cũng cứ ta thì ma chơi với. Anh em mỗi người mỗi phận, đừng ở mất lòng nhau ; vợ chồng là nợ là duyên, chẳng tốt cũng thể mới. Chót gả cho nó, con đã mọc răng thôi chẳng còn có nói năng ; đến bữa dọn cơm, người đi chẳng bực bằng kẻ ở nhà chực đợi.

70 *Vần chi.* — Tính nết rù-rờ ; nói năng kỷ-rỉ. Khăn mảnh bát, dép quai mo; áo nước dưa quần cũ đi. Có sao thì em mặc vậy, tiền lĩnh quần chị không bằng tiền chỉ quần em ; vì ai chị có xống thâm, khốn khó nhà em chẳng

thèm ăn rình nhà chị. Chửa đánh người mặt đỏ vang, đã đánh người mặt vàng nghệ, kiả quân hung-đồ ; khi còn cha đách đỏ son, lúc mất cha đách thâm-sì, giở trò đánh dĩ. Mó lỗ đít ba ngày không thối, lại còn khoe khéo khoe khôn ; đánh dĩ để một phương lấy chồng, thôi đừng giả lệnh giả thị.

71 *Vần nữ.* — Lên mặt cụ hương, dương mặt cụ hào; nay giở ông ngè, mai khoe ông cử. Phúc-đức nơi nào cầu ao chẳng bắc, vụ danh làm quái gì ; tiền bạc cứ lấy tờ giấy mang về, việc quan thiếu gì chữ. Nhất lãi nhị hòa tam lỗ vốn, người bán ta buôn; tam sơn tứ hải nhất phần điền, trời che đất chở. Người ta buộc rồ đan sàng, anh kia mất vợ lang thang đi tìm; ai về đập đá nung vôi, chồng tôi thế nào quan viên hàng xứ. Kẻ có thai cửu nguyệt vi kỳ, tam thì vi đinh, đủ tháng đủ thì ; người sinh con tam nam bất phú, ngũ nữ bất bần, có nam có nữ.

72. *Vần sinh.* — Ghé dầu chịu bàng ngảnh mặt làm thinh. Xấu mặt nhưng mình béo, tốt danh hơn áo lành. Lấy chồng phải gánh giang-sơn, khéo thì vá may, vụng-về thì tay chầy cối ; có khách tùy lòng thết đãi, giàu thì thịt thà, kho nghèo thì ta cơm canh. Một năm mười hai tháng lần hồi, ngày kia ngày nọ ; ba vạn sáu ngàn ngày là mấy, có hóa có sinh. Thơm thảo bà lão ăn thừa, thảo khi no khôn vô sự ; được mùa thầy chùa no bụng, hay tiếng kẻ tốt câu kinh.

73. *Vần kinh.* — Hồng-ha hồng-hềnh ; nhồng nha nhồng-nhảnh. Từ rầy chẳng dám vãng lai; cả chỗ tôi xin cung kính. Ở nhà thì hay đánh con ; đi chợ thì hay ăn bánh. Đen thủi-thủi-thui, mặt giỗ nách hôi, rốn lồi vú thõng, coi xấu như thề ma ; cu-la-cà-lấu, khoai nấu bánh đa trông qua mọi hàng, bảo được có mà thành. Coi như mặt giặc, người xấu xấu cả hình-dung ; đỗ nóe nhà quan, chim khôn khôn cả người gánh. Đĩa bát có khi cùng xát, huống chi như người ; chuông khánh còn chửa ăn ai, nữa là mảnh chĩnh.

74. *Vần trình.* — Quyền hồ sang sế ; đàn tính-tình-tình. Tiếng hồ chủ kép ; câu hát lý kinh. Chơi sướng vô kỳ kể ; gặp nhau bất-thình-lình. Càng quen càng lên cho đau, được thì cứ biện ; chẳng ăn cũng lấn lấy vốn, can chi phải trình. Lúc sống mua danh, ơn vua giấy vàng, ơn làng giấy trắng ; khi chết thầy niệm, hồn đi đường bạc hồn chớ lạc đường xanh. Chú chuột mua mắm chợ xa, giỗ cha chú mèo, mèo lành mèo chẳng ở mả ; chim phượng bay lượn trên cao, đậu vào khóm trúc, trúc xanh trúc mọc sân đình.

75 *Vần các.* — Gà gáy o-o ; vạc kêu các-các. Ra bể vào khơi ; lên ghềnh xuống thác. Người sống đống vàng ; nữ hành giành bạc. Thẳng dẫng-dẫng như chỉ bạc, ở ra tuồng đàn anh ; người lất-nhất như nẹn tay, bé nhưng cou nhà bác. Riêu không hành canh không mắm, lấy gì làm ngon ; bằm chẳng lỗ bồ chẳng vào, mặt coi ráo sác. Cái nết đánh chết cái đẹp, làm tùy chủ đi ngủ tùy chồng ; sự dở làm lỡ sự hay, bỏi ra ma quét nhà ra rác.

76. *Vần đẳng* — Ăn nói lấp-lẳng ; túng-ta túng-tấng. Chơi giở thói phường keo ; nợ thì chực bồ chồng. Coi như quạ vào chuồng lợn, ai chả biết tình ; muốn ăn hết thì đào giun, lọ là phải rắng. Không hoài thóc ta cho gà người bới, nói một vài lời ; sẵn cơm nuôi nó để chó ăn hơn, người năm bảy đẳng. Anh banh bẹn chó, rồi trèo chuồng lợn trợn mắt lên ; mèo trèo cây cau hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng. Ăn lúa tháng năm trông giăng rằm tháng tám, đục tốt nỏ tỏ tốt dầm ; đi tết mồng một đốt vàng để tết mồng ba, sáng ăn vừa trưa ăn dẳng.

77 *Vần cả.* — Tính người chớt-nhả, ăn nói cầu-thả. Dẫu rụng răng cũng thề hùm; đừng giả chớp mà bắt quạ. Ăn gốc táo rào gốc sung, vun trồng gốc chuối, còn có ra chi; thần cây đa ma cây gạo cú cáo cây đề, giống như nhau cả. Ông mất chân giò bà thò nai rượu, nào ai đã chịu kém ai; chi đánh cá ao em trao cá mè, muốn ngả chiều nào thì ngả. Trâu trăm con trăm bò cỏ, con đứng ăn năm con nằm ăn ba, con ở đàng xa một bó ba con; mua bốn thức bốn mươi đồng, cam ba đồng một quít một đồng ba chanh-yên tỉ-bà năm đồng một quả.

78 *Vần mọi.* — Có sẻn mới giàu; không làm thì đói. Sóc-đĩa đánh tiền điểm; tồ-tôm chia thẻ mọi. Thực bất-quá thích khẩu, gỏi thêm nem thừa; ngôn vô dục trang phi, miếng ăn lời nói. Cái kiến là cái kiến càng, tao bắt lấy nó, buộc ngang lưng khố, tao đem tao bỏ đầu gió, nó lại bò sang; con cò là con cò quăm, mày hay đánh vợ đêm nằm với ai, có đánh thì đánh sáng mai, đừng đánh chập tối. Mới tập làm bà, một ngày ba khoán, nay bắt lỗi làng, mai bắt lỗi phe, ngày kia bắt lỗi gì; một đứa làm xằng, hai thằng đòn oan, sướng anh hàng cau đau anh thợ hoạn, khốn-nạn anh thầy bói.

79 *Vần tân.* — Sơ kẻ giỏi; chán người tân. Con kia vô-tích; thằng nọ bất-nhân. Biết chữ mà không biết nghĩa; cậy thế chả bằng cậy thần. Được tay khua, thua đồ quàng, thói đời mạt-kiếp; giàu ăn của, khó làm phúc, thuốc chữa phương-dân. Cần-mẫn siêng-năng, khó ta giữ đầu, giàu thì giữ của; sửa sang trang-điểm, người đẹp về lụa, lúa tốt về phân. Thết khách đường xa, nhịn miệng âu là của gửi; ngang sân nước chảy, thôi về lấy lão qua lần.

80. *Vần bằng.* — Lạy trời lạy bụt; hay tiêu hay tăng. Sáng trăng về vậy; mượn gió bẻ măng. Cũng người ấy thôi, đói nên ma no nên bụt; chẳng ông chi cả, trên không rễ dưới không chẳng. Thôi đừng dở-dang, chưa ba tuổi quên đã khoe thân trọn; yêu nhau dắp điếm, dẫu trăm chỗ lệch lại kê nên bằng. Rồng vàng tắm nước ao tù, người khôn ở với người ngu mình nặng; chim xanh đậu ngành đu-đủ, liệu có dì mình lấy chú tôi chăng?

81. *Vần mở.* — Cả vú lấp miệng em; múa rìu qua mắt thợ. Lò-dò như cò phải trời mưa; thui-thủi như hủi ăn thịt mỡ. Ở ống thì dài, ở bầu thì tròn; gửi lời thì nói, gửi gói thì mở. Ăn lấy sống nằm lấy sáng, người ra người đời; còn chẳng biết hết chẳng hay, của rành của nợ. Gặp cơn gió cả, dã-chàng xe cát công toi; lạc nẻo non xanh, chim chích vào rừng bỡ-ngỡ. Đi đâu mà thiệt, xẩy đó chú vào lờ anh; tốt nghĩ là hơn, dẫu của chồng như của vợ.

82 *Vần trí.* — Vác mỏ ăn rơi; thấp cơ thua trí. Quan xứ Nghệ lính lệ Thanh-hương; trai Bát-tràng thành-hoàng Kiêu-kỵ. Sống mỗi người một nhà, giá mỗi người một mả, còn ai can-phạm đến ai; giàu không đến ba họ, khó không đến ba đời, thế nhỉ sao mà thế nhỉ? Ma cũ bắt nạt ma mới, quen thói hư thân; thần tính làm mất thần hồn, rối gan nát trí. Chớ có thấy ăn lăn đến, điều tham thực nhi vong; nào ai hơn mát bát đầy, thực bất tri kỳ vị.

83 *Vần rộng.* — Con cò ăn đêm; cái bống mặc xống. Ngói đỏ lợp nghè; đá xanh lát cống. Gạo tám thồi nồi đồng điếu, hoài cơm xoan đem chan nước cà; rượu ngon bất luận be sành, rách khéo vá hơn lành may vụng. Vật đổi sao dời mấy độ, đất lở người mòn; công cha nghĩa mẹ xiết bao, trời cao bể rộng. Chuột ăn không từ cửa lỗ,

đào lỗ đồ đi ; bò chết cũng chẳng khỏi rơm, phi rơm thì hỏng.

84. *Vần ghi* — Nói năng lả i-thần ; tính nết nhu-mi. Không phải phường bạc-ác, coi ra dáng từ-bi. Chim-chích mà đậu cành ch nh, tao lấy hòn sành tao vanh mày chết; tò - vò mày nuôi con nhện, đến mai nó lớn nó quyến nhau đi. Đã trót đành theo, ba thu nỡ để tháng ngày chờ đợi; đẹp duyên thì lấy, một lời đã quyết đá vàng tạc ghi. Một người làm đĩ, xấu cả mĩ-danh đàn bà, nết-na con gái ; lấy của thế-gian, đem đãi người ngoan thiên-hạ bụng dạ nam-nhi.

85 *Vần nên.* — Người không ra dáng, nói chẳng ai tin. Mất hai nói một ; buôn vạn bán nghìn. Rành ra phường xỏ lá ; giở những thói ăn xin. Cơm vào dạ như vạ vào thân, có thực mới vực được đạo ; nói thế này ra ngay thế khác, không phải là cãi không nên. Đông đánh đông đanh, nấu canh rau cần, ba bề bốn bên sôi lên cho chồng ; cao ngồng cao ngồng, phường vong nhà khó, năm cha ba mẹ còn cái gì bền.

86 *Vần vi.* — Làm không phải phép ; được chẳng ra chi. Đã gọi là người lớn, còn chấp với tiểu-nhi. Sinh con ai nỡ sinh lòng, khôn được nhờ dại phải chịu; chết người rồi mới chết tật, trên không vị thì dưới không vì. Trốn việc quan đi ở chùa, lưng ngay tay thuổn ; chưa làm xã đã ăn bớt, mặt thớt da chì. Miệng đọ nam-mô bụng bồ dao găm, nói thiện mà làm chẳng thiện; của người bồ-tát của nhà lạt buộc, hay làm mà chả hay suy. Uốn-éo rầy-rà, có riêu đòi canh, có hành quay ra gọi tỏi ; trẻ-thơ ngây-dại, xẩy cha còn chú, xẩy mẹ thì ấp vú đi.

87. *Vần sửa.* — Đi cấy đi cày ; làm nhà làm cửa. Ăn xôi ở thì, bụng mang dạ trửa. Cha sinh chẳng tầy mẹ dưỡng, bế con chồng hơn bồng người dưng ; tiền ít lại muốn thịt nhiều, kiêng của đi lấy gì làm bữa. Đi thì hỏi già, về nhà thì hỏi trẻ, chả sót lẽ nào ; gặt thuê thợ lạ, gánh ra thợ làng, còn hớ gì nữa. Nhà giàu cỗ chay khó hay nước lã, mặc ai chê bàn ; lúa chiêm cập-cợi, mùa thì đợi nhau, kỳ này sắp-sửa.

88. *Vần chữa* — Nay ta mai ta ; ăn nửa bỏ nửa. Mắt sắc như dao cau; mồm ướt như cầu rửa. Giở những thói ăn quanh ; lại ra điều xử bửa. Nhanh chân nhẹ bước, ăn cỗ đi trước lội nước đi sau ; thuận thuở theo thì làm ruộng có năm chăm tằm có lứa. Bà là bà vì tiền thóc bà cóc gì ai ; thầy khỏe thầy chữa người ta, thầy ốm ma chữa. Đêm nằm năm ở, vợ chồng áo quần anh em chân tay ; mền nằn rẫn buồng thịt nạc dao phay, xương-xẩu rìu búa.

89. *Vần mà.* — Nằm dương bốn vó ; ngồi nói ba hoa. Thờ ai bằng thờ thánh ; xua quá như xua tà. Chị chả muốn em bạc dùi, ra lẽ kẻ hơn người kém ; cha có con khôn thỏa bụng, yên lòng làm nầy ăn ra. Mướp già mướp có xơ, gái tơ ông lão ; gấu có gấu lại mọc, nòi giống đất nhà. Nhà ta của làm để gác, của cờ bạc để sân, của phù-vân để ngoài ngõ ; con cáo mày ngáo cây đa, mày làm nhà cây gạo, mày mặc áo ở cây cà.

90. *Vần chớ.* — Bụng nghĩ âm-thầm; miệng cười thơ-thớ, xẩy nhà gà mọc đuôi tôm ; trái gió chó già hỏi mỡ. Đừng nên đồ cho phận, có chí làm quan, có gan làm giàu ; vô tích chỉ biết ăn, hàng bấc thì qua, hàng quà thì nhớ. Hồ đồ gì nữa, việc ấy hai năm rõ mười ; tồn ải là bao, nào có trăm nghìn vạn mớ. Trời đất đang cơn gió bụi, khéo gây ra nên nỗi vì ai ; tối tăm chạm phải bức bàn, đau chịu vậy mà than thì chớ.

Văn chê. — Hình dáng gớm ghê; công nợ bề nhề. Già lừa đẻ con ngựa, mẫu bò như tiết bê. Ăn thì thủng nồi trôi niêu, chân tay cục-kịch; người lại thâm môi lồi mắt, mặt mũi ngô-nghê; No xôi thì thôi cơm, chả ngon cũng thể sốt; ít thầy cảng đầy túi muốn tốt đưa nhau về. Gái nuôi chồng ốm béo tròn dẫn sung, có bụng ăn có bụng chịu; trai phải hơi gái bè vó trời bão, mặc ai khen mặc ai chê.

92 *Văn cười.* — Đất lành chim đậu; cây tốt hoa tươi. Chảy nhà ra mặt chuột: cái chỉ buộc chân voi. Nấp nấp nom nom, hữu-tình thì tình trong bụi, nhăn nhăn nhở nhở, vô-duyên chửa nói đã cười. Bán phải giá thì mua, rẻ tiền mặt đắt tiền chịu, người trông nhau mà ở. ăn miếng chả trả miếng bùi. Việc nhỏ tí ti, lặng bằng ao động bằng bể; miệng nói xơn-xớt, lành làm gáo vỡ làm môi.

93 *Văn hậu.* — Đủ vận no ăn; hơn thưng rẻ đấu. Ăn sung ngồi gốc sung; củi đâu lại nấu đậu. Kẻ có nhân mười phần chẳng khốn, thờ thầy lại được làm thầy; nhớ ơn chàng nghìn vàng bát cơm, ở hậu rồi mai gặp hậu. Phiên chữ này ra chữ nọ, nôm-na là cha mách qué, mách qué là mẹ mách xiên; hết mùa nọ đến mùa kia, lúa ngô là cỏ dỗ nành, dỗ nành là anh đưa hấu. Năm quan chữa sống không hết, mười quan chữa chết không đủ, của dời thác cũng ra ma; một đời léo đi làm lại, vạn-đại chắc đi ăn mày, ra ngõ rồi phải rắc trấu.

94. *Văn thứ.* — Trai cao lưỡng quyền; gái mắt một mí. Miệng huếch đến tai; mặt nhăn như bị. Không biết lẽ thiệt đường hơn; chả có kẻ nể người vị. Phải ai chai người nấy, chờ được vạ thì mà đã sưng; ăn để giữ-lễ làm sao, gỡ việc rối như lần bối chỉ. Chơi đầy ruồng-rẫy cho xéo, trai ở bạc-tình; được ta xót-xa lòng người, bụng không khoan-thứ. Mày thế mày ra giống lợn, chỉ ăn rồi nằm; bờm rằng bờm chẳng lấy trâu, xin đổi manh vỉ.

95. *Văn cho* — Rầy mày đã no; người ngu như bò. Chả ăn thì thiệt; không làm ai cho. Một kẻ hay lo bằng kho hay làm, miệng nói chân bước: nửa miếng việc làng bằng sàng xó bếp, mặt lớn tai to. Ba phu bình cẳng chân nhà dủ rồi, nó lại hoàn nó; một người làm quan, cả họ đại loạt, phò được thì phò. Nói chả để phần ai, được ăn rồi lại được nói; làm chi lắm cho nhọc, hay làm mà chẳng hay lo.

96. *Văn tôi.* — Năm nay kha-khá; ngày lên lồi lồi. Vốn liếng kể có mấy vạn; vợ chồng như đũa có đôi. Trống rách giữ tang, khi bịt 35 dương hai mặt; chuông kêu thử tiếng, chẳng kêu cũng đấm ba hồi. Con cốc mày lặn ao chà, bay lên vỗ cánh làm nhà chị; cái cú ăn trầu môi thắm, rằng ai về muốn lấy chú tôi. Khôn đom đóm đã lòe được ai, trẻ nó ví những chùm chọc, mẹ thầy chẳng phải, phải cơn giò; dại thằng bờm mấy người biết đến, mảnh quạt mo mà chim gỗ, trâu, bò, chẳng đổi, đổi nằm xôi.

97. *Văn cám.* — Kẻ cắp già mồm; người lùn xem đám. Ăn phải nhẹ-nhàng; nói đừng can-phạm. Ăn hoang mỗi ngày mỗi tồn, nay nồi hai mai nồi mười; của bán có người có ta. khoai tháng ba gà tháng tám. Nương nhau cho vững, xả nương cột, cột nương xa; đến việc sẽ hay, chạm đến đục đục đến chạm. Gái khôn tìm chồng trai khôn kén vợ, gần chẳng lấy lấy xa; chó dại có mùa người dại quanh năm, cơm không ăn ăn cám. Phụng thỉnh như lai, niêu hai chảo nếp, thần-nhỡn là chiếu thập-phương; nam mô bồ-tát, đánh bát cơm đầy, đệ-tử tôi nay vạn cám.

98. *Văn ân.* — Lá xanh ngăn ngắt; cây tốt rời rời. Miệng cười khách khách; mắng người xơn xơn. Việc còn chia vàng giữa sông, hay chửa ra hay dở chửa ra dở; đời nay nên bạc toạc tờ giấy, làm oán nên oán làm ơn nên ơn. Đầu xuôi đuôi lọt, đầu rụt đuôi co, chẳng qua nhẽ ra sao vào vậy; tay làm hàm nhai, tay oai hàm nhịn, can chi mà tính thiệt suy hơn. Ở đây tai vách mạch rừng, có mồm thì cắp có nắp thì đậy; con nhà ăn tro bọ trấu, mỏng môi hay hớt dầy môi hay hờn.

99. *Văn vạn.*— Có làm có ăn; đi buôn đi bán. Được ích khúc - khích cười thầm; phải chai gặp ai than vãn. Thuyền cứ mạn bán cứ khách, ai trách được ai; tiền là áo gạo là cơm, chán gì mà chán. Lời kẻ sang như vàng như ngọc nói ra có thép có gang; của nhà giàu bằng nước bằng non, nào kể mấy thiên mấy vạn. Có công chồng không nỡ phụ, gì hơn ba mặt một lời; bán đắt ai ngặt thì mua, chẳng chịu một ly thua bạn.

100. *Văn bội.* — Hay nói hay lỗi; chẳng nói cũng tội. Nghe miệng thế xao-xao; bụng nóng lên hôi-hồi Ghi lời phong-tục nhà; làm câu ca khi rỗi. Ăn cơm mới nói chuyện cũ, quản chi sâu rẫy nồi canh; hay thì khuyên bèn ta răn, dừng như cá không ăn mũi. Vẫn biết rặm lời thì ai nghe xiết, nhiều quá hóa nhàm; thế mà câu nói của người đời xưa hãy còn sót ôi Dẫu rằng kể-lể lôi thôi, như trôi thòi ruột, bất hạ thiên ngôn; nhưng sánh với kẻ lo co, lo bò trắng răng, sai thẳng kỷ-bội. Xin các khán-quan làm ơn xét tới.

PHẠM NHƯ MÔN

THIÊN-NAM BẢO-LỤC DIỄN-CA (1)

IV

言乎匠工。驍名巧便
紫陽補鏡。專美螺甸。

Bàn đến sự chuyên-môn nghệ-nghiệp,
Nói những nơi có nếp tài-hoa;
Tử-dương nhiều gấm nhiều là,
Sà-cừ Chuyên-mĩ khảm-gia não-nùng.

鉢場陶士。間琛鑲銀。
蕊溪刻匠。仁賢梓人。

Bát-tràng đắp lò nung đĩa bát,
Đồng-thám khai bể bịt bạc vàng;
Nhụ-khê đồ tiện tinh-công,
Nhân-hiền đục phượng chạm rồn [cảng tinh

富栄藤床。善掉蒲席。
定功鏤金。廣爾鑿石。

Giường mây đất Phú-vinh khôn khéo,
Chiếu cói làng Thiện-trạo tinh dùng;
Nghề nòi đá lạc vàng nung,
Quảng-nam đục đá Định-công suy vàng.

亭榜文甲。油漆湘鬆。
東山五社。窰鑄銅象。

(1) Xem Nam-Phong từ số 125.

Làng Đình-bảng cùng làng Văn-giáp,
Đồ vàng sơn lồng thếp khôn ngoan ;
Kia Ngũ-xã nọ Đông-san,
Thau đồng nung đúc lửa than nghiệp [nghề.

萬寶羅溪。凉氈織衽。
玩含古郡。絹紵似錦。

Vạn-bảo với La-khê nữa đó,
Hàng the lương dọc nhỏ ngang to ;
Nam Nguyễn-xá đoài Cổ-đô,
Dệt hàng lụa đậu sánh đồ nhiễu trơn.

金洞羽扇。平定繡紗。
竹林履鞋。安泰綾羅。

Bình-định nầy tài hơn đồ nhiễu,
Kim-động ra tay khéo quạt lông ;
Trúc-lâm giầy dép nghệ đông,
Lĩnh là Yên-thái vi cùng đoạn tây.

以言乎商。三圻都會。
第一北圻。海防河內。

Nghiệp thương mở ra nay bảy sở,
Nam-kỳ ba Bắc giữa đều hai ;
Bắc-kỳ hai xứ cõi ngoài,
Một nơi Hà-nội một nơi Hải-phòng.

中圻施尉。沱灘海門。
爾裕撑角。幣鬚柴棍。

Thi-nại một thuộc Trung-kỳ đó,
Đà-nẵng hai cùng cửa bể kia ;
Cáp-sanh-giắc thuộc Nam-kỳ,
Hai thì Chợ-lớn ba thì Sai-gon.

極樂郊畿。最大城庸。
外國通商。奇貨日裕。

Ấy bảy sở nước non vui thú,
Mà ba kỳ thành-phố lớn to ;
Đông Tây các nước tranh đua,
Hàng buôn tiêu-thụ của mua đổi-dào.

常信鳳羽。金洞鳳樓。
青威曲水。文江多牛。

Thường-tín có lược-thao Phượng-dực,
Kim-động thì chỉ thủ Phượng-lâu ;
Thanh-oai Khác-thủy có mưu,
Văn-giang thì đất Đa-ngưu có tài.

時轉貨貨。日營商販。
可北可南。求千求萬。

Nơi có vận đến nơi không bán,
Hàng hóa đem buôn bán thường liền;
Tháng ngày chuyển vận bạc tiền,
Đi nam đi bắc lấy nghìn lấy muôn.

我亞洲分。居熱帶中。
繞東南海。有貿易風。

Nước ta thuộc vào khuôn châu Á,
Dải nồng xưa vốn đã yên bày ;
Đông-nam quanh bể cõi ngày,
Một năm sáu tháng gió quay phương [trời.

自春分來。暨秋分至。
起西南風。即沮濕季。

Từ xuân-phân tháng hai mà nghiệm,
Đến thu-phân tháng tám mà xem ;
Gió lên từ hướng tây nam,
Mùa là ướt-át khí hàm bể sông.

自秋分節。至春分間。
風從東北。候即燥乾。

Từ thu-phân trong vòng tháng tám,
Đến xuân-phân sang cuối tháng hai ;
Gió phương đông-bắc khởi lai,
Về mùa khô ráo ngậm hơi cạn vủ.

北圻沿山。霧冪露浥。
下畔海濱。潮來氣濕。

Cõi Bắc-kỳ Thượng-du ria núi,
Khí độc nhiều mù tối sương lênh ;
Hải-tần miền dưới mông-mênh,
Nước triều lên xuống khí lành ướt đầm.

中州氣候。春秋和均。
夏熱針上。至四十分。

Cõi Trung-châu suốt năm xem xét,
Mùa xuân thu khí tiết hòa quân ;
Hạ thời viêm-nhiệt chính-tuần,
Kim hàn-thử bốn mươi phân lên tầm.

五六月間。時多暴雨。
爾起恆無。東起大澍。

Mùa lụt đến tháng năm tháng sáu,
Trận dào nhiều cơn cháu cơn ông ;

Cơn nam nổi dữ hằng không,
Mưa to khởi tự cơn đông mới kỳ.

颶風將起。先日驗云。
看風雨表。降五十分。

Hễ gió bão đến khi sắp dấy,
Một hai ngày trước đấy coi thàm;
Quả-nhiên gió bão chẳng lầm,
Phong-vũ-biểu xuống đến năm-mươi [phần.

臘季春初。霽寒冰冱。
占寒暑針。降十五度。

Mỗi cuối chạp dầu xuân thời-hạn,
Mùa mưa phùn gió lạnh sương dầm;
Nhận xem mục hàn-thử châm,
Xuống mười độ hoặc mười lăm độ mà.

中圻山道。沿邊水涯。
沮濕其氣。水土不佳。

Cõi Trung-kỳ lên xa đường núi,
Cùng là ven mọi lối nước khe;
Khí xông mặt đất ướt nhè,
Độc thay đất nước nặng-nề yên-lam.

畿直中間。土壤氣厚。
居民頗稠。地產甚富。

Khoảng tả hữu Bắc Nam-kỳ-trực,
Vàng đất này khí cực hậu sao;
Người dân mạnh tốt vả nhiều,
Lại thêm địa-sản rất nhiều giàu to.

遞年夏節。熱氣溫溫。
寒暑針上。二十九分。

Thường năm cứ đến mùa hạ-tiết,
Ấy là mùa nóng rất chảy chảy;
Nghiệm hàn-thử-biểu cho hay,
Lên hai mươi chín phân này chẳng sai.

夜氣轉涼。寒下十九。
七八月間。霑雨時候。

Đêm mùa ấy khí trời mát mẻ,
Hễ mát ra kim sẽ chuyển dần;
Rét thì xuống mười chín phân,
Tháng bảy tháng tám là tuần tiết mưa.

南圻天氣。熱且濕而。
流分二。候。無以向隨。

Cõi Nam-kỳ từ xưa khí lạ,
Càng nóng nhiều càng hóa ướt nhiều;
Một năm thay đổi hai chiều,
Mùa quay phương hướng gió theo [thuận-hòa.

自三月前。至九月後。
多西南風。爲多雨候。

Nhận từ độ tháng ba luân-chuyển,
Lại lần sang tháng chín nối theo;
Trong sáu tháng thuận một chiều,
Mùa là ướt ắt gió nhiều tây nam.

自九月後。至三月中。
爲乾燥候。多東北風。

Từ tháng chín quay xem trở lại,
Đến tháng ba sau hãy nhận ra;
Tiết trong sáu tháng ấy mà,
Gió nhiều đông-bắc mùa là ráo khô.

十一月來。至二月度。
空際多雲。天時無雨。

Tháng một trước là mùa đông-chí,
Tháng hai sau là khí xuân-phân;
Lưng trời mây kéo tần-vần,
Ấy mùa đương lạnh là tuần không mưa.

惟三四月。疾風駭人。
夜無涼氣。最難處云。

Khoảng tháng hai tháng ba rất sợ,
Gió kíp lên tưởng ngỡ trời sa;
Thổ-nhân kinh hãi lắm mà,
Đêm không hơi mát ở ra nồng-nàn.

平候針升。二十八數。
熱期轉升。三十四度。

Tiết bình-hòa kim hàn-thử nọ,
Cứ hai mươi tám độ là thôi;
Mà mùa nóng nầy nắng-nôi,
Kim lên chẳng quá ba mươi tư phân.

觀西曆載。季臘孟春。
北圻是夜。針降六分。

Xem tây-lịch nhân tuần ghi chép,
Tháng giêng cùng tháng chạp lạnh- [lùng;
Ở ngoài cõi Bắc xem trong,
Kim hàn-thử xuống đến cùng sáu phân.

東京夜針。降十四度。
南圻夜針。降十九數。

Trung-kỳ kinh Phủ-xuân một chốn,
Kim xuống vừa mười-bốn độ thôi ;
Nam-kỳ đêm ấy lạnh trời,
Xem kim hàn-thử xuống mười chín [phân.

土蠻人種。俗話不同。
四十五種。屬三圻中。

Này Mán Thổ nhân-quần giống loại,
Những nói năng lề thói khác xa ;
Bốn mươi nhăm giống sinh ra,
Ở từng xứ đó thuộc ba kỳ này.

北種爲多。凡二十二。
中十五流。南圻八類。

Ngoài cõi Bắc mọi nơi sơn-động,
Gồm hai-mươi-hai giống là nhiều ;
Trung mười-lăm giống Mán Dào,
Nam-kỳ tám giống hợp vào bốn nhăm.

北十二族。黃召刁麻。
赤蔓芳吊。毛幼冲何。

Mười hai họ sơn-lâm Bắc nọ,
Họ Triệu Hoàng cùng họ Điêu Ma ;
Mao cùng Ấn Xung cùng Hà,
Kia là Nhưng Điêu nọ là Xích man.

羅處山林。其名曰土。
生雄王時。仙犬爲祖。

Ở ra khắp chan chan rừng rú,
Tục gọi là giống Thổ chính-tông ;
Sinh ra tự thuở đời Hùng,
Tương-truyền thủy-tổ là dòng chó tiên.

儂人媒族。居高嶺間。
狼族雜處。半林半山。

Giống người Nùng ở trên đỉnh núi,
Là đời Mỏi dòng dõi sinh thành;
Họ Nương kia ở tung-hoành,
Nửa trên đỉnh núi nửa quanh ngàn [rừng.

那居深山。衣巾白綵。
蠻女繡衣。蠻男紋繪。

Họ Na ở giữa chừng núi vắng,
Áo khăn dùng sắc trắng chan chan.
Thượng-du lại một giống Man,
Gái may mặc trắng trai gian-dảo tài.

老街山被。五色布衣。
常啗生物。不畏瘴癘。

Núi Thiên-môn Lão-nhai loài Bỉ,
Mặc đều dùng năm vẻ áo khăn ;
Hang sâu núi thẳm náu hình,
Thường ăn vật sống chẳng kinh muông [hùng.

保樂猛人。惡能呪詛。
婦女衣裳。純用白紵。

Giống Mãnh ở động trong Bảo-lạc.
Quyến dỗ người tính ác coi ghê ;
Đàn bà con gái đề-huề,
Áo quần toàn trắng thói lề hay thâm.

北泮山洞。森險瘴藪。
羊膏毒草。用以害人。

Xứ Bắc-kạn liền tầm núi hểm,
Giống người Dao gian-hiểm gớm ghê;
Hay dùng cỏ độc mỡ dê,
Gặp người làm hại quen nghề chơi giông.

水尾芒男。殺人食胆。
女取人財。務爲欺謾。

Mường Thủy-vĩ ở trong động tối,
Trai giết người ăn thịt ăn gan ;
Gái thì một mực điêu ngoan,
Lọc lừa lấy của đối gian kiếm tiền.

諒山猺種。分茅洞中。
衣裳黑布。緣飾以紅。

Núi phân-mao ở bên xứ Lạng,
Giống Mỏi kia ở khoảng động-trung;
Vẻ quần vẻ áo lạ lùng,
Vải đen may mặc sợi hồng miễn răng.

高燈懸燈。美德二市。
陰陽土人。夜間列肆。

Cao-đăng với Huyền-đăng hai chợ,
Mĩ-đức chung một xứ đôi phương ;
Có loài người Thổ âm-dương,
Bày hàng giữa chợ bán hàng ban đêm

燈籠平估。水蟲投綫。
沉斯取奚。浮者逗焉

Lồng đèn sáng mà đem đổ bán,
Chậu nước trong để hạn tiền gieo ;
Nghiệm xem chìm nổi thế nào,
Chìm tăm lấy tập nổi vèo trả phăng.

高平諒山。廣安三省。
女年十三。良緣未定。

Lạng-sơn với Cao-bằng kia nữa,
Cùng Quảng-an ba xứ thổ-gia,
Gái sinh tuổi đến mười ba,
Còn đang nấp mẹ chưa đà lấy ai.

年正二月。以漆湘頭。
請洞證見。設席勸酬。

Thường năm cứ giêng hai xuân-cảnh,
Lấy sơn bôi đầu nhánh đen xì ;
Khắp mời người động chứng tri,
Rượu chè thết-đãi lễ-nghi vui mừng.

富有千錢。中常百值。
貧者隨宜。每年一次。

Giàu có tốn độ chừng nghìn bạc,
Trung-thường tiêu phỏng mấy trăm nguyên :
Nghèo thì tùy tiệm cũng nên,
Tục mời các động mỗi niên một lần.

漆膝士頭。男女並湘。
以便涉水。而編履霜。

Này giống Thổ sơn chân sơn gối,
Gái trai đều một lối như nhau ;
Lên đèo xuống suối đâu đâu,
Khi mù dầu dãi nước sâu lội trần,

漆帽編頭。一口兩耳。
居溪洞中。遊獵尚技。

Trên đầu đội mũ san lỗ-lộ,
Mũ thì đủ một lỗ hai tai ;
Ở trong khe động hôm mai,
Chỉ nghề săn bắn lại tài xông-pha.

山西界內。高峯洞中。
刺股證種。男女同風。

Xứ Sơn-tây kia là đất giữa,
Động Cao-phong này ở sơn-gian ;
Có loài gọi thứ-cổ-man,
Gái trai kia cũng một đoàn xăm-xăm.

手足刺針塗以藍葉。
短縮衣裳善於弋獵

Chân tay lấy kim châm rỗ-rỗ,
Lá chàm đem bôi lỗ xanh xanh ;
Áo quần ngắn cộc mong manh,
Đã hay bắt vật lại hay săn rừng.

昭晉山洞。有插錢證
素多妖術。善用長干。

Chiêu-tấn-châu ở chừng sơn-đông,
Sáp-tiền-man là giống Ba-đề ;
Vốn nhiều chước gở lạ ghê,
Giáo dài khéo dụng tay nghề đã quen.

以古大錢。插於胸間。
白巾青衣。其裳尚黑。

Gái trai dụng lấy tiền đồng cổ,
Ngực in vào trông rõ như hoa,
Áo xanh một vẻ may ra,
Khăn dùng sắc trắng quần là mùi đen.

厥悍人種。居三海岩。
惟男與女。面色如藍。

Chốn Tam-hải trong miền hang đá,
Loài Lão-nhân giống lạ hoàn-cầu ;
Gái trai sắc mặt như nhau,
Rõ như chàm đổ một màu xanh xanh.

見人入山。放毒矢殺。
其爲女衣。用剪人髮。

Thấy người lạ chạy quanh vào núi,
Tên độc buông một mũi quay ra :
Thói quen cắt tóc người ta,
Dùng làm vẻ áo đàn bà mặc thôi.

斡昧山洞。諒山舍人。
惟女子者。爲洞主云。

Xứ Lạng-sơn trong đồn Thanh-muội,
Loài Xá-nhân ở cõi sơn-nham ;
Tục riêng đông đỗi di-nam,
Đặt cho con gái quyền làm chủ trương.

頭三色巾。腰三色帶。
佩弓如男。妖術作害。

Khăn đầu đội đường-đường bo sắc,
Dải lưng đeo rưng-rức ba mùi ;
Hay đem chước gở hại người,
Thường đeo cánh nỏ chẳng đời tay dao.

美良地轄。善射土人。
男二十歲。束髮爲鬟。

Huyện Mĩ-lương cựu-trảo tục-hóa,
Có một loài thiên-xạ thổ-nhân ;
Trai hai-mươi tuổi thanh-xuân,
Thói lề đầu bối tóc trần ngắt cao.

五寸東高。似鼓桴者。
習射矢云。號爲善射。

Cao năm tấc khác nào dùi trống,
Thẳng mười tầm bắn thẳng mũi tên ;
Giương cung bắn nỏ tập rèn,
Gọi là thiện-xạ tiếng khen đồng-bào.

猫蠻男女。背負灰筒。
寢於臥所。洒灰其中。

Lại còn có mán mèo dị-loại,
Gái trai đều đeo cái ống tro ;
Trên vai hằng giữ bo bo,
Đến đâu nằm đó giải tro thường thường.

烹飪不知。肉米皆炙。
服黑短衣。居于山脊。

Chẳng còn biết cái đường tủi nhục.
Thịt gạo đều nướng ăn thôi ,
Mình đeo áo ngắn đen thui,
Trên đèo nương nán chân đồi vào ra.

居興化處。枚州木州。
猫蠻種類。蒙林依投。

Xứ Hưng-hóa đó là lâm-lộc,
Châu Mai cùng châu Mộc đôi nơi ;
Cầu-mán kia có một loài,
Những nơi rừng rậm là nơi hang cùng.

日則爲人。夜則爲獸。
幼掠相沿。常爭稱住。

Ngày vẫn cứ là dòng nhân-chủng,
Đêm hóa ra những giống vật-hình :
Thói quen cướp bóc như tinh,
Năm năm dời trú quanh quanh dòng-dải.

萊州樓喏。有仫稜人。
帽似羊角。黃淡衣巾

Trong rừng Ấm thuộc Lai-châu xứ,
Giống Xá-sừng ở tự sơn-khê ;
Mũ thì tựa dáng sừng dê,
Áo dâu nhờn nhợt quần đề vàng vàng

凡食物牲。骨藏帽裏。
係食別牲。骨隨換止

Hễ ăn giống có xương chi đó,
Đem đặt vào trong mũ kỹ-càng ;
Hễ ăn giống khác có xương,
Liền đem đổi thẳng thôi thường y-y.

死無棺木。以藤裹屍。
外塗生漆。密室置之。

Người chết chẳng dùng chi quan mộc,
Chỉ lấy mây mà bọc cái thây ;
Ngoài dùng sơn sống bôi đầy,
Bôi cho kín xác dựng ngay xó nhà.

燎頭瘡人。居憂收處。
火炭燎頭。每月三次。

Xứ Phong-thổ cõi xa đất rộng,
Giống liện-đầu là giống Dao-nhân,
Cứ trong mỗi tháng ba tuần,
Lấy than mà đốt tóc xoắn xoắn sùi.

白巾黑服。緣五色絲。
女子出嫁。鹽米聘儀。

Khăn mùi trắng áo mùi đen rức,
Miền bằng tơ năm sắc não-nùng ;
Thói thường con gái gả chồng,
Chỉ đem muối gạo mà dùng lễ nghi.

猛遮蠻人。米漿飲啜。
服如土人。言話則別。

Giống tạp-nhân danh vì Mãnh-suối,
Nước gạo hay uống đôi lần lần ;
Áo quần tựa giống Thổ-nhân,
Nhưng mà tiếng nói mười phần khác nhau.

以禾拂足。穿兩鼻中。
夜間飛出。號處知蠻

Đôi chân chấp đôi dầu ngón cái,
Hai mũi siên hai cái lỗ hà;
Đêm đêm vùn-vụt bay ra,
Tướng-truyền ấy gọi là ma cà-rồng.

北泮白通、宣光蕃化。
興遵教州、均皆有者。

Bạch-thông-châu trong vùng Bắc-kạn
Chiêm-hóa-châu ngoài mạn Tuyên-[quang;
Tỉnh Hưng Tuyên giáo địa-[phương,
Trong ba xứ ấy thường thường dõi sinh.

高平江處。甘美土人。
蔡皇避亂、留住宗親。

Giang-xứ giáp Cao-bình viễn-địa,
Thổ-nhân là Cam-mĩ danh-hương;
Vua Lê chạy loạn ngang đường,
Để cung-nhân lại ở phương-thổ này.

聞帝升遐。立祠奉祀。
誓不相離、世居于此。

Nghe thế-vận ngày nay dời đổi,
Dựng từ-đường để dõi tế cung;
Đóng đanh thề chẳng lìa lòng,
Nguyện chưng trời đất ở cùng nước non.

外人適此。伊女嫁之。
同居皆老、永保白怡。

Người xứ khác mà mon men đến,
Gái Thổ này cùng quyến-luyến nhau;
Ở yên cho đến bạc đầu,
Cùng nhau hòa-hợp ngõ hầu yên vui.

欲歸故鄉。宜留家眷。
望眷偕行。慈章難免。

Nhớ quê quán về thôi không ngại,
Để người nhà ở lại là khôn;
Nếu huề-tương cả vợ con,
Ắt lìa tan đó chẳng tròn vẹn đâu.

中圻良政。針血發人。
服綠藍色。黑衣白巾

Xứ Thanh-hóa trong Châu-lương-[chính,
Châm-huyết-man phú tính bẩm-sinh;
Áo đen khăn lại trắng tinh,
Sắc trâm miến chỉ mầu xanh đột chàng.

外至祈場。伊發寢瞞。
夜化妖魔、壓影吹血。

Ai đến đấy chốc sang đau nhọt,
Nó dòm nom theo gót lân la;
Đêm thời nó hóa yêu ma,
Lên hình hút máu xót-xa khôn toàn.

清化鄭滿。炙炭發人。
衣服類土。方術如神。

Xứ Trịnh-vạn ở miền Thanh-hóa,
Mán nường than quái lạ muôn vàn;
Vẻ may mặc giống Thổ-nhân,
Đã tinh chước gở lại thần chước yêu.

入館寥人、聞空傳語、
飲食遂發。貪吝阻事。

Vào nhà quán teo-teo người vắng,
Nghe khoảng không văng-vẳng nó
Ăn gì nghe nói trả tiền. [truyền;
Nếu mà tham-lận ắt liền điên nguy.

乂葵清壽。含艾舍人。
戴瑁編髮。白緣衣裙。

Thọ-xuân Thanh cùng Qui-châu [Nghệ,
Có một loài hàm-ngải Xá-nhân,
Áo nâu tà miến trắng ngần,
Gái trai dóc tóc tay chân đeo vòng.

含艾入林、採桂求售。
慣此成妖。久之化虎。

Đêm ngậm ngải vào trong rừng vắng,
Bóc lấy thanh quế trắng mà ra;
Đem đi bán khắp gần xa,
Quen rồi nên quái lâu ra hóa hầm.

居高山內。石岩僊人。
稱男勤動。日夜耕耘。

Chốn cao-sơn liền tầm đèo núi,
Có Nùng-nhân tên gọi Thạch-nham;
Con trai kia hạng lỗ-nam,
Lần quanh thung-lũng cày làm sớm [khuya.

每歲遷居。不供稅額。
女不出門。衣裳尚白。
Mỗi năm lại dời đi chỗ khác,
Chẳng chịu cung tô-thuế nhà quan ;
Gái không ra khỏi cửa hiên,
Áo quần chuộng trắng trướng màn [nghiêm sâu.

出外披布。遮蔽日光。
聞蛙聲動。吐血而亡。
Ra ngoài phải trùm đầu vải mỏng,
Để che cho kín bóng mặt trời.
Động nghe tiếng ếch kêu ngoài,
Tức thì đổ máu một hồi tắt hơi.

中折諸山。有猛獸種。
皿器貨財。生夫婦共。
Cõi Trung-kỳ mọi nơi đồi núi,
Có những loài Mãnh Mọi tinh ma ;
Của khinh vật trọng trong nhà,
Vợ chồng thủa sống đều là cùng chung.

死均爲二。生受一分。
半留墓上。莫敢犯云。
Sau ai thác chia tung hai phần,
Người sống kia chịu nhận một phần ;
Một phần để chốn mộ-phần,
Người ngoài chẳng dám liều thân [phạm vào.

四廣獠人。祠多妖怪。
男女衣裳。土人相類。
Trong Tứ-quảng loài Đao hiểm giảo,
Nhiều chước yêu lừa đảo người [ngoài ;
Kìa là những hạng con trai,
Áo quần may mặc giống loài Thổ-nhân.

女子性行。好笑而淫。
穿耳鼻齒。多飾以金。
Còn đến lũ thanh-xuân con gái,
Tính hay cười nết lại hay dâm ;
Hàm răng tai mũi dùi châm,
Ngoài vành giới phẫn trung tâm đổ vàng

甘門土人。又安異種。
道經廉廉。吹甘吉貢
Thổ cam-môn địa phương xứ Nghệ,
Giống tiểu-man di duệ cõi nam;
Đất Khang đất Cát đất Cam,
Đất Xui đất Cõng đất Liêm sáu đường

遇伊處女。守口思存。
有問則答。不問勿言。
Ai qua đó phải tường phong-thổ,
Gặp đàn-bà chớ có nói năng ,
Đàn bà hỏi sẽ đáp chăng.
Nếu không hỏi đến thì đừng nói ra.

旅舍烹雞。不宜食也。
見怪見奇。勿笑勿唾。
Vào nhà quán thịt gà mặc đấy,
Chớ nên ăn thời ấy là hay ;
Việc kỳ việc quái mặc thây,
Chớ nên khạc nhổ đừng hay cợt cười.

倘大小便。披土掩之。
謹斯無恙。否則必罹。
Đại tiểu-tiện lánh nơi xa vắng,
Bới đất mà lấp thẳng ngay đi ;
Thế thì chẳng ngại ngùng gì,
Nếu không giữ miệng ắt thì sa chân.

海雲猺人。捕魚爲業。
每入水中。如履平地。
Hải-vân-xứ Miêu-nhân giống lạ,
Tục chỉ quen bắt cá thường lề .
Tháng ngày vùng-vẫy giang khê,
Thường vào đáy nước như đi đất bằng.

睹商船貨。邪媚婉辭。
中流汲水。恣意撩之。
Thấy thuyền buôn ra chiều lắm của,
Miệng ngọt-ngào nói rõ hẳn-hoi ,
Đợi thuyền đến giữa dòng thôi,
Ấy là lặn xuống mà ngoi cướp vào.

廣義獠人。日眠夜作。
白巾藍衣。獨間蜑博。
Xứ Quảng-ngãi Thạch-đao động nọ
Loài Liêu-nhân ngày ngủ đêm làm ,
Mặc mùi khăn trắng áo tràm,
Hộng tay áo giống người Xiêm một [dường.

負虎頭骨。爲笠夜行。
屋居列板。似棺木形。

Đêm đêm đội cái xương đầu hổ,
Để dùng làm nón đó mà đi ;
Nhà làm ghép ván tử-vi,
Hình như quan-mộc ở g hai người.

風容二人。少男多女。
其性好淫。善於呪詛。

Con trai ít vì trời âm thịnh,
Con gái nhiều bởi cảnh dương suy ;
Tính hay dâm dục rà-rì ;
Lại hay nguyền rủa những thì độc sâu.

鴻嶺山脊。鈔洲蠻人。
男女編髮。黃白衣中。

Đèo Hồng-lĩnh trên đầu sống núi,
Thoa-xuyên-man theo lối nước Tàu ;
Gái trai cùng giốc tóc đầu,
Pha mài vàng trắng dụng màu áo khăn.

首戴金鈔。垂子頸額。
外入女醜。置毒難厄。

Trên đầu đội cái vòng vàng thắm,
Rủ loè loè chăm chắm trước ngôi .
Gái chuyên tiếp-đãi người ngoài,
Dấm đồ thuốc độc hại người phương xa.

長瘴山洞。甘瘴彼人。
男衣占服。妖術誣民。

Động Trường-nanh ở ra Quảng-trị,
Giống Cam-nanh loài Bỉ lem-nhem.
Áo quần tựa giống người Xiêm,
Lại nhiều chước gở hay đem lừa người.

死人玉髓。及其鼻舌。
剝和蛇蠱。合而儲盛。

Người thác ấy cắt liền lưỡi mũi,
Và cắt luôn một túi ngọc-hành ,
Đem hòa vào với xà-canh,
Cùng xum họp lại mà ăn uống tràn.

潘江鎮石。蠻琪土人。
男女削髮。髡剃髮云。

Thành Trấn-thạch xứ Phan-giang ấy,
Thổ Man Cày những thấy khác thôi ;
Gái trai rẽ tóc phân ngôi,
Chia hai mái tóc rạch đôi mái đầu.

短裙紅中。木板蔽體
衣服類占。漢蠻妖色。

Áo may ngắn khăn màu sắc đỏ,
Trước ngực đeo ván gỗ thô-thô ;
Về xiêm sau trước rắc tro,
Xem đồ may mặc giống đồ người Chiêm.

好食鮮物。少米多蔬。
聞鏗則走。放毒自如。

Vật tươi ấy dùng làm ăn uống,
Ít gạo mà chỉ chuộng giống rau ;
Nghe chiêng thì chạy cho mau,
Lại hay phóng độc chỉ mưu hại người.

居木棚中。爲蠻蠻上。
衣服衣裙。結蕉麻布。

Mộc-sách động ở nơi thâm-động,
Mán Nón-nhân là giống thổ-nhân ;
Những đồ xiêm áo đệm chăn,
Trong dùng gai sợi ngoài dùng lá khô.

山岩居止。樹葉蔽之。
沿山樂木。男女相隨。

Chốn đèo hẻm quanh co ở trú,
Lấy lá cây nấm ngủ mà che,
Leo cây trèo núi rủ-rê,
Một trai một gái đề-huề cùng theo.

背掛吹筒。手攜毒矢。
米飯厭焉。食物炙耳。

Ống thổi nọ vai đeo chăm-chắm,
Tên độc kia tay nắm khư-khư ;
Gạo cơm hồng thiếu không thừa,
Vật ăn nướng nướng hơ hơ thường liền.

平順背水。棲居土人。
女紅男黑。好淫無禮。

Thổ cân-thủy ở miền Bình-thuận,
Làm gác cao ở tận trên cùng ;
Trai đen gái đỏ hồng hồng,
Không trần chẳn-chọc dầu lòng trăng-hoa.

衣樣裂裳。帽形舟樣
刈藥深山。毒矢射獸。

Áo dáng tựa cà-sa phất-phới,
Mũ hình như thuyền chải cong veo;
Thường lên hái thuốc trên đèo,
Tay cầm tên độc vai đeo nỏ cường.

海島石穴. 海蠻蠻人.
言語衣服. 類土人云.

Mọi hang đá ở phương hải-đảo,
Hải-nhược-man ngơ-ngáo hung [hăng;
Dáng quần áo tiếng nói-năng,
Mọi màu mọi vẻ đường bằng Thổ-nhân.

夜雜海魔. 世居水涙.
午望有船. 相呼如市.

Đời đời ở quây quần mặt nước,
Đêm đêm ra xáo-xạc loài ma;
Thuyền buôn những lúc trải qua,
Rức lên như chợ kêu mà như đi.

占筆州土. 嵐瘴最多.
四旅四寄. 入洞有歌.

Châu Chiêm Lào Nam-kỳ sáu hạt,
Tứ hại cùng tứ-sát tám miền;
Ấy nơi chướng-khí lam-yên,
Đâu bằng tám động tương-truyền có ca.

白蟒紅呵. 毘崇歇樂.
瀘髮占精. 迷江吹落.

Năm suối-tóc nào là ba Bạng,
Nhất Chiêm-tinh nào quãng hai Kha;
Bảy Sông sáu Được nữa mà,
Tám là Xuy-lạc bốn là Mê-giang.

今日遂化. 學界擴張.
試法改議. 教法定詳.

Ngày ngay chính tân-phương tấn-tới
Nhà nước đem học-giới mở mang;
Phép thi nghị đổi tinh-tường,
Đổi khoa dạy bảo đúng phương thật thà.

格致新書. 廣行講辯.
補腦靈丹. 鑄魂機器.

Xem sách mới mọi khoa cách-trí,
Dịch tiếng nôm từng nghĩa phân [minh;
Rộng xem giảng tập cho tinh,
Thuốc hay vã óc máy nhanh đúc hồn.

新潮澎湃. 前路冥冥.
勉旃秀艾. 步驟文明.

Xem trào mới trí khôn rào rạc,
Biết lối xưa hồn bạt mênh-mông;
Gắng thay những bậc trẻ trung,
Đổi thay man đã nhảy bùng văn-minh.

希歐亦歐. 希美亦美.
能自得師. 有焉若是.

Bắt chước Mĩ ắt rằng như Mĩ,
Học theo Âu cũng vi như Âu;
Được thày dạy đến gót đầu,
Có làm ắt hẳn ai hầu kém ai.

(Hết)

NGUYỄN ĐÌNH-CHI

VŨ-TRUNG TÙY-BÚT (1)

雨中隨筆

VIII

Việc tai-dị.

Khoảng năm ất-tị bính-ngọ đời Cảnh-hưng ở bãi cát bờ sông gần làng Bát-tràng thấy nổi lên ngọn lửa xanh xanh, hoặc lấy cành tre khô mà ném vào thì cháy bùng lên, nhưng mà những cây đậu cây dâu vẫn không cháy hại gì cả. Đền Nam-giao chỗ lần cửa thứ hai có một cái giếng đá trên mặt nước cũng thấy nổi lên lửa xanh xanh. Sông Bạch-đằng ở về huyện Thủy-đường tự-nhiên thấy trên sông trôi nổi những cái đầu người bằng đầu ngón tay cái lớn, đội mũ chữ *đinh*, đầu tóc xồm-xoàm, đập vỡ ra thì thấy máu chầy lầy lầy như óc cá, mùi nó hơi tanh, ba ngày mới hết. Đến khi nhà Tây-sơn chiếm-cứ toàn-quốc, mùa xuân năm mậu-ngọ trên sông Bạch-đằng cũng thấy trôi nổi ra đầu người đội khăn đỏ mặt trắng, đầu tóc cũng xồm xoàm như lần trước. Kẻ hiếu-sự nhặt lấy đem về để một chỗ, vài ngày rồi nó khô quắt lại như là quả cây đa. Mùa hè năm sau ở Trung-đô lại có từng lũ cóc rủ nhau qua cống Nhị-hà mà sang bên Bắc, con nào không sang được thì bị chết trôi đi cũng nhiều. Mùa hè năm tân-dậu chúa Tây-sơn chiếm-cứ Bắc-thành vào đóng ở Khang-công-phủ, gặp khi ấy mấy ngày mưa luôn, nhà tiền-đường nước sâu đến hơn một thước, vụt chốc nước xuống giữa sân thì thấy một chỗ địa-hãm sâu rộng đến và thước Quan đại-tư-mã là Nguyễn Văn-Dụng đóng ở trong thành một hôm đang ngồi ở nhà ngoại-đường làm việc, thì chợt thấy trên không có một đàn chim đánh nhau, có một con chim bị chết sa xuống giữa sân. Được ít lâu lại dời dinh ra đóng ở ngoài thành phường Phúc-phố ở về phía đông-bắc phủ chúa Trịnh, chợt một hôm trời không mây mưa gì cả mà tự-nhiên sét đánh vào nhà ngoại-đường vỡ toác cái cột ngoài hiên ra. Nguyễn Văn-Dụng sau có đi đến cửa sông Hoàng-giang để thố-trí việc thủy-phòng, sai đắp đồn lũy ở trên bãi sông, chợt một hôm nửa đêm tự-nhiên địa-hãm, thụt mất ba khẩu súng đại-bác, đó đều là điềm lạ vậy.

Ta còn nhớ đời Cảnh-hưng năm giáp-ngọ, khi ta mới lên bảy tuổi, theo hầu đấng tiên-đại-phu ra ở nhà phố Hà-khẩu. Một hôm ra chơi ngoài đường thấy người hàng phố đều ra đứng trông lên trên trời, ta cũng trông lên theo thì thấy bóng mặt trời đã xế, sắc nó đỏ như huyết, tách ra làm hai. Sau lại nghe các bậc bối nói chuyện rằng năm giáp-ngọ kéo quân vào đánh trong nam, chúa Trịnh Thịnh-vương (Trịnh Xâm) ra ngự lầu Ngũ-long để tiễn quân Việp đem quân đi. Bấy giờ Dương-công Ương 楊 泱 đương làm quan ở kinh, khi tan buổi chầu mặt trời xế chiều rồi, Dương-công mới sang bắc về Phủ-thị, gặp người học-trò là Nguyễn Công-Hãn 阮公瀚 hỏi rằng: « Nhà ngươi có trông thấy gì không? » Thưa rằng: « Có, trông thấy hai con rồng trắng bay từ bắc sang nam, vụt chốc lại thấy bay từ

(1) Xem Nam-Phong từ số 121.

nam ra bắc, dễ thường dương lúc nhà chúa sai đem quân đi chăng?» Dương-công nói: «Lần này đi thì tất là thắng-trận, nhưng thiên-đạo hiếu-hoàn, từ đây mới gây nên việc binh-tranh.» Khi ấy ta còn ít tuổi, trong nước vẫn yên ổn, thế mà thấy các bậc tiền-bối vẫn lo rằng sắp loạn-lạc đến nơi, ta lấy làm vu-khoát, không ngờ lớn lên chính thân ta lại gặp buổi loạn-lạc. Ôi! Nhà nước hưng vong vốn có định - số, mà trời đã bảo lấy điềm tai-dị để cho mà răn sợ, thực là lòng trời nhân-ái lắm thay! Dương-công thân làm quan khanh-sĩ, trông thấy điềm bạch-long như thế, mà sao không mách bảo vua, lại chỉ bàn riêng với nhau là cớ làm sao?

Mùa xuân năm bính-ngọ, làng Ước-lễ huyện Thanh-oai có cái giếng tự-nhiên nước sôi lên, gánh về nhà đổ vào vại rồi mà vẫn còn sôi lên, tiếng nó lép-nhép như tiếng gà con kêu, mãi không thôi, lấy tay khỏa vào vại rồi sau mới im, một lúc lại thế. Tháng hai năm tân-dậu cũng lại thấy nước sôi như thế. Truyện này là em ông cử-nhân Tăng-Quân Cập 曾君 玲 nói cho ta nghe đích như thế.

Đời Tây-sơn năm mậu-ngọ, về vùng huyện Nam-sách huyện Tiên-minh ngoài đồng có chỗ đất kêu lên vòng quanh chừng độ hai mươi mẫu, như là có con vật gì vừa chạy vừa kêu ở dưới đất. Quan Võ phân-suất đã từng đem lính ra đào chỗ đất ấy mà không thấy gì cả, lặng yên nghe thì lại thấy tiếng kêu ở bốn bên chạy đi chạy lại mãi không thôi.

Mùa xuân năm tân-dậu làng Kiệt-đặc huyện Chí-linh, tự-nhiên đất tách ra hơn năm mươi thước, sâu không biết đâu là chừng, người làng mới đem đất lấp đi. Năm canh-thân, ở ngoài cửa cầu-đất có một nhà, dân bà đi vắng cả, chỉ có một người chủ ở nhà, chợt thấy nhà trong bỏ quên miếng thịt lợn, người chủ mới đậy lại để trong chạn, rồi đi ra chơi ngoài cửa, khi trở vào thì thấy mất miếng thịt lợn, ngờ cho con mèo nó tha mất, mới nổi giận mắng mèo. Con mèo chợt nói lên như người mà rằng: «Ai tha mất thịt mà mắng». Người chủ sợ phải lui ra, làng xóm ai cũng lấy làm kinh-dị. Ta ở kinh chợt nghe thấy truyện ấy lại nhớ năm nhâm-dần đời Cảnh-hưng có con trâu cũng nói tiếng như người, không biết là cớ sao.

Làng ta về phía tây-bắc có chùa Phổ-thiên thuộc về tổng Dương-xá, nhưng bốn bên đều là đất làng ta cả. Tục truyền rằng chùa ấy nguyên thuộc về làng ta, vì khi xưa có một ả-đào đi qua cửa chùa ấy, bị phải ông long-thần trong chùa ấy đánh chết. Khi ấy những kẻ chết đường thường làm liên-lụy đến làng, kẻ điêu-hào hoạt-lại thường tạ-sự để quấy rối, làng ta sợ bị vạ lây, mới đổ dui cái chùa ấy thuộc về làng bên, nên mới thuộc về làng Dương-xá. Trong chùa phật và long-thần rất thiêng, mà cái hồn ma cô ả-đào đến khoảng năm Cảnh-hưng vẫn còn nương tựa cây đa sau chùa để làm ma quấy hành-khách. Người nào tuổi trẻ đi qua đấy thường bị ốm đau mà chết. Trước cửa chùa tả hữu hai bên đều có một cái giếng, bên cạnh giếng bên tả có cây cổ-tùng cao lớn vòi-vọi, kẻ nông-phu đêm đi qua thường thấy có tinh đỏ to bằng quả cam lớn, từ trên mây sa xuống đầu ngọn cây, hoặc từ gốc cây bò lên, người ta nghi là chỗ khách để của, cũng có người nghi là tinh-anh của trời đất. Trước năm canh-thân đời Cảnh-hưng, làng ta có quan Đông-các Võ-công Minh-Dương, phu-nhân là Phạm-thị thường chôn giấu một thuyền bạc ở trong chùa, sau cái đứa đầy tớ đi chôn bạc bị phải giặc Chất nó bắt đi chết mất, về sau không biết chỗ chôn thuyền bạc ấy ở đâu. Ông Nhữ Đình-Toản người Hoạch-trạch tin về cái thuật

phong - thủy muốn dời cái chùa ấy đi để chôn mả, long - thần phải phụ vào đồng - nhân lên miệng tranh-biện mãi với ông, nên chùa mới khỏi phải thiên đi. Khi ta mười hai mười ba tuổi nghe thấy có một người đạo - sĩ, nguyên-quán ở làng Dương - xá, thường đào đất bắt được một lọ bạc, nhân thế mới tô mấy pho tượng để cúng vào chùa. Trong hai mươi năm nay tỉnh Hải-dương ta thường bị phải binh - hỏa loạn-lạc luôn, mà mấy gian chùa ấy linh - tích vẫn còn như cũ.

Nhà họ Nguyễn ở Tiên-điền.

Ông Nguyễn Nghiễm 玩儼 người làng Tiên-điền, huyện Nghi-xuân xứ Nghệ, khởi - gia bạch - ốc, tuổi trẻ đỗ tiến - sĩ, làm quan trải các đài - bộ rồi vào tham - tụng chốn phủ - đường, hơn mười năm mới về trí - sĩ, sau lại khởi-phục ra làm quan, năm giáp-ngọ đời Cảnh - hưng lấy là chức đại - tư - đồ Xuân quận-công, sung làm Bình-nam tả - tướng - quân, khi mất được phong phúc - thần, vinh-quí đến thế là cùng. Con trai trưởng là Nguyễn Khản 阮侃 là bậc phong-lưu tiến-sĩ, khi ông Khản đỗ được tứ-yến ở Lễ-bộ-đường, thì quan Tư - đồ là Nguyễn Nghiễm đương làm quan Lễ-thị, thân vì gài bông hoa mũ cho con, đương thời truyền làm thịnh-sự. Khi chúa Trịnh Thịnh-vương (Trịnh Xâm) còn ở Lượng quốc-phủ thì ông Nguyễn Khản làm phiên-liêu, hằng ngày được vào hầu nội-yến Thịnh-vương, lấy là bạn bố-y, năm đinh - hợi thăng cho ông Khản làm Tri-phiên liêu kiêm quản nhất-hùng-cơ, tước là Kiều-nhạc-hầu. Khi ấy trong nước bình-yên vô-sự, Trịnh-vương lại thích đi ngự chơi, hoặc lúc đi thưởng hoa, lúc đi câu cá, tất đem ông Nguyễn Khản làm thị-tụng cùng đi. Khi trở về thì lại mặc áo trên tay hẹp ra vào trong cung-dịch, nhà chúa đặc-ban cho được tự-do đi lại ra vào, cũng không khác gì quan nội-giám. Khi chúa Trịnh thưởng ca, thường sai Nguyễn Khản ngồi hầu, ông được cử lấy khăn lương, áo thường-phục ngồi hầu bên ngự-tọa, cầm chầu điểm trống hát. Lúc ngày rồi chúa Trịnh lên ngự chơi Tây-hồ, kẻ thị-thần vệ-sĩ bày hàng quanh cả bốn mặt bờ hồ, nhà chúa chỉ cùng với bà Đặng Tuyên-phi cùng ngồi, Nguyễn Khản thì hồi-thị ở trước ngự-tọa, cùng thưởng-lãm cười nói, không khác gì bạn-bè người nhà. Trong cung có bày bể cạn núi non bộ và cảnh hoa đá gì thì tất qua ông Nguyễn Khản điểm-xuyết cho thì mới vừa ý nhà chúa. Nhà chúa lại thường sai ông đi sửa-sang các hành-cung ở Châu-long, Tử-trầm, Dũng-thủy. Ông lại tài đúc nặn núi đá, vẽ-vời phong-hoa, nên thường được nhà chúa ban khen. Ông lại thích nghề hát xướng, sành âm-luật, thường đặt những bài hát nhạc-phủ ra làm điệu tân-thanh, hễ bài nào viết xong thoát-cảo ra thì những kẻ ca-công ngoài giáo-phường tranh nhau truyền-tụng. Ta có câu thơ rằng: « *Án phách tân truyền Lại bộ ca* 按拍新傳吏部歌 » chính là trỏ về việc ấy. Ông Nguyễn Khản khi đương làm quan thường xin phép nghỉ ở nhà, chúa Trịnh có đưa cho bài thơ nôm rằng:

Đã phạt năm đồng bỏ lỗi chầu
Lại phạt năm đồng bỏ thiếu câu;
Nhẩn nhủ ông bay về nghỉ đấy,
Hãy còn phạt nữa chửa thôi đâu!

Và khi ấy buổi ngoại-chầu và buổi ngự-câu ông đều đương lúc nghỉ không đi hầu ngự được, nên đều bị phạt năm đồng. Nguyễn Khản có họa lại bài thơ ấy rằng:

Vắng-vẳt cho nên phải cáo chầu,
Phiên chầu còn cáo nọ phiên câu:
Trông ân phạt đến là thương đến,
Ấy của nhà vua chớ của đâu?

Chúa Trịnh lấy làm khen. Một ngày kia trong nhà Nguyễn Khản bày cuộc

yến-tiệc, thiếu chè uống, chợt quan Trung-sứ có việc ra nhà ông ấy, ông ấy không kịp làm tờ khải chỉ viết tay mấy chữ rằng: « *Thần Khản khất trà nhất lạng* 臣侃乞茶一兩 » Quan Trung-sứ đem về dâng, chúa Trịnh bèn ban cho một hòm chè. Được ít lâu ông được vào tham-tụng phủ-đường, khi ấy quan Tư-đồ đương lấy là bậc trọng-thần lĩnh tham-tụng, cha con cũng ở tướng-phủ, xưa nay chưa có thế bao giờ. Nhà ông Nguyễn Khản ở về phía nam chùa Bích-câu, phía tây thì thuộc chùa Liên-tích, chùa ấy nguyên là của bà Hoàng chính-phi truy-tiến mà dựng lên. Thường khi ngự-giá ra chơi chỉ đi một chiếc thuyền nhỏ, do cửa Long-lân ra hồ Tiên-tích thì đến nhà Nguyễn Khản. Khi chúa vào đến nhà hỏi thăm cả đến vợ con, yêu mến không ai bằng. Khi ấy nguyên-tử nhà chúa là Tung 棕 quận-công ra ở học nhà quan Nội-phó là Hân quận-công Nguyễn Phương-Đình 玩芳 廷, ông Nguyễn Khản và ông Lý Trần-Thản 李陳 坦, được sung làm quan tả-hữu tư-giảng, sau Lý-công mất, ông chuyên một mình làm chức tư-giảng. Sau bà chính-thất ông là Huy phu-nhân mất, nhà chúa sủng-ái cũng kém dần, ông phải cư-tang quan Tư-đồ, phụng mệnh đổi sang vũ-ban, cứ lệ thì lại được khởi-phục. Gặp khi ấy cái mật-án của Thái-tử năm canh-tí phát lên, kẻ gia-thần là Tuân-sinh-hầu, Khê-Trung-hầu đều bị giam chết ở trong ngục, Nguyễn Khản cùng Hân-quận-công đều bị liên-tọa phải kiên giam. Nhà chúa mới giơ cái thiếp xin chè ra bảo các quan phủ-liêu, tỏ rằng ông ấy là người ngạo-mạn vô lễ. Mùa đông năm nhâm-dần, quân Tam-phủ khởi lên làm loạn, giết quan Thự-phủ là Điền quận-công, ủng-lập Đoan-nam vương là Trịnh Tung lên làm chúa. Khanh quận-công và tham-tụng là Tứ Xuyên-hầu, giám-bàn Diễm quận-công đều bị tội. Nguyễn Khản lấy là quốc-sư lại được nhắc lên làm Lại-bộ thượng-thư, vào tham-tụng, được tứ-tước là Toản-quận-công; em là Nguyễn Điều cũng được nhắc lên quyền chức Đô-đốc phủ-sự Điền-nhạc-hầu, hai anh em cùng ở chính-phủ. Nhưng quân-tình khi ấy không phục, binh Tam-phủ lại khởi lên làm loạn, phá nhà ông Nguyễn Khản và nhà cậu chúa là quan Trung-úy cai-quản Dương-hầu quyền thự phủ-sự, giết mất người thủ-hiệu-tạo-sĩ là Chiêm trung-hầu. Nhà chúa bất-đắc-dĩ phải bổ Nguyễn Khản ra kiêm lĩnh Sơn-tây Hưng-hóa hai trấn. Ông bèn cùng với quan Trấn-thủ Sơn-nam là Thạc quận-công Hoàng Phùng-Cơ 黃 鴻 基 mưu mộ kẻ nghĩa-sĩ Tứ-tuyên định đem vào giết quân kiêu-binh. Quân Tam-phủ biết tin bèn làm huyên-náo ồn lên, có cơ nguy đến Trịnh súy-phủ, mưu của Nguyễn Khản phải thôi. Năm bính-ngọ gặp buổi quốc-biến, quân Tây-Sơn kéo ra, vua Chiêu-thống lên nối ngôi. Đến sau quân Tây-sơn lại kéo về, Nguyễn Khản mới lại đem quân cần-vương vào chầu nhà chúa rồi bị bệnh mất ở kinh, khi ấy ông em mất đã lâu rồi.

Quan Tư-đồ Xuân-quận-công có khi về chơi xứ Nghệ, một đêm nằm mộng thấy một người đàn bà vào kêu-van mà rằng: « Nay con sắp đến kỳ sinh đẻ, xin để cho mẹ tròn con vuông thì đều là nhờ ơn tướng-công cả. » Sáng sớm ông thức dậy thấy có người mang biếu con cá chép to, ông thấy con cá ấy đương chửa liền sai thả nó ra, sau lại nằm mộng thấy người đàn bà đến tạ ơn. Nay họ Nguyễn ở Tiên-điền không dám ăn cá chép là vâng lời răn của ông vậy.

Anh quan Xuân-quận-công là Nguyễn Huệ 玩 德 làm quan đến tham chính rồi mất. Khi Trịnh Nghị-tô (Trịnh Doanh) vào tây-chinh, nằm mộng thấy một ông quan văn chít khăn

lương mặc áo thanh-cát, đem năm trăm gia-đình vào bái yết. Chúa Trịnh hỏi, thì người ấy thưa rằng : « Tôi là tham-chính Nguyễn Huệ, nghe thấy ngự-giá vào tây-chinh xin đem gia-đình đi theo hầu. » Chúa gật đầu tỉnh dậy, rồi phong cho vương-tước, lại truy-phong cho làm Trung-đẳng-thần.

Ông Nguyễn Khản ham thích hát xướng, gặp khi con hát tang trở cũng cứ tùy trọng-phục khinh-phục mà cho nó tiền bắt hát, không lúc nào bỏ tiếng tơ tiếng trúc. Đến khi ông cư-tang quan Tư-đồ, ngày rồi cũng sai con-hát độ-khúc gọi là ngâm thơ nôm, kẻ con em họ qui-thích đều bắt-chước chơi bời, hầu thành thói quen. Xét đời ông Khản phong-lưu phú-qui, phúc-trạch như thế thật là hậu lắm. Thế mà khi ông quản binh thì kẻ thuộc-binh lại không phục làm ồn lên toan xông vào giết ông. Ông phải trốn vào trong nội - phủ, nhà chúa phải đổi người cai-quản khác, ông mới được thoát, sau ông lại bị nhục với bọn kiêu - binh họ đến phá nhà, còn những việc cùng-thông đắc-táng khác nữa, nó thường ý - phục luôn luôn, ấy cũng là mình tự gây lên, hay là tạo-hóa cũng kỵ-doanh vậy.

Năm canh-tí phát ra cái mật-án của thế-tử là tự Ngô Thời-Nhậm 吳時任, ông Thời-Nhậm lấy công ấy được thăng làm Công-bộ Thị-lang. Người đời ấy có câu rằng : « Giết bốn cha mà được thị - lang, trung-cần chi hiếu » Ông Thời-Nhiệm bị công-nghị không dung, đến khi em là ông Thời-Chí 時志 vào làm Thiêm-tri hình-phiên, có soạn ra bộ sách *Nhất-thống chí* 一統志 ông chép về cái việc mật-án ấy cũng có che dậy đi nhiều, nhưng về những việc trong cung-phủ cũng chép được tường lắm, không nên nhất-khái mà chê cả được.

Điềm cây đa.

Miếu thần làng ta có cây đa to, hễ khi nào trong làng có người đỗ đại - khoa, thì cành cây đa tự nhiên mọc ra một cái rễ nhỏ vòng quanh thân cây, như là đeo đai. Năm nhâm-thìn đời Cảnh-hưng cây đa lại mọc đai, nhưng chỉ vòng quanh được đến nửa thân cây, khoa ấy thì có Võ-công Tôn-Hương 武宗香 đỗ.

Xét Võ-công nguyên là họ Đào 陶 tổ-tiên trước ở làng Cổ-bi huyện Gia-lâm, sau đến ngụ ở làng ta, kể đến đời ông mới được ba bốn đời. Làng Cổ-bi cũng có một cây gạo to, hễ trong làng có ai đỗ thì cây gạo mới nẩy hoa. Năm nhâm-thìn cây gạo ấy cũng nẩy ra một cái hoa. Ôi ! Lấy là loài cây cỏ vô-tri, mà còn báo tin không sai như thế cũng lạ thay !

Gò đất làng Đình-tổ

Phía đông thôn chợ làng Đình - tổ huyện ta có một gò thổ-tinh, tả hữu lại có hai gò kim-tinh đối-cung, các thầy phong-thủy cho là hai ông thần-đồng ngồi giảng sách, đất ấy liền với cõi tây làng ta. Người làng ta truyền rằng cứ đêm đến thì nghe tiếng thần-đồng đọc sách. Khoảng năm đinh-hợi mậu-tí đời Cảnh-hưng thì không nghe thấy nữa, ý chừng ông thần-đồng ấy đã xuất thế chăng ? hay là linh-khí có khi tụ mà lại có khi tán đi chăng ? không thể lấy lý mà lường được.

Việc tế-tự.

Đời xưa Thiên tử làm vua cả thiên-hạ thì bày ra đủ các lễ tế giao, tế miếu, tế xã-tắc, tế sơn-xuyên. Vua chư-hầu thì tế thần sơn-xuyên ở trong cõi. Còn nhân-dân thì tế cùng thần-kỳ ở trong làng xóm mà thôi. Mỗi một xóm họp mười lăm nhà cùng canh gác trông nom giúp đỡ lẫn nhau. Mỗi một làng thì cùng tế thần thổ-cốc và phối-hưởng thần Câu-mang, Hậu-tắc. Còn tế lễ các bậc tiên-thánh tiên-sư, thần-tinh địa-kỳ và thờ cúng các đấng danh-thần

lương-tướng nghĩa-phu tiết-phụ, hiếu-tử thuận-tôn, thì thờ cúng đã có nơi, cúng tế đã định ngày, nơi nào đã lập ra rồi thì không dám bỏ đi nữa, nơi nào không có thì cũng không dám cưỡng mà làm ra nữa. Nước Nam ta từ đời Lạc Hùng dựng nước, khoảng giữa lại phải phụ - thuộc về đời Hán, đời Đường, rồi đến đời Đinh, đời Lê, đời Lý, đời Trần, ngoài việc tế giao-miếu tế sơn-xuyên ra lại còn các đền thờ chép ghi trong tự-điển, từ đời Trần đã thấy chép ở trong sách *Việt-điện-u-linh-lục* 越甸幽靈錄 cả thảy có hai mươi chín đền, về đời sau lại thêm mãi ra, đến đời Quang - thiệu Thống-nguyên lại thấy chép ở trong sổ tự-điển đến một trăm mười đền, những đền ấy không phải là đền chính-tế thuộc về nhà nước, lại còn những bậc có công với nước hay chống đỡ đại-tai đại-họa cho dân, cũng đều có đền thờ cả, nhưng chưa chép hết vào tự-điển. Khoảng năm Quang - hưng vua Thế-tôn khôi-phục được kinh-đô, truy-lục những người bày tôi tiết-nghĩa đều cho lập đền cúng-tế đến hai mươi bảy đền ; lại còn những bậc hiển-linh trợ-thuận đích có công-trạng, đều được bao-phong cho lập đền thờ, chép vào trong sổ sách rất nhiều, nhưng vẫn còn chia ra có điều - tự không đến nỗi rối loạn.

Từ khi trong nước thái-bình được ít lâu, thói dân càng ngày càng kiêu-ngoa, những kẻ hào-cường ở chốn dân-gian, thường khi bỏ bán đồng-dân gom tiền lại vào đám tế thần, tự lấy làm đắc-ý, chỉ đua nhau mũ cao áo dài, cúng tế xa-xỉ, lại còn đút lót để cầu sắc-phong cho thần, cho nên thần-nhân tạp - nhạp, tự - điển hỗn-hào, kẻ nào mê về thói thượng-quỉ thì đua nhau mà không biết là dở, người nào lợi được của đút thì lại điềm-nhiên mà không biết cấm. Khiến cho những con ma hèn-hạ cũng được sắc phong, những con yêu trâu chó cũng được hiển-hiệu, còn những đền thờ thần chính-trực, hoặc trải lức loạn-lạc binh-hỏa, bi-chí không còn, hoặc truyền lại lâu đời nghe nhớ sai-suyễn, muốn xét đến sách-vở thì xưa nay cấm san-khắc, không biết chứng-cứ vào đâu ; muốn hỏi đến làng xóm thì xưa nay quen thói tị-húy làm sai mất cả duệ-hiệu, nếu không được người học trò chăm-chỉ gia-công sưu-tầm, thì đền nào là chính-tự, đền nào là dâm-tự, không còn phân-biệt được nữa, thực đáng than cho thế-đạo lắm thay!

Làng ta phía đông-nam có một cái gò đất, tục gọi là Đống-chùa, nguyên là ở ngoài đồng đột-khởi lên một đống đất, hình nó như cái kính đồng tròn, nước chảy vòng chung quanh, chỗ mạch đất chạy vào thì là cái chuôi kính, các thầy phong-thủy gọi là mạch nhập-cước. Truyền rằng ngày xưa trẻ mục-đồng chơi đùa có làm một cái chùa con ở trên gò ấy, đến sau người lớn nhân thế mới lập thành chùa, chùa cũng linh-ứng. Năm canh-thân tân-dậu trải qua loạn-lạc phải lửa cháy đổi-hủy đi mất, nay chỉ còn trơ đống đất không. Ngày rồi bước lên chơi cái gò ấy, thì dật-tứ sinh ra có ý cảm-khái về cuộc phế-hưng kim-tích !

Truyền rằng ở trong đầm nước khi xưa có một con trâu chết đuối thành ma, hễ đến khi đêm trăng, thì cũng có lúc nó vùng-vẫy ở trong nước, kẻ điền-phu dã-lão thường thường trông thấy. Ôi! Người chết đuối thành ma thì có, chứ như trâu chết đuối thành ma, thì trong các sách dã-thặng không thấy chép đến bao giờ, xem thế mới biết trong khoảng vũ-trụ không vật gì là không có. Trước mặt chùa cách cánh đồng nước có một con đường nhỏ bằng bờ ruộng, phía nam thông đến thôn Như-lăng làng Đình-tổ, phía bắc thông đến thôn Chợ-tổ làng Đình-tổ, lại còn một con đường cái quan ở

phía bắc bên chùa cách ước độ một quãng thì đến gò Hoàng-xá, cái gò ấy hình như con rắn dài ngòng-ngoèo, phía tây-bắc nổi lên hai gò kim-tinh, người ta trỏ là kiểu đất *hoàng-xà thính cáp* 黃蛇聽蛤(1), mà tục gọi là xứ Đồng-lạc. Phía nam chùa cách độ nửa dặm lại có gò Ngọa-tượng, tục gọi là đồng Con-voi. Các thầy phong-thủy gọi là hình qui-nhân xuất-trường.

Phía tây làng ta có một cái gò to, tục gọi là mả Dương, nguyên là đất làng ta, sau vì cái cớ làng ta không nhận chùa Phổ-quang, nên gò ấy mới thuộc về làng Dương-xá mà thành tên là mả Dương. Chung quanh gò ấy ước độ và mươi mẫu, hình nó như là con cá chép hóa rồng, mang cá lóm xuống như cánh hoa sen mới nở, ở giữa đột lên một gò kim-tinh lồi lên như cái gương sen, quanh đấy mả như bát úp, ở giữa có hai cái mộ là mộ phát-phú của họ Dương họ Võ, từ năm canh-thân đời Cảnh-hưng trở về sau, hai họ ấy đã thấy suy kém dần. Phía tây-nam mang cá là mắt cá đột lên một cái gò con kim thì tổ-mộ nhà quan thám-hoa Võ Thạnh 武晟 ở đấy, trước mộ có một cái oa nhỏ là nơi nội minh-đường vuông độ năm sáu thước, lại xế về phía nam nữa là bắt đầu nơi long-mạch dẫn lại, các thầy phong-thủy cho rằng diện-tiền bát-tự thủy-phân, cho nên con cháu nhà ông Võ Thạnh nhiều người ly-tổ mà khánh-kiệt cả tài-sản, không biết cái thuyết ấy có phải không. Ta bảo rằng cái thuyết ấy quả-nhiên có thực, thì phàm những đất đảo-kỵ đều không tụ-tài cả, nghiệm xét các ngôi phần mộ có tiếng đều không hợp như thế, thì cái thuyết ấy cũng chửa chắc đã tin được. Trước tổ-mộ nhà ông Võ Thạnh có một cái oa nhỏ, mùa hè đầy dàn nước mà mùa đông cạn khô. Tục truyền rằng ở đấy có ma cá cứ đêm thanh nghe tiếng cá nhảy bì-bõm, đem tát nước đi để mò tìm thì không thấy gì cả, không biết là cái quái gở gì.

(1) Con rắn đinh bắt con sò.

Lễ tang

Lễ tang thì từ lúc mới mất cho đến lúc cất đám, người đời xưa đều dụng lễ « sự sinh », nghĩa là dâng cúng đều theo như lễ lúc sinh-thời, chớ chưa có tế lễ. Chỉ khi nào tân-khách đến phúng viếng thì mới có tờ trạng-cáo bài văn-tế để vào phúng. Gần đây thì từ lúc phạn-hàm đặt linh-tọa, lúc thành-phục cho đến lúc thượng-thực, tuần thất-thất đều dùng văn tế cả. Những nhà ông cha có công-nghiệp đức-hạnh thì làm ra lời văn tế lại quá khoe-khoang đã không hợp lễ, lại còn những nhà đê-tiện, không có sự-trạng gì cả, thế mà những người làm văn tế lại chấp nhặt lấy những việc lúc bình-sinh đặt ra câu biền-ngẫu đối nhau, cho thế là thiết-đáng lắm, nhưng không biết đó chỉ là giở xấu cha mẹ ra mà thôi, thực là đáng than-thở lắm thay!

Lễ nhà miếu

Lễ bảo-thần thì có cỗ bàn dâng lên ngự cúng, cứ theo thói ở Lam-kinh, chỉ dùng thịt tái muông-sinh và vài thứ phẩm-quả thời-thực mà thôi, chứ không có làm văn-hoa gì cả, một người sư vào khấn bằng tiếng Ai-lao để chúc phúc, đại-ý chỉ cầu cho niên-thọ vận-mệnh hoàng-thượng được trường-thọ, khấn xong rồi thì dùng hai đồng tiền ngà ném xuống đất để xem sấp ngửa, đó là thay tiền keo xin âm-dương, tức là cái di-ý của Địch Thanh vậy.

Lễ trong nội-điện thì cứ lệ năm trăm xã phải cung-ứng, những xã ấy toàn là ở về nơi núi bể đất xấu dân nghèo, vậy nên nhiều xã thiếu tiền

cung-ứng không đủ nhu-dụng về lễ-phẩm, cho nên lễ nhà Thái-miếu và điện Chí-kính những khi ngày kỵ thì muông sinh-lao gầy nhỏ, cỗ bàn sơ-sài, bánh đường thì chỉ dùng nước quả rành tầm vào cho vàng, nước mật thì chỉ dùng nước chè tươi, nên chỉ có sắc vàng mà không có mùi ngọt gì cả. Ta khi nhỏ có đi qua cửa nhà Thái-miếu gặp ngày hôm kỵ liệt-thánh nhà Lê, thì thấy một tên lính gánh nồi hai trâu, hoặc một người gánh nồi bốn mâm xôi, xem thế thì biết là lễ-phẩm suy bạc, đời Châu đời Lỗ khi xưa suy-tước cũng không đến nỗi như thế.

Thần-lễ

Bùi-công Huy-Bích 裴輝璧 có nói rằng: Họ trịnh từ đời Nhân-vương (Trịnh Cương) trở về trước, còn giữ thần-lễ. Các quan liêu-thuộc trong phủ chúa Trịnh, mới đặt có Hộ-phiên, Binh-phiên, Thủy-sư-phiên và Lịnh-sử-phiên mà thôi, trong triều vua Lê lục-bộ còn chửa đến nỗi thất-chức. Trăm quan vào tâu việc đối với chúa Trịnh thì xưng mình là « ngu ». Chúa Trịnh có ra phủ-đường coi chính-sự, thì bách-quan đội mũ bình-đính, mặc áo thanh-cát vào tham bái đứng hầu. Quan đại-thần ở phủ bộ vào bái-yết xong thì lên chỗ ngồi, đó là theo cái lễ vào tham-yết ở chốn tướng-phủ. Khi nào nhà chúa khai-các ra tiếp-kiến tân-khách, thì bách-quan đội khăn lương, khăn yến-vĩ, mặc áo thanh-cát, vào bái yết xong rồi thì cứ theo thứ-tự mà ngồi, khoản-tiếp phù-trà tử-tế, đó là theo cái lễ tướng-phủ ra tiếp khách. Khi ấy nhà chúa có vào chầu vua Lê, theo lệ tuy đã miễn-bái, nhưng khi chúa Trịnh nào mới được thụ sắc-phong ra thân-chính thì cũng phải thân-hành vào triều-bái vua Lê. Đời vua Lê Hi-tôn lên thượng-thọ tám mươi, chúa Trịnh Nhân-vương cũng mặc áo triều-phục vào đứng ở bên hữu long-trì, thân ra đóng-đả trăm quan vào lạy mừng. Vua Lê sai giải chiếu thất-trùng ở nơi bái-vị của chúa Trịnh để tiêu-biểu ra cho khác. Đến khi Trịnh Thuận-vương (Trịnh Cường) nối ngôi, mới đặt ra Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công sáu phiên, cướp mất cả quyền quan Lục-bộ, lấy chức chưởng-thự tham-bồi làm quan chính-phủ đại-thần, từ bấy giờ chốn triều-đường vua Lê chỉ là hư-thiết mà thôi. Các quan vào tâu chúa Trịnh thì đổi chữ « ngu » xưng là « thần ». Chúa Trịnh ra thân-chính ở phủ-đường thì gọi là « thị-triều 視朝 », khi nào ra tiếp khách ở ngoài các thì gọi là « khách-triều 客朝 ». Quan đại-thần ở chốn phủ-bộ phải đợi chỉ nhà chúa cho ngồi mới được ngồi, thì gọi là « tọa-đường « 坐堂 ». Còn cái lễ nhà chúa vào triều-bái trong nội-điện vua Lê thì bỏ đi không hỏi đến nữa. Nhà chúa có truyền chỉ ra thì trước kia vẫn gọi là lịnh-chỉ, sau này quyền-chính đều về nhà chúa, đệ-niên cứ đầu xuân ngày khai tỉ-ấn thời yết tờ lịnh-chỉ mới ra ngoài phủ-đường hoặc ngoài cửa các. Các quan võ-giai xuất-thân và chức câu-kê trong sáu cung đều phải có lịnh-chỉ ban cho cả, còn các việc khác mà do nhà chúa truyền ra thì xưng là *chỉ-truyền* hay là *chỉ-dụ*, hoặc xưng là *ngự* là *thánh* cũng không khác gì như trong nội-điện vua Lê vậy.

Bái-lễ

Bái-lễ thì từ đời xưa có chín lạy, cái số lạy hoặc hai, hoặc bốn, hoặc sáu, hoặc tám thì tùy theo lúc đại-lễ hay tiểu-lễ mà lạy. Sách *Tả-truyện*: «Vua Hoàn-công nước Tề nhân thịt phần vua ban, lạy hai lạy.» Sách *Văn-hiến-lễ-khảo*: «Quan Thị-trung truyền chế ra thì quan Thị-chế lạy hai lạy, thế thì khi triều-hạ có hai lạy mà thôi, Khi đại-lễ trăm quan múa nhảy thì lạy bốn lạy, thế thì khi triều-hạ phải lạy bốn lạy». Sách *Gia-lễ* của TưMã-công; « Trong khi tuế-thời

khánh-hạ đại-lễ, thì trước bốn lạy sau bốn lạy, khoảng giữa hoặc hiến - tửu hoặc chúc-phúc thì lạy hai lạy, thế thì trong lúc các nhà thường làm lễ cũng có dùng hai lạy hoặc bốn lạy. Lễ tang khi chửa chôn, lúc làm lễ khiển-điện phải lạy bốn lạy. Sau khi đã chôn rồi làm lễ tế ngu, theo nghi - tiết cũng có dụng hai lạy, thế thì cái lễ hai lạy hoặc bốn lạy không phải là để phân-biệt lúc chưa chôn với lúc chôn rồi đâu. Còn như lễ triều-hạ mà dùng lễ năm lạy ba khấu-đầu, là từ đầu đời Minh. Hoặc dùng lễ ba quị năm khấu đầu là theo về tục Mãn - châu chứ không phải là lễ cổ. Gần đây lễ triều-hạ thì chuyên dùng năm lạy, còn lễ cúng tế trước sau đều dùng bốn lạy, rất là một việc đáng ngờ. Còn đến như cái lễ hai lạy cứ theo như hội-điển năm Chính - hòa khi triều-lễ cũng có dụng hai lạy, thế mà nay dân-gian lại cho cái lễ hai lạy là hung-lễ khi nhà tang-gia chửa chôn, hoặc khi tân - khách đến phúng viếng thì cũng theo dùng cái lễ hai lạy, có người hỏi thì bảo rằng đó là theo như lễ hiếu-chủ mà lạy, thế sao người hiếu-chủ lúc sơ-tang lấy vải trắng buộc ngang đầu vén tóc, lúc đã quàn rồi thì mặc áo trảm-thôi khóc-lóc; người vào viếng thăm lúc mới mất thì phải trần tay áo, lúc đã quàn rồi thì mặc áo trắng mà vào thăm, không khi nào giống với người hiếu - chủ cả. Thế thì những việc ấy sao không theo bắt chước hiếu-chủ, mà chỉ bắt chước cái lễ lạy của hiếu-chủ là ý-nghĩa gì ?

Thường xét tang-lễ đời cổ, từ lúc cha mẹ mới mất cho đến lúc làm lễ điện cất đám đi chôn, đều dùng hai lễ, mà không có làm văn để tế, nghĩa là cứ theo cái lễ thường trong gia - đình con thờ cha mẹ cứ lấy lễ sự - sinh mà thờ, chưa nỡ coi đấng thân đã chết đi rồi vậy. Nhưng xét lời khấn lúc làm lễ khiển - điện là lúc sắp rước linh - cữu đi chôn, có khấn rằng : « *Xe thiêng đã sắp, rước tới nhà âm, bày lễ khiển-điện, quyết-biệt chung-thiên.* » Ngẫm như mấy câu khấn ấy thì lúc làm lễ khiển-điện cũng có lạy bốn lạy, vì như đấng thân sắp đi đâu xa, lúc làm-biệt con cháu phải làm đại-lễ vậy. Lễ tế Ngu tuy rằng làm về sau khi đã chôn rồi, nhưng mà bụng người hiếu-tử vẫn còn bàng-hoàng thương-xót, chửa nỡ vội lấy cái lễ «sự quỉ» mà thờ đấng thân, vậy nên lúc đọc văn tế trong nghi-tiết cũng có lạy hai lạy. Còn từ sau khi làm lễ tốt-khốc trở về sau, mới thuần lấy cái lễ «sự thần» để thờ đấng thân, nghĩa là lúc giáng-thần, từ-thần, đều phải lạy bốn lạy cả. Còn như cái tình bè-bạn tân-khách thì khác tình cha con, vậy nên lúc nào phúng viếng thì tất phải lạy bốn lạy để cho phân-biệt khác với người con, chớ lại bảo là bắt - chước theo hiếu-chủ là nghĩa gì ?

Đời xưa trước khi ăn uống thì có rót một chén rượu để tế, nghĩa là tế người bày ra ăn uống tự đời cổ. Nhưng trong một tiệc ăn chỉ duy người trưởng-giả mới rót rượu tế, còn những người ti-ấu thì không được tế, tức như trong lễ bảo rằng vua rót rượu tế thì bày tôi cứ rót rượu uống trước đi. Lễ tang trước khi chửa chôn thì chỉ dật cơm cúng chứ không có tế, là vì người hiếu-tử không nỡ coi đấng thân đã chết rồi mà vội đã làm lễ tế. Sau khi đã chôn rồi thì mới lấy lễ sự-thần để thờ đấng thân, cho nên lúc hiến ba tuần rượu chủ-nhân phải làm lễ tế-tửu là rót ra một chén rượu để tế, nghĩa là thay hộ quỉ-thần mà làm lễ tế-tửu, ấy lễ-ý nó rành-rành ra như thế, mà người ta không biết xét, lại lấy hai lạy với bốn lạy phân-biệt lễ cát với lễ hung. Nếu quả hai lễ là hung-lễ thì sao lúc cát - tế cũng có khi lạy hai lạy? Huống-chi tự khi làm tế tang mà

chửa đến ngày tiểu-tường, còn phải theo hung-lễ cả, sao lại cho bốn lạy là cát-lễ được.

Quan-chức

Đời Tiền-Lê lấy chức Tư-mã 司馬, Tư-đồ 司徒, Đại-đô-đốc 大都督, là ngôi quan tướng, chức Ngũ-phủ đô-đốc là bậc thứ hai, các quan Hành-khiển văn-thần thì chỉ để làm cố-vấn giữ việc văn-thư, cũng như là chức học-sĩ năm Vĩnh-lạc đời nhà Minh vậy. Từ đời Hồng-thuận trở về sau mới có đặt chức Bình-chương quân-quốc-trọng-sự, nhưng khi ấy triều-chính đã không được thống-nhất, chỉ nhân việc mà đặt ra chức quan chứ không có chép ở trong quan-chế. Từ năm Quang-hưng trở về sau, đầu hàng quan văn được tham-dự triều-chính kiêm-chưởng cả lục-bộ, đó mới là chuyên-nhiệm quan văn làm thủ-tướng. Còn như chức quan ngũ-phủ đô-đốc lục-bộ thượng-thư, đều là chức quan đại-thần trong triều-đường. Trịnh-phủ tuy lấy quan văn cho vào tham-tụng phủ-đường hoặc làm bồi-tụng phủ-đường, nhưng cũng chỉ là coi về việc công trong Trịnh-phủ mà thôi. Từ khi chính-quyền về cả Trịnh-phủ thì bên võ-giai lấy chức Đô-đốc chưởng-phủ-sự, thự-phủ-sự, quyền-phủ-sự làm chức trọng-thần, còn như chức ngũ-quân đô-đốc thì lại là chức gia-quan. Bên văn-giai thì lấy chức tham-tụng bồi-tụng làm chức thừa-tướng, mà các chức lục-bộ thượng-thư làm tản-chức. Đó là tùy theo thế biến mỗi lúc một khác. Còn như bên Trịnh-phủ lại đặt ra sáu phiên, có chức thiêm-sai, có chức tri-phiên, thì dùng các quan tiến-sĩ văn-thân sung vào chức ấy; chức phó-tri, chức thiêm-tri thì dùng các ông giám-sinh văn-học bổ vào, cũng giống như trong tòa lục-bộ thượng-thư, lại có chức thị-lang, lang-trung, viên-ngoại, đó tuy rằng danh khác mà thực giống nhau vậy. Lại còn có đặt ra giám-ban nội-thần, mà cũng có những chức tri-phiên, thiêm-phó, thậm-chí lại để coi giữ cả mọi việc quân-hành, thiết-tưởng đời Hán đời Đường bên Tàu, đời Lý đời Trần bên ta cũng chửa từng có những chức quan ấy bao giờ. Sách sử có chép khi Thuận-vương giữ chính-quyền có đặt ra võ-ban, văn-ban, giám-ban, chia làm ba ban, thực xưa nay chưa thấy thế bao giờ, không biết lúc triều-hội theo đẳng-cấp mà phân ban ra làm sao, tiếc rằng không được tường vậy.

(Còn nữa)

HỒNG-CHÂU *dịch*

HỒ CÁI GIÀ (1)

(Nhật-ký sợ vợ)

V

XVII. — Mẹ già lánh mình

(Ngày 16 tháng 5)

Than ôi! cái cảnh-ngộ của mẹ tôi cũng cùng-khổ lắm thay! Sáng sớm gọi tôi vào trong buồng ngủ khóc bảo tôi rằng: « Mẹ nay tuổi ngoài thượng-thọ, chết cũng chả có tiếc gì, chỉ có một nỗi làm lầm cả một đời con là khiến cho mẹ khó nhắm mắt được thôi, con có oán mẹ không? » Tôi nói: « Số con như thế, việc gì mà oán mẹ, xin mẹ đừng nghĩ thế ». Mẹ tôi nói: « Mẹ tìm đường chết đã mấy lần mà không được đây, chiều tối hôm qua sang miếu Thành-hoàng bên xóm kia cầu đức Thành-hoàng chuyển đạt lên vua Diêm-vương xét lại sổ xem, ngộ là về lúc vua Diêm-vương xem xét sổ-sách, nhẫng sót mất tên mẹ, nên đến nỗi sống sót ở đời, chịu oan-khổ mãi chăng! Nếu thật như thế, xin cho sứ lại bắt ngay, mẹ xin nghênh cổ mà đợi, nào ngờ đâu trở về ngồi nghe-ngóng mãi đến canh năm, không thấy có điềm gì chết, không làm thế nào được, nên mới tròng dây treo cổ, đang lúc sắp được chết, mà lại sống lại, con thật hay lôi-thôi lắm thay! » Tôi nghe lời mẹ tôi nói mà đau-đớn cho cái cảnh ngộ cùng-khốn của mẹ tôi, người ta ai cũng cầu thọ mà mẹ tôi lại cầu chết, có thảm không! Than ôi! Đẻ ra tôi là con trai ngang-tàng bảy thước làm gì, tội tôi thật không sao trốn được vậy! Mẹ tôi lại nói: « Thân già này kết-cục cũng chết, chết sớm là thoát nợ sớm, có tiếc chi! » Tôi cố van xin mãi vẫn không nghe, sau lại bảo rằng: « Nếu muốn cho già này đợi hết tuổi trời mà chết, thì trừ cách cắt tóc đi tu, bỏ hẳn cái nhà này, không còn có cách gì hơn nữa, như vậy thì trong vòng chuông đồng mõ gỗ còn hơn ở dưới cái oai hung-ác chua-cay nhiều, già này sắp đi đây, con mà khéo xử được mọi việc nhà, vì bằng sau này mẹ con lại được xum-họp là cái hạnh-phúc ngẫu-nhiên, không thì nên tới trong am Tĩnh-độ mà nhặt nắm xương tàn của ta cũng được. » Tôi nhất-định xin đừng như thế, mẹ tôi nói: « Nếu thế là thúc cho ta chóng chết đó ». Tôi không làm thế nào được phải để mẹ tôi đi, quì lạy cầu xin mẹ tôi rằng: « Đã đành thế thì xin mẹ hãng tạm nương thân dưới bóng từ-bi; mấy rò tóc bạc, xin nghĩ đến mất tổ-tôn nhà ta, thiết chớ có phó cho con dao cái kéo! » Mẹ tôi ngăn nước mắt mà nói rằng: « Ừ ». Thu xếp một ít quần áo rồi ra đi, tôi dắt tay đưa mãi đến trong am. Am này là của một nhà thân-sĩ họ Vương dựng lên, mấy gian nhà rộng, trăm mảnh ruộng ngon, sư nữ ở có và bốn người, đều nhờ lộc ấy mà ăn mặc cả, sư cụ am ấy là Diệu-pháp cũng là người thương-tâm, già mới cắt tóc đi tu. Nghe mẹ tôi kể hết nguồn-cơn không thể ngăn được giọt lệ mà nói rằng: « Sư già này qui-phật hai mươi năm trời, nay tuổi đã tám-mươi-nhăm, tình-tứ lắng-

(1) Xem Nam-Phong từ số 124.

lâng, bụi trần rũ sạch, một dòng nước mắt này cùng với sư già này không thấy nhau đã mười chín năm rồi, không ngờ hôm nay lại bị già dẫn nó ra ngoài khóe mắt này đây! Cái thân-thế của lão-phu-nhân chính là cái ảnh của sư già này in lại đó, nay đã định thế này, trong am cũng đủ dung thân, gió trăng mát mặt, muối dưa c hay lòng, chả phiền phải đi đâu nữa.» Mẹ tôi nghe nói ra ý vui-vẻ, tôi nghe sư già nói biết rằng đối với mẹ tôi hợp lắm, trong lòng mới hơi yên, từ-biệt mẹ tôi trở về, mẹ tôi còn theo ra mãi ngoài cửa am nước mắt lã-chã không nỡ buông tay, đinh-ninh về việc nhà mãi mãi, lòng tôi rầu-rĩ như tương, biệt mẹ tôi về, tới nhà còn nghe thấy tiếng vợ tôi nhiếc rằng: «Ranh-con cùng với mụ lẫn-cẩn đi đâu thế?» Tôi nói dối rằng: « Tôi sợ để mẹ ở nhà như khêu cơn giận cho người yêu của tôi, nên đã đưa sang ở nhà họ ngoại không có bao giờ về nữa rồi.» Vợ tôi càng giận dữ nói rằng: « Mày đưa mẹ mày ở riêng một chỗ hưởng cái hạnh-phúc rượu ngọt cơm ngon, giam-hãm ta ở đây cơm hầm rau cần, mày thật là kẻ đen lòng lắm thay!» Tôi không sao trả lời được, gượng đáp rằng: « Từ nay trở đi nội việc trong nhà xin để mình coi sóc, tôi không đoái-hoài đến nữa.» Vợ tôi nghe nói nét mặt nhâng-nhâng bảo tôi rằng: « Ừ, đã thế thì mày mượn ngay cho ta rõ nhiều tôi đòi, ta sẽ gây dựng cho mày một cái gia-đình văn-minh, mày có theo mệnh ta không?» Tôi mừng thầm nói rằng: « Người yêu của ta mà hay làm được như thế thì nhà tôi cám ơn xiết bao!» Vợ tôi dắt tôi ngồi trên ghế tréo cầm tay tôi hôn mãi, (*Thân-nhiệt như thế, thật là ý không ngờ đến có thế!*) rồi ôn-tồn nói rằng: « Anh nói mẹ già anh đã đi ở chỗ khác, (*Trên gọi là ranh con, là đồ lẫn-cẩn, nay lại gọi là anh, là mẹ già, sang hèn thế nào, lạnh nóng thế nào!*) việc nhà nhất-nhất đều theo mệnh tôi, có thực thế không?» Tôi nói rằng: « Đích thực đấy, người yêu ta thế nào thì cứ thế là được rồi.» Vợ tôi ngẫm nghĩ một lát rồi nói: « Thế thì ta kể các điều-kiện cho mình biết: 1° Từ nay trở đi, cái quyền của-cải nhà mày về tay ta giữ hết; 2° Mẹ mày không được trở về nhà lẫn-lấp mất cái quyền-hạn của ta; 3° Xử-trí việc nhà, họ-hàng thân-thích nhà mày không có quyền đoái-hoài đến; 4° Ta có mệnh-lệnh gì, mày phải theo hết, mày có y lời ta, ta sẽ thu-xếp cái gia-đình tồi-tàn này cho.» Tôi nghĩ bụng những điều-kiện ấy cũng chả có quan-hệ gì, mới trả lời rằng: « Người yêu của ta đã bảo thế, tôi đâu dám trái lời, xin để mặc cho người yêu của ta sửa-sang hết thảy.» Vợ tôi mừng rú nói rằng: «Như thế là mày biết ý rồi đó.» Nắm chặt tay tôi hôn mãi không buông....

Lời phê-bình. — *Mẹ chàng ngót trăm tuổi đầu còn đầy-đọa làm sư làm tiểu, thế thì nuôi thằng con bất-tiếu ấy, để dùng làm gì! Sư già cũng một đoạn thương-tâm ấy, thấy nhau mà bất-giác động tấm lòng đau-đớn, rớt nước mắt động-tình, thế thì biết trong thiên-hạ có lắm con dâu hung-ác, chả phải chỉ một mình đỉnh-sư mà thôi!..,*

XVIII — Cả nghe mất nhà

(Ngày 20 tháng 5)

Than ôi, cái lòng vợ tôi đối với tôi thân-nhiệt như thế, thật từ ngày cưới đến giờ chưa có bao giờ! Vợ tôi phát mệnh-lệnh thuê năm con đòi, hai thằng ở, các người làm mướn ở hai bên láng-giềng đều vâng lời đến ngay, vợ tôi truyền bảo đứa thì canh cửa, đứa thì tiếp khách, đứa làm nhà bếp, đứa giặt áo quần, đứa thì vá may, đứa thì mua bán, còn thì quét-tước và làm các việc vặt, đứa nào cũng có chuyên-trách, (*Rành rọt có thứ-tự, phảng-phất như*

chức Đại-tổng-thống lên ngôi dùng người này làm đốc-quân, người nọ làm tỉnh-trưởng),các tôi tớ đều vâng dạ theo mệnh cả,(*giỏi hơn những bọn đốc-quân bây giờ cậy có binh-quyền quật-cường lắm lắm*). Vợ tôi lại dự-tính các cách: phòng khách làm lại như thế nào, buồng-chái sửa-sang như thế nào, cửa cổng tường nhà làm theo lối tây, bờ giào bờ rậu, phá nhổ sạch sẽ, qui-mô xếp-đặt, tự cho là tận-thiện tận-mĩ rồi, tôi thì cũng mừng thầm rằng vợ tôi làm được như thế,cửa nhà tôi cũng sáng-sủa rạng-rỡ thêm, mẹ tôi tuy ẩn thân nơi khác nghe thấy cũng tất mừng vui. Một hôm hốt - nhiên vợ tôi kéo tôi ngồi, rồi bảo tôi rằng: « Cách-thức cải-cách gia-đình đâu ra đấy cả rồi, chỉ còn đợi chờ mình giao tiền của cho tôi, là lập-tức thấy cái gia-đình văn - minh như nhà mẹ tôi ngay đó. » Tôi bất-giác tái mặt nói rằng: « Tôi còn có của-nả gì nữa đâu, của cha mẹ để dành cho chỉ có ba gian nhà bẹp, một luống rau cần mà thôi, ngày thường chi-dùng công-nợ nhan-nhản, tính những số phí-tổn cho tôi đi học, lấy vợ, đều là cái của mẹ tôi kim chỉ dành-dụm trong hai mươi năm trời mà ra,nhưng nay thì hết nhẵn rồi,tôi không thể nào lại tìm mẹ tôi, cắt lấy mười ngón tay mà giao cái quyền của-nả cho người yêu của tôi được nữa!» (*Lời nói lâm-li sảng-khoái sao, đồ hèn nhát ít khi mở miệng được như thế!*) Vợ tôi nghe dứt lời tôi nói, đứng phắt dậy vùng-vằng vừa ra vừa nói rằng: « Mày còn muốn giấu của cải của mày à, thế mày trái điều-ước với ta rồi đó, ta còn nhớ lúc mẹ mối đến làm mối ta lấy mày có nói rằng: « Chàng ấy mặt đẹp như Phan An, tài cao hơn Tử-Kiến, nhà lại giàu, ruộng tốt hàng nghìn mẫu, bố mất sớm, mẹ yêu thật đến hết điều, (*lại đối với đoạn văn ở trên thú thay!*) vì sợ người ngoài dòm nom, nên mẹ chàng giấu-giếm kín-đáo, không mấy người tường, lại còn bảo rằng phải lấy đấu mà gạt vàng bạc nữa; mẹ ta tin là thật mới gả ta cho mày; lúc cưới lại thấy xe ngựa nghênh-ngang, tôi đòi rộn-rịp, ta vẫn không ngờ, ngày trước mày còn nói dối là mẹ mày hà-tiện, nay mẹ mày đi rồi, mày còn giấu-giếm được nữa ư! (*oan thay!*) Mày còn vờ làm gì thế?» Tôi nói: « Chao ôi! Tôi còn giấu-giếm gì nữa, mình thử xem trong buồng mẹ kia, trừ một nắm bông rách ra còn có gì là cái đáng tiền nữa không, nếu mà có, tôi xin mặc ý người yêu của tôi phung-phá, tôi thề rằng không có đoái-hoài! Người yêu của tôi ơi, mình lầm to rồi, nếu mẹ có tiền đã chả đến nỗi than-vãn suốt đêm hôm trừ-tịch!» Vợ tôi lấy làm thất-vọng,bặt đi một lúc lâu lâu rồi mới nói rằng: « Thế thì nhà mày đã không có kinh - tế, còn kiến-thiết làm sao được nữa, gái này ra đời hai mươi năm trời, nay bị mày lừa rồi, mày tưởng đến của trong hòm gái này ư! Gái này không thể sao mà chỉnh-đốn lại cái nhà suy-đồi cho mày được nữa rồi, chỉ còn những sự đã làm,tiền công thợ thuyền, tiền mua tre gỗ-đến ngót trăm bạc, chưa có tiền trả đấy,mày nên liệu tính lấy, cái đó không phải là việc gái này, gái này không dự gì đến.» Tôi nghe nói sợ run, nghĩ bụng làm thế nào cho xong xuôi được, cố xin nài mãi, vợ tôi vẫn cứ làm thinh. Một lát hốt-nhiên bảo tôi rằng: «Muốn xong sự này phi bán đứt ba gian nhà nát này không xong.» Tôi tái mặt nói rằng: « Sự đó không thể làm được, vậy thì tôi với mình đi ở vào đâu?» Vợ tôi cười nói rằng: « Mày không lo, ta đã có cách.» (*Chủ-nghĩa đã định rồi*). Tôi nói: « Nếu thế thì mặc người yêu của ta toan tính cả.» Vợ tôi liền cùng tôi sang nhà ông láng-diềng mỗ nói rõ các sự, ông có ý lăm-le muốn lấy nhà tôi mà lại muốn bắt chẹt chỉ trả hai trăm, vợ tôi nài lấy ba trăm, ông lắc

đầu hoài, tôi và vợ tôi đều tức mình đứng dậy ra về, dạo khắp hàng xóm chả ai muốn mua, đến gần tối mới về nhà, buồn-bực gay-gắt mà lòng tôi thì mừng thầm rằng không ai muốn mua thì may ra giữ trọn vẹn được cái của ông cha để lại cho, không đến nỗi như chim mất tổ, lưu-lạc quê người. Đang lúc nghĩ vơ nghĩ vẩn, sực thấy vợ tôi sai thằng ở sang nói với ông hàng xóm rằng thuận bán giá trước và giục làm văn-tự ngay. Thằng ở đi một lát trở về nói rằng: «Ông hẹn rằng ba hôm nữa làm văn-tự xong mới giao tiền». Tôi nghe mà đau lòng nát ruột, ngẫm-nghĩ hai trăm bạc mà bán cái của ông cha để lại cho này, nếu mẹ mình mà nghe thấy không biết lại cảm-tưởng đến thế nào, mình không nỡ đến bảo mẹ, mà bảo cũng là vô-ích thôi, mặc nó làm thế nào thì làm...

Sáng ngày rằm có một ông già, da mồi tóc bạc chống gậy đến nhà tôi, sau lưng có hai thằng đầy-tớ khỏe đi theo, ông người lặng-lẽ ít nói, hỏi tôi rằng: «Họ thân có ai đến không? Bán một cái nhà không thể làm giấy-má luộm-thuộm được đâu». Tôi không lấy gì mà trả lời được, ông tức-thì đứng dậy xách gậy vung-vẩng trỏ bảo hai thằng đầy-tớ ra về. Vợ tôi lấy làm thất-vọng, (*bác nhà giàu vẫn có cái thái-độ ấy, ai cầu đến mình là bắc bậc làm cao ngay!*) lại sai thằng ở hỏi lại ý ông làm sao; ông nói: «Nếu không có người họ thân đến kỳ tên thì ông không lậu.» Vợ tôi lại bắt tôi đi gọi các họ thân đến, tôi nghĩ khó sao mà mặt dầy đi nói được, mới viết thư nói dối là việc khác, mời bà dì và ông chú họ đến. Đến lúc đến nơi, nghe biết rõ sự, ai cũng rụng-rời, bà dì ngồi một tí rồi nói dối trốn về. Vợ tôi mắng nhiếc mãi rồi dẫn ông chú đến nhà ông mỗ, ông ngồi ngất-ngưởng trên sập, ra bộ làm ngơ, vợ tôi ngọt-ngào nói mãi mới gật đầu nghe, văn-tự viết sắp xong, hốt-nhiên thấy một người con trai hất-hải chạy đến nhà ông, để túi bạc lên bàn đánh soảng một cái rồi nói rằng: « Ông tậu nhà ấy hai trăm bạc phải không? » Ông nói: « Thật đấy. » Người ấy nói rằng: « Tôi xin trả gấp hai lên bốn trăm bạc tậu cái nhà ấy. (*Lạ thật!*). Nếu ông cũng trả bốn trăm thì tôi nhường cho ông tậu, không thì phải nhường cho tôi trả cao hơn. » Ông gãi tay ngẫm-nghĩ hồi lâu rồi nói: « Ừ thì anh tậu lấy, tôi chả ganh khí với anh làm gì cho tốn của, (*ông ganh của chứ không ganh khí, thật là cái bản-tính anh bỡ giữ của!*) Song ta không biết anh là ai, ở đâu tá? » Người ấy nói: « Tôi họ Vương, ở mé đàng đông, nhà hẳn với nhà tôi liền cõi.» Ông nghe nói mất hi-vọng, liền gục đầu đến tận ngực. Tôi mới bỏ văn-tự cũ lại viết bản khác cho họ Vương, qua-loa xong việc, chồng đủ bốn trăm bạc đồng, tôi đút túi định về nhà, (*nhà đâu mà về!*) Người ấy lại hỏi: « Hôm nào dọn đi? » Vợ tôi đáp rằng: « Độ một tuần-lễ. » Người ấy gật đầu rồi giắt văn-tự đi. Tôi cùng vợ tôi về nhà, vợ tôi tính-toán trả tiền công-sá cho các tôi-đòi, bọn chúng đều cười đỡn ra về. Ngày 16, vợ tôi dọn dẹp thu xếp các đồ-đạc trong buồng vào hòm rồi thuê người mang đến nhà mẹ, tôi hỏi vợ tôi rằng: « Sau này định ra làm sao? » Vợ tôi nói rằng: « Ta đã có chủ-trương, mày đừng nóng-nẩy, ta sẽ dắt mày về ở nhà ta qua ngày. » Bấy giờ một thân tôi không có chủ-quyền gì, đành mặc vợ tôi chỉ dẫn như là tượng gỗ mà thôi!

LỜI PHÊ-BÌNH. — *Phu-nhân sở-dĩ lấy chàng, là vì mẹ mối nói dối cả hai bên, chàng đến nỗi này cũng là vì mụ mối cổ - hoặc mẹ chàng, tội mụ mối thật không sao tử được, không trách phu-nhân say mê cái cách tự-do kết - hôn được!*

Lúc phu-nhân thất-ý, liền toan sự phá hết nhà, kiến-thiết không được, liền phá-hoại ngay, cùng với đảng cách-mệnh bây giờ chả khác chút nào.

Tả cái thái-độ ông nhà giàu, như hệt trên tờ giấy, giữa đường thất-ý thật không ai có ngờ đến, ông tranh của không tranh khí, cũng là bài châm hay để trị nhà, ông sở-dĩ giàu cũng là vì đó.

XIX.— Sống sót miệng sư

(Ngày 20 tháng 7)

Hơi sương lạnh ngắt, tiếng nhạn lưng trời, người thương-tâm không chốn yên thân, nương nhờ người khác, nghĩ tình cốt-nhục lìa tan mà xót-sa muốn chết! Từ khi tôi mất nhà đến nay, nương nhờ nhà vợ qua ngày, vợ tôi càng khinh rẻ hắt-hủi, coi tôi như là tôi-tớ, tôi nhỡ có cái gì trái mắt là đòn đánh đến ngay, suốt mình sứt - sở, không nỡ sờ mó đến nữa, ăn thuần tấm mắn, ngủ manh chiếu đàn, tôi buồn-bã không còn có cái gì là thú muốn sống nữa. Than ôi! Cha mẹ sinh ta nuôi ta, coi ta như ngọc báu trên tay, biết đâu rằng có cái cảnh-ngộ như ngày nay, ngẫm nghĩ đến đấy, lệ như mưa trút xuống. Chiều hôm qua nghe thấy vợ tôi nói với mẹ vợ tôi định đuổi tôi đi, tiệt đường nhân-nghĩa, lòng mẹ bất-nhẫn, khuyên vợ tôi mãi, vợ tôi mới lắng-lặng yên. Than ôi! Mình ở đây, kết-cục cũng không bền được, chưa biết ngày nào chim xổ lồng ra, tôi rất thích bắt chước như mẹ già cắt tóc đi tu, vào nương cửa phật, một mình ngẫm-nghĩ, ngọn đèn hắt-hiu, suốt đêm chiếc bóng, mắt chẳng nhắm yên, tuy không phải là cá gỗ mà đã như cá góa rồi!...

Buổi quá trưa ngày 21 hốt - nhiên thấy hai người lính lệ đến đòi tôi bảo rằng: « Quan huyện cho trát bắt đấy. » Tôi bàng-khuâng chả biết là vì việc gì, bảo bọn lính lệ rằng: « Hay các chú bắt lầm, tôi đóng cửa ở nhà đã mấy tháng chầy, có việc gì mà bắt tôi? » Bọn lính lệ cười nói rằng: « Chúng tao có lầm bao giờ, mày cứ theo tao tới công-đường tự-khắc biết chuyện. » Tôi nghĩ bụng mình chẳng có lỗi chi, cứ đi theo vào xem. Tới cửa huyện, thấy quan huyện liền ra công-đường, đòi tôi vào hỏi tên họ đâu đấy rồi, đọc tờ khai qua-loa rằng: « Con gái họ Vạn thưa rằng: mày không trọn hết cái nghĩa-vụ nuôi vợ, nên yêu-cầu bỏ mày tuyệt hết mọi đường quan-hệ để nó lại đi lấy người khác, v. v... » Tôi nghe dứt tiếng, bất-giác thần mê phách mẩn, điếng người đi không sao trả lời được nữa; một thoáng thấy vợ tôi phiêu-nhiên đến pháp-đình, áo ngắn nịt tay, quần dài quét đất, chẳng khác gì thần-tiên, vào cửa quan tuyệt không có thẹn-thùng một chút nào, đàm luận lẽ tự-do, thần thánh dông-dồng. Quan huyện hỏi tôi có đủ sức nuôi vợ nữa không? Tôi không biết nói làm sao, chỉ thưa rằng: « Việc hôn-nhân là bởi mệnh mẹ già, có lời mối-lái, tôi không bằng lòng, cho vợ tôi bỏ tôi! » Quan nói: « Hừ, mày có nhà vàng để cho vợ ở không. (*Nhà nát bán mất rồi!*) Mày có cơm trắng cho vợ ăn không? (*Vườn rau bán mất rồi!*) » Tôi không trả lời được, việc li-hôn liền phán-quyết xong ngay. (*Ác-tinh đã thoái!*) Vợ tôi đứng bên nói to rằng: « Từ nay trở đi mày không có quyền vãng lai nữa nhé! (*Nhẫn-tâm thay!*) Tôi lặng ngắt gục đầu lùi ra, bơ vơ đường cái, y như chim mất tổ, chó lạc nhà, nghĩ riêng tấm thân lưu-lạc, chẳng nơi nương nhờ, thì thần-trí bàng hoàng, mà nghĩ nỗi cốt-nhục phân-li, cửa nhà tan nát, thì gào khóc thảm-thương, nghĩ quanh quẩn mãi mới tạm định hẳng đến ở nhờ nhà dì một ít lâu, lững-thững dò đến, gõ cửa bước vào, bà dì thấy tôi, ra ý lạt-lẽo, mất hẳn cái tình thân-nhiệt lúc ngày thường, mà cơ-hồ muốn xua đuổi tôi ra cửa, tôi năn-nỉ cầu mãi mới được một mảnh

chiếu xó chái dử dung-thân, bà dì suốt ngày nhai-nhải đay nghiến tôi, tôi hồ thẹn cảm-kích vô-hạn, mà nghĩ lại đến cái hoàn-cảnh bây giờ thoát-li oai ác, sống sót miệng sư, thì trong lòng lại thấy yên-ủi lắm, dẫu ăn uống cư-xử không khác gì ở nhà vợ, mà cái sướng về phần tinh-thần thì khác hẳn khi xưa!...

Lời PHÊ-BÌNH. — *Chàng được li-hôn, thật là cái may của chàng đó, từ đấy vân xấn mới qua, trong một năm trời mẹ ăn thân nhà tan nát, trải bao nhiêu nỗi đắng cay, thật cũng là cái vạ bỗng dưng.*

Bà dì ra chiều lạt-lẽo, không phải là lạt-lẽo thực đâu, cốt để chiết - phục cái lòng chàng đó, người ta phải trải qua mùi khổ, tất không sao giữ vững cái thanh-bần, bà dì chính là muốn nuôi cho chàng nên đồ có dùng to đấy vậy.

XX. — Đôi bóng tròn gương

(Ngày 13 tháng 8.)

Hoa quế nức hương, gió vàng đưa thoảng, ăn nhờ nhà dì, đã cơ - hồ một tháng, trong một tháng ấy ngày nào bà dì cũng kể tận mặt rõ tận tai mà kể-lể hết sự trước, nước mắt tôi đầm-đìa vạt áo, mà cũng chả biết là làm sao! Tôi muốn đến am Tĩnh-độ thăm mẹ già, thì bà dì lại ngăn lại, mà từ khi tôi đến nhà dì, cũng không từng thấy mặt Thu-Tần đâu, trong lòng ngờ vực, đến hỏi dì tôi, dì tôi cứ trả lời hàm-hồ, lòng tôi không sao khuây được. Sáng sớm hôm nay, hốt-nhiên dì tôi bảo tôi rằng: « Anh ở nhờ nhà tôi mãi, cũng không phải là kế lâu dài, nay xem thần-trí anh đã thanh-thoát, giá lại có một người như Tĩnh-sư cùng với anh đính-nguyền đôi lứa, anh định thế nào? » Tôi nói: « Tất giết chết để yên-ủi mẹ già. » Dì tôi nói: « Làm gì mà phải tệ như thế, tôi bảo thật cho anh biết, nếu anh không tự làm mất cái chí-khí trượng-phu, thì dẫu hung-ác như Tĩnh-sư cũng không có thể ngược-đãi anh đến như thế được. Một người chị em họ thân già này có một cô con gái mặt cũng đẹp như Tĩnh-sư, ngông-nghênh như Tĩnh-sư, anh có muốn làm rể thì già này làm mối cho? » Tôi thưa rằng: « Không, xin ở góa suốt đời này ». Dì tôi mỉm cười nói rằng: « Tôi nói đùa đó thôi, con bé ấy tên là Bích-Ngọc, là một người quê-mùa, sắc cũng không bằng Tĩnh-sư mà tài cũng không bằng Tĩnh-sư, suốt năm nâu-sồng mộc-mạc, chăm-chỉ dệt thêu, học-hành chăm-chút. Song mẹ cô ấy chỉ có một mình cô là con, anh có thích ở gửi rể không? » Tôi lặng yên, không biết nói thế nào. Dì tôi lại nói rằng: « Tôi biết rằng anh cũng thích những chỗ như thế, trước đã ướm hỏi, họ rất lấy làm bằng lòng, ý anh thế nào? » Tôi vẫn không biết trả lời làm sao, dì tôi nghiêm nét mặt bảo rằng: « Nhà tôi anh không có thể ở mãi được đâu, anh nên tự-liệu lấy, tôi không phải rằng muốn đẩy anh vào bể khổ, dẫn anh lấy Tĩnh-sư, anh cứ lẳng-lặng là nghĩa làm sao? » Tôi coi dì tôi có ý nói thực, mới hỏi là ở đâu, dì tôi nói: « Tức là nhà họ Vương, láng-diềng với anh, tậu nhà nhà anh ngày trước đấy, (*Một cớ lạ-lùng!*) anh mà bằng lòng, tức thì thấy nhà cũ lại phong-quang, cơ-nghiệp tiên-nhân không đến nỗi làm của riêng người khác, mà anh vẫn được hưởng cái thú ưu-du tự-tại, thế chả phải là sự tốt lắm ru? » Tôi nghe nói giật mình thưa rằng: « Có thực như lời, tôi đâu dám trái ». Dì tôi cầm tay tôi nói rằng: « Sau này nên vợ nên chồng, xin chớ có quên ơn già này nắm-nở nhé? » Tôi thưa rằng: « Sự tuy như vậy, tất phải thưa với mẹ già tôi mới được ». Dì tôi nói: « Mẹ già tự-khắc biết ngay, anh không cần phải nghĩ lôi-thôi lắm ». Lòng tôi vẫn không khuây-khỏa, nghĩ đến nỗi mẹ già xuất-gia, nỡ nào làm thế, vả lại gửi rể nhà

người ta, tổ-tiên vẫn không được hưởng phần cúng-tế, (*Lo hão lo huyền, vẫn còn trong giấc ngủ!*) bất-giác đau lòng rơi lụy, dì tôi đi ra một lúc, lại đến bảo rằng: « Anh đã vâng lời, giả này định kén ngày trăng tròn đưa anh đến nhà họ, rồi đó anh hoa-chúc đoàn-viên, mến yêu vợ mới, so với nỗi nằm co trong nhà gianh đây thật khác nhau như trời với đất ». Tôi cũng đành phải vâng, lại nghĩ đến cái thân lưu-lạc này lại được vui-vầy hoa-chúc, thấy chốn ở xưa, chả phải là sự vui lắm ư! Nghĩ đến đó bất-giác những sự uất-ức cũ tiêu-tán hết sạch, vui-vẻ vô-cùng! Ngày tết Trung-thu, khí trời mát-mẻ, quả trưa thấy có xe đến đón tôi đi, dì tôi đi xe theo sau, chưa mấy chốc đã đến nhà cũ, phong-cảnh y-nhiên, vẫn như ngày trước, bước vào trong nhà, sực thấy khách-khứa đầy nhà, đàn nhạc rầm-rĩ, tức-thì có người đến dẫn tôi vào nhà giữa làm lễ tơ-hồng, rồi đưa vào đồng-phòng, tôi ngạc-nhiên chả biết mô tê, trộm liếc nhìn có dâu mặt phủ khăn đỏ, rụt-rè ngồi ở đầu giường. (*Bây giờ không giống như ngày xưa!*) Một tí người phù-dâu vào cất khăn đỏ ra, tôi nhìn rõ tái mặt đi, vì rằng cô dâu đó không phải là ai, chính là con dì tôi, là Thu-Tần vậy, (*Hai sự lạ lùng!*) Tôi chép miệng kêu những lạ quá lạ quá, sực lại thấy người phù-dâu dẫn tôi vào chào mẹ vợ dưới thềm khúm-núm vái chào, ngửng lên nhìn tẻ ra có hai bà lão ngồi đấy, một bà là dì tôi và một bà là mẹ tôi vậy. (*Ba sự lạ lùng!*) Tôi y như người rơi trong đám mây mù, chẳng biết là sao, vội-vàng hỏi rằng: « Sao mẹ lại đến chốn này, » mẹ tôi cũng không nói, tôi không dám hỏi nữa, bước vào trong buồng, ngồi yên ngẫm-nghĩ, không hiểu cớ chi, chốc thấy khách mừng về cả, chén rượu tơ-hồng đưa mời, bấy giờ tôi không thể nhịn được, nắm chặt tay cô dâu hỏi rằng: « Em Tần ơi, sự hôm nay thế nào, bảo thực cho biết với. » Em Tần hốt-nhiên sa lệ nói khẽ rằng: « Tối nay mà anh được vui-vầy hoa-chúc, thế chả phải là trời ru! Đang lúc anh bị vợ trước hà-hiếp, em vẫn vì anh mà gạt nước mắt thầm, đến lúc bà dì tôi đi lánh mình, mẹ tôi thở-than ngày tháng, cho đến lúc anh mời mẹ tôi đến thực-hành sự bán nhà, mẹ tôi nửa chừng lần về, vay tạm được bốn trăm bạc, sai người đến giả-cách nói dối là họ Vương ở cùng xóm với anh, để mua tranh với ông mồ, may sự xong xuôi, chưa bao lâu anh đến ở nhờ nhà vợ, mẹ tôi liền bảo tôi đến am Tĩnh-độ mời dì về phụng-dưỡng ở đây, đến lúc anh được ly-hôn, ai cũng lấy làm mừng rỡ, vừa toan đến mời anh thì gặp ngay lúc anh đã tới nhà em, mẹ tôi dối với anh lạt-lẽo là giả-cách muốn cho anh tự xét lại đó. (*Dì chẳng dụng-tâm khổ lắm thay!*) Việc nửa năm trời, đầu đuôi là thế, từ nay về sau, anh khả-dĩ không lo gì nữa. » Tôi nghe lời em Tần nói, như chiêm bao sực tỉnh, lịm đi ít lâu, rồi vội ra yết-kiến dì tôi, rập đầu xuống lạy nói rằng: « Mắt con mù thật, nay con lại có cái gia-đình này đều là của dì cho cả ». Dì tôi chỉ mỉm cười, rồi ra nâng tôi dậy. Mẹ tôi cũng bước ra kể hết đầu đuôi y như lời em Tần nói, tôi bất-giác mừng thương chan-chứa, mẹ con lại được xum-họp một nhà như xưa. Canh khuya, đồng-phòng êm-ả, kề gối kể câu chuyện cũ, cầm tay tỏ nỗi tâm-can, trăng dọi trước lầu, long-lanh như ngọc, hình như thấy tôi với em Tần cùng định-tinh mà cố phóng hết tia sáng ra gấp trăm nghìn cũ khiến cho chị Hằng-nga trông thấy cũng ghen tức bồn-chồn, nhưng mà nghĩ lại vợ trước, trong một năm trời, mẹ xuất-gia, nhà tan nát, chỉ còn có một vết xanh lưu ở trên bàn tay, vỗ-về mà nước mắt thánh-tha thánh-thót. Than ôi! Lời này mà để lọt vào tai em Tần thì tối hôm nay cô dâu lại phí bao nước mắt vì mình, ta nỡ nào mà nói ra được!...

Tôi chép đến đây, tôi hồ gác bút, những quái-kịch li-kỳ trong một năm trời đều bao-quát hết ở trong quyển sách nho-nhỏ này, tôi lại không dám giấu-giếm mà đem quyển sách này gác lên lầu cao, mong có ngày được dãi tỏ với đời, khiến cho mọi người trong thiên-hạ đều biết lỗi tôi, nếu có ai sợ vợ như tôi đọc đến cũng có thể tỉnh lại ngay được, thế thì quyển sách nhỏ này của tôi không phải là không có công với đời, có thể coi là một bác trượng-phu môn-mọn vậy. Duy Tỉnh-sư kia về sau kết-cục thế nào, tôi không sao biết được, mà tên họ tôi cũng xin thứ cho cái lỗi không chép rõ ra, chỉ xin chụp một bức ảnh gắn ở ngoài bìa mà gọi tôi là Long Khâu-Sinh cũng được.

Lời PHÊ-BÌNH. — *Trong một năm trời, điều nên biết bao trò quái-lạ gớm-ghê như thế, đến nay chàng lại được kết-hôn với Thu-Tần, thế chẳng phải là trời kia khéo trêu ghẹo mà lại khéo cho toàn ư ! Từ nay trở đi khả-dĩ xe hươu cùng đầy, khả-dĩ hưởng cái hạnh-phúc khuê-phòng vậy.*

...

Mấy lời chí-cảm sau khi hết chuyện cô Tỉnh sư

Đã cho vào bực bố-kinh, đạo tòng-phu lấy chữ trinh làm đầu, ra tuồng trên Bắc trong Dâu, thì con người ấy ai cầu làm chi !...

Ấy cho nên: biết bao trang hiền-phụ xưa kia, cũng vì đó mà để bia muôn vạn kiếp !

Than ôi ! Như Tỉnh-sư kia, hữu-tài vô-hạnh, gia-đình nên nước chẳng hoa trôi ! Chước láo đua xằng, đài-các đến hoa tường liễu ngõ ! Loạn mối âm-dương, nhơ danh khuê-tú, ngẫm mặt hoa da phấn đáng thương, mà xét nết ở đường ăn thêm giận. Càng ngẫm-nghĩ lại càng ân-hận, bởi vì đâu mà lắm trận phong-ba ! Trông người lại nghĩ đến ta, một dầy một mỏng biết là chắc ai !...

Như gần đây cũng lắm bậc văn-minh trong-nữ, mặc sức nghênh-ngang ; giao-tiếp tự-do, tha-hồ suồng-sã ; cái cặn-bã mơ-màng hăm-hở, nơi tinh-thần bỡ-ngỡ trầm-mê ! Tỉnh-sư kia cũng rắp ngừa nghề, Khâu-sinh nọ xem chừng dở chừng. Vậy nên giốc một lòng sốt-sắng, quên tài hèn mà nói đặng phân-minh ; đem các chuyện sử kinh hiền thánh, hợp đông-tây so-sánh xem sao ?...

Như xưa kia : việc trong cất đặt, nghề tằm tơ bà Loa-tổ (1) khai-tiên ; việc nước lo toan, công bình-trị bà Ấp-Khương (2) dự phận ; bà Trưng bà Triệu, mở mặt non sông ; cô Điểm cô Hương, tô nên văn-vận ! Thế giả tề dã, chuyện Vương-Anh (3) còn ghi chép sử xanh ; lẽ bất khả vi, tích Mạnh-mẫu vẫn (4) lưu-truyền bia miệng.

---

(1) Ngày xưa vua Hoàng-đế lên ngôi chế ra văn-tự, vợ là bà Loa-tổ chế ra tằm tơ, cùng giúp-đập nhau, thành thiên-hạ văn-minh, không phải ăn lông ở lỗ như trước.

(2) Trong sách chép rằng: Vua Vũ-vương nhà Châu sở-dĩ có thiên-hạ là vì mười người công-thần mà bà Ấp-Khương dự một phần.

(3) Ông Vương Anh ốm, bà vợ sai con đòi đến hầu, ông Anh cũng đáp lễ trả, có ông bạn hỏi : sao lại đáp lễ ? Ông nói : « Vợ là người ngang hàng với mình, là người lo sự cúng tế tổ-tiên, coi sóc việc nhà cho mình, cho nên phải lấy lễ ngang nàng mà đáp. »

(4) Ông Mạnh-tử vào trong nhà trong, thấy bà vợ nông-nực cởi trần ngồi đệt củi, ông cho là vô-lễ định bỏ. Bà vợ nói: «Người đàn-bà ở trong nhà riêng, không có vuốt-ve dáng-dấp mà thấy chồng cũng không phải làm lễ như thấy khách-khứa, nay nhà thầy lấy lễ khách mà trách thiếp, thiếp xin ra. » Bà mẹ ông biết chuyện mắng ông rằng : « Kinh Lễ dạy rằng : Sắp bước lên thềm, phải đánh tiếng, để cho người ta biết mà liệu sắm sửa, vào gần cửa, trông xuống dưới, e trông thấy sự xấu của người ta, nay mày không biết lễ, lại còn lấy lễ trách người ta, thế chẳng là lỗi lắm ư ! » Ông Mạnh-tử tạ tội, để lưu bà vợ ở lại.

Thuận vợ thuận chồng, bể đông cũng cạn; tự-do bình-đẳng, cao-thượng xiết bao ? Qui lắm thay !

Sau rồi khởi trước tự Thủy-hoàng chấp-chính, trọng quyền trai mà khinh rẻ quần-thoa. Nối lên thêm gian nịnh a-đua, khinh già gái để tăng hàn chuyên-chế. Kín cổng cao tường, bưng tai bịt mắt ; tam-tòng thất-xuất, chói cánh buộc chân, chìm vào lồng mãi mãi ngây đần, thú nhốt cũi lần lần yếu nhát ; quyền thiên-phú bị bên trai chiếm-đoạt, lẽ tiện - nghi chẳng được một phần ; có đồng-đẳng mới được bằng-đẳng là lẽ tất-nhiên ; không bình-quyền bởi mất nữ-quyền, vì ai nên nỗi ! Thảm thay !

Nhớ bấy nay : cõi tân-học mở tung từ Âu-lục, sóng nữ-quyền dàn-dạt khắp năm châu ; phúc nhân-sinh rộng cởi tự cơ trời, thuyết tả thuận vang rầm trong bốn bể ; bé ở học đường, lớn tham chính-trị, cùng mày râu tô thêm vẻ văn-minh ; ngoài chăm công-nghĩa, trong giúp chồng con, vì nhân-loại tinh mau đường tiến-hóa ; chị em chung cật dạ, quả phúc vẹo tròn ; vợ chồng xét nghĩa nhân, cảnh nhà êm-ả ; gương tự-do kia La-lan (1) tề tướng, nể ôn-hòa nhuần-khiết xuất-chân ; chân bình đẳng nọ Nam-đình, cách-lan (2), lòng bác-ái nhân-từ chí-thiết ; như ngọc như ngà, như băng như tuyết, ấy tự-do bình-đẳng thiệt-tình-thần, ấy liên-hóa văn-minh chân kết-quả ; soi gương kim-cổ, lòng tạc ghi lòng ; xét truyện đông tây, dạ ghi tạc dạ ; gương tự-do ngào-ngạt, tự-do trong lễ-pháp thì nên ; phúc bình-đẳng êm-đềm, bình-đẳng có êm-đềm mới đặng. Khuyên chồng đọc sách ngâm thơ, bạn cân-quắc chớ hằng-hớ khuya sớm ; dậy vợ từ thuở bơ-vơ, khách mày râu chớ thờ-ơ mới-mẻ.

Ấy mới phải : vợ chồng là nghĩa tao-khang, chồng hòa vợ thuận nhà thường yên vui ; sinh con mới nên thân người, làm ăn thịnh-vượng đời đời ấm no ; trong việc nhà ngoài lo việc nước, tình nên cho sau trước vẹn toàn, rỡ-ràng vợ phụng chồng loan !

LẠC-KHÔ

---

(1) Bà La-Lan người nước Đại-Pháp, tính-cách ôn-hòa, đức-hạnh thuần-khiết, hồi nước Pháp đang rối loạn bà hết sức hô-hào mưu cầu sự tự-do chân-chính.

(2) Bà Nam-đình-cách-lan người nước Anh-cát-lợi, tính rất nhân-từ, học đỗ văn-khoa tiến sĩ, nội các việc nữ-công cho đến các khoa-học khác đều tinh-thông hết. Lại sang du-học nước Pháp nước Phổ đặt các mục-đích mới về, gặp hồi Ý Thổ Anh đánh nhau, chết-chóc về gươm súng, về dịch-lệ không biết bao nhiêu mà kể, bà xin phép quan trên rủ người đồng-chí đến tận nơi cứu chữa các người đau chết như là người nhà, ai cũng cảm ơn gọi bà là mẹ ; khi về vua các nước thưởng cho bà rất nhiều vàng bạc, bà đem ra dựng các trường dạy các đàn-bà làm khán-hộ-phụ, sau người ta bắt chước bà dựng hội cờ chữ *thập* đỏ để đi cứu chữa các quân lính bị thương nơi chiến-trường.

TIỂU-THUYẾT

CHỒNG TÔI

Phong-lưu diễm-sử

(Tiểu-thuyết Tàu *Dư chi phu* 余之夫 của TỪ TRẦM-Á)

X

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN

Thơ khắc quạt Tiểu-Sơn thác-hứng ;
Lời gọi con Hán-thần tả-thư.

Tiểu - Sơn trong mấy năm gần đây, đã trừ bỏ sự thanh-sắc, cách - tuyệt các bè-bạn trong làng chơi. Phen này hốt-nhiên lại len-lỏi vào xóm hoa, bắt chước như chuyện đã tu mà chẳng trót. Nhưng cũng là vì đối với phương - diện bề ngoài mà khởi-kiến, chứ cũng không phải là ham - muốn gì sự chu - toàn vô-ích, để cho hao phí kim - tiền. Trong tiệc rượu có khá nhiều người khách, người thì Tiểu-Sơn đã hơi quen biết, người thì Tiểu-Sơn chửa từng quen biết bao giờ ; tóm lại phần nhiều là khách tục, Tiểu-Sơn không muốn cùng với tiếp-đàm. Tiểu-Sơn khi ấy chán - nản đã cực, chỉ chiều lề-lối chào mời một lượt, còn thì nhờ Lục- Giang - Hương làm người đại-biểu. Thu-Mộng-Các cũng nhờ bạn chị bạn em đại - biểu tiếp khách cho mình. Rồi Tiểu-Sơn với Thu-Mộng-Các hai người lánh vào một nơi mật-thất, cùng nhau trò - chuyện riêng, khoản-khúc tình-tự. Mọi người khách uống rượu, huyên - náo mãi đến quá nửa đêm mới tan về. Lục Giang-Hương cũng về. Tiểu-Sơn thì tự-nhiên bị Thu-Mộng-Các cố tình mời ở lại không thể thoát thân trở ra về được. Đêm hôm ấy hai người chăn hoa gối nguyệt, nghĩa cũ tình xưa, tất có một đoạn phong-quang diễm-lệ, tình-ý thiết-tha, không lọ phải kể. Đến sáng ngày hôm sau, Tiểu-Sơn trở dậy, đã thấy có thiếp mời đính đến mấy giờ tối đi dự tiệc trong xóm hoa. Vì cái phong-khí làng chơi ở đất Thượng-hải gần đây thịnh lắm. Tiểu-Sơn vì bữa tiệc hôm ấy, quen biết khách làng chơi được lan rộng ra, tự ngày hôm sau trở đi không ngày nào là không có thiếp lại thỉnh, thậm-chí có ngày hai ba cánh thiếp lại thỉnh, Tiểu-Sơn đều nhất-nhất thác cớ từ chối, chỉ ở trong nhà Thu-Mộng-Các làm một vị thanh-tĩnh, hằng ngày bất-ly. Kỳ-thủy mọi khách làng chơi cũng đem lòng bất-bình, sau cũng cho Tiểu-Sơn là một bác đồ gàn, rồi cũng thôi, không đem thiếp lại thỉnh nữa.

Thu-Mộng-Các với Tiểu-Sơn ngày xưa đã có cái ước chỉ non thề bể, sau vì sinh-xuất mọi đường chướng-ngại, khiến uyên-ương đôi lứa, thành ra chim yến lạc đàn. Phen này ngẫu-nhĩ trùng-phùng, Tiểu-Sơn lại chửa từng lấy vợ, há chẳng phải là một sự hạnh-ngộ cho Thu-Mộng-Các. Thu-Mộng-Các liền đề-khởi lại sự hôn-nhân, xin rằng chung-thân với Tiểu-Sơn. Tiểu - Sơn chỉ đem sự Nhan Tam-Cô, lược-lược nói cho Thu-Mộng-Các nghe. Tiểu-Sơn lại nói rằng : « Kẻ sĩ sống chết với người tri- kỷ, vợ chồng Chung Trúc-Sĩ với Nhan Tam-Cô đãi mình như vậy, chẳng

phải là tri-kỷ đấy dư. Giang Tiếu-Sơn này nếu không lấy được người ấy làm vợ, thì cũng nên chung-thân không lấy vợ nữa, để báo-đáp cái lòng người tri-kỷ. Hiện nay sự-tình Tam-Cô còn chưa có mành-mối gì, tôi nếu lấy ngay nàng trước, không những đối với lẽ chửa thỏa, vậy mà đối với tâm cũng sao yên. Huống-chi tôi hiện nay thư-kiếm phiêu-linh, làm một chàng công-tử xác, cái tiền-đồ của tôi, tôi cũng chửa biết ra thế nào, há có thể lại đa-mang được nàng, nàng hà-tất cố tình cố ý, giữ sự chung-thân với kẻ lưu-lạc này.» Tiếu-Sơn nói đến khúc ấy, không khỏi lòng xót lệ sa. Thu-Mộng-Các khi ấy mười phần hi-vọng đã tiêu-tán đi mất bảy tám, chỉ cúi mặt chau mày, rồi lã-chã sụt-sùi, tuôn xuống một trận lệ châu, khôn thể sao cầm được, khác nào hạt mưa gieo xuống cành hồng-hạnh, hạt sương ném vào gốc thanh-mai. Tiếu-Sơn lại hết lời yên-ủi mấy câu. Thu-Mộng-Các nhân hỏi tường-tận về sự Nhan Tam-Cô. Tiếu-Sơn cũng không giấu-giếm một tí gì cả, đều kể hết cả cho nghe. Thu-Mộng-Các thở dài một tiếng rồi nói rằng: «Cứ luận về lý, thì tôi với chàng tương-thức trước, chỉ núi thề sông, tình-huống chẳng phải là chẳng hậu. Ví bằng Tam-Cô là con nhà đại-gia, nên làm chính-thất, thì há có lẽ một chiếu tiểu-tinh, lại chẳng dung được người bạc-mệnh này vào đó ru! Chỉ sợ rằng lang-quân tình bạc, lại quá hơn Tam-Cô dấm chua, sự này tôi cũng chẳng dám ghen gì với Tam-Cô, tôi chỉ xin trách lang-quân là tình bạc đấy thôi!» Thu-Mộng-Các nói xong, lại tỏ ra nét mặt lặng-lẽ buồn rầu, thở dài một tiếng. Tiếu-Sơn khi ấy trong tâm muôn phần bồi-hồi, lấy làm khó xử quá, nhân đối với Thu-Mộng-Các, mối cảm-tình ở trong chốn lương-tâm không thể đoạn-tuyệt đi được. Mà Thu-Mộng-Các đối với Tiếu-Sơn, cái nhiệt-độ ái-tình cũng càng ngày càng thấy tăng cao. Tuy-nhiên, cái sự thực về đường bách-niên, hai người đều chửa chịu thừa-nhận. Song-le, tự kẻ bàng-quan xem ra, thì ai cũng bảo rằng hai người ấy nhất-định là một đôi uyên-ương tốt-đẹp địa-cửu thiên-trường, chửa ai đã hiểu ra được cái ẩn-tình của hai người.

Nguyên-lai Tiếu-Sơn vốn giỏi về nghề điêu-khắc, phen ấy lại cao-hứng, chế ra một đôi nan cái quạt bằng xương, trên nan quạt khắc ba bài thất-ngôn luật-thi, đề rằng: « Tòng-tiền ức Thu-Mộng-Các tam-thủ ». Thơ rằng:

Bài thứ nhất

Áo xanh khách đượm mùi giang-lệ,
Ngọc trắng người pha vẻ quốc-hoa;
Ai-oán hồn quyên nơi hải-đốc,
Tiêu-điều sắc liễu chốn thiên-nha;
Xa cây kinh-thụ từng xa cảnh,
Thấy quả anh-đào chửa thấy nhà;
Đêm ngắn đêm dài đèn một ngọn.
Thơ ngâm rượu rót hạ đông qua.

Bài thứ hai

Tôi nàng nguyên kẻ cựu-tương-tri,
Một cuộc chiêm-bao sự biệt-ly;
Xứng-đáng hoa sen là tịnh-đế,
Sượng-sùng cây ngọc chẳng giao-chi;
Cơn sầu giường mắt nhìn ai đó,
Giấc tỉnh chau mày vị cớ chi;
Tiếng phách tiếng sênh nhờ tưởng-tượng,
Cửa pha-lê nọ dấu còn ghi.

Bài thứ ba

Đinh-ninh kết hảo đồng-tâm-ước,
Khoái-khoái lầu hoa buổi sớm chiều;
Nhất-biệt đã liều thân-thế trước,
Trùng-phùng đành để nước-non sau;
Tình trong tri-kỷ bao tình viết,
Mộng chửa đoàn-viên chắc mộng đâu;
Khéo khéo kén chồng chờ ta nhỉ,
Kiếp này xin kể chửa quen nhau.

Tiếu-Sơn khắc xong, cầm đôi nan quạt tặng Thu-Mộng-Các, nét chữ nhỏ

li-ti, cơ-hồ phải dùng kính hiển-vi chiếu ra mới thấy. Trong kỹ-viện truyền-bá ra ngoài, ai ai đều biết Giang Tiểu-Sơn có nghề điêu-khắc tuyệt-kỹ, cơ-hồ cả nước như điên cuồng, tấp-nập đem kim-tiền lại cầu-thỉnh. Nhất là các bạn chị em trong kỹ-viện đất Thượng-hải, người nào người ấy chẳng tiếc kim-tiền, chỉ được cái quạt của Giang Tiểu-Sơn chạm-khắc cho thì lấy làm chí-ái chí-bảo. Tiểu-Sơn không ngờ nhờ về sự ấy mà phát-tài. Nhưng Tiểu-Sơn định-giá cũng không lấy đắt, chỉ đủ số chi dùng hàng ngày mà thôi. Vì Tiểu-Sơn ưa sự thanh-nhã, không ưa sự lãng-phí, cho nên cũng không cần đến kim-tiền cho quá lắm. Sau Tiểu-Sơn lại toan thôi sự điêu-khắc, vì không muốn thù-tạc ứng-tiếp với tục-khách. Thu-Mộng-Các trước hết khuyên Tiểu-Sơn rằng: « Chàng bất-tất làm sự tuyệt-đối, chỉ xem người nào khả-dĩ ứng-thù, thì ứng-thù một chút cũng bất-phương, hà-tất làm ra sự cử-động kiểu-tính. » Tiểu-Sơn nhấn cũng lấy làm phải, vì không những là một nghề thủ-thuật phong-lưu, lại có phần tư-trợ được cho Thu-Mộng-Các.

Tiểu-Sơn ở với Thu-Mộng-Các ít lâu' đã cơ-hồ lấy sự điêu-khắc làm nghề sinh-nhai, để tiêu-ma ngày tháng. Hay đâu Tiểu-Sơn vận bĩ đã qua, vận hay đã đến, dần-dà bước vào cõi thẳng. Người thân-phụ Tiểu-Sơn là Giang Hán-Thần khi ấy đã thuộc về cảnh lão, gió đuốc năm tàn, tinh-thần yếm-quyện, cái tính-khí nóng-nảy ngày trước, đã nhất-thiết tiêu-trừ cả đi, quanh năm chỉ lấy thuốc-thang giường nệm làm bạn. Mới hồi-tưởng lại sự hành-vi ngày trước, tâm có cảm-thương, thường-thường lau-chùi nước mắt. Một điều rất lấy làm ấy-náy băn-khoăn, là điều đuổi người con cả là Tiểu-Sơn đi, vì sự giận-dữ trong khoảnh-khắc, mà thương-hại đến cốt-nhục ân-tình. Nhân nghĩ lại Tiểu-Sơn há chẳng phải là người nhân-phẩm cao, kiến-thức viễn, có vận-sự lâu dài, có con như thế, không biết thành-toàn tưởng-lệ, mà lại ruồng bỏ đuổi đi, đối với cái lương-tâm phát-động, không thể sao nhẫn-nại được. Hán-Thần từ đấy bệnh càng thêm bệnh, cơ-hồ thế thành nguy-cấp. May có con thứ hai là Mộng-Chi cũng là người hiếu-hạnh, khéo thờ nuôi, xét thấy ý cha, liền đem cái vấn-đề đi tìm anh, xin với cha nhận làm trách-nhiệm mình. Nhưng khốn thay! Tung-tích Tiểu-Sơn thì mịt-mù không biết đâu mà dò, Tiểu-Sơn lại là người ít giao-du, không biết nhờ ai để thám được tin-tức, còn đương trù-trừ tìm phương-pháp, bất-giác đã quá nửa năm. May sao Tiểu-Sơn ở Thượng-hải, làm sự phô nghề bán văn, Thượng-hải lại là chỗ thông-thương đại-đô-hội, tiêu-tức truyền-văn cũng có phần dung-dị. Chẳng bao lâu, đã sớm có danh-tự Tiểu-Sơn và mọi phẩm thư-họa điêu-khắc của Tiểu-Sơn lưu-truyền đến Dương-châu, Dương-châu chính là chỗ cố-hương. Mông-Chi nghe tin, khôn xiết mừng-rỡ, vội-vàng vào tiến-bẩm với Hán-Thần. Hán-Thần cũng hoan-hỉ quá thường, tinh-thần một phen mạnh-mẽ lên, tật-bệnh đã tiêu-giảm đi được quá nửa, liền tựa gối khởi-thảo, tả thành một phong gia-tín. Thư rằng:

« Tiểu-nhi để mắt coi: Cha con từ khi tương-biệt đến giờ, phút chốc đã mấy năm. Cứ như ta là kẻ đức bạc, không nên có con khá, trời lại quá cho, được con như mày, thực là phúc cả. Duy ta nhất-thời mê-hoặc, đến nỗi có sự năm nọ, con đành lưu-lạc đất khách, ta cũng áy-náy hàng năm. Hiện nay ta mình già tuổi yếu, gió đuốc năm tàn, sống được bao lâu, mà trông lại sự trước, xiết nỗi ăn-năn, đêm thanh bóp bụng lấy tay xoa đầu, hận khôn xiết hận. Hỡi con ta ơi! Ta già rồi, bệnh kia tật nọ,

quá nửa là vì nhớ con. Nay ta không dám oán trời, mà cũng không dám trách con, ta chỉ trách ta vậy. Nay nghe con bán nghề ở Thượng-hải, thanh-danh truyền-bá, thiên-hạ xôn-xao, nhưng cũng là cái nghề bất-đắc-dĩ của con. Cha nghe tin, khôn xiết vui mừng, lại càng hổ thẹn. Vốn toan thân-hành đến Thượng-hải, đón con cùng về, vì tật-bệnh chiền-miên, ngồi đứng còn ngại khó khăn, đường trường giong-ruổi sao được. Nay sai em mày thay mặt ta đi đến Thượng-hải đón mày, mày vốn là kẻ nhân-hiếu, nên chớ nghĩ sự cũ, mau chóng chỉnh lý sự về, khiến ta trong buổi lâm-chung, còn được trông thấy con ta đứng chầu ở bên cạnh, tiễn ta xuống cõi hoàng-tuyền, ngõ hầu lỗi trước rửa sạch, lương-tâm được yên, sống chẳng hư đời, chết cũng nhắm mắt vậy. Ốm bệnh tựa gối thảo ra lời này, một lời là một tiếng khóc, một chữ là một tiếng kêu, còn muốn nói nữa, mà nói chửa được hết. Thư này đưa cho con yêu là Tiếu-Sơn xem tỏ. Cha già Hán-Thần thủ-thư. »

Hán-Thần viết thư xong, xem lại một lượt, bất-giác vuốt mặt khóc lên hu-hu. Mộng-Chi đứng chầu ở bên cạnh, cũng cả vì cảm-động, thảnh-thót lệ sa. Hán-Thần liền giục Mộng-Chi bỏ phong thư vào gói mang đi, tức-khắc ngày hôm ấy lên đường ruổi Thượng-hải.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI

Ngõ hoa-liễu anh em gặp mặt,
Gái phong-trần ly-biệt cảm tình.

Mộng-Chi giữa trung-tuần tháng giêng tới Thượng-hải, bắt đầu tạm ngụ ở một nhà lữ-quán. Đến ngày hôm sau, lần đi các chốn thăm hỏi chỗ Tiếu-Sơn trụ-chỉ, ngẫu-nhiên trông thấy một nhà có một bức hoành-biển khắc treo, xem ra thì rõ-ràng là nét chữ Tiếu-Sơn, và có danh-tự Tiếu-Sơn đề. Mộng-Chi nghĩ bụng rằng cứ hỏi vị chủ-nhân có bức hoành-biển này, thì có thể biết được chỗ Tiếu-Sơn ở. Quả-nhiên kẻ chủ-nhân trỏ bảo cho một địa-phương, là chỗ cơ-quan của Tiếu-Sơn thường nhận giấy thông-tin. Mộng-Chi liền đi đến chỗ ấy hỏi, thì nghe nói rằng : « Ở đường Lục-mã ngõ Phúc-khang, số hiệu tám trăm bốn-mươi hai, ấy là chỗ Tiếu-Sơn ngụ-sở ». Mộng-Chi cả mừng, liền đi ngay đến chỗ ấy. Nguyên chỗ ấy là chỗ Tiếu-Sơn với Thu-Mộng-Các cùng thuê ở, mà là nơi lâm-thời ngụ-quán, chứ không phải là nơi kỹ-quán. Mộng-Chi tìm nhận đến nơi, thấy cửa khép, liền-liền lấy tay gõ vào cửa. Nghe ở trong nhà có tiếng người con gái hỏi rằng : « Ai gõ cửa, sao gõ kíp mấy ? » Mộng-Chi vội-vàng ứng rằng : « Tôi hỏi thăm một vị Giang Tiếu-Sơn tiên-sinh. » Nghe ở trong nhà dường như có lời truyền thỉnh truyền nói, rồi tiếp được một đứa nữ-tỳ ra mở cửa, mời vào chỗ khách-đường. Mộng-Chi tiến vào trong nhà, lại lên tiếng hỏi rằng : « Ở đây có phải đích-xác là chỗ ngụ-quán của người họ Giang không ? » Hỏi xong, liền thấy ở chỗ trên lầu cao, ngỏ cánh cửa sổ ra. Mộng-Chi trông lên thì phân-minh là Tiếu-Sơn cùng với một người đàn-bà trạc tuổi trung-niên, có chiều phong-vận, cùng ngó cổ ra trông. người đàn-bà ấy tức là Thu-Mộng-Các. Mộng-Chi cả mừng, liền gọi lên một tiếng rằng : « Anh hỡi anh ơi ! » Mộng-Chi khi ấy tâm có sở-cảm, hàng lệ bất-cấm ứa mắt tuôn ra. Tiếu-Sơn trông xuống cũng rõ-ràng là em mình Mộng-Chi, nhưng còn ngờ là giấc chiêm bao, mới mở mắt định thần một chút, rồi vội-vàng tự trên lầu chạy xuống khách-đường, còn thấy Mộng-Chi đứng ở bên cửa, tức-khắc nắm lấy tay Mộng-Chi, mà kêu lên rằng : « Em ta đấy ư ? » Liền lấy tay vỗ vào ngực mình mà cả phát khốc. Thu-Mộng-Các khi ấy cũng vừa nối gót Tiếu-Sơn xuống đến khách-đường, phần thì trịnh-trọng thủ-tiếp,

phần thì ngỏ lời khuyên giải. Mộng-Chi trông thấy Thu - Mộng - Các, cũng tâm-tri rằng là kẻ tình-nhân thân-mật với Tiểu-sơn. Tiểu - sơn nhân giới - thiệu qua Thu - Mộng - Các cho Mộng-Chi biết. Ba người ở trong khách - đường thong-dong ngồi yên, Mộng-Chi mới ngỏ gia - thư đưa cho Tiểu-Sơn, và nói rằng : «Bức thư này là thủ-thư của đấng gia-nghiêm gọi anh về, em tuân-phụng nghiêm - mệnh đi tìm anh, anh nên mau chóng liệu - lý sự về.» Tiểu-Sơn hai tay tiếp bức thư cầm lên đọc, ngập-ngừng đọc không ra tiếng; đọc xong, lại cả phát-khốc. Mộng-Chi mới ngỏ lời yên-ủi khuyên-giải. Tiểu-Sơn than rằng : «Anh trong mấy năm nay, tuy lịch-duyệt bao nhiêu thống-khổ thê-lương, nhưng bản-tâm anh, chỉ mong rằng đấng phụ-thân có thể hồi-tâm chuyển-ý lại cho về phụng-thị chốn đình - vi, anh chỉ làm một kẻ tầm - thường vô-danh, phục-sử ở bên tả-hữu phụ-thân, ấy là cái nguyện-vọng của anh đã đủ. Nay ông trời không nỡ đoạn- tuyệt cái tình cha con, mà đấng phụ-thân khi tuổi già mình yếu, lại nghĩ đến người con bất-tiếu này, thậm-chí viết thư khẩn- thiết, sai em đi tìm, anh thực đã mãn-tâm như-nguyện, sợ-hãi xiết bao, hổ-thẹn xiết bao. Nay chỉ hận rằng cái thân không mọc ra được đôi cánh, để lập-tức bay về, chứ lại còn dùng-dằng nửa khắc nào nữa.» Tiểu-Sơn nói xong, lại hàng lệ chứa-chan. Thu-Mộng-Các đứng ở một bên, khi ấy cũng vì Tiểu-Sơn tỏ ra nét thương-tâm. Tiểu-Sơn với Mộng-Chi hai người lại bàn nói với nhau mọi sự thường ở trong nhà về tình-hình trong khi Tiểu-Sơn đi vắng một hồi lâu, và cùng nhau ước-định cái ngày khởi-thân ra về. Thu-Mộng-Các nghe được hành-kỳ của Tiểu-Sơn đã định, biết rằng sự biệt-ly ở liền ngay lúc bây giờ. Tuy cái biệt này là cái biệt tầm-thường, chứa tất không có ngày tương-kiến, song phần hi-vọng về tương-lai của mình, chắc có lẽ đã chuyển về cõi không. Trong tâm vô-hạn mối phiền-não bi-thương. Ngay bữa cơm chiều hôm ấy, Thu-Mộng-Các đã không nuốt được miếng gì cả. Tiểu-Sơn biết ý, chỉ gắng-gượng yên-ủi, và bảo cho hay rằng hậu-hội rồi lại hữu-kỳ.

Kịp đến ngày mai là ngày Tiểu-Sơn với Mộng-Chi khởi-trình, ngay chiều hôm ấy Thu-Mộng-Các hốt-nhiên khởi bệnh, hàn-nhiệt đại-phát, mồ-hôi như tắm gội, nói mê suốt một đêm, khiến cho Tiểu-Sơn cấp-bách không biết làm thế nào, cả Mộng-Chi nữa cũng thắc-mắc thâu đêm. Tiểu-Sơn vì sự nghĩa, phải mang lấy trách-nhiệm khán-hộ, và đi mời thầy thuốc đến, không thể để cho ai được. Vì thế lại giùng-dằng mất vài ngày, chứa trở ra về được cố-hương. Mộng-Chi thì cứ giục Tiểu-Sơn kịp khởi-trình, kẻo phụ-thân trong cơn lão-bệnh mong nhớ. Tiểu-Sơn càng lúng-túng, dường như không cất-nhắc được chân tay. Tóm lại Thu-Mộng-Các cũng sáng suốt về đường đại-nghĩa, cố sức khuyên Tiểu-Sơn mau chóng khởi-trình. Tiểu-Sơn mới quyết-định ngay ngày hôm ấy khởi-trình. Trong khi lâm-biệt, Thu-Mộng-Các miễn-cưỡng trở dậy, mang tật-bệnh tiễn Tiểu-Sơn đi ra ngoài cửa, nuốt nước mắt làm lễ tống-biệt. Mộng-Chi thấy Thu-Mộng-Các có cái trạng-thái khả-lân, nhân đối với Tiểu-Sơn nói rằng : « Người ta thường nói giống kỹ-nữ là giống vô-tình. Em xem Thu-Mộng-Các đối với anh, tình-tự xiết bao thân-mật, em cũng chứa hiểu cái chân-tướng ra thế nào.» Tiểu-Sơn cười nói rằng : « Kỹ-nữ phần nhiều là giống vô-tình, khách làng chơi cũng phần nhiều là giống vô-tình, hay hoặc một bên hữu-tình, lại một bên vô-tình, sở-dĩ tóm lại là sự đuềnh-đoàng ao bèo nước lã. Nếu tình lại gặp tình, thì kỹ-nữ là giống người, khách

chơi cũng là giống người, giống người há vô-tình. Song-le tu là cõi phúc, tình lắm chỉ là giây oán. » Mộng-Chi cũng cả cười. Rồi hai người cùng về chỗ ngụ-sở Mộng-Chi, chỉnh-đốn đồ hành-trang, thuê xe thuê thuyền về cố-lỵ.

(*Còn nữa*)

TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CỔ

11. — Chơi chùa Đông-hoa, nghe tiếng đọc sách có cảm (1)

Tay áo văn thư khắp mọi miền,
Chốn nào là chốn chẳng thần-tiên ;
Gió từ hé lọt màn kinh sử,
Đèn tuệ soi chung mặt thánh hiền ;
Tấm bụng quang-minh cùng phật đãi,
Gót chân danh-lợi mặc người chen ;
Rồng mây gặp hội rồi cùng tới,
Hễ thỏa làm trai chí mới nên.

12. — Họa bài thơ của Hoàng nghĩa-huynh.

I

Đã bấy lâu nay chốn thị-thành ;
Bây giờ lánh trọc tạm về thanh ;
Khuôn dây dám đọ cùng tiên-giác,
Đàn độc làm vui với học-sinh ;
Phượng chửa thấy đồng còn chỉ-cức,
Hồng bao được gió sẽ vân-trình ;
Thú nhàn may lạm trong danh-giáo,
Đất khách trông ơn lại có tình.

II

Đàn độc lần vui thú Lỗ-thành,
Càng ngày càng dãi vẻ cao-thanh ;
Cúi đầu gớm thói hồng-trần-khách,
Sắc lưỡi dơ tuồng bạch-diện-sinh ;
Hay chẳng xin xem nơi thốn-địa,
Nên thua đừng hỏi chuyện tiền-trình ;
Tới đây được gặp người tri-kỷ,
Xin mãi dài cho một chữ tình.

13 — Gửi cho bạn ở Nghệ-an

Đất khách quen ai cậy nhẩn-nhe,
Một mình thêm tủi phận le-te ;
Từ thơ ta nghĩ đà trần-trọc,
Vận chữ người gieo lại khất-khe ;
Rượu chuốc chén quỳnh men đã hả,
Thơ ngâm bút thỏ mực hầu se ;
Một đi một lại làm tình vậy,
So với tao-nhân chẳng thấp sè.

14. — Tặng ông Trúc-Khê ở Hoa-dương-thôn.

Bầu nước duyên kia vốn đã đềnh,
Nghìn thu một hội cũng rằng xinh ;
Ngón đàn năm trước còn chìm tiếng,
Chén rượu hôm xưa mới thỏa tình ;
Mừng thấy mắt xanh đưa một tiệc,
Vâng đem lòng thắm tạc ba sinh.
Đêm xuân gọi tỉnh hồn xuân dậy,
Theo bước đàn tao ngõ tập-tành.

15. — Mừng ông Biện Tráng làm nhà mới.

Vun đắp nhờ ơn đức tổ-tông,
Càng ngày càng rạng vẻ thanh-phong ;

(1) Xuyến-ngọc-hầu thi văn tập — Xem Nam-Phong từ số 117.

Nền nhân-nghĩa trước tư bề rộng,
Nếp hoán-luân nay mấy lớp chồng ;
Ngoài cửa xôn lòng con yến tước,
Dưới màn thêm giấc mộng hàng-bi ;
Một khen nhà tốt hai nhiều ruộng,
Ba lại hiền-thê chuyện ấy xong.

16. — Giám-đốc trường thi năm kỷ-mão.

Tới năm kỷ-mão mở trường thi,
Vua việc ai kia cũng sắm đi ;
Lượt bượt áo lam hình đã mượt,
Đánh vành khăn nhiễu dáng toan ve ;
Lần mày mừng hộ âu là tốt,
Nét mặt buồn vay mới lại ký ;
Ba trận mỏi mê thuyền với bỏ,
Chiêm-bao tiền bạc ích ai chi.

17. — Ngày tết khai bút.

Năm nay vừa chẵn bốn mươi tròn,
Chừng ấy làm quan ắt chẳng lầm ;
Đã chắc trên đầu còn quả cậy,
Thêm mừng ngọn tóc chửa hoa dâm ;
Trong vòng tạo-hóa bằng còn hởi,
Giữa giấc công-danh cũng dễ đằm ;
Nở sớm rạng chiều hoa chớ vội,
Sáu mươi xuân nữa mới đầy trăm.

18. — Chơi chùa Thiên-bảo cùng xướng-họa với ông Đạo-khê.

Một lối vào ra chỉn khác chừng,
Âu rằng mùi đạo chẳng không nhưng ;
Giậu phên đã đổi xưa từng lớp,
Giường cột còn in trước mấy tầng ;
Ngẩm lại cỏ hoa đà mẽ mặt,
Giận cùng non nước hãy đầy lưng ;
Bấy thu lại được theo đuôi kỷ,
Để chữ như-thiền gửi với tăng.

19. — Uống rượu với bạn ở Trúc-khê hoa-viện

Chuông vạc bấy nay những khát khao,
Tiệc quỳnh mơ mận được chen vào ;
Ép vần chao xuống hàng thơ bạch,
Chúc tuổi dâng lên chén rượu đào ;
Khe trúc rũ tan mùi tục-lụy,
Làng hoa bay nức tiếng thanh-tao ;
Trống qua cửa sấm càng vang tiếng,
Chẳng thế thì sao có gọi hào.

(Còn-nữa)

THI-CA MỚI

Thuật-hoài

Giáo-ban một chức cỏn con con,
Tô-điểm non sông vẻ phấn son;
Lương-bổng ít-oi tiêu cũng đủ,
Hoắc-lê qua-quấy nhạt mà ngon ;
Nhàn xem thế-cục chiều xoay vận,
Lặng ngẫm nhân-tình khoẻ dại khôn ;
Gió Á mưa Âu dầu mặc sức,
Còn trời còn đất đạo ta còn.

Xem đê mới đắp

Bắc nam đê đắp vững hơn thành,
Trị nước gia công việc ắt thành ;
Thủy-quái hết nghề đành phép chịu,
Hà-thần lép vế cũng tay khoanh ;
Một phen công của dù hao tổn,
Muôn thủa nhân-dân được thái-bình ;
Giặc nước từ đây yên dẹp hẳn,
Mầm Hồng chồi Lạc nẩy ngày xanh.

Được bổ về gần nhà

Ơn trên được cải bổ gần quê,
Gần-gũi quê hương tiện mọi bề ;
Trẻ học nguyên là hàng họ cả,
Nhà quen nọ phải bạc tiền thuê ;
Chăm khi giờ dạy nhân khi nghỉ,
Sớm dẫn con đi tối dẫn về ;
Xúc hứng lần xem câu sách cổ,
Nam-cai Đường-lệ đọc a ê.

Trùng-du Thúy-lĩnh

Nhàn-du lại ngắm cảnh giang-sơn,
Tình nước tình non kể chứa-chan ;
Vàng ối cúc xưa cần lại nẩy,
Trắng phau tăm ngạc nổi rồi tan ;
Thơm-lừng miếu-vũ mùi hương thoảng,
Quét sạch trần-ai trận gió khan ;
Non nước xem chừng ngày mỗi mới,
Móc mưa như rửa dấu bụi than.

Chơi Tồ-cầu (Nam-định)

Bấy lâu ao ước dạ thầm yêu,
Tiện bước tầm-phương tới Tồ-kiều ;
Đường lối động đào tay rón mở,
Bậc thang điện quế gót lần leo ;
Hồng tươi lục thắm phô trăm vẻ,
Cỏ đón hoa đưa khắp mọi chiều ;
Cảnh khéo chiều người người mến cảnh,
Cơ duyên may-mắn biết bao nhiêu.

Khai bút

Ngày qua tháng lại cuộc xoay vần,
Mấy chục năm trời mấy chục xuân ;
Gió Á mưa Âu may gặp hội,
Ơn nhà nợ nước nặng bao cân ;
Tang-bồng một gánh khoan-khoan bước,
Thân-thế hai vai liệu-liệu dần ;
Thêm tuổi thêm xuân thêm mọi vẻ ;
Non sông rạng rỡ buổi duy-tân.

Muốn đi du-lịch

I

Sức khoẻ đương trai vóc đã cao,
Kiến-văn đành chịu hẹp-hòi sao !
Bốn phương Âu Mĩ đường như rút,
Hai xứ Trung Nam bụng rắp vào ;
Cho biết cõi bờ trong đất nước,
Mới hay tôn-tổ lắm công-lao ;
Non sông hoa gấm nòi Hồng-Lạc,
Rộng bước du-quan thử một tao.

II

Thử một tao ta quyết ý ta,
Vẫy-vùng cho thỏa chí cao xa ;
Có đi có rộng tầm con mắt,
Không nhẽ không am đất nước nhà ;
Đường thế vi chưa từng-trải lắm,
Trí khôn hồ dễ mở-mang ra ;
Nào ai ai đó người đồng-chí,
Muốn cưỡi tàu bay vượt bể qua.

Cảm-tác

Dầm mưa dãi gió biết bao công,
Việc vẫn chưa thành nghĩ chán không?
Gắng một phen này coi thử đã,
Làm cho tỏ mặt với non sông.

Yếu mới khỏi

Bấy lâu mang bệnh thuốc nơm mình,
Khỏi dậy nghe mình nhẹ nhẹ tênh ;
Sức khoẻ mới hay là của báu,
Khoẻ người tâm-địa cũng quang-minh.

Nhớ bạn Ninh-bình

Nghĩ vơ nghĩ vẩn nghĩ gần xa,
Nghĩ nhớ tri-âm luống những là ;
Nhớ lúc tiếng tì xen tiếng trúc,
Nhớ khi câu chuyện lẫn câu ca ;
Hai năm đây đó tình khăng-khít,
Một mực sau xưa bụng thật-thà ;
Núi Thúy sông Hoàng xa cách mấy,
Nước non quanh vẫn nước non nhà.

Thăm cố-viên

Bao nhiêu năm mới lại qua chơi,
Mừng khách trăm hoa mỉm miệng cười ;
Cây cỗ rườm-rà ôm mặt đất,
Cỏ non mơn-mởn lẫn da trời ;
Đường xưa đi lại đã quen lối,
Cảnh cũ lân-la dạo khắp nơi ;
Mọi vẻ mọi ưa hương sắc đủ,
Bồng-lai chẳng cũng thế này thôi.

Bùi Hữu-Yên

Khai bút

Cũng tai cũng mắt đứng trên đời,
Thấm-thoắt xuân nay mấy chục rồi ;
Ngày tháng xoay dần sang hội mới,
Nước non nghe đã đến hồi vui ;
Bốn phương hồ-thỉ chân từng trải,
Hai chữ công-danh chí chửa thôi ;
Còn có giang-sơn còn có lúc,
Ai ơi xin chớ vội cười ai !

Bùi Huy-Cương

Hát nói

1. — Tiễn bạn

Mưỡu

Công-danh nhẹ-nhõm bước đầu,
Thảnh-thơi cầm lạc vó câu lên đường.

Chen vai trong đám quan-trường,
Pháo-sơn duyên trước Vị-hoàng duyên [sau.

Nói

Ơn vua lộc nước, đường công-danh nhẹ bước vinh-thăng; vó ngựa câu đủng-đỉnh đất Gôi Hoàng, cửa hoa-huyên vẻ vang tân-doãn tới. Xuân huyên bóng cả cây chưa cỗi, hòe quế hương thơm sắc lại tươi. Vẻ phong-lưu rất mực tài trai, duyên hội-ngộ dễ mấy ai đà được thế. Chén đăng-trình tiễn đưa vui-vẻ, tình khứ-lưu xiết kể nỗi xa nhau. Còn nhiều gặp gỡ mai sau!

2.—Trùng-phùng cựu-ca-kỹ hí tặng

Dừng xe lại dạo chơi trong phố, xích gặp người bạn cũ khi xưa; hơn bốn năm lại thấy mặt bây giờ, mà má phấn vẫn chưa chưa chi cả. Ngọc-địch nhất thanh tam ngũ dạ, tỳ-bà sổ khúc tích kim duyên. *Ướm hỏi chơi thăm khách thuyền-quyên, mối tình cũ nay đà quên hay vẫn nhớ. Mừng được buổi xuân-tiêu gặp-gỡ, dãi thú vui từ thủa tương-tri. Trùng-phùng hồ dễ mấy khi!*

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

Đưa một người trái duyên

Duyên số xưa kia bởi cớ sao,
Để lời non nước nhẹ dường bao;
Nết-na đã xứng người khuê-các,
Yểu-điệu như in vẻ liễu-đào;
Son phấn điểm tươi nền phẩm-giá,
Bút nghiên tô đẹp nét thanh-tao;
Cầu Lam lại đợi người mua ngọc,
Giá ngọc trăm năm giá vẫn cao.

Đưa ông Phán sở kho bạc mất trộm
(Ông có hai vợ)

Một chăn trùm kín sáu chân co,
Cửa nhà then chêm ngày chẳng lo;
Áo bông quần trơn nào của bẻ,
Đồ vàng giấy bạc dễ giàu to;
Đồng hồ vừa điểm hai giờ sáng,
Quân-tử vào chơi một mẻ no;
Thôi cũng rộng lòng thương kẻ kiết,
Bao giờ hết được bạc trong kho!

Đề cái đàn tranh
(Treo nhà đàn bà góa)

Khen ai khéo họa kiểu đàn tranh,
Coi vẻ xuân-phong lại hữu-tình;
Tỏ mặt in treo gương nguyệt-ảnh,
Nghiêng mình bay-bổng tiếng kim-thanh;
Bạn riêng gác tía làng xa-mã,
Quen cả lầu son khách yên-anh;
Non nước tri-âm âu đã mấy,
Phen này Trác-thị với Trường-Khanh.

Văn-miếu Hà-nội

I

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long,
Có phải đây là Trụ-giám không?
Nùng Nhị hưng vong hồn nước cũ,
Tứ Thù kim cổ bóng gương trong.
Thời Tây Nam Bắc văn tuy mới,
Xưa Lý Trần Lê miếu vẫn chung;
Quốc-túy hãy còn cơ-chỉ đó,
Vẻ-vang ngự-bút sáng non sông.

II

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long,
Còn nhớ công vua Lý Thánh-tông;
Thù Tứ dựng bia giường mối cũ,
Nhị Nùng ghi tích khói hương chung;
Mấy phen tang-hải di thành-quách,
Một thốc cung-tường vững núi sông;
Cơ-chỉ ấy còn cơ-hội mới,
Giang-sơn tráng-lệ vẻ Âu-phong.

III

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long,
Vắng-vặc sao khuê dọi bóng lồng;
Cửa Khổng thánh-hiền tôn mấy bậc,
Nhà nho anh-kiệt kính nhiều ông;
Danh ghi Đông-Á bền bia đá,
Giá ở Tây-Âu chắc tượng đồng;
Một hội tao-phùng tân với cựu,
Văn-chương dù khác kỷ-cương chung.

IV

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long,
Trải Lý Trần Lê một miếu công.
Bút điểm Xuân-Thu màu quốc-túy,
Gương soi Nùng Nhị áng nho-phong;
Cương-thường này lúc hay điên-đảo,
Khoa-bảng từ đây hỏi có không?
Hoài-cổ lòng riêng thơ kỷ-niệm,
May ra vớ cái giải treo chung!

Đưa một ông đi thi hội.

Đo gan giáo - huấn đố ai bằng,
Cái giải bia xanh muốn giật phăng;
Kinh sử năm xe thường ních chặt,
«Vu moa» vài chữ đủ lăng-nhăng;
Quan Kinh hẳn trọng người qui-thức,
Đĩ Huế đừng mong bạn gió-giăng;
Nhún gót thang mây coi cũng nhẹ.
May thần áo đỏ gật đầu chăng.

Ông tượng gỗ

Đạo-mạo ngồi nghiêm xét việc đời.
Râu mày nhẫn-nhụi vẻ cân-đai;
Ngoài thì son-phấn trong thì gỗ,
Oản chuối ai dâng có biết xơi?

Ông tiến-sĩ hàng Gai.

Chữ nghĩa cần chi bác phải khoe,
Trẻ con cũng biết bác ông nghè;
Khoa-danh cờ biển mua su rưỡi,
Ngất-ngưởng vinh-qui cái lọng que!

CÂU ĐỐ

1. — Bàn cờ

Tư cơ ta đếm bảy hai gian,
Xe ngựa quân quyền lối dọc ngang;
Tri-kỷ tìm ai cho xứng nhỉ,
Cùng ta cao-hứng buổi thanh-nhàn.

2.—Con mắt

Anh nhác trông em vẻ hữu-tình,
Sang hèn em nhận thực là tình;
Tha-hồ miệng thế lời chênh - lệch,
Há phải lòng em «trắng» đồi «xanh».

3.— Hoa nhài

Chị em hồ dễ được như cô,
Da trắng phau-phau tựa phấn tô;
Sắc nước cùng nhau người một hội,
Ai hay ngày trước vốn con nô.

4. — Con cá vàng

Thôi thôi tôi đã biết ông rồi,
Chỉ biết là ông bần bụng thôi;
Vàng bạc khoe mình ông nghĩ hợm,
Không trông non nước lúc đầy vơi.

5. — Cái tem gửi thư.

Thân em lợi nước ích cho dân,
Người nhỏ mình vuông lí tí chân;
Bà Á ông Âu xa cách mặt,
Nhờ em mối - lái bụng xoay gần.

6.—Bà vợ Tây

Từ ngày em gặp tình-nhân,
Sinh ra « mê - tít » ái-ân muôn vàn,
Thế thời có thế mới gan,
Làm nên quan tất thế-gian mấy người,

7.—Cái vung nồi

Cũng khuôn tạo-hóa khác ai nào,
Hòn đất mà nên giá biết bao;
Cả bọn tứ-linh còn đứng dưới,
Đem mình đọ cả với trời cao.

8.— Cái điếu

Mình tròn trùng-trục miệng tươi sao.
Thấy lỗ mân-mê khẽ nhét vào,
Đương cuộc tỉnh say duyên lửa bén,
Thế này nghĩ thích biết là bao!

9. —Cái điếu ống.

Lão-luyện cơ đây chứ chẳng không,
Xem khoa ngôn-ngữ cũng thông-thông;
Xe ngồi ngất-ngưởng coi ra bộ;
Cậu lệ khoanh tay đứng chực ông.

10.— Cái đuôi-gà

Kia nom lắm cái cũng dài ghê,
Ưỡn-eo cô mình vuốt lại vê;
Lẫn - lộn đuôi đầu sao thế nhỉ?
Mà ta trông thấy vẫn yêu mê.

11.— Con lợn quay

Lọt lò tạo-hóa chui ra,
Nghênh-ngang đi lọng chẳng qua gặp
Coi ra khác vẻ con người, [thời,
Xỏ-xiên ba-giọi nào ai bạn cùng !

12.— Con ong

Nhà cửa nguy-nga kể mấy tầng,
Giường treo riêng đợi bạn tri-âm ;
Ai về nhắn bảo con nhà thánh,
Liệu đó ta cho một cái ngầm.

13.— Cái quan-tài.

Đầu đuôi một vẻ dáng coi xinh,
Già trẻ ai ai thấy cũng kinh;
Đồ của nhà quan, dân ít có,
Ai mà được có ấy là vinh.

14. — Cái súng

Đen sì mặt sắt vẻ nghiêm-trang,
Hồ trướng ra oai tiếng thét vang;
Giúp nước đã đem tài trí - dũng,
Cho miền con đỏ được cư-an.

15.— Con gà sống

Ngẫm mình áo tía mũ kim-khôi,
Thừa sức đua ganh chọi với đời ;
Cảnh-tỉnh chuông khua ba tấc lưỡi,
Ai ơi, thức dậy ngủ lâu rồi !

16. — Chó đá

Giang-sơn của chủ mặc ngươi coi,
Lộc thánh dành cho có phận rồi ;
Ơn nặng nghìn cân ngươi phải nhớ,
Ngươi đừng theo thói bạc như vôi.

17. — Con muỗi

Tiểu-nhân chớt-nhả dạn coi ghê,
Quen thói ăn đêm giữ lấy nghề ;
Gặp trẻ hay già nhìn rõ mặt,
Ghé tai đưa-đẩy mấy câu ve.

18. — Con mọt

Chửa thấy người đâu đã tiếng-tăm,
Nói thì nói rặt giọng xuyên-tâm ;
Con nhà lương-đống sao mà thế ?
Chỉ khéo chuyên-môn học khoét ngầm.

19. — Thằng bỏ-gìn

Con nhà nông-phố dễ năm xưa,
Mưa móc trên cho gội có thừa ;
Vùng-vẫy ra uy trong một cõi,
Hỏi người tai-mỏ biết tay chưa ?

Đưa một ông bạn làng văn

Bút sắt mà xem ngỡ bút lông,
Thảo nào bác nổi tiếng thi-ông ;
Thơ đưa lắm điệu, thôi thần lắm,
Vận ghép nhiều câu, có thánh không ;
Bác quá khen tôi, lời đã nhẹ,
Tôi xin chịu bác, tính hơi ngông ;
Thử đem đấu-giá văn-chương ấy,
Thiên-hạ mua non bốn vạn đồng !

Trúc-lâm Nguyễn Bá-Giêm

DỊCH THƠ TÂY

A une mariée

Aime celui qui t'aime et sois heureuse en lui.
Adieu ! Sois son trésor, ô toi que fus le nôtre !
Va, mon enfant bénie, d'une famille à l'autre.
Emporte le bonheur et laisse-nous l'ennui!
Ici, l'on te retient ; là-bas, on te désire :
Fille, épouse, ange, enfant, fais ton double devoir.

Đưa con lấy chồng

Yêu người nào đã có lòng yêu,
Tình hiếu sao cho vẹn mọi chiều ;
Bên ấy biết bao điều lạc-thú,
Ở đây chỉ xiết nỗi đìu-hiu ;
Cha toan cầm lại chồng toan cười,
Con phải thế mà, vợ phải sao ;

Donne-nous un regret, donne- leur un espoir ;
Sors avec une larme, entre avec un sourire.

V. Hugo

Marie

Marie qui, fille aussi fine que mignonne,
D'une âme aussi intelligente que bonne,
D'une bouche belle comme une rose mi-close,
De deux yeux clairs miroitant la nature grandiose,
D'un visage pur à la blancheur de neige caché
Sous les nuages de ses cheveux noirs et légers,
Se contente d'être à la fois mon amie et sœur,
Me donne de la fraîcheur, malgré ma douleur.

Th. Jiracc
(*Au lac levant*)

Le soir

Le soir ramène le silence.
Assis sur ces rochers déserts,
Je suis, dans le vague des airs,
Le char de la nuit qui s'avance.

Vénus se lève à l'horizon,
A mes pieds l'étoile amoureuse,
De sa lueur mystérieuse,
Blanchit les tapis de gazon.

De ce hêtre au feuillage sombre
J'entends frissonner les rameaux ;
On dirait autour des tombeaux,
Qu'on entend voltiger une ombre.

. . . . . .

Ah ! si c'est vous, ombres chéries,
Loin de la foule et loin du bruit,
Revenez ainsi chaque nuit,
Vous mêler à mes rêveries.

. . . . . .

Venez ! Mais des vapeurs funèbres
Montent des bords de l'horizon ;
Elles voilent le doux rayon,
Et tout rentre dans les ténèbres.

Lamartine

Bên những tiếc thương, bên những đợi,
Ra thì buồn lắm, đến vui nhiều.

Vịnh Nàng Mai

Dịu-dàng tha-thướt dạng nàng Mai,
Tư-chất thông-minh sẵn tính trời ;
Mắt sáng xa trông trời đất rộng,
Miệng cười đẹp sánh cỏ hoa tươi ;
Thanh-thanh tuyết điểm mầu da mịn,
Mơn-mởn mây buông mái tóc dài ;
Bầu-bạn lại ra tình cốt-nhục,
Trần-ai tri-kỷ, đã còn ai.

Cảnh hoàng-hôn

Quang trời chiều ẻm-ả,
Sẽ ngồi tựa tảng đá;
Lòng gửi đám mây bay,
Bóng hoàng-hôn giục-giã.

Chân trời trăng thấp-thoáng,
Bên gót sao quanh-quẩn ;
Tha-thướt ánh thiên-nhiên,
Soi tỏ cánh đồng phẳng.

Chòm lá bóng tờ-mờ,
Cành cây trận gió qua :
Tiếng ai bên mộ ấy,
Lững-thững dạng gần xa.

Nghe chừng trên dưới đây,
Tiếng ai còn đồng-vọng;
Hồn ai như đã về,
Hẹn nhau trong giấc mộng.

Bát-ngát khói sương sa,
Trăng sao vẻ mịt-mù :
Âm-thầm đêm vắng-vẻ,
Trời đất biết về đâu (1).

1) Bài này và bài dưới đều dịch theo thể « trường-thiên cổ-thi ».

Aux paysans

Aux voix qui vous diront la ville et ses merveilles,
N'ouvrez pas votre cœur, paysans, mes amis
A l'appel des cités, n'ouvrez pas vos oreilles:
Elles donnent, hélas ! moins qu'elles n'ont promis.

La cité pour son peuple en vain se dit féconde ;
Le pain de ses enfants est plus amer que doux.
Sous un luxe qui ment, tel rit aux yeux du monde,
Qui tout bas porte envie au dernier d'entre vous.

Paisibles et contents, la tâche terminée,
A votre cher foyer vous rentrez chaque soir,
Combien de citadins, au bout de leur journée,
Ne rapportent chez eux qu'un morne désespoir !

A vos champs, à vos bois, demeurez donc fidèles ;
Aimez vos doux vallons, aimez votre métier :
Auguste est le travail de vos mains paternelles ;
C'est de votre sueur que vit le monde entier.

AUTRAN
(*La vie rurale*)

Nhắn bạn nhà quê

Cảnh-vật phồn-ba cảnh rối tung,
Áo quần xe ngựa nói sao cùng ;
Bà con nhà quê ai đó tá ?
Xin đừng loè mắt chớ mê lòng.

Cuộc đời phú-quí tựa phù-vân,
Mưu sinh doanh thực càng nhọc-nhằn;
Phấn son rực-rỡ văn-minh rởm,
Khiến người ai nấy đều mê dần.

Ngày chiều việc xong lòng được an,
Nhà tranh vách đất vẫn thanh-nhàn;
Chẳng hơn đài-các khách thành-thị,
Biết bao thất-vọng buồn chan-chan !

Vườn rộng chung-quanh đất nước nhà,
Cày sâu cuốc bẫm giữ nghề xưa ;
Nước mắt mồ-hôi cũng chớ ngại,
No ấm bao nhiêu kẻ được nhờ.

ĐÔNG-HỒ *dịch*

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Một nước cải-lương mới ở Á-châu : nước Afghanistan (A-phú-hãn). — *Mới rồi các báo Tây đều thuật tường về việc vua* Amanullah *nước* Afghanistan *(Tàu dịch là A-phú-hãn, là một nước nhỏ về Tây-bắc Ấn-độ) đi du-lịch các kinh-đô lớn Âu-châu. Cuộc du-lịch này có ý-nghĩa về ngoại-giao, không phải một cuộc đi chơi thường. Vua* Amanullah *dời nơi cao nguyên nước* Afghanistan *mà sang chơi các kinh-đô Âu-châu, đó là cái chứng-cớ hiển-nhiên rằng nước ấy đã chiếm được địa-vị trên trường ngoại-giao thế-giới. Chiếm được địa-vị đây nghĩa là được liệt-quốc thừa-nhận cho nước* Afghanistan *là một nước độc-lập vậy.*

Mấy năm gần đây, suốt châu Á đâu đâu cũng khởi lên cái phong-trào quốc-gia, lấy một người hay một chủ-nghĩa trong mà kết-tinh các sức mạnh tản-mạn dân-tộc. Cái công-phu kết-tinh đó, đã thấy thi-hành được thành-hiệu ở Nhật-bản tự năm-mươi năm trước; mới đây lại thấy nước Thổ-nhĩ-kỳ nhờ được ông Mustapha Kemal *phấn-phát nổi lên, cũng ra tay chiếm được địa-vị trên trường liệt-quốc ; nay thời đến lượt nước* Afghanistan. *Nhưng mà xem ra có một cái luật nhất-định, phàm các dân các nước ấy, muốn cho phấn chấn lên được, thời hết thảy đều phải gia-công gắng sức chỉnh-lý lại việc nước trước đã phải tự « cải-lương » đã, rồi mới tấn-tới được. Có người Tây đã nói rằng : Các nước Á-châu muốn sinh-tồn phát-đạt được ở đời này, thời dường như phải bỏ hết cái thói cũ Á-châu đi* (se « désasiatiser ») *mà quả-quyết thay đổi theo lối mới. Chỉ những dân-tộc nào có nghị-lực cương-cường mới có thể tự cải-lương được như thế.*

Xem ra ở Á-châu ngày nay nhiều nơi đã xuất-hiện ra được những tay lỗi-lạc, biết căn-cứ ở cái lòng nguyện-vọng chung trong dân-tộc mà quả-quyết đứng lên cải-cách các chế-độ trong nước mình cho hợp với thể-thức văn-minh đời nay, tức là khiến cho dân mình nước mình đủ tư-cách sinh-hoạt được trong thế-giới bây giờ. Ai cũng đã biết cái công ông Mustapha Kémal *cải-tạo nước Thổ-nhĩ-kỳ. Ít người biết công-nghiệp của vua Ba-tư* Shah Riza, *chúa Ả-rập* Ibn Séoud, *hay vua* Amanullah *nước* A-phú-hãn. *Nay xét công-nghiệp của bấy nhiêu người đều thấy có cái chí khẳng-khái muốn cho nước mình được thoát-li quyền chuyên-chế của ngoại-quốc.*

Như về phần vua Amanullah *thời thi-hành cho được cái chí đó thật không phải dễ. Cứ địa-lý và lịch-sử thời xứ* Afghanistan *khác nào như một cái « đường ngõ cho các dân-tộc gặp nhau mà ảnh-hưởng lẫn nhau »* (un couloir de peuples et d'influences). *Tức như về địa-lý chính-trị gọi là một « nước hoãn-xung »* (Etat tampon) *đứng chơ ở giữa hai cường-quốc hầm-hè nhau, một bên là Anh (ở Ấn-độ), một bên là Nga. Về thế-kỷ thứ 18, người A-phú-hãn cũng đã có phen muốn chiếm thành* Delhi *và đất Ấn-độ ; nhưng khi Công-ti Ấn-độ đến chiếm-linh đất Ấn-độ thì đánh đuổi người A-phú-hãn đi. Thế-lực*

người Anh ở Ấn-độ đã vững, bấy giờ lại sinh ra cái mưu muốn kiêm-tính cả đất A-phú-hãn nữa ; mấy trận đánh năm 1839-1842 và 1878-1880 khiến cho nước Anh tuy không công-nhiên ra mặt mà thực là đặt quyền bảo-hộ nước A-phú-hãn. Sau cuộc Âu-chiến năm 1914-1918, bấy giờ cái phong-trào quốc-gia đương thịnh-hành khắp thế-giới, vua AMANULLAH *năm 1919 mới lên kế ngôi cho vua cha mới bị ám-sát, bèn ra tay bài-trừ hết những đồ-đảng người Anh trú-ngụ ở kinh-đô* Kaboul *để âm-mưu việc kiêm-tính. Công vua cũng như công ông* MUSTAPHA KEMAL, *thật đã thoát-li được cho nước khỏi cái ách người Anh. Nhưng thế cũng chưa đủ, vì muốn cho bảo-tồn được hoàn-toàn lãnh-thổ, tất phải cải-cách cho thành một nước mới hợp cách văn-minh. Bấy giờ phái thủ-cựu trong nước mới nổi lên phản-đối. Vua phải ra tay dẹp cho yên các mối nội-loạn, rồi nhờ những tay chuyên môn cố-vấn ngoại-quốc thực-hành một cái đại-chương-trình cải-tạo các cơ-quan trong nước theo phương-pháp khoa-học của Thái-Tây.*

Lại còn một việc khó nữa, là nhân cái địa-vị nước A-phú-hãn làm một nước « hoãn-xung » ở giữa hai nước Anh và Nga, như trên kia đã nói, phải làm thế nào cho đừng bị hai bên đè-nén mà phải thiên về bên nào. Thiên về Nga ư ? Hay là thiên về Anh ? Khó nghĩ thay ! Vì Nga từ khi cách-mệnh lại có ý hoạt-động ở mặt Đông-phương lắm, hiện ở ngay giáp-giới A-phú-hãn Nga đã đặt các dân-tộc như rợ Turkmènes, *rợ* Uzbec, *rợ* Tadjik, *rợ* Karakirghiz, *thành những nước cộng-hòa để làm vây cánh. Nga lại vẫn hết sức tuyên-truyền cộng-sản, muốn lợi-dụng cái « đường ngõ » A-phú-hãn để sai người sang cổ-động cách-mệnh ở Ấn-độ. Tuy năm 1926 nước A-phú-hãn đã ký điều-ước trung-lập nhưng chính-phủ Anh vẫn lấy thế làm không bằng lòng, đã đôi phen dọa nạt. Bởi thế nên vua* AMANULLAH *muốn mở rộng đường giao-thiệp với liệt-cường, để củng-cố quyền tự-do độc-lập của nước mình. Cái chính-sách ngoại-giao của nước A-phú-hãn ngày nay là nhất-thiết trung-lập, không thiên về Anh mà cũng không thiên về Nga.*

Nay vua đi du-lịch các nước Âu-châu, đến các kinh-đô lớn : Ba-lê, Bá-lâm, Luân-đôn, La-mã, đâu đâu cũng được chính-phủ và cả nhân-dân hoan-nghênh lắm. Như trên kia đã nói, cuộc du-lịch này không phải là cuộc đi chơi phiếm, thật là một cuộc tuyên-bố cho thế-giới biết rằng trên bản-đồ Á-châu mới xuất-hiện ra một nước tự-do độc-lập mới vậy.

Việc giao-thiệp nước Anh và nước Ai-cập. — *Nước Anh lại mới xung-đột với đảng quốc-gia Ai cập về việc đảng ấy cố yêu-cầu cho Ai-cập được hoàn-toàn độc-lập. Nguyên Chính-phủ Anh với Chính-phủ Ai-cập đương thương-thuyết ký một cái ước đồng-minh hai nước với nhau, nhân bản dự-án điều-ước ấy đem công-bố ra, đảng quốc-gia nổi lên phản-đối : Không những Tổng-lý Nội-các là* SARWAT PACHA *xin từ chức để biểu-ý không chịu cái trách-nhiệm nhân điều-ước ấy, lại thêm bọn học-sinh cùng các đảng phản-kháng nước Anh ra vận-động ở đường phố nữa. Thành ra lại bày ra cái tình trạng xung-đột ác cảm như mấy năm trước.*

Vậy thời nội-dung điều-ước ấy thế nào mà đảng quốc-gia Ai-cập phản-đối kịch-liệt như thế ? Điều-ước do Ngoại-tướng Anh CHAMBERLAIN *thảo, là điều-ước đồng-minh mà nước Anh giữ quyền bảo hộ cho Ai-cập. Trong điều-ước kiêm cả hai phương-diện vừa công vừa thủ* (traité offensif et défensif). *Trước hết chính-phủ Luân-đôn tuyên-bố rằng nước Anh cứ giữ quân-đội ở*

Ai-cập trong một hạn mười năm nữa, ngoài hạn ấy, có còn đóng quân nữa hay không, nếu hai bên điều-đình không xong thời sẽ đem ra Hội Vạn-quốc giải-quyết. Thuộc về đất Soudan *thì Anh coi là thuộc-địa của Anh-đế-quốc, chứ không nhận cho là đất của Ai-cập, lấy cớ việc ám-sát tổng-binh Anh* (le sirdar) *năm nọ mà quyết-định như thế: Chính-phủ Anh lợi-dụng việc ám-sát ấy kể cũng đến nơi vậy. Đất* Soudan *là ở về thượng-lưu sông Ni-la, mà nước Ai-cập là sống về nước sông Ni la có tràn ra mới cấy-cấy được. Vậy thời giữ đất* Soudan *là giữ nơi then-chốt sống chết của Ai-cập, vì nếu ở thượng-lưu chắn không cho nước tràn xuống hạ-lưu thì Ai-cập phải hạn-hán mà chết đói. Trong điều-ước vẫn có định cách đảm-bảo cho Ai-cập cái quyền tự-do hưởng-dụng nước sông Ni-la, nhưng mà cách đảm bảo ấy có chắc bằng vào đâu? Lâm-thời hai nước có điều cạnh-tranh với nhau thì sự đảm-bảo ấy phỏng còn có giá-trị gì nữa? — Tuy vậy, bản dự-án điều-ước cũng có điều lợi cho Ai-cập: như vấn-đề trị-ngoại-pháp-quyền và các tòa án lãnh-sự, đảng quốc-gia thiết-tha yêu-cầu đã lâu, trong điều-ước công-nhiên thừa nhận; lại Ai cập được quyền tổ-chức quân-đội độc-lập đối với quân đội Anh. — Ngoại-giả, Chính-phủ Anh lại thêm một điều nói rằng khi nước Anh có việc chiến-tranh với một nước nào ngoài thì Ai-cập phải cam-đoan hết sức giúp cho Anh trong bản-hạt của mình, tức là nói về vấn-đề phòng-bị bảo thủ sông vận-hà* Suez *vậy.*

Đảng quốc-gia khi được biết bản dự-án điều-ước ấy, liền nổi lên công-kích dữ lắm, nói rằng nước Anh đánh lừa Ai-cập, và vấn-đề Ai-cập độc lập thế vẫn là không giải-quyết xong, vì nước Anh trong mười năm nữa vẫn còn đóng quân ở Ai-cập, và hết hạn mười năm tuy nói rằng đem ra Hội Vạn-quốc quyết-nghị, nhưng thực rồi nước Anh vận-động thế nào vẫn được phần hơn. Chắc Nội-các SARWAT PACHA *cũng nghĩ như thế, nên mới xin từ chức, không muốn chịu trách-nhiệm thương-thuyết với chính-phủ Anh về việc này. Thành ra việc giao-thiệp nước Anh với Ai-cập lại phục hồi cái tình-trạng khó-khăn năm* 1922, *hồi lãnh-tụ đảng Quốc-gia là* ZAHLUL PACHA *hãy còn sống, nghĩa là từ bấy đến nay không có tấn-tới được chút nào. — Theo chế-độ đại-nghị thời Nội-các đã từ chức, đảng đa-số ở nghị-viện phải lên cầm quyền. Đảng đa-số ở nghị-viện Ai-cập hiện nay là đảng quốc-gia, đảng* Wafd, *mà lãnh-tụ thay* ZAGLUL PACHA *bây giờ là* NAHAS PACHA NAHAS PACHA *đã phải ra nhận tổ-chức Nội-các mới, không biết Nội-các mới này xử-trí ra thế nào? Thật cũng khó lắm. Nếu châm-chước với Anh thì mất lòng quốc-dân, mà nếu chiều lòng quốc-dân thì tất phải xung-đột với Anh. Về phần Anh thì chỉ chực có chuyện xung-đột là lấy cớ để dùng võ lực. Hiện chính-phủ Anh đã tuyên-bố rằng: « Nếu Nghị-viện Ai-cập quyết-nghị điều gì để giảm quyền các quan-tư có trách-nhiệm giữ trị an trong bản-xứ mà lỡ xảy ra việc gì rối loạn, thì nước Anh sẽ phải định kế-hoạch để bảo-hộ cho sinh-mệnh tài-sản của người ngoại quốc kiều-cư ở Ai-cập ». Thế nghĩa là nếu xảy ra sự gì thì nước Anh sẽ để binh sang mà ra tay trừng-trị đó. Đảng quốc-gia Ai-cập chắc cũng đã hiểu cái dã-tâm đó rồi, và biết rằng sự bạo-động quyết không có lợi cho mình, chỉ đủ tăng thêm cái thế-lực, cái địa-vị của người Anh ở nước mình mà thôi. Nay tình-thế hai bên đã như thế thì không biết giải-quyết ra thế nào. Dù thế nào nữa, có điều chắc là chửa phải ngày nay hay ngày mai mà người Anh đã chịu bỏ đất Ai-cập mà đi vậy.*

Tình-hình Ấn-độ. — Nhân cái tình-trạng khủng-hoảng về chính-trị ở Ấn-độ, Nghị-viện Anh có cử một hội uỷ-viên thân sang Ấn-độ để điều-tra các việc và dự-thảo một bản hiến-pháp cho Ấn-độ. Hội ủy-viên ấy có ông nghị-viên SIR JOHN SIMON đứng đầu. Đầu năm nay phái-bộ tới Ấn-độ, bị người Ấn-độ biểu ác-cảm. Học-sinh ở *Calculta* và ở *Bombay* nổi lên bạo-động; cảnh sát bắn, có người chết. Đảng quốc-gia thì tuyên-bố tổng-bãi-công, lại tuyên-bố rằng phái-bộ đi đến tỉnh nào thì tỉnh ấy liền phải thi-hành bãi-công để biểu ác-cảm. Cứ như các báo Anh nói thì những sự vận-động ấy là vô-hiệu trong dân-gian cả, bọn lãnh-tụ có xướng lên, mà người dân không ai theo. Vả đa-số trong dân-gian cũng chẳng hiểu đầu đuôi những chuyện ấy là gì; như bọn buôn-bán nhỏ ở các tỉnh là phần nhiều hơn cả, thì thấy nay phải đóng cửa, mai phải đóng cửa, đã lấy làm phiền lắm. Những hạng ấy chắc là không ưa bạo-động rồi. Nhưng có một hạng tri-thức tuy số ít mà hoạt-động lắm; chính bọn này chủ-trương việc phản-đối người Anh và đề-chế phái-bộ SIMON. — SIR JOHN SIMON đã tìm cách châm-chước với họ. Xem ra người Ấn-độ không bằng lòng là vì lẽ trong hội ủy-viên không có người Ấn-độ nào. Người Anh thì nói rằng hội uỷ-viên là do Nghị-viện Anh cử sang, ở Nghị-viện Anh không có người Ấn-độ thì ở uỷ-hội cũng không có người Ấn-độ là lẽ tự-nhiên. Song muốn chiều lòng người Ấn-độ, ông SIMON đã bàn xin Hội-nghị Lập-pháp Ấn-độ cũng cử lấy một hội uỷ-viên bằng số với hội uỷ-viên Anh, để hai bên cùng hiệp-lực nhau mà điều-tra. bên uỷ-viên Anh sẽ hứa không làm việc gì không bàn với uỷ-viên Ấn-độ. Tuy vậy mà người Ấn-độ vẫn chưa bằng lòng, cho là lời bàn ấy chậm quá và phần nhiều định cứ để-chế phái-bộ Anh. Khi ấy thì Tổng-đốc Anh ở Ấn-độ đọc một bài diễn-thuyết thóa-mạ bọn chính-khách Ấn-độ làm ngăn-trở công-việc của phái-bộ, bài diễn-thuyết ấy lại càng làm cho người Ấn-độ thêm tức-giận.

Kịp đến ngày 18 tháng 2, Hội Lập-pháp ở *Delhi* họp để bàn xem có nên hiệp-lực với phái-bộ SIMON không. Giữa hôm khai-hội, ở Luân-đôn LORD BIRKENHEAD vừa diễn-thuyết nói rằng cứ hiến-pháp hiện-hành thì phái-bộ của Nghị-viện Anh cử sang Ấn-độ có toàn-quyền hành-động, dù người Ấn-độ tham-dự hay không tham-dự mặc lòng. LORD BIRKENHEAD là một nhà chính-trị có thế-lực, được các đảng suy-tôn là người thông-thuộc hiến-pháp lắm, lời nói rất có giá-trị. Bài diễn-thuyết của ông truyền sang Ấn-độ lại như đổ dầu thêm vào lửa. Lãnh-tụ đảng Lập-hiến (*Congress Party*) ở Hội-nghị Lập pháp Ấn-độ liền diễn-thuyết đối lại, đòi cho Ấn-độ được hoàn-toàn độc-lập và nói người Ấn-độ không cần phải nhờ người Anh mới lập nổi hiến-pháp. Ở hội-nghị bấy giờ phái Hồi-giáo nổi lên công-kích phái Ấn-độ kịch-liệt lắm. Đại-biểu các hạ-đẳng-giai-cấp thường bị phái Ấn-độ chuyên-chế, cũng đồng-thanh tỏ lòng muốn hiệp-lực với người Anh. Khi bỏ vé thời được 68 vé phản-đối, 62 vé tán-thuận. Một người nhà báo Ấn-độ bấy giờ nắm lấy cái va-li ở cạnh mình đánh SIR BASIL BLACKETT là người Anh có chân hội-nghị. Khi bị bắt thời người ấy nói rằng đó là cách trả lời bài diễn-thuyết của LORD BIRKENHEAD đó.

Có điều lạ là các chính-đảng ở Anh, kể cả đảng Lao động (*Labour Party*), đều đồng-ý cho cái cách cử phái-bộ toàn người Anh không có người Ấn-độ là hợp phép, là chánh-đáng. Vả lại

phái phản-đối với phái hiệp-lực ở Hội-nghị Lập-pháp Ấn-độ một bên 68 vé một bên 62 vé, chênh nhau không bao, hội-đồng cũng đủ mà hành-động được không khó gì. Vả nhiều người trong phái phản-đối có lẽ rồi cũng nhờ đại-biểu đảng lao-động mà biểu ý-kiến ở ngay Nghị-viện Anh, như thế thời ý-kiến các phái cũng là bày tỏ ra được hết. Vậy thời việc phản-đối này rút lại cũng không ngăn-trở gì cho công việc của hội ủy-viên điều-tra.

Duy có một cái hiểm-tượng, là sự xung-đột phái Hồi-giáo với phái Ấn-độ. Phái Hồi-giáo thống-trách phái Ấn-độ là muốn ngăn-trở công việc của Hội-đồng để cho hiến-pháp không thành, vì sợ hiến-pháp sẽ bảo-bộ cho Hồi-dân và cho Hồi-dân được quyền-lợi xứng-đáng. Hai bên ác-cảm nhau dữ lắm. Phái Hồi-giáo ác-cảm với phái Ấn-độ, phái Ấn-độ ác-cảm với phái Hồi-giáo, đảng Quốc-gia ác-cảm với Chính-phủ Anh, trong cái không-khí những ác-cảm là ác-cảm như thế, thì không biết phái-bộ điều-tra làm sao mà thảo hiến-pháp cho được.

Tuy-nhiên ai cũng công-nhận rằng các ủy-viên Anh đại-biểu cho khắp các chính-đảng ở Nghị-viện, toàn là những người xứng-đáng và những tay khôn-khéo cả. Chánh-ủy-viên là SIR JOHN SIMON và Tổng-đốc Ấn-độ LORD BURNHAM cũng là những tay chính-trị lão-luyện cả, có lẽ cũng điều-đình êm được một kỳ-hạn mươi lăm năm nữa, không đến nỗi hai bên quyết-liệt. Song đó cũng là cách tạm-thời mà thôi. Vấn-đề Ấn-độ còn lâu chưa giải-quyết xong vậy.

Việc Nhật bản. — Như trong «Thời-đàm» kỳ trước đã nói, cuộc tổng-tuyển-cử ở Nhật-bản đã xong từ ngày thứ hai 20 tháng hai và kết-quả đã tuyên-bố rồi, thật là không lợi cho Nội-các bảo-thủ của Nam-tước TANAKA. Chúng-nghị-viện trước bị giải-tán là vì đảng chính-phủ là đảng *Seiyukai* (Chính-hữu) được có 190 ghế thôi, còn phe phản-đối họp lại thành một đảng mới là đảng *Minseito* (Dân-chủ) thời được 220 ghế, mà các đảng trung-lập vụn-vặt khác thời được cả thảy chừng 50 ghế, thành ra phần đa-số ở Nghị-viện chỉ nhờ vào mấy đảng nhỏ đó về với bên nào thì bên ấy được phần hơn. Trước khi tuyển cử vẫn mong rằng kỳ này mới thi-hành lối phổ-thông-đầu-phiếu, số người bỏ vé trước có ba triệu nay sẽ tăng lên tới ngót mười triệu, thời cái tình-hình chính-trị sẽ tỏ ra phân-minh hơn trước, phái bảo-thủ hay phái tự do bên nào được phần hơn thời sẽ quyết được rõ. Té ra kết-quả vẫn sâm-si như trước. Đảng *Seiyukai* tuy được số vé của dân nhà quê nhiều, vậy mà chỉ hơn trước được có 31 ghế: trước 190 ghế, nay được 221 ghế, mà số nghị-viên cả thảy là 466, thành ra cũng không chiếm được phần đa-số. Mà đảng phản-đối *Minseito* thời được 214 ghế, cũng suýt-soát với đảng chính-phủ; rút lại sau khi tuyển-cử cũng như trước khi tuyển-cử, quyền trọng-tài vẫn ở mấy đảng lặt-vặt (đảng độc-lập 15 ghế, đảng *Kakuchin* 4 ghế, đảng *Jitsudo* 4 ghế, đảng Lao-động 8 ghế), tùy theo về bên chính-phủ hay bên phản-đối thì bên ấy được phần hơn. Tình-hình như thế, thời Nội-các TANAKA là Nội-các bảo-thủ, quen dùng quyền-lực mà cai-trị, chắc là khó cầm quyền lắm; mà đảng tự-do cho dẫu có tổ-chức Nội-các khác lên thay cũng đến như thế. Nước Nhật mới thi-nghiệm lối phổ-thông-đầu-phiếu lần này là lần đầu, thật là không lợi, và cái tình-hình nội-chính vẫn còn bối-rối như trước. — Báo *Times* ở Luân-đôn nói rằng Nam-tước TANAKA được các nhà chính-trị có thế-lực trong nước tả-dẫn mạnh lắm đã

giúp cho cầm quyền được bấy lâu không cần phải tựa vào một đảng đa-số ở Nghị-viện. Nay Nội-các của ông còn hay đổ, các nhà chính-trị ấy chắc cũng không cho cuộc tuyển-cử là có quan-hệ gì to đến cái chính-sách của họ, vì chính bọn họ mới thật là tay chủ-trương chính-trị ở nước Nhật, chứ không phải là Nghị-viện vậy.

Ngày 23 tháng 4 ở Đông-kinh, Quốc-hội Nhật đã khai cuộc đặc-biệt hội-nghị do Nhật-hoàng thân-lâm cử-hành lễ khai-mạc. Phái phản-đối Nội-các, gọi là phái « phản-cán-bộ » định sau khi quốc-hội đã thông-quá cái án dự-toán về việc « gia-miện đại-điển » (lễ đăng-quang của Nhật-hoàng), ngày 27 tháng 4 sẽ đề-khởi cái án không tín-nhiệm Nội-các. Hiện phái « cán-bộ », là phái giúp chính-phủ, cùng phái « phản-cán-bộ » đương hết sức cổ-động với các nghị-viên phái « trung-lập » để tranh sự thắng-lợi sau này. — Có tin đảng *Seiyukai* (Chính-hữu-hội) là thuộc về phái « cán-bộ », họp hội-nghị định rằng nếu phái « phản-cán-bộ » quả không tín-nhiệm Chính-phủ thì sẽ lập-tức giải-tán Quốc-hội.

Nói tóm lại, tình-hình chính-trị ở Nhật-bản sau cuộc tổng-tuyển-cử vẫn còn phân-vân lắm.

Thời-cục nước Tàu. — Nam-quân từ khi tiến đến Tế-nam, bị quân Nhật can-thiệp, làm lắm điều uy-hiếp, không cho Nam-quân kéo qua Tế-nam tiến lên đánh Bắc-kinh, ai cũng tưởng rằng cuộc Bắc-phạt phải đến dở-dang. Nhưng dân-khí người Tàu hồi này cũng hăng-hái lắm, đối với cái án ở Tế-nam người Nhật giết Thái Công-Thời, ai ai cũng tức-giận, các nơi đều mở cuộc truy-điệu, ở Quảng-châu thì lập ra nhiều đoàn-thể để tuyệt-giao kinh-tế với Nhật; các học-sinh Thượng-hải thì tuyên-truyền phản Nhật; các công-nhân ở Giao-Tế thì tổng bãi-công để phản-đối Nhật. Đương lúc ấy hội Quốc-tế-liên-minh tiếp được nhiều điện-văn phản Nhật của các đoàn-thể dân-chúng Trung-hoa. Nam-kinh chính-phủ thì nghiêm-trọng giao-thiệp trả lời phản-kháng tờ giác-thư của Nhật. Ngoài ra chính-phủ Quốc-dân lại điện cho các yếu-nhân ở ngoại-quốc, như Ngũ Triều-Khu, Vương Sủng-Huệ, Hồ Hán-Dân, Tôn Khoa chia nhau đi khắp các nước Âu Mĩ, sẽ tuyên-bố cái chân-tướng việc Tế-nam cho các nước trên thế-giới biết, để cầu lời bình-phán công-chính của thế-giới.

Chính-phủ quốc-dân đối-phó với Nhật một cách cẩn-thận như thế, chớ không có khiêu-hấn với Nhật. Người Nhật biết rằng cũng khó lấy võ-lực mà áp-chế được, nên cũng phải bớt dần.

Tuy-nhiên Tưởng Giới-Thạch sau cũng phải dung-nạp năm điều-kiện của tướng Nhật Phúc-Điền:

1° Bằng lòng cách chức Hạ Diệu-Tổ;

2° Ngoài 20 dặm thành Tế-nam và đường Giao-Tế không đóng quân Trung-hoa nữa;

3° Giao trả những khí-giới và quân lính bị bắt;

4° Cho quân Trung-hoa ở trong thành được rút ra một cách yên-ổn;

5° Không cho đội tiện-y lẻn vào thành Tế-nam.

Tưởng mà dung-nạp như thế, cũng nhiều người phản-đối. Nhưng Tưởng muốn nhường-nhịn để cho tướng Phúc-Điền đình-chỉ hành-động về quân-sự, mà cho Nam-quân được qua thành Tế-nam lên đánh Bắc-kinh cho chóng thành cuộc thống-nhất, rồi cả nước sẽ đoàn-kết lực-lượng lại để đối-phó với ngoài.

Nam-quân từ đó cứ kéo tràn mãi lên Bắc-kinh, thắng-lợi suốt dọc đường hỏa-xa từ Bắc-kinh đến Hán-khẩu, quân Phụng-thiên phải bỏ Bảo-định-phủ mà chạy. Quả-nhiên chưa đến đoan-dương, quân Sơn-tây đã vào được Bắc-kinh rồi.

Trước khi Bắc-kinh sắp nguy, Trương Tác-Lâm đã dự-bị bỏ Bắc-kinh về Phụng-thiên, không ngờ khi về đến gần Phụng-thiên thì bị tạc-đạn chết, Ngô Tuấn-Thăng là tướng ở Phụng-thiên đi đón Trương cũng bị chết; Phan Phục và Trương Sủng-Huệ thì bị thương. Việc tạc-đạn này người ngoại-quốc và người Tàu ai cũng ngờ là người Nhật làm ra.

Xem thế thì cuộc Bắc-phạt đã toàn-thắng rồi, chính-phủ Nam-kinh đã cử Diêm Tích-Sơn vào tiếp-thụ lấy chính-quyền Bắc-kinh, đã đổi Bắc-kinh gọi là Bắc-bình. Hồi này nước Tàu có thể thống-nhất được chăng? Vấn-đề ấy cũng khó giải-quyết ngay được. Cái nguyên-nhân ngăn-trở cuộc thống-nhất của người Tàu: một là cái nguyên-nhân ở ngoài, hai là cái nguyên-nhân ở trong.

Nguyên-nhân ở ngoài thì các nước mà nhất là nước Nhật bây giờ cũng đã biết rằng đối với Tàu không thể dùng cái thủ-đoạn dọa-nạt như trước được nữa, mà nước Mĩ thì đã công-nhận chánh-phủ Nam-kinh, thế là đối với ngoài cũng không lo gì mấy nữa. Còn ở trong thì đã trừ gần hết đảng quân-phiệt, chỉ còn cách xử-trí trong ba người Bắc-phạt nguyên-huân là Tưởng Giới-Thạch, Diêm Tích-Sơn, Phùng Ngọc-Tường sao cho bằng lòng. Song Tưởng là người khôn-ngoan cao-thượng, thấy Phùng có ý bất-bình với Diêm, muốn tranh lấy Thiên-tân thì Tưởng quyết-nhiên từ-chức. Còn Diêm thì cũng là người ôn-hòa chắc không vì việc tranh-chiếm địa-bàn mà làm ngăn-trở việc thống-nhất. Duy có Phùng vẫn là người gian-tham, trước đã lừa bắt Tào Côn, phản Ngô Bội-phu, nếu không khu-xử được Phùng, thì cuộc thống-nhất cũng còn dở-dang. Song Phùng cũng không phải nguy-đại gì mà làm ngăn-trở cuộc thống-nhất. Phùng chắc cũng biết rằng hiện nay hơn bốn trăm triệu dân Tàu đã đều qui-phục về Quốc-dân-đảng, cùng hết sức mà làm cho đạt cái chủ-nghĩa «Tam-dân», cái hi-vọng Nam Bắc thống-nhất là cái hi-vọng chung của cả nước, người nào mà trái cái hi-vọng ấy thì cả nước cùng đổ xô vào mà trừ đi, chính Phùng đã đánh đổ mấy tay quân-phiệt đó, Phùng lại đại gì mà còn bắt-chước làm như thế nữa. Thế thì đối với trong cũng không ngại gì mấy nữa, nghe đâu Phùng đã rút quân ở Thiên-tân đi, mà Tưởng Giới-Thạch lại ra nhận chức Tổng-tư-lệnh để thu-thập các đạo quân mà làm cho trọn công việc cách-mệnh. Tưởng đã yêu-cầu nước Nhật rút quân ở Tế-nam đi, sứ-thần Trung-hoa ở các nước Âu-châu đã đều cheo cờ «thanh-bạch-nhật» của Quốc-dân-đảng. Hồi này dễ thường nước Tàu làm đạt tới được cái hi-vọng thống-nhất chăng? Chức tổng-thống nghe đâu muốn cử Đàm Diên-Khải là người đã đứng đầu chủ-tịch chính-trị Nam-kinh đã lâu.

Duy còn vấn-đề Mãn-châu từ khi đã tuyên-bố Trương Tác-Lâm chết rồi, thì con là Trương Học-Lương nối giữ chính-quyền, nếu hòa-hợp được với Dương Vũ-Đình thì may ra còn giữ được Mãn-châu. Nhưng nghe đâu con Ngô Tuấn-Thăng và Ngô Thái-Lai giữ ở Hắc-long không chịu phục-tùng. Mà bên ngoài thì người Nhật dòm-nom, muốn chiếm giữ lấy lợi-quyền, muốn đặt Mãn-châu làm đất độc-lập. Chưa biết sau này chính-phủ quốc-dân sẽ xử-trí việc Mãn-châu ra làm sao, có thu-phục được Mãn-châu không? Hay là lọt về tay người Nhật mất?

Việc trong nước

Ai làm Toàn quyền Đông-Pháp? — *Quan Toàn-quyền* VARENNE *đã hoàn chức từ đầu năm. Bấy giờ bên Pháp đương bận về việc dự-bị cuộc tổng-tuyển-cử Nghị-viện, nên Chính-phủ không cử quan Toàn-quyền mới vội. Chức Toàn-quyền giao quan Phó* MONGUILLOT *bên này quyền-lĩnh. Vẫn tưởng rằng việc tuyển-cử xong thời sẽ biết ai sang làm Toàn-quyền bên này. Vậy mà việc tuyển-cử đã xong từ cuối tháng 4, tới nay vẫn chưa biết đích là ai cả. Có lẽ vì bên Pháp còn bận nhiều việc quan-trọng hơn, như việc chấn-chỉnh tài-chính, định giá tiền-tệ, nên chưa kịp nghĩ tới.*

Trong khi chờ đợi như thế thời thấy các báo bên Tây và bên này đồn nhiều tin lắm, hiện chưa có tin nào là đích cả. Theo các báo ấy thì ý quan Thủ-tướng POINCARÉ *không muốn cử chân Nghị-viên làm Toàn-quyền các thuộc-địa. Hiện có ba bậc đại-hiền ở Đông-Pháp, chưa biết quan Thủ-tướng và tòa Nội-các định chọn ngài nào : quan quyền Toàn-quyền* MONGUILLOT, *quan Thống-sứ Bắc-kỳ* ROBIN *và quan nguyên Khâm-sứ Kinh, hiện sung chức Đông-Pháp Kinh-tế-cục-trưởng ở* Paris PIERRE PASQUIER. *Ba ngài đều là những bậc am-hiểu dân-tình chính-trị bên này cả, đều là những tay xứng-đáng cả. Lại có tin rằng nhân vì tình-trạng ngoại-giao ở cõi Á-Đông mỗi ngày một khó-khăn phiền-phức, có lẽ Chính-phủ Pháp sẽ cử quan nguyên Toàn-quyền* ALBERT SARRAUT, *hiện làm Nội-vụ Thượng-thư, lĩnh chức « Thái-bình-dương đặc-sứ »* (Haut Commissaire du Pacifique), *ngang hàng với chức Thượng-thư và có quyền tổng-giám cả các thuộc-địa Pháp ở Thái-bình-dương cùng các quan lãnh-sự và Công-sứ Pháp ở Nhật, ở Tàu, ở Phi-luật-tân, Mã-lai, v.-v.. Tin ấy không biết thực hư thế nào, nhưng tổng-sứ quan* SARRAUT *có nhận chức « đặc-sứ » ấy nữa, ngài cũng không thể chuyên coi một Đông-Pháp này được, tất phải có một quan Toàn-quyền riêng ở đây, trừ chính quan* SARRAUT *nhận chức Toàn-quyền thì không kể. Nhưng quan* SARRAUT *là một bậc yếu-nhân trong Chính-phủ Pháp ngày nay, không biết ngài có thể dời nước Pháp mà sang đây được không*

Lược-thuật việc trong tháng. — *Trong tháng vừa qua, không có việc gì quan-hệ. Quan quyền Toàn-quyền cùng cả Văn-phòng vẫn ở* Dalat : Dalat *có lẽ rồi thành ra thủ-phủ Đông-Pháp trong mùa nực. Ngài có xuống Sài-gòn mấy lượt để họp hội-đồng nghiên-cứu về các vấn-đề công-thổ và vấn-đề định lại lương-bổng các quan-lại Tây. Vấn-đề công-thổ này là nhân việc cho đất ở* Kontoum *năm nọ, bên Bộ phái ủy-viên sang tra xét, rồi mới đề-khởi ra. Bộ dự-thảo một bản nghị-định, giao cho bên này bàn lại. Bởi thế nên quan Toàn-quyền mới họp hội-đồng để xét, xin sửa đổi lại nhiều điều để bênh-vực cho quyền-lợi các chủ đồn-điền.*

Ở các xứ thời bình-thường vô-sự cả, không có việc gì đáng chép. Duy ở Bắc-kỳ nay đã đến mùa nước lên, quan Thống-sứ ROBIN *chăm về việc đê-chính lắm. Ngài phái Hội-đồng Cố-vấn đi khám một lượt, rồi ngài lại thân-hành đi xét các đê đại-hà.*

Quan-trường Bắc-kỳ mới phải một sự buồn, là quan Tổng-đốc hưu-trí Lê Trung-Ngọc mới ta-thế ngày mồng 9 tháng 6 tây. Ngài là người Nam-trung, ra làm việc ngoài Bắc đã năm-mươi năm nay, trước làm thông-ngôn cho quan binh, sau làm quan trong ngạch quan-lại Bắc-kỳ đến chức Tổng-đốc

lịch-lý nhiều nơi, có tiếng là người cương-trực. Sau cùng làm bồi-thẩm tòa Thượng-thẩm. Ngài thọ được 63 tuổi.

Giới-thiệu sách mới.

1. — Sư hồ mang. *Võ-hiệp tiểu-thuyết, Hòa-cương bản-tăng dịch-thuật. — Nhật nam thư-quán xuất-bản, Giá bán : 3 hào.*

2. — Hồn quê. (*Trúc-khê tùng-văn*). *Tập văn thơ của ông Trúc-Khê* Ngô Văn-Triện. — *Trúc-Khê thư-cục*, 196 *phố Hàng Bông, Hà-nội, xuất-bản. Cuốn thứ nhất, giá : 1 hào rưỡi.*

3. — *Lịch-sử ông Kha-luân-bố đi phát-kiến châu Mĩ* (*Christophe Colomb à la découverte de l'Amérique*). Đỗ Đình-Nghiêm *lược-khảo. 34 trang In tại nhà in Lê Văn-Tân, 136 phố Hàng Bông, Hà-nội.*

Nam-Phong tùng-thư, *quyển thứ V* : Chính-trị nước Pháp, *cuốn thứ I đã xuất-bản. Bán ở Đông-kinh ấn-quán, giá 4 hào. — Cuốn thứ I nói về các cơ-quan chính-trị ; còn cuốn thứ II, nói về các cơ-quan tư-pháp và có phụ theo tự-vựng, thì đương in.*